NĂM THỨ MƯỜI SÁU • #187 • NOVEMBER 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

Y HỌC THỰC CHỨNG
NGUYỄN VĂN TUẤN

TÀI LIỆU MẬT CỦA CIA VỀ VNCH
LÂM VĨNH THẾ

SANH RỚT **HÒA ĐA**

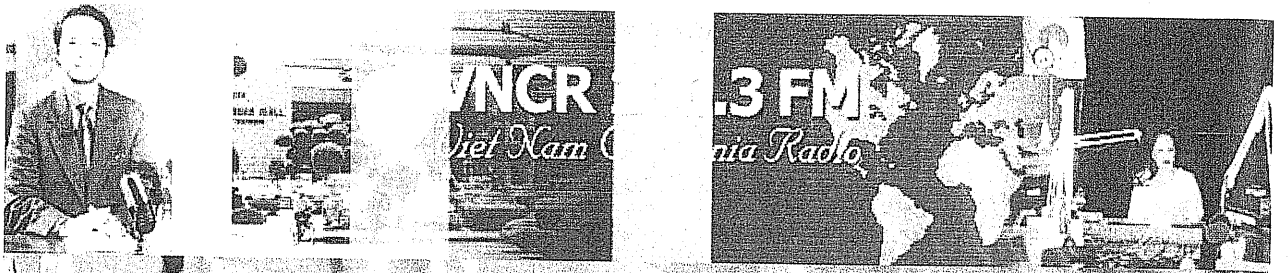

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

WindowsMedia Player 9 Series FREE

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

Đọc tin

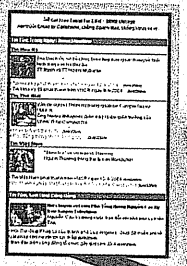

Email miễn phí

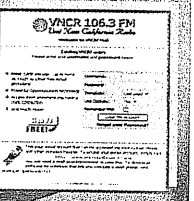

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683

Tel: (714) 585-4666 * (714) 839-8746

Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa.

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên / Full name: .....

Địa chỉ / Address: .....

.....

Phone / Fax / Email: .....

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: .....

Số tiền / Amount: .....

Muốn transfer from Bank to Bank: Từ Ngân Hàng của Độc giả tại ngoại quốc về Ngân Hàng Mỹ của Tạp Chí Thế Kỷ 21 xin dùng các mã số sau đây để chuyển tiền $US: Account Name/ tên chủ trương mục : Tap Chi The Ky 21. Ngân Hàng/ Bank of America – Westminster Branch - 8850 Bolsa Ave Westminster, CA 92683.
ABA = 122000661. Account Number = 21776 07440. Quí vị độc giả tại Canada, Pháp và Đức có thể trả bằng tiền bản xứ qua trung gian Đại diện TK 21 tại nước mình.

	1 năm / 1 year ($US)		2 năm / 2 years ($US)		Ghi chú
	2004	2005	2004	2005	
Media Mail (Book)	50.00	*50.00*	90.00	*90.00*	
Hạng nhất / First Class	64.00	*64.00*	120.00	*120.00*	
Canada	68.00	*68.00*	130.00	*130.00*	
Âu Châu / Europe	88.00	*88.00*	170.00	*170.00*	
Á Châu, Úc / Asia, Australia	98.00	*98.00*	185.00	*185.00*	

Ghi Chú: *Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005. (Effective January 1, 2005)*

Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều (Kiều)
Vậy nên đọc tác phẩm do Nam Á và Tự Lực xuất bản:

Lịch Sách Tử Vi

VẠN TOÀN

Ất Dậu 2005

Do Giáo Sư Phạm Kế Viên biên soạn

❖ **Trọn đời Nam-Nữ mạng từ 16 tới 85tuổi**

❖ **Tử Vi Tây Phương**

❖ **Âm-Dương Lịch đối chiếu**

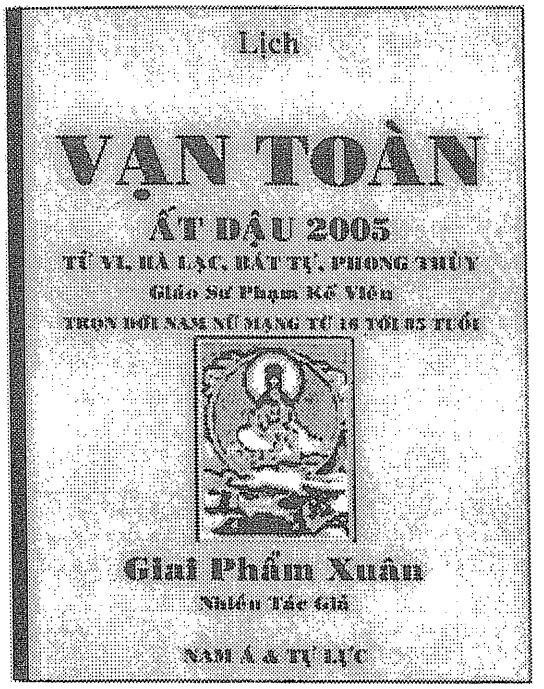

884 trang
Với hơn 200 trang

GIAI PHẨM XUÂN
Ất Dậu 2005
Của 9 tác giả lừng danh:

Nguyễn Duy Chính
Phan Nhật Nam
Nguyễn Đức Lập
Trần Trung Quân
Thái Văn Kiểm
Vũ Hoàng Chương
Tường Hùng
Duyên Anh
Hoàng Hải Thủy

- Bằng các khoa Tử Vi, Phong Thủy, Hà Lạc Bát Tự (Dịch), Giáo Sư Phạm Kế Viêm dự đoán các vận hên, hạn xui, cũng như tình trạng gia đạo, tình cảm, sức khỏe, việc làm và sự học hành con cái của quý độc giả trong suốt năm Ất Dậu 2005 từ 16 đến 85 tuổi.
- Bằng các phương pháp và kinh nghiệm của cổ nhân,Giáo sư Phạm Kế Viêm đưa ra các khuyến cáo cụ thể để có thể giảm thiểu hạn xui xẻo và tăng cường tối đa vận May Mắn. Vì không phải con người sinh ra là đành chấp nhận một định mệnh cố định.Mà ta vẫn có thể thay đổi đời mình bằng Thiện Tâm, như Tiên Điền Nguyễn Du từng viết: "*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*".

NAM Á (PARIS) và TỰ LỰC (MỸ) phát hành 5-11-2004 . Giá $25.00US

Nhà Sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St, Garden Grove CA 92843,Tel:(714)893-3456

Năm thứ 21 tại hải ngoại

Nhà sách và Xuất bản NAM Á (Paris) giới thiệu quý vị cuốn lịch bóc

TAM TÔNG MIẾU

Ất Dậu 2005

Do Thiên Đạo Cư Sĩ (Soạn theo Vạn Niên Lịch, Trung Hoa)

- Đầy đủ ngày Trai Kỳ, Kỵ Vía (Tam Giáo).
- Ngày kỷ niệm các danh nhân, anh hùng Việt Nam.

Có những đổi mới về hình thức:

- Khổ lịch lớn gấp đôi (12cm x 20cm) giấy mỏng nhẹ

Với bù long để xiết vào carton khỏi rơi sút

Nam Á phát hành ngày 5-11-2004, Giá bán như cũ: $8 USD

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

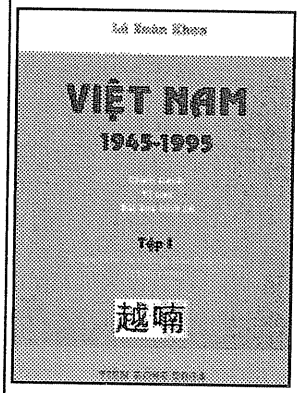

VIỆT NAM 1945- 1995. Tập I
LÊ XUÂN KHOA
Một tập sách lịch sử viết một cách khách quan và khoa học, với ý nguyện của tác giả là đưa ra các bài học của lịch sử Việt Nam cận đại cho các thế hệ sắp tới, hầu tránh được những đau thương mà dân tộc Việt Nam đã gánh chịu quá nhiều trong thế kỷ 20. Trong tập I này, tác giả trình bày cuộc tị nạn năm 1954 và bài học của bốn cuộc chiến từ 1945 đến 1979 (giữa Việt Nam và Pháp, Nam Bắc Việt Nam, với Campuchia và với Trung Quốc). **Giá 25 Mỹ kim.**

Thập Đại Mỹ Nhân
VÕ TẮC THIÊN
DÃ LĨNH Y NHÂN, bản dịch của **ÔNG VĂN TÙNG**
Cuộc đời được tiểu thuyết hóa của Võ Tắc Thiên, một người đàn bà xinh đẹp lạ thường, mà độc ác như rắn rết, dâm đãng ít ai bằng, nhưng đồng thời cũng là một nữ hoàng hiền thánh khai minh. "Bạo chúa chăng? Minh quân chăng? Nữ hoàng phong lưu chăng? Mặc ai chê trách, mặc ai khen!" Đó là lời kết của bộ lịch sử tiểu thuyết này. Trọn bộ hai quyển, ngót 2000 trang, **giá 48 Mỹ kim.**

TRÁI ĐẮNG NGỌT NGÀO
NGUYÊN KHÔI
Tập sách gồm 13 truyện ngắn của nhà văn Nguyên Khôi, tên thật là Tống Châu Khôi, nguyên là sĩ quan Nha Quân Pháp thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hòa, tác giả của nhiều tập thơ, truyện đã xuất bản. Ông có tài mô tả nhân vật linh động, phân tích tâm lý sâu sắc, giải quyết những gút thắt một cách hợp lý, tự nhiên, và đặc biệt có một văn phong rất chân thành, như thổi những ngọn lửa của trái tim ông vào từng câu văn. **Giá 12 Mỹ kim.**

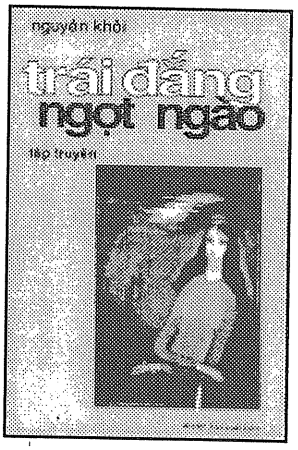

BỐC DỊCH TRONG VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG
PHẠM VĂN SINH
Một cuốn sách nghiên cứu về những khả năng dự báo những điều chưa tới, dựa trên Kinh Dịch. Nghiên cứu cho thấy Kinh Dịch không phải là sách bói toán, trái lại là sách triết học trình bày những nguyên lý biến và bất biến của vũ trụ, nhân sinh. Trong mọi sự vật đều ẩn tàng nguyên lý âm dương, nếu phát triển được các biến thái của nó thì sẽ tiên đoán được các chuyển vận...**Giá 15 Mỹ kim.**

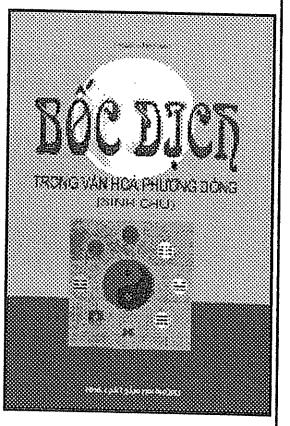

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

– Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
– Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
– Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
– Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
– Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
– Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.
* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).
Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)
– Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
– Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
– Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
– Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOẠI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hăm không nổi
- Viêm nhiếp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:

12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn không tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi. Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu quí vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.

Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì dâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thư khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầy vọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tỉ mỉ giải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cảm ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt Phạm Phú Thiện Giao, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: tranh của **Minh Ngân Nguyễn**, đoạt Giải Nhất, Nhóm 3 (lứa tuổi từ 10 đến 12), trong cuộc Thi Vẽ Thiếu Nhi do báo Người Việt, đài phát thanh VNCR và Hội VAALA tổ chức tại Nam California dịp Tết Trung Thu vừa qua.
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Phạm Phú Minh**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 187 – Tháng Mười Một 2004

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
9. Họ nghiên cứu dư luận như thế nào? – **Ngô Nhân Dụng**
14. Nước Mỹ nghả thêm về bảo thủ – **Cổ Lũy**
20. Cuộc bầu cử Tổng Thống tại Afghanistan – **Đinh Xuân Quân**
24. Tài liệu mật của CIA về Việt Nam Cộng Hòa – **Lâm Vĩnh Thế**
LỊCH SỬ – NHÂN VẬT
31. Cái chết của Nguyễn Duy Hiệu đi vào bất tử – **Võ Thu Tịnh**
39. Tướng Nguyễn Văn Hinh qua đời – **Nguyên Hương N.C.**
85. Góp ý với số đặc biệt về Phan Thanh Giản – **Nguyễn Văn Trung**
105. Sự ngụy tạo lịch sử của thực dân Pháp – **Nguyễn Quốc Trị**
XÃ HỘI - KHOA HỌC
43. Y học thực chứng – **Nguyễn Văn Tuấn**
88. Công tác cứu trợ người mang bệnh phong – **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
98. Từ Việt gốc Pháp – **Nguyễn Hữu Phước**
VĂN
72. Sanh rớt – **Hòa Đa**
78. Tường thuật về một giấc mơ kỳ lạ – **Trúc Huy**
80. Trót đã buộc ràng – **Hoàng Quân**
94. Chanh cốm – **Trần Yên Hòa**
114. Đi Tàu – **Phạm Xuân Đài**
THƠ
75. Con cá cháy – **Đạm Thạch**. 79. Khúc ngâm chinh phụ – **Trâm**. 91. Phục sinh – **Hồng Khắc Kim Mai**. 100. Tuyết rơi – **Nguyễn Hữu Chi**. 108. Đoản khúc mùa thu – **Thiên Hương**. 117. Thu ở Sammamish – **Trần Mộng Tú**.
MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
8. Hộp thư trị sự
49. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
55. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
63. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Thư Chủ Nhiệm:

LỜI CHÀO TẠM BIỆT

Tôi xin mượn trang thư này để gửi lời chào tạm biệt đến quý độc giả và văn hữu của tạp chí Thế Kỷ 21, vì nhiệm kỳ Chủ Nhiệm của tôi đã gần hết. Tôi sẽ bàn giao chức vụ Chủ Nhiệm cho nhà báo Đỗ Quý Toàn kể từ đầu tháng Giêng năm 2005.

Nhìn lại thời gian làm Chủ Nhiệm cho tờ báo trong mấy năm qua, tôi thấy vui sướng vì đã giữ cho tờ Thế Kỷ 21 được xuất bản đều đặn, nhưng dĩ nhiên trong công việc ấy có nhiều nỗi vui buồn lẫn lộn. Vui vì số bạn đọc và văn hữu luôn luôn gắn bó với tờ báo một cách ổn định. Với nội dung ít nhiều có tính cách bách khoa, tờ Thế Kỷ 21 cố gắng phản ảnh sâu sắc nhiều mặt của cuộc sống: chính trị, kinh tế, thời sự, văn hóa, lịch sử, văn học v.v... với hình ảnh, hí họa và minh họa – một con đường mà ít tạp chí tiếng Việt nào ở hải ngoại lựa chọn. Có lẽ nhờ sự đa dạng đó mà tờ Thế Kỷ 21 đã được nhiều độc giả ưa chuộng, chọn làm thức ăn tinh thần hàng tháng, và nhờ thế, nó đã cán mức thời gian mà nó tự đặt ra là thế kỷ 21, và còn tiếp tục cuộc hành trình về tương lai.

Nhưng điều hành một tờ báo nặng về nội dung hơn là quảng cáo cũng có nghĩa là liên tục đối diện với nỗi lo lắng về tài chánh, giữ cho tờ báo ra được đều đặn đòi hỏi một cố gắng liên tục. Về điểm này, chúng tôi không thể không bày tỏ lòng biết ơn sự hỗ trợ thầm lặng và liên tục của quý vị độc giả, sự tiếp tay không quản ngại của văn hữu bốn phương, sự kiên trì của các nhà sách và đại diện Thế Kỷ 21 tại các địa phương cùng các quốc gia trên thế giới. Không ai nói ra nhưng trong 16 năm qua, với gần 200 số báo xuất bản, tất cả chúng ta giống như những thành viên của cùng một gia đình, mà mọi hoạt động đều nhằm vào một mục tiêu là vun xới cho nền văn hóa Việt Nam. Những thiếu sót, khuyết điểm trong việc điều hành tờ báo trong thời gian qua hẳn nhiên là khó tránh khỏi, lúc này lúc khác có thể gây ra sự bực mình hoặc không vui nơi quý vị, trong dịp này tôi xin có lời xin lỗi chung và mong chờ một sự thông cảm.

Trước khi mãn nhiệm kỳ Chủ Nhiệm, rời khỏi công việc điều hành tờ báo đã thành một thói quen cho chính tôi trong mấy năm qua, tôi xin gửi lời chào thân ái tới tất cả quý vị, với mong ước "gia đình Thế Kỷ 21" mà tôi vừa nói sẽ tiếp tục phát triển ngày càng mạnh mẽ, trong niềm thương yêu và tin cậy lâu nay vẫn âm thầm tồn tại tận thâm sâu trong lòng của mỗi chúng ta.

HOÀNG NGỌC TUỆ

Nhớ ơn người quá cố

Ngày 13 tháng 10, năm 2004.

Sau khi đọc bài của anh Phạm Phú Minh về Thanh Tuệ tôi thấy cần viết một đôi dòng để gọi là nhớ ơn người quá cố.

Nhắc đến tên Thanh Tuệ, tôi không biết người ấy là ai, nhưng nhắc đến nhà xuất bản An Tiêm thì tôi nhớ ngay vì cơ sở này đã đem đến cho tôi, cùng nhiều thanh niên Việt Nam của thập niên 1970, những áng thơ, đoản văn tuyệt vời nhất của nhân loại.

Ngày còn ở quê nhà tôi lớn lên theo dòng văn học thể hiện qua những tác phẩm viết cho tuổi thơ của tủ sách Tuổi Hoa, có thày Hoàng Đăng Cấp dạy tôi môn toán, nhưng cũng là người phóng dịch nhiều tác phẩm văn chương tuổi thơ. Tủ sách Tuổi Hoa chia ra từng cấp tuổi, từ màu xanh, đỏ, rồi đến tím. Tôi cũng mê truyện của Duyên Anh như Bồn Lửa, Dzũng Đa-Kao, Chương Còm, Mơ Thành Người Quang Trung. Đến tuổi mơ mộng tôi thích đọc báo Tuổi Ngọc thích Hoa Thiên Lý, Về Yêu Hoa Cúc.

Lớn lên tôi biết đến văn chương nước ngoài, được đọc Tiên Tri (Prophet) của Khalil Gibran, biết đến Rabindranath Tagore với hai tác phẩm do Đỗ Khánh-Hoan dịch ra tiếng Việt là Tặng Vật (Lover's Gift) và Tâm Tình Hiến Dâng (The Gardener). Hai tác phẩm đó do nhà xuất bản An Tiêm ấn hành.

Từ ba mươi năm trước, Tặng Vật và Tâm Tình Hiến Dâng, qua thi từ của Đỗ Khánh-Hoan, đến với tôi và đã làm tôi say mê:

"Nếu em muốn, tôi sẽ ngừng tiếng hát. Nếu lời tôi ca làm tim em rung động, tôi sẽ thôi không nhìn em nữa đâu. Nếu lời tôi ca bỗng dưng làm em sửng sốt trong lúc đang đi, tôi sẽ rẽ sang một bên và bước theo ngả khác. Nếu lời tôi ca làm em bối rối trong lúc kết hoa, tôi sẽ tránh không vào vườn em vắng lặng. Nếu lời tôi ca làm nước sông rợn sóng, dại ngây, tôi sẽ thôi không chèo thuyền lại gần bờ phía bên em." (Đoạn 47, Tâm Tình Hiến Dâng)

Trong thơ Tagore ẩn hiện tình yêu thiên nhiên qua hoa lá, cỏ cây, qua mạch nguồn suối nước:

"Vào vườn tôi chơi đi em. Rồi thả bộ bên những bông hoa nôn nóng, ép vào nhau khi thấy em sắp bước lại gần. Thả bộ thong dong hay ngẫu nhiên dừng bước lúc nào cảm thấy vui vui, niềm vui như vẻ diệu kỳ bất chợt của hoàng hôn loé sáng rồi tan biến ngay đi ..." (Đoạn 2, Tặng Vật)

"Cứ thế mà đi, đừng dềnh dang chải chuốt. Nếu vòng tóc vấn còn lỏng, đường ngôi rẽ chưa xuôi, giải lụa thắt lưng không chặt, cũng đừng bận tâm em ạ. Cứ thế mà đi, đừng dềnh dàng chải chuốt. Nào, hãy bước lẹ lên cỏ non xanh mịn. Nếu đất đỏ vì sương mai văng lên gót, vòng nhạc nơi chân còn lỏng lẻo, ngọc báu rơi khỏi chuỗi đeo tay, cũng đừng bận lòng, em ạ. Nào hãy bước lẹ lên cỏ non xanh mịn ..." (Đoạn 11, Tâm Tình Hiến Dâng)

Tôi thích nhất là đoạn sau:

"Từ tim tôi hình ảnh của ước muốn riêng tư bay ra rồi nhảy múa. Ảo ảnh chập chờn nhè nhẹ lướt qua. Tôi cố ghì ảo ảnh trong tay; ảo ảnh tuột thoát khiến tôi lạc loài. Tôi tìm cái mình không thể có và tôi có cái mình không thể tìm." (Đoạn 15, Tâm Tình Hiến Dâng)

Cái khoảng thời gian đầu thập niên 1970, con người Việt Nam vẫn còn sống trong bạo lực, sau bao nhiêu năm chinh chiến, và có nhiều ước mơ, đi tìm kiếm nhiều điều tưởng chừng như hư ảo.

Đọc thơ Tagore đem đến cho tôi những tia hy vọng. Như trong những trang đầu của Tặng Vật, có lời giới thiệu Tagore đến với độc giả của S. Radhakrishnan:

"Ngày nay, khi tinh thần bạo lực đang đe dọa phàm hóa thế giới nhân sinh, làn khói thù ghét âm u đang bao trùm bầu không khí - những điều Tagore thuyết giảng - đòi chúng ta đừng mất lòng tin nơi tinh thần con người - vẫn hoàn toàn hợp thời lắm ... Ta phải học sống cho cao cả và thực thi lòng yêu thương, ngay cả với kẻ thù của ta nữa. Đó là con đường duy nhất giúp ta xây dựng một cơ cấu xã hội khả dĩ tạo ra hòa bình lâu dài và tự do cho con người."

Điều Tagore thuyết giảng từ cả thế kỷ trước, quả thật đến nay vẫn còn hợp thời lắm.

Xin tri ân ông Thanh Tuệ và nhà xuất bản An Tiêm.

Bùi Văn Phú
Berkeley, California

Thủ thuật... chấm lửng

Cũng giống như ý kiến của một độc giả trước đây, tôi càng ngày càng thích Trang Chuyện Phiếm, và đây là mục tôi đọc thứ nhì sau khi nhận được báo (mục thứ nhất, chắc quý vị đoán được, là Bạn Đọc Viết). Tác giả Song Thao kiến thức nhiều, viết rất có duyên. Được hai điều kiện đó rồi, còn đòi gì nữa? Vâng tôi không dám đòi gì nữa, chỉ xin góp một chút ý kiến.

Góp ngay vào điểm "có duyên" của người viết. Một trong bí quyết để tạo ra cái duyên đó là cách dùng chấm lửng (tức là ba dấu ...) của tác giả. Khi đang viết ngon trớn mà xài tới ba chấm (...) đó là sắp sửa có một cái gì dí dỏm. Ba chấm diễn tả một thái độ ngần ngừ chưa muốn nói ra, nhưng sau cùng thì cũng phải nói phứt ra cho rồi, và cái sự nói phứt ra

cho rồi đó gây một cảm giác ngộ nghĩnh, có khi phải phì cười. Cái duyên của người viết chính là sự điểm xuyết một cách chính xác những sát na ngần ngừ như thế.

Tác giả Song Thao rất có tài dùng thủ thuật chấm lửng đó, và những từ ông dùng sau ba chấm lửng bao giờ cũng đắt. Chỉ có một điều ông dùng thủ thuật đó hơi nhiều, có khi liên tiếp trong một đoạn, làm cho nó mất "thiêng" đi. Vì mỗi lần chấm lửng như thế là mỗi lần người đọc nảy sinh tâm lý chờ đợi một cái gì đó bất ngờ, thế mà cứ xuất hiện lia lịa thì e sự bất ngờ hơi... dồn dập. Bất cứ thủ thuật gì cũng vậy, xài nhiều quá thì hóa nhàm, lắm khi có tác dụng ngược.

Thu hết can đảm mới dám viết một vài câu... góp ý với nhà văn. Nghĩ lại thật bạo quá!

Dương Hối (San Francisco)

Câu chuyện âm nhạc

Tôi đọc bài Câu Chuyện Âm Nhạc của Vũ Ngọc Ánh đã mấy kỳ, mãi đến đoạn "Âm nhạc Việt Nam trong cuộc đời tôi" trong số tháng 10 vừa rồi tôi mới thấy thật là hay. Có lẽ tác giả là một người rất giỏi nhạc, nhưng trong đoạn trên tôi chỉ thấy tác giả chia xẻ những kỷ niệm về âm nhạc với độc giả một cách thật chân tình và dung dị, tràn đầy tình cảm, khiến đọc mà tôi rất cảm động. Người biết nghe nhạc, dù chút ít thôi, đều có thể có những tâm tình như tác giả tả, mỗi thời có một số bản nhạc điển hình, mỗi lần nghe lại thì cả "khung trời cũ" lại sống dậy trong lòng chúng ta. Cái đoạn tác giả Vũ Ngọc Ánh nói về năm bản nhạc Việt "đã để lại trong lòng tôi những kỷ niệm thực sâu xa" là một đoạn rất có giá trị, có thể coi tiêu biểu cho tâm tình của mỗi một thời. Riêng kẻ viết những dòng này, dù tuổi nhỏ hơn tác giả Vũ Ngọc Ánh nhưng tự nhiên đồng cảm một cách lạ lùng với những gì đã viết trong đoạn đó. Trước hết là bản nhạc "Tiếng đàn" của Lê Thương (hình như được sáng tác vào cuối thập niên 1930). Tôi chỉ nhớ khi tôi còn thơ ấu khoảng nửa đầu thập niên 40, vẫn thường nghe các anh chị tôi hát một bài, mà nay tôi nhớ lõm bõm:

Đàn bao tuổi rồi
Đàn ca chẳng ngơi
Bao giây đứt trong quãng đời
Tình tang tang, tính tính tình
Của tình duyên số mệnh người

Không biết đó có phải là "Tiếng đàn" không? Tác giả còn nhắc đến bản "Trên sông Kinh Châu" của Lê Thương, mà lại không nhắc đến bản "Bản Đàn Xuân" cũng của tác giả này, toàn là những bản nhạc có thể nói xây dựng nên tâm hồn "văn nghệ" của tôi thời còn nhỏ xíu ấy.

Đặc biệt nhất là đoạn tác giả nhắc đến kỷ niệm buổi Đặng Thế Phong ra mắt lần đầu bản Con Thuyền Không Bến tại Hà Nội năm 1941. Ngày nay hầu như ai cũng biết bản Con Thuyền Không Bến, nhưng biết rất ít về tác giả của nó, vì ông mất rất sớm, hình như vào năm 1942. Riêng đối với tôi, Đặng Thế Phong như một huyền thoại, hình như chưa bao giờ hiện hữu trên đời, vì thế đọc đoạn ông kể chuyện gặp Đặng Thế Phong tôi rất cảm động.

Đến đoạn viết về bản *Tiến quân ca* mới tuyệt vời! Đó là một sự thật cho rất nhiều người, hình như cho tất cả mọi người, nhưng ngày nay bên phía quốc gia không có ai có can đảm viết ra như ông. So sánh hai bản *Tiến quân ca* và *Tiếng gọi sinh viên*, ông đã đưa ra hai hình ảnh xuất sắc: bản trước như mối tình đầu bị phụ rẫy, bản sau như người vợ do cha mẹ cưới, không say mê nhưng ở lâu ngày đâm ra có tình nghĩa. Chúng ta đã bị cuộc chiến tranh lạnh suốt mấy chục năm "bịt miệng" không được nói nhiều điều hiển nhiên mà vẫn bị coi là cấm kỵ, cái não trạng ấy ngày nay vẫn còn nặng nề lắm, ít có người nào dám nói một cách chân thành như tác giả Vũ Ngọc Ánh. Tôi xin kính lời cám ơn ông!

Ánh Minh (Internet)

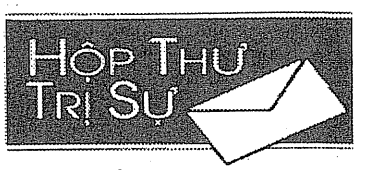

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Tran Khanh Toan OK – Vu Ngo Quy Canada – Dang Dong My Canada – Dinh SInh Long CA – Nguyen Viet Thanh CA – Vinh Fransis Norway – Nguyen Thanh Nam CA – Tran Hieu Dinh CA – Phan Van Diep CA – SBS Corporation Vietnamese Program Australia – Tran Cong Nghi Canada – Nguyen Huu Chi Canada – Nguyen My Lan CA – Nguyen Van Kim France – Phan Lac Tiep CA – Nguyen Van Cung CA – Pham Nguyen Hong CA – Ngo Minh Triet CA – Pham Nguyen Hanh CA – Bui Chinh Tin VA – Nguyen Van Tru AZ – Pham Toan NY – Tran Ngoc Du TX – Do Linh TX – Tu Van Dat MN – Nguyen Huy Greece – Bui Duy Thuyet CA- Nguyen Luu Kim Loan TX- Neathery P. Robert WA- Vo Viet Quy MD- Do Cam Vy CA- Pham M De OH- Ngo Thanh Tam Norway- Nguyen Ba Lieu CA-Nguyen Gia Khanh FRANCE- Nguyen Du Khiem NH.

ĐỘC GIẢ MỚI

Le Tuan Bkshop Australia - Dang Thi Kim Ngan Canada.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Nguyen Dinh Cuong CA - Nguyen Ngoc Lien TX - Nguyen My CA.

Họ nghiên cứu dư luận như thế nào?

NGÔ NHÂN DỤNG

Mỗi năm bầu cử tổng thống chúng ta lại được coi không biết bao nhiêu là kết quả những cuộc "thăm dò dân ý," gọi đúng hơn là "nghiên cứu dư luận" cử tri. Trong ba tháng Bẩy, Tám, Chín, có 80 lần công bố những kết quả này. Riêng trong tháng Chín có hơn 35 lần, Tháng Mười nhiều gấp rưỡi. Có lúc một công ty nghiên cứu cho ông Bush trên ông Kerry 8 điểm còn một công ty khác cho ông Kerry hơn 3 điểm. Việc theo dõi những kết quả đó là một trò giải trí nhức óc khi các kết quả cách nhau quá xa!

Khi quý vị đọc số báo *Thế Kỷ 21* này thì cuộc bầu cử tổng thống Mỹ đã qua, chắc quý vị đã biết kết quả rồi. Nhưng trước ngày bỏ phiếu thì nhiều người tìm các kết quả nghiên cứu dư luận xem "ứng cử viên của mình" đang lên hay xuống, chẳng khác gì người ta coi các chỉ số trên thị trường chứng khoán! Nhưng ít người biết khi nghiên cứu dư luận là người ta làm gì, cũng khó hiểu tại sao các kết quả nghiên cứu lại khác nhau như vậy. Trong bài này chúng tôi xin trình bầy vấn đề đó với hy vọng giải thích được tại sao kết quả nghiên cứu dư luận và kết quả cuộc bỏ phiếu có thể khác nhau. Năm 2000, trong tuần lễ sau cùng của cuộc tranh cử tổng thống, có 43 cuộc nghiên cứu dư luận công bố kết quả, ông Bush dẫn trước ông Gore trong 39 kết quả nghiên cứu, thua ông Gore trong hai cuộc nghiên cứu, còn lại là huề nhau. Nếu các kết quả nghiên cứu là đáng tin cậy thì tính trung bình ông Bush sẽ được 3.6 phần trăm số phiếu bầu nhiều hơn ông Gore. Nhưng sau ngày đầu phiếu số phiếu trên toàn quốc của ông Bush thua ông Gore hơn nửa triệu, tức là Gore dẫn trước Bush nửa phần trăm! Kết quả trung bình của các cuộc nghiên cứu dư luận đã sai tới hơn bốn phần trăm!

Khi nghiên cứu dư luận người ta không thể đi hỏi tất cả dân chúng, cho nên phải tìm hỏi một số người, coi đó là "mẫu tiêu biểu" cho dân chúng Mỹ. Phương pháp thống kê học cho phép suy từ những kết quả tìm được trong "mẫu" ra kết quả thật nếu đi hỏi tất cả mọi người, nếu người ta làm đúng phương pháp. Con số người trong mẫu càng lớn thì kết quả càng đáng tin là gần với sự thật hơn, nghĩa là sai số sẽ nhỏ hơn. Nhưng việc chọn lấy những ai vào trong mẫu cũng quan trọng không kém, và con số tăng lên trên 1000 người có tăng thêm nữa thì mức độ chính xác cũng không tăng được nhiều so với phí tổn phải chịu, cho nên thông thường một mẫu khoảng 1,000 người là vừa phải. Các công ty nghiên cứu dư luận thường giữ bí mật về phương pháp chọn người trong mẫu của họ rồi sau đó điều chỉnh sao cho cân bằng có già có trẻ, có nam có nữ, người giầu người nghèo, ở thành phố hay ở vùng quê, vân vân, cho tiêu biểu các thành phần dân chúng Mỹ. Kết quả của họ đúng hay sai tùy thuộc các bí quyết này rất nhiều.

Phương pháp thống kê

Người ta có thể chấp nhận là kết quả một cuộc nghiên cứu khác với kết quả thật, vì phương pháp nghiên cứu có dự trù sai số. Nhưng khi đại đa số, 95 phần trăm các cuộc nghiên cứu đều sai như nhau thì phải nói rằng những người thi hành việc nghiên cứu đã làm sai phương pháp.

Phương pháp nghiên cứu dư luận là một kỹ thuật dựa trên lý thuyết toán học về xác suất - Probability. Đây là một môn toán học do trò chơi cờ bạc thúc đẩy sinh ra. Năm 1654, nhà quý tộc Pháp rất ham đánh bạc là Chevalier de Méré đã thách đố Blaise Pascal giải một bài toán về trò chơi may rủi, một câu đố đã được nêu ra từ 200 năm trước làm nhức óc các nhà toán học Âu châu. Người nêu câu đó đó đầu tiên là Luca Paccioli, một tu sĩ đã dậy Leonardo da Vinci hồi nhỏ, nhưng được nhớ tới nhất là người đã dậy các thương gia người Ý áp dụng phương pháp kế toán hai cột cân bằng (double-entry bookkeeping.) Pascal và Pierre de Fermat, một luật sư thích toán học người Pháp, đã suy nghĩ về câu đố của de Méré rồi từ đó phát sinh ra các lý thuyết về sác xuất, loài người có một môn học mới! Bây giờ các lý thuyết này được áp dụng trong tất cả các ngành nghiên cứu, từ kinh tế, thị trường chứng khoán, đến vật lý học, sinh học, xã hội học và chính trị học! Vào năm 1654 đó, giới trí thức Âu châu đã công nhận trái đất tròn, máy in đã được sáng chế, thị trường

chứng khoán Amsterdam đang phát triển, Martin Luther đã chia đôi Âu châu theo lằn ranh tín ngưỡng, môn Toán Xác Suất ra đời mở đầu cho loài người tìm hiểu các thứ gọi là "thông tin." Và từ đó tiến đến kỹ thuật tiên đoán tương lai bằng những 'thông tin có giới hạn" trong hiện tại. Chẳng hạn, người ta muốn tiên đoán ông Bush hay ông Kerry sẽ thắng trong kỳ bầu cử chưa xẩy ra. Không thể hỏi từng người trong tất cả hơn 110 triệu người Mỹ sắp đi bầu, vì tốn kém quá. Cho nên hãy thử hỏi 1000 người Mỹ thôi, rồi căn cứ vào đó mà "suy đoán" ứng cử viên nào sẽ được bao nhiêu phiếu.

Nhưng làm sao có thể hỏi 1,000 người rồi suy đoán ra ý kiến của 100 triệu người? Đó là lúc người ta phải dùng đến phương pháp thống kê học, có lẽ cuốn sách sớm nhất chuyên về vấn đề này là của anh em, chú cháu nhà Bernoulli ở Thụy Sĩ, tựa là *Ars Conjectandi*, (Nghệ thuật suy đoán,) in năm 1713. Nhưng năm 1661, John Graunt đã in một bài nghiên cứu về xác suất tử vong của dân Anh quốc, dựa trên một số trường hợp ông thu thập được tin tức qua sổ khai tử ở các nhà thờ từ năm 1604 trở đi. Không phải là một nhà toán học hay thống kê học, Graunt thích nghiên cứu về dân số nên vô tình sáng chế ra kỹ thuật dùng "mẫu thống kê," gọi tắt là "mẫu," sample. Các nhà toán học đã đặt nền tảng lý thuyết cho kỹ thuật này. Người Anh đóng vai trò quan trọng trong việc áp dụng vì có những hãng bảo hiểm lớn như Lloyd's of London cần suy đoán số sinh số tử; và cũng nhờ các nhà nông muốn áp dụng phương pháp thống kê vào việc trồng trọt thử các hạt giống. Nhưng các người áp dụng phương pháp thống kê có thể không làm đúng như khoa học đòi hỏi, lúc đó việc suy diễn từ kết quả trong một mẫu sang tất cả dân số có thể sai.

Có thể sai như thế nào? Sai tới bao nhiêu phần trăm? Nghĩa là: Có bao nhiêu phần trăm trường hợp mình làm đúng như phương pháp vậy mà vẫn có thể sai? Đó là một câu hỏi có tính cách xác suất. Khi mua vé số, chúng ta biết xác suất để mình trúng số rất nhỏ. Nhưng tại sao người ta vẫn mua vé số? Vì dù một biến cố có xác suất nhỏ tới mấy thì chỉ cần xác suất lớn hơn zero tức là biến cố vẫn có thể xẩy ra. Người ta có thể đánh cá ngay khi xác suất mình trúng rất nhỏ. Hoặc tìm cách tránh rủi ro mặc dù xác suất để chuyện không may xẩy ra rất nhỏ. Hồi đại chiến thứ hai, phi cơ Đức bỏ bom xuống Mát cơ va hàng ngày, có một giáo sư toán học không chịu xuống hầm tránh bom. Ông giải thích: Ở Mát Cơ Va có bảy triệu người. Xác suất để trái bom thả trúng làm cho tôi chết rất nhỏ. Cho tới một hôm có người báo tin rằng một con voi bị trúng bom chết. Ở Mát Cơ Va có bảy triệu người và chỉ có một con voi, thế mà con voi bị trúng bom! Thế là ông giáo sư không đem mạng mình ra đánh cá nữa.

Từ mấy thế kỷ qua, các nhà nghiên cứu về thống kê học đã tìm cách kiện toàn phương pháp dùng mẫu để suy đoán kết quả cho tất cả dân số. Người ta có thể thử một thứ thuốc mới trên một mẫu các bệnh nhân, rồi từ đó suy ra thuốc có công hiệu ra sao khi dùng cho tất cả mọi người. Người ta dùng mẫu để nghiên cứu tâm lý, rồi áp dụng trong giáo dục, trong các chương trình xã hội. Người ta suy diễn ra biến chuyển của thị trường chứng khoán. Và nghiên cứu ý kiến cử tri để suy diễn ra kết quả cuộc bỏ phiếu. Vì vậy chúng ta mới được đọc nhiều cuộc nghiên cứu dư luận dân Mỹ trong năm qua.

Đọc các kết của nghiên cứu dư luận

Đối với những người đã nhất quyết chọn một ứng cử viên thì dễ lắm, chỉ đọc và tin tưởng vào những kết quả hợp với ý mình mà thôi: Tin những cuộc thăm dò nào cho thấy "ứng cử viên của mình" thắng. Chẳng hạn, đối với người ủng hộ đảng Cộng Hòa nếu có nhiều cuộc thăm dò đối nghịch thì họ chỉ cần coi kết quả thăm dò của Fox News thôi. Đài Fox chuyên môn loan tin tốt về chính phủ Bush, về chiến tranh Iraq và kinh tế. Và không hiểu sao các cuộc nghiên cứu dân tình của họ cũng thấy ông Bush có kết quả tốt! Không phải các công ty nghiên cứu độc lập được các báo, đài thuê đều làm đúng 100 phần trăm. Họ cũng có thể lầm trong việc chọn những người để phỏng vấn, gọi là lấy mẫu. Trong mẫu thăm dò của họ có nhiều người thuộc một đảng hơn đảng khác, trái ngược với tỷ lệ thật trong dân chúng thì có thể lầm rồi!

Thật ra các công ty nghiên cứu không cố ý thiên lệch. Những tờ báo và đài truyền hình ở Mỹ thuê các công ty chuyên làm nghề nghiên cứu dư luận. Mà các công ty này thì họ phải bảo vệ uy tín của mình, vì họ sống bằng uy tín đó. Khách hàng của họ là những xí nghiệp muốn nghiên cứu khuynh hướng của người tiêu thụ, nghiên cứu thị trường, suy đoán các khách hàng thích cái gì, có bao nhiêu tiền tiêu cho món đó, vân vân. Người thuê làm việc nghiên cứu muốn kết quả thật là món hàng của họ có bán được hay

không, chứ không cần nghe kết quả phỉnh phờ lếu láo. Nếu một công ty nghiên cứu suy đoán sai lầm về cuộc bầu cử thì nhiều khách hàng sẽ bỏ; cho nên ai cũng muốn suy đoán thật chính xác.

Nhưng khi áp dụng phương pháp nghiên cứu, họ có thể bị lệch lạc khi lấy mẫu. Một mẫu có tính cách tiêu biểu thì phải phản ảnh tỷ lệ các thành phần trong dân chúng. Thí dụ tỷ số người nam và nữ, tỷ số người trong mỗi lớp tuổi phải tương tự như trong dân số Mỹ; rồi tới tỷ lệ người ở thành phố hay ở nông thôn, tỷ lệ người lợi tức cao hay thấp, tỷ lệ người da trắng, da đen, gốc La tinh hay Á châu, vân vân. Muốn có mẫu tiêu biểu, người ta "lấy mẫu" bằng các "ngẫu nhiên," đó là một cách tương đối khoa học nhất. Làm sao chọn được một cách ngẫu nhiên 1,000 người Mỹ tiêu biểu cho hơn 100 triệu cử tri Mỹ? Một cách thông dụng là dựa trên sổ điện thoại trên toàn quốc, để từ đó rút ra các số giây nói một cách ngẫu nhiên. Tất nhiên phương pháp này có nhiều khuyết điểm; một là những người không có tên trong sổ điện thoại bị gạt ra ngoài khiến cho mẫu không còn tính cách tiêu biểu nữa. Tuy nhiên ở Mỹ con số này rất nhỏ nên không đáng kể. Nhưng vẫn còn những nhóm khác bị gạt ra ngoài một cách lệch lạc, dễ gây sai lầm. Thứ nhất là những người chỉ dùng điện thoại lưu động, không có số nào ở nhà cả. Phương pháp lấy mẫu hiện nay không gọi cho các số điện thoại lưu động. Không ai biết các cử tri bị bỏ rơi này thường ủng hộ đảng nào! Phần lớn những người dùng cell phone là giới trẻ và đi làm hoặc đi học, họ có thể chung nhau một khuynh hướng bỏ phiếu, và tất cả sẽ không có mặt trong mẫu. Số người này có thể chiếm từ 10 phần trăm trở lên, một con số đáng kể. Nhưng các công ty nghiên cứu cho là thành phần trong đám này cũng tiêu biểu cho cả dân số trong lựa chọn bầu cử, cho nên có sai chút cũng không sao.

Một sai lầm khác trong việc chọn mẫu là những người không trả lời. Thường sau khi có danh sách những con số điện thoại rồi, nếu gọi một số mà không ai trả lời thì người phỏng vấn sẽ gọi số tiếp theo, tin rằng khi các con số đó đều xuất hiện ngẫu nhiên thì dù ai cũng vậy thôi. Nhưng số người không trả lời bây giờ không ngẫu nhiên như ngày xưa, tức là vô tình gọi đúng lúc họ không có nhà, hiện tượng đó hoàn toàn ngẫu nhiên. Ngày nay, nhiều người có máy điện thoại trên đó tiết lộ số của người gọi, hễ thấy số nào không quen là họ bỏ không nhấc máy. Các công ty quảng cáo bằng điện thoại (telemarketing) bây giờ rất đông, cho nên nhiều người thấy số lạ gọi thì không thèm trả lời. Con số những người không chịu trả lời đó không còn ngẫu nhiên nữa, vì họ có những đặc tính tâm lý, thời biểu, gia cảnh hoặc lợi tức giống nhau, khác với dân số nói chung. Vì vậy bỏ qua những người này cũng là làm cho mẫu mình chọn bị lệch.

Một công ty thăm dò đã để ý tới vấn đề tỷ lệ người thuộc mỗi đảng, mỗi lần lấy mẫu xong đều cân nhắc lại cho đúng tỷ số trong dân chúng, là Zogby. Sau khi so sánh thấy trong mẫu của mình có quá nhiều người thuộc một đảng Dân Chủ hay Cộng Hòa, cao hơn tỷ số trong dân chúng Mỹ, thì người ta điều chỉnh kết quả cho có tỷ trọng giống sự thật hơn. Có những công ty không quan tâm đến vấn đề đó.

Những sai lầm thường vấp

Nếu chúng ta bị tấn công với ba kết quả thăm dò trong một ngày, hết ngày này sang ngày khác trong suốt hai tuần lễ cuối cùng của mùa tranh cử, thì làm sao phân biệt được ai đúng hơn ai? Khi hai ứng cử viên có vẻ còn sấp sỉ chưa ai bứt thắng rõ rệt, nếu các kết quả thăm dò lại nói ngược nhau, ông nọ hơn ông kia vài điểm, thì biết tin ai?

Một phương pháp nên theo là hãy theo dõi một loại kết quả thăm dò của một công ty nào đó thôi, để xem "chiều hướng" của nó lên hay xuống. Đây có lẽ là loại kết quả có ý nghĩa nhất, dù nó không bảo đảm đúng 100%. Vì một công ty nghiên cứu thì họ không thay đổi phương pháp tuần này sang tuần kia. Ngoài ra, cũng xem chiều hướng của kết quả thăm dò nhiều công ty. Nếu trong tháng Tám ông Bush thua ông Kerry trong 14 cuộc thăm dò, thắng trong sáu kết quả khác và huề trong bốn cuộc nghiên cứu; rồi sang tháng Chín Bush thắng điểm trong 28 cuộc thăm dò, thua trong một và hòa trong bốn, thì ai cũng biết là từ tháng Chín Bush đang lên. Nhưng khi theo dõi nhiều công ty thì nên lựa chọn, loại bỏ những kết quả nào "nằm xa quá," trong thống kê học gọi là "outliner," ngoài đường dự đoán. Thí dụ giữa tháng Chín công ty Gallup cho thấy Tổng thống Bush dẫn trước Nghị sĩ Kerry 14 điểm, trong khi bẩy cuộc thăm dò khác cho thấy ông Kerry

chỉ thua chừng 5, 7 điểm thôi. Rõ ràng là Gallup ở ngoài lề.

Nhưng người dân thường bị thông tin lệch lạc vì các kết quả thăm dò càng xa lề càng được chú ý, các báo, đài nhắc tới luôn luôn. Có những đài truyền hình chỉ loan tin về kết quả cuộc thăm dò mình thuê làm chứ không cho biết các kết quả khác. Nhưng đa số các báo, đài thường làm lớn chuyện một cuộc thăm dò nào cho "kết quả mới lạ" nhất! Trong một tuần lễ, báo, đài nào cũng nói tới kết quả của Gallup vì chênh lệch rất lớn, làm cho kết quả nghiên cứu của các công ty khác bị lu mờ! Và tất nhiên, phe Tổng thống Bush thì tìm đủ cách nhắc nhở đến kết quả ông đang thắng lớn. Một điều họ nhắm, là tạo được cái gọi là "Bandwagon Effect," tạm gọi là Hiệu quả Phù Thịnh!

Hiệu quả Phù Thịnh rất dễ hiểu. Khi một ứng cử viên được dư luận coi là đang thắng thế thì có hai ảnh hưởng. Một là những người ủng hộ sẽ hăng hái hơn, đi cổ động giúp. Ai cũng muốn khoe mình đã chọn đúng người thắng, giống như khoe con ngựa mình đánh trúng ở trường đua vậy. Trong khi đó, những người chống đối ứng cử viên được mô tả là thắng sẽ mất tinh thần vì thấy ứng cử viên của mình đang xuống. Thêm vào đó, những người đang ủng hộ những chương trình của một ứng cử viên mà thấy chương trình đó bị đa số bác bỏ thì họ cũng nản lòng, không đứng ra bênh vực cho lập trường của mình nữa. Hiệu quả Phù Thịnh thể hiện trong lãnh vực chính trị cũng như thương mại. Trong một cuộc tranh cử thì còn một yếu tố đáng nói nữa là số tiền ủng hộ cho quỹ tranh cử. Trong giai đoạn tranh cử hiện giờ quỹ của các nhóm vận động không tùy thuộc mỗi ứng cử viên đang tấn công đối thủ bằng những đòn "độc" nhất, qua các quảng cáo trên truyền hình, nhắm vào từng thị trường nhỏ, một tiểu bang hay một quận, một thành phố. Họ cần rất nhiều tiền trả cho các đài truyền hình. Nếu một ứng cử viên cho thấy không còn hy vọng nữa thì các nhà hảo tâm cũng không muốn đầu tư vào làm gì.

Những cử tri cũng vậy. Nếu họ thấy ứng cử viên của mình có vẻ tuyệt vọng thì họ sẽ ngồi nhà không đi bỏ phiếu nữa. Ngược lại, nếu thấy có hy vọng, mà hy vọng lại không cao tới mức chắc thắng, thì cử tri sẽ hăng hái đi bầu hơn. Đó đúng là tình hình tháng cuối cùng trong cuộc tranh cử vừa qua. Tổng thống Bush được báo cáo là đang dẫn trước Nghị sĩ Kerry. Mà các cuộc nghiên cứu thường có sai số tới ba phần trăm; nghĩa là khi tính cả sai số hai người đang sấp sỉ bằng nhau. Như vậy thì yếu tố quyết thắng chính là số người ủng hộ mỗi bên đi bầu nhiều hay ít. Nhiều tiểu bang hơn thua chỉ có hàng ngàn phiếu, nếu huy động được thêm dăm ngàn người ủng hộ đi bầu là có thể thay đổi kết quả. Cho nên nếu tạo được hiệu quả phù thịnh thì rất lợi!

Trong mấy tháng qua hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa đã làm việc kêu gọi thêm người đi bỏ phiếu. Đặc biệt là ở các tiểu bang nghiêng ngửa. Nevada là một, năm 2000 ông Bush thắng với gần 4% số phiếu, trong mấy tuần tháng Mười hai đảng đã hô hào cử tri ghi tên, tăng thêm được 25 phần trăm số người đi bầu, trong đó đảng Dân Chủ thêm được 95 ngàn người, đảng Cộng Hòa thêm 83 ngàn, và có thêm 35 ngàn người không đảng nào. Một tiểu bang có thể quyết định cuộc bầu cử năm nay là Florida, số cử tri ghi danh đã tăng thêm 633 ngàn người ghi danh, tăng gần 12 phần trăm. Ở đây đảng Cộng Hòa ghi danh được nhiều hơn đảng Dân Chủ. Năm 2000 ông Bush thắng ở Florida với 537 phiếu! Một tiểu bang gay go và có tính quyết định khác là Pennsylvania, đảng Dân Chủ ghi danh thêm được 135 ngàn, Cộng Hòa được 51 ngàn, những người không chọn đảng tăng thêm 58 ngàn. Ở Ohio, cũng là một tiểu bang quyết định, các cử tri ghi danh không chọn đảng, có thêm 10 phần trăm so với ngày đầu năm 2004. Khi thăm dò dư luận các công ty nghiên cứu đều phải tìm cách thâu gồm được những cử tri mới ghi danh đó.

Nhưng dù làm việc theo tinh thần khoa học tới mấy vẫn có thể phạm vào những lầm lẫn, lầm lẫn ngay trong phương pháp lựa chọn.

Thí dụ trước ngày bầu cử quý vị thấy có những cuộc nghiên cứu dư luận cho ông Kerry hơn ông Bush mấy điểm khi hỏi những cử tri đã ghi danh đi bầu (registered voters) nhưng ông Bush lại thắng ông Kerry vài điểm trong số các cử tri "chắc sẽ đi bỏ phiếu" (likely voters.) Người ta có khuynh hướng tin vào kết quả sau hơn, vì chỉ những cử tri có vẻ chắc sẽ đi bầu mới thật quan trọng. Công ty Gallup đã cho thấy nhiều khác biệt giữa hai nhóm cử tri này trong các cuộc thăm dò dư luận, nhóm "chắc sẽ đi bầu" nhỏ hơn, thí dụ 800 người, nằm trong nhóm "đã ghi danh đi bầu" hàng ngàn người.

Nhưng làm cách nào người ta chọn trong số những người "đã ghi danh" trong mẫu lớn để cho một số vào trong nhóm nhỏ những người "chắc sẽ đi bỏ phiếu?" Theo tiêu chuẩn nào thì bảo là cử tri đó chắc sẽ đi bỏ phiếu, còn người khác có vẻ không chắc sẽ đi bầu? Không thể hỏi chính các cử tri. Vì ai cũng có thể vì sợ ngượng mà nói dối: "Chắc chắn tôi sẽ đi bầu!" Cho nên người phỏng vấn phải dùng các câu hỏi phụ để phân biệt ai có vẻ sẽ đi bầu nhiều hơn người khác, để cho vào trong mẫu tiêu biểu thứ nhì.

Những câu hỏi phụ đó có thể hỏi người trong mẫu lớn là những câu về quá khứ. Thí dụ: Ông, bà có đi bầu tổng thống vào năm 2000 hay không? Vào năm 1996 hay không?" Những câu hỏi khách quan khác, như "Ông, bà có biết phòng đầu phiếu nào gần nhà nhất hay chưa? Hay trên đường đi làm ở sở về nhà có phòng phiếu nào để ghé vô không?" Cũng có thể hỏi coi cử tri đó yêu hay ghét các ứng cử viên như thế nào, để xem họ thiết tha đến cuộc bỏ phiếu nhiều hay ít. Công ty Gallup có tám câu hỏi như vậy để chấm điểm rồi quyết định coi cử tri đã ghi danh nào đáng được xếp vào mẫu nhỏ những người chắc sẽ đi bỏ phiếu.

Nhưng các phương pháp như trên đã được dùng mấy chục năm rồi, năm nay có thể không thích hợp. Vì vậy, khi coi kết quả thăm dò những cử tri "chắc sẽ bỏ phiếu" chúng ta phải cẩn thận, vì chính phương pháp chọn "mẫu" đó không tốt, cho nên cái mẫu không còn tiêu biểu nữa, kết quả có thể rất xa sự thật. Tại sao phương pháp cũ không thích hợp?

Năm nay tâm lý cử tri khác mọi năm. Dân chúng Mỹ nói chung chú ý đến cuộc bầu cử tổng thống nhiều hơn các năm trước, một chứng cớ là số người đón nghe các cuộc tranh luận. Nước Mỹ ít khi bị "phân cực" mạnh mẽ như trong cuộc bầu cử năm nay, với những người quyết tâm bảo vệ Tổng thống Bush cũng hăng hái không khác gì những người nhất quyết lật đổ ông Bush. Khi Tổng thống Bush đưa các vấn đề có tính cách đạo lý như phá thai, đồng tính ái, lên thành các đề tài tranh cử thì ông đã tác động mạnh mẽ nhiều cử tri đồng quan điểm với ông; họ sẽ được khích động thiết tha đi bầu nhiều hơn. Ngược lại, phía ông Kerry cũng khích động được rất nhiều cử tri khi ông đặt vấn đề giảm thuế cho một phần trăm những người giầu nhất nước, đáng lẽ có thể dùng số thuế đó cho các chương trình y tế, giáo dục, vân vân. Hơn nữa, nhiều người ủng hộ đảng Dân Chủ năm nay còn nhớ mối "hận" năm 2000 vì họ nghĩ đáng lẽ ông Al Gore phải thắng nếu cuộc bỏ phiếu ở Florida không gây ra những lầm lẫn, kiện cáo để cuối cùng Tối cao Pháp viện quyết định giúp ông Bush thắng. Đó là một động cơ khiến nhiều người ủng hộ đảng Dân Chủ năm nay quyết tâm đi bầu và lôi kéo người khác đi bầu nhiều hơn.

Khi mức độ tham dự và cường độ của sự tham dự lên cao như vậy, số người "chắc sẽ đi bỏ phiếu" năm nay không giống những năm trước. Không thể dùng cùng một số câu hỏi cũ làm thước đo quyết định ai thuộc loại chắc sẽ đi bầu. Nhiều người có thể đã không đi bầu hai kỳ trước, năm nay vẫn đi bầu.

Phải nói cuộc bầu cử vừa qua là một kỳ bầu cử lý thú bậc nhất mà chúng ta có dịp theo dõi ở nước Mỹ. Chúng ta hiểu tâm lý chính trị của người Mỹ hơn, hiểu các kỹ thuật vận động rõ hơn. Ai bỏ qua không theo dõi cũng uổng. Nhưng theo dõi các tỷ số cử tri ủng hộ mỗi ứng cử viên chưa chắc đã cho chúng ta tin tức để suy đoán ai sẽ thắng cử. Vì luôn luôn có mấy phần trăm cử tri chưa quyết định, hoặc có thể đổi ý kiến. Một nhà quan sát chính trị lâu đời ở Mỹ là Charlie Cook, chủ biên "The Cook Report" khuyên rằng không cần nhìn vào ứng cử viên nào hơn, thua ứng cử viên khác bao nhiêu. Trong một kỳ bầu cử mà một ứng cử viên là tổng thống đương nhiệm thì nên theo dõi tỷ số người ủng hộ ông ta cũng đủ. Nếu ông đó được dưới 50 phần trăm trước ngày bỏ phiếu thì nhiều phần ông ta sẽ thua. Vì cử tri đã biết nhiều về vị tổng thống đương quyền gần bốn năm rồi, nếu họ chưa quyết định chỉ vì họ đã chán ông ta nhưng còn ngần ngại chưa muốn chọn ứng cử viên đối lập. Charlie Cook cho biết kinh nghiệm là các cử tri chưa quyết định thường cuối cùng ngả về phía ứng cử viên đối lập. Một con số cho thấy rõ khuynh hướng cử tri là tỷ lệ những người "chấp nhận" công việc làm của vị tổng thống đương nhiệm (job-approval ratings.) Nếu đa số các cuộc nghiên cứu dư luận cho thấy tỷ lệ đó dưới 50 phần trăm thì ông tổng thống đang gặp khó khăn!

Chúng tôi viết bài này trước ngày bỏ phiếu ở Mỹ cho nên chưa có thể so sánh kết quả bầu cử với những cuộc nghiên cứu trước đó. Nhưng hy vọng quý vị sẽ có dịp so sánh khi thấy kết quả.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:

NƯỚC MỸ NGẢ THÊM VỀ BẢO-THỦ

CỔ-LŨY

Với tuyên-bố "Châu Âu đang nằm trong Thế-kỷ 21, còn nước Mỹ vẫn khóa chặt vào Thế-kỷ 18," ông Edward L. Glasser, giáo-sư kinh-tế-học viện đại-học Harvard và giám-đốc viện nghiên-cứu Rappapport Instutute và trung-tâm Taubman Center for State and Local Government thuộc phân-khoa nghiên-cứu công-quyền Kennedy School of Government, như khẳng-định chiều-hướng bảo-thủ đi lên ở Hoa-Kỳ.

Nhận-xét trên dựa theo nhiều chỉ-số, dữ-kiện không những hiện nay mà còn có từ nhiều thập-niên trước, trước hẳn giai-đoạn mở đầu Thế-kỷ 21 với chính-quyền George W. Bush. Trong những chỉ-số nêu lên dưới đây chúng tôi chọn những gì dễ nhận ra nhất, và được hỗ-trợ bởi các nghiên-cứu khoa-học công-phu nhiều thập-niên qua, và được thực-hiện bởi những nhân-vật thẩm-quyền trong các viện đại-học, viện nghiên-cứu đáng tin-cậy ở Hoa-Kỳ.

C.L.

Theo giáo sư Glasser, hoặc ông George Bush tái đắc cử hay nghị sĩ John Kerry được chọn thay thế ông Bush không thành vấn đề, Hoa-Kỳ sẽ là nước tiền tiến bảo thủ nhất trên thế giới: kinh tế Mỹ sẽ vẫn là kinh tế tư bản ít bị kềm chế nhất, hệ thống an sinh xã hội sẽ vẫn là hệ thống giúp đỡ người dân ít nhất, quân lực Mỹ sẽ vẫn là quân lực mạnh nhất thế giới, và dân Mỹ vẫn là dân sùng đạo nhất thế giới. Những con số chính xác cho thấy rõ các khuynh hướng bảo thủ trên, theo viện nghiên cứu World Values Survey. Sáu-mươi phần trăm dân Mỹ nghĩ rằng người nghèo trong thời đại này chỉ nghèo vì họ lười biếng (chỉ 26 phần trăm người châu Âu suy nghĩ theo chiều hướng này), và 30 phần trăm tin rằng may mắn hên xui quyết định lợi tức cá nhân (54 phần trăm người châu Âu tin điều này). Khoảng 60 phần trăm người Âu châu tin rằng người nghèo bị vướng mắc vào các điều kiện tiêu cực bên ngoài khiến họ không thể bứt ra để thăng tiến được, trong khi người Mỹ, khoảng 30 phần trăm con số này tin cùng chiều hướng này. Khoảng 30 phần trăm người châu Âu xem mình là thiên tả trong khi chỉ có 17 phần trăm người Mỹ nhận điều này.

Tại sao Hoa-Kỳ lại là nước bảo thủ rõ rệt như trên?

Cũng theo giáo sư Glasser, người ta có thể giải thích một cách quá giản dị là hiện tượng bảo thủ này là hệ quả tất yếu của năng động kinh tế (economic mobility) khá đặc biệt trong hệ thống kinh tế Mỹ. Nhưng thực tế cho thấy dân chúng châu Âu có nhiều triển vọng vượt nghèo khó để đi lên nấc thang kinh tế hơn dân Mỹ —một phần là vì người dân chủ xã hội (Social Democrats) tiến bộ (so với người dân chủ Cơ-đốc, Christian Democrats, bảo thủ) thi hành những chính sách giáo dục giúp đỡ người nghèo hữu hiệu hơn giáo dục địa phương hóa ở Hoa-Kỳ. Đúng ra bảo thủ ở Mỹ nẩy từ ổn định chính trị và những khác biệt về chủng tộc mầu da ở Hoa-Kỳ. Chính sách phân quyền và tản quyền cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển khuynh hướng bảo thủ.

Trong Hiến pháp Mỹ có nhiều cơ chế chặt chẽ bảo vệ tài sản tư nhân và bảo đảm là thay đổi sẽ xảy ra một cách chậm chạp từ tốn. Dân chúng lựa chọn đại diện dân cử theo nguyên tắc đa số; đây đưa đến kết quả dễ thấy là những người ra tranh cử muốn thành công phải chọn vị trí trung dung nhắm vào giới cử tri trung lưu đa số trong xã hội, chứ không phải là người nghèo khổ. nhất. Ngược lại, đại diện dân cử theo tỉ lệ như ở nhiều nước châu Âu dành lợi thế cho các nhà chính trị bênh vực những nhóm thiểu số như người nghèo khó. Điều này đưa đến hệ quả dễ thấy là chính quyền ở phần lớn châu Âu dành chi phí quốc gia nhiều hơn vào các chương trình an sinh xã hội.

Phân chia quyền lực rõ rệt giữa hành pháp và tư pháp trong hệ thống liên bang ở Hoa-Kỳ từ đầu đã cho thấy mức hạn chế đặt lên quyền lực của nhà nước. Những xung đột quyền lực giữa tổng thống (hành pháp) như Franklin Roosevelt

với chương trình New Deal thiên về an sinh xã hội sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu khởi từ Hoa-Kỳ (Depression, đầu thập niên 1930), và lập pháp như Thượng viện Mỹ cuối thập niên đã ngăn chặn hẳn khuynh hướng xã hội hóa, rất thông thường ở châu Âu nhưng khó bám rễ vào đất Mỹ được. Về phía tư pháp, một Tối-cao Pháp-viện (US Supreme Court) đầy quyền lực dù không từ dân chúng bầu ra luôn luôn ủng hộ khuynh hướng bảo thủ ở những thời điểm nghiêm trọng trong lịch sử Mỹ: cuối thế-kỷ 19, Tối cao Pháp viện tuyên phán rằng đánh thuế lợi tức cá nhân là phản hiến pháp; cuối thập niên 1930 lại đưa ra phán quyết chương trình New Deal là bất hợp pháp; và năm 2000 Pháp-viện ra tay quyết định kết quả bầu cử về phía ông George W. Bush. Cơ cấu liên bang trong nước lại hạn chế ngăn chặn các tiểu bang không được chi phí nhiều cho an sinh xã hội —e rằng những chi phí này sẽ gây ra việc tẩu tán tư bản và giới giầu có đến những nơi khác.

Hiến pháp được viết ra với mục tiêu rõ rệt là ngăn cấm hay hạn chế khả năng thu thập tài nguyên sản vật từ giới công dân giầu có. Kết quả là Hiến-pháp đã thành công rõ ràng trong việc ngăn chặn khuynh hướng xã hội hóa ở Hoa-Kỳ trong khi những nước lớn ở châu Âu phát triển nhiều định chế chính trị thân thiện với xã hội chủ nghĩa (không cộng-sản).

Phải công bình mà nói Hoa-Kỳ không luôn luôn như vậy. Nhìn theo lịch sử, lúc đầu thế kỷ 20 Hoa-Kỳ khá tiến bộ so với các đế quốc ở châu Âu. Điểm khác biệt lớn nhất là giữa châu Âu với Hoa-Kỳ là Hoa-Kỳ vẫn giữ nguyên hiến pháp lúc đầu từ thế kỷ 18 trong khi những nước châu Âu đã ra đi bỏ lại các hiến pháp cũ. Qua những loạt cách mạng, những biến đổi chính trị lớn nhưng chưa đến mức cách mạng từng nước châu Âu một nối tiếp nhau bỏ đi những hiến pháp bảo thủ cổ lỗ để thay vào đó bằng những hiến pháp soạn ra bởi giới lãnh đạo xã hội và lao động mới.

Một số những nước nhỏ hệ thống bầu cử theo tỉ lệ dân số trước Thế-chiến thứ Nhất (1914-1918) để đáp ứng với những nổi dậy đe dọa an ninh của chính quyền, nhưng chiến tranh cũng là khúc ngoặt quan trọng cho những đại cường như Đức, Nga và đế quốc Áo-Hung (Austro-Hungary). Quân lực các đại cường này vốn có truyền thống ngăn chặn kiểm soát những phong trào lao động quá khích, giống hệt như ở Hoa-Kỳ, nhưng trong Thế-chiến, những tổng động viên lớn lao và tinh thần khí thế đi xuống đều đặn trong giới quân sự làm suy nhược khí thế đàn áp những chống đối bạo động. Khi quyền lực cảnh binh của quân đội đi xuống, cách mạng tả phái đe dọa các đế quốc. Hiến pháp mới trong những nước này được soạn thảo bởi các lãnh tụ xã hội như Friedrick Ebert sẵn sàng hướng hiến pháp theo chiều hướng có lợi cho xã hội chủ nghĩa như bầu cử theo tỉ lệ (proportional representation), chứ không theo đại tuyển cử (general election) có lợi cho giới trung và thượng lưu —những người thường chăm chỉ đi bầu và dễ chọn ứng viên có lợi cho mình dù là con số thường nằm về mặt thiểu số (ví dụ như ứng viên da trắng ở những đơn vị bầu cử có cử tri da trắng thiểu số ở Hoa-Kỳ vẫn thắng, vì dân da trắng trung lưu hay khá hơn vẫn đi bầu nhiều hơn là người da mầu đa số, nói chung là thờ ơ hoặc thiếu phương tiện). Nước Pháp có hiến pháp soạn thảo bởi nhóm thiên xã hội hẳn hoi, nhưng đây phải đợi đến khi Pháp bị bại trận và bị Đức quốc xã chiếm đóng trong Thế-chiến II.

Ngược hẳn lại, nước Mỹ chưa bao giờ bị bại trận ngay trên đất nước mình (có ở Việt-Nam, nhưng không ngay trên đất Mỹ) và do đó chưa bao giờ phải đối phó với những xáo trộn sụp đổ ghê gớm có thể đưa đến những đổi thay lớn lao sâu xa. Giới quân sự Mỹ, hay những lực lượng quân sự tư nhân luôn luôn có khả năng đàn áp những nhóm tranh đấu sách động biểu tình đình công như ở Homestead, tiểu bang Pennsylvania, chống lại "vua thép" Andrew Carnegie năm 1892 và những biểu tình của các cựu chiến binh thất nghiệp đến Hoa-Thịnh-Đốn năm 1932 đòi trợ cấp và bị giải tán ngay bởi Bộ binh với gươm tuốt trần.

Những khác biệt về mặt chủng tộc trong dân số Mỹ cũng đóng góp vào tinh thần bảo thủ Mỹ. Những khác biệt chủng tộc ở Hoa-Kỳ cũng khác các khác biệt chủng tộc ở Gia-Nã-Đại, Anh và nói chung là nội địa châu Âu. Thường người ta không mấy khi ủng hộ phân phối tài sản (hay quân bằng lợi tức cá nhân, income hay wealth distribution) để tài sản này lọt vào tay những người hay nhóm không cùng nguồn gốc hay chủng tộc. Những phân chia chủng tộc giúp những người chống đối an sinh xã hội dễ phỉ báng chỉ trích người nghèo khổ, xem họ như những ký sinh trùng thích ăn bám vào xã hội hơn là năng nổ làm ăn để thăng tiến, ít nhất là về mặt vật chất tối thiểu. Những người chủ trương quân phân tài sản bị đánh bại ở miền Nam trong thế kỷ 19 bởi các chính khách xách động tố cáo rằng việc này sẽ giúp người da đen (rất đúng) và người da đen là những côn đồ ác đảng (rất sai). Những người tranh chấp

đối kháng chương trình Xã-hội Tốt-đẹp (Great Society, nhằm nâng đỡ dân thiểu số và phụ nữ cũng như người già yếu tàn tật về mặt kinh tế và xã hội) của Tổng thống Lyndon Johnson cũng rêu rao tuyên truyền rằng người nhận welfare là những người thuộc những giống nhóm xa lạ và nguy hiểm không đáng được giúp đỡ. Những phân chia chủng tộc gay gắt trong xã hội Mỹ khiến người ta dễ mô tả bôi nhọ người nghèo khổ bằng nhiều cách mà ở những xã hội tương đối đồng nhất như Thụy-Điển —nơi mà ai trông cũng giống ai— không thể làm được.

Nhìn chung tất cả các nước, những khác biệt chủng tộc thường đưa đến nhiều quốc gia với hệ thống an sinh xã hội thấp kém. Những tiểu bang Mỹ với tỉ số người da đen cao thường mang truyền thống khó khăn chặt chẽ với người nghèo khó. Những nghiên cứu bởi giáo sư Erzo Luttmer, thuộc phân khoa công quyền dưới tên tổng thống John Kennedy tại viện đại học Harvard, cho thấy người sống chung với người nghèo khổ cùng chủng tộc thường muốn chính quyền chi phí cho an sinh xã hội nhiều hơn. Ngược lại người sống gần người nghèo khổ khác chủng tộc đều muốn chính quyền giảm chi phí an sinh xã hội. Những cảm tình thân thiện với người nghèo khổ dường như thui chột bớt đi khi người nghèo khổ bị xem như người hoàn toàn xa lạ cách biệt.

Số di dân gia tăng ở châu Âu nay biến những xã hội ở đây thành đa chủng khác biệt hơn, và ta đã thấy ngay nhiều người chống đối an sinh xã hội, như ông Jean-Marie Le Pen ở Pháp, Joerg Haider ở Áo và Pim Fortuyn ở Hòa-Lan bắt đầu lên tiếng chống đối di dân gay gắt cũng như các chương trình an sinh giúp đỡ dân chúng nghèo khổ. Ta có thể muốn tin rằng người ta bình thường không có thành kiến chủng tộc, mầu da, nhưng thực tế cho thấy những khác biệt chủng tộc, mầu da luôn luôn làm chính sách hay chương trình giúp người nghèo khổ thiếu sự ủng hộ của quần chúng Mỹ hơn bất cứ nơi nào có mức độ thuần nhất chủng tộc cao.

Chương trình an sinh xã hội nhắm vào bảo vệ phụ nữ và trẻ em nghèo khó ngay từ đầu, nhưng từ cuối thập niên 1970, với tổng thống bảo thủ Ronald Reagan sắp bước chân vào tòa Nhà Trắng một loạt những ồn ào to tiếng từ nhiều nhà phân tích bảo thủ than phiền rằng hệ thống này chỉ nẩy sinh và nuôi dưỡng những lệ thuộc lười biếng của giới hưởng welfare. Năm 1996, tổng thống Dân-chủ Bill Clinton cùng với quốc hội nằm trong tay đảng Cộng-hòa chấp thuận luật mới bắt buộc người hưởng trợ cấp phải lo đi làm trước hết và cắt giảm chi phí chương trình còn hai-phần-ba với số người ăn welfare tụt xuống còn một nửa. Giáo sư chính trị học thuộc viện đại học Yale, Jacob Hacker cho thấy, "Hoa-Thịnh-Đốn đã làm một màn tháo lui trong một-phần-tư thế kỷ bỏ hẳn một trong những trách nhiệm chính của chính quyền: giúp dân chúng có được an ninh về mặt kinh tế."

BẢO-THỦ VỀ MẶT KINH-TẾ

Cũng trong vòng thời gian này và dài hơn nữa một thay đổi kinh tế dễ nhận ra cũng phát hiện: mức thay đổi lợi tức nhanh chóng của người đi làm trung lưu ở Hoa-Kỳ. Mặc dù lợi tức gia đình trung bình có gia tăng trong mấy thập niên liên tiếp, đây không có nghĩa là một đường thẳng đi lên đều đặn như ngay sau Thế-chiến II. Thay vào đó lợi tức gia đình trung bình đã lên xuống thất thường, có lúc thật lên cao, có lúc tuột xuống dốc. Đầu thập niên 1970 mức lợi tức lên xuống của một gia đình trung lưu thay đổi không quá sáu ngàn rưỡi một năm, ngày nay mức thay đổi này có thể lên đến mười-ba ngàn rưỡi sau khi đã điều chỉnh theo đà lạm phát. Những bấp bênh này cũng như những đe dọa đi cùng càng ngày một rộng ảnh hưởng đến cả từ người lợi tức thấp cho tới trung bình và lợi tức cao, theo viện nghiên cứu National Science Foundation, bảo trợ nghiên cứu cho viện đại học Michigan, và dựa vào mẫu năm ngàn người Mỹ tiêu biểu khắp nước cùng con cháu họ trong vòng bốn-mươi năm qua —một nghiên cứu gần như toàn thiện và công phu nhất từ trước đến nay. Những thay đổi lên xuống lợi tức ở mức độ nhanh và cách biệt như trên trở thành nguy hiểm khi khủng hoảng gia đình xảy ra, như thất nghiệp, ly dị hay đau ốm nặng: người ta rất khó có thể hồi phục lại được. Ba thập niên vừa qua đã cho thấy điều này.

Theo giáo sư kinh tế Robert Moffitt thuộc viện đại học Johns Hopkins,"Lợi tức của người Mỹ đã bấp bênh nhiều trong thế hệ [khoảng 30 năm] qua... Nói chung những bấp bênh về lợi tức như cho thấy từ gia đình lao động với lợi tức thấp cho tới gia đình thượng lưu mọi người phải chịu đựng nhiều nguy hiểm tài chánh hơn."

Những hệ quả này dễ thấy khi người ta để ý thấy một loạt những chính sách kinh tế thành hình qua sự hợp tác giữa viên chức chính quyền và giới lãnh đạo những đại công ty nhằm xây dựng một nước Hoa-Kỳ phồn thịnh hơn. Cùng với kỷ nguyên Reagan đầu thập niên 1980 giới lãnh đạo

tìm cách triệt bỏ chu kỳ khắc nghiệt giữa lạm phát gia tăng và mức sản xuất trì trệ bằng cách dựng lại kinh tế Mỹ theo đường lối phát triển kiểu thời mở mang biên cương dựng nước —phá bỏ tất cả những luật lệ ràng buộc (deregulation) kỹ nghệ, thu hẹp các chương trình trợ cấp xã hội và xiển dương ý tưởng thị trường tự do theo đó mọi người phải tự mình vạch ra lối đi đến thành công hay thất bại tùy theo khả năng hay may mắn. Nói chung những nỗ lực chuyển đổi kinh tế Mỹ đã thành công. Nhưng thành công này đã đến với một cái giá khá cao và khá khó nhận ra: mức độ rủi ro lớn lao mà người Mỹ phải đương đầu khi kiếm đồng lương về cho gia đình, trả nợ nhà cửa, giành dụm cho lúc về hưu và hưởng một ít xa hoa. Một loạt những bảo đảm để chống chọi với những xáo trộn kinh tế trước đây vẫn có nay không còn chắc chắn nữa —công ăn việc làm vững vàng, bảo hiểm sức khỏe, quyền lợi khi về hưu, thất nghiệp ngắn hạn, trợ cấp thất nghiệp dài hạn và chương trình huấn nghệ dồi dào —đã bị cắt xén bớt hoặc đã biến mất hoàn toàn. Cũng theo giáo sư Jacob Hacker, "Giới kỹ thương và nhà nước trước đây vẫn xem bổn phận chính của mình là cung cấp một cái lưới an toàn trước những thử thách khó khăn nhất. Nhưng càng ngày cái lưới an toàn này càng bị thu hẹp lại... Người Mỹ đi làm đi ăn ngày nay giống như đi trên giây leo, không biết sẽ ngã xuống vực sâu lúc nào." Trong khi vận động bầu cử tổng thống Bush thường tuyên bố rằng dân chúng nên dựa vào chính mình chứ đừng trông cậy vào chính quyền hay giới kỹ thương khi có khốn đốn. Dân chúng có thể mở những "account" được miễn thuế để đầu tư vào quĩ hồi hưu, bảo hiểm y tế, huấn nghệ và An sinh Xã hội lúc về già. Đây có thể đưa đến phồn thịnh cá nhân, nhưng nó cũng dễ đẩy đến nhiều rủi ro kinh tế trên hẳn mức rủi ro dân chúng đã chấp nhận.

Trước đây chuyện này không thường xảy ra. Với bồi thường tai nạn lao động, welfare, phụ cấp thất nghiệp, An sinh Xã hội, Medicare, luật lệ bảo vệ công nhân nơi làm việc, trách nhiệm của giới kỹ thương về sản phẩm của mình cùng nhiều luật lệ khác, nhân viên nhà nước trong gần khắp thế kỷ 20 nhắm vào việc nâng cao những bảo đảm kinh tế người Mỹ có thể dựa cậy vào —và hạ thấp mức rủi ro dân chúng phải tự mình đương đầu. Theo ông David Moss, sử gia về kinh tế thuộc viện đại học Harvard, "Các nhà lập pháp tiểu bang và liên bang liên tục mở rộng tầm mức các chương trình phòng ngừa rủi ro... để bao gồm công nhân, người già cả, người tiêu thụ, và hầu như tất cả mọi người dưới mọi hình thức."

Tuy nhiên, đến cuối thập niên 1970 và với việc đắc cử của ông Reagan năm 1980 nhiều ý niệm mới bắt đầu bám rễ và làm đảo ngược nhiều quan niệm có sẵn về nhu cầu của người lao động Mỹ. Người bảo thủ cảm thấy là cần phải có thay đổi —và kinh tế thị trường là giải pháp— dựa vào những yếu tố như lo sợ Nhật sẽ xâm chiếm khống chế kỹ thương Mỹ, những phá sản liên tiếp của những định chế lâu đời như thành phố Nữu-Ước, đại công ty không gian Lockheed và xe cộ Chrysler —cho thấy những nhược điểm cơ cấu trong kinh tế Mỹ— ảnh hưởng của kinh tế gia bảo thủ Milton Friedman, tác giả George Giolder và chủ biên tờ *Wall Street Journal Robert Bartley*, và một phần không nhỏ là thuyết tư bản tươi tắn, lạc quan của Ronald Reagan.

Một tuyên bố nổi tiếng của ông Reagan khi lên cầm quyền là, "Chính quyền không phải là giải pháp cho những vấn đề của người dân. Chính quyền chính là vấn đề của người dân." Những

cái lưới an toàn nhằm giúp đỡ người dân trong tai biến kinh tế nay bị xem như những đe dọa đời sống người dân. Những xáo trộn kinh tế làm hại người dân nay được khen ngợi như cơ hội thử thách và phân biệt ai là người có tài ai là kẻ kém cựa. Người Mỹ bình thường vẫn được xem như công nhân nay được phong cho tước người đầu tư hay nhà kinh doanh xông xáo. Và họ cũng là người chịu rủi ro lớn lao. Từ giữa thập niên 1970 người thất nghiệp có thể hưởng trợ cấp đến 15 tháng. Tháng Mười-hai năm qua quốc hội cắt thời gian này xuống sáu tháng. Luật lệ liên bang năm 1978 và 1986 xem trợ cấp như lợi tức phải đóng thuế. Trong tám triệu người thất nghiệp tháng qua, chỉ có chưa đến ba triệu người được hưởng trợ cấp. Đồng lương tối thiểu vẫn là cách chính quyền chứng minh và khuyến khích người đi làm là "có làm là có ăn." Qua bao nhiêu thập niên lương tối thiểu được giữ ở mức một nửa đồng lương trung bình. Đầu thập niên 1980 lương tối thiểu được phép tụt xuống, đến mức 5.15 Mỹ kim một giơ —chỉ còn bằng một phần ba đồng lương trung bình —mức thấp nhất trong năm-mươi năm qua. Huấn nghệ là cách chính quyền giúp dân chúng thích ứng với cạnh tranh toàn cầu, tái tổ chức kỹ nghệ và tiến bộ kỹ thuật. Hai mươi năm trước chính quyền liên bang dùng 27.3 tỉ vào huấn nghệ đồng niên (tính theo trị giá Mỹ kim năm 2003) qua chương trình CETA (mà người di dân Việt-Nam giữa thời 1970 rất quen thuộc). Ngày nay chính quyền chỉ chi dùng 4.4 tỉ vào huấn nghệ qua chương trình có cái tên hơi mỉa mai Workforce Investment Act. Welfare, như đã nói trên đang đi đến chỗ tàn lụi.

Thời sau Thế chiến II trở đi Hoa-Thịnh-Đốn có người cộng tác chặt chẽ trong công tác bảo vệ công nhân khỏi những rủi ro kinh tế: những công ty kỹ thương cung cấp công ăn việc làm cùng những quyền lợi lao động. Giới doanh thương công kỹ nghệ tự xem mình có bổn phận cung cấp công ăn việc làm vững chắc và liên hệ mật thiết với công nhân, tránh cho công nhân những hiểm nghèo kinh tế. Qua bao nhiêu thập niên giới chủ nhân bảo đảm lời hứa công ăn việc làm an toàn cho công nhân. Tại đại hội đảng Cộng-hòa tháng Chín vừa qua ông Bush tuyên bố, "Người công nhân thế hệ cha mẹ chúng ta có một công ăn việc làm, một kỹ năng [đủ để làm trong một công ăn việc làm], một đời làm việc —thường là với một công ty thôi." Giới chủ nhân cung cấp bảo hiểm y tế cho công nhân, từ 1.5 triệu người trước Thế-chiến II đến 150 triệu người. Bảo hiểm thương vong bảo vệ 160 triệu gia đình nhân công từ mức 9 triệu trước đây. Quĩ hồi hưu được đài thọ cho 44 triệu công nhân từ mức 4 triệu. Một-phần-tư thế kỷ trước gần 40 phần trăm nhân công có quĩ hồi hưu do chủ nhân đài thọ. Ngày nay quĩ 401(k) chỉ bảo vệ 20 phần trăm công nhân, với chủ nhân đài thọ khoảng một nửa và công nhân chịu trách nhiệm lo đủ tiền khi hồi hưu.

Về mặt bảo hiểm y tế, năm 1987 chủ nhân cung cấp bảo hiểm cho 70 phần trăm công nhân. Năm qua con số này tụt xuống còn 63 phần trăm, khoảng 18 triệu người —trên tổng số 45 triệu người không có bảo hiểm do chủ nhân đài thọ. Dù chủ nhân còn đài thọ bảo hiểm, mức đài thọ không hoàn toàn và công nhân mỗi ngày phải đóng góp thêm tiền túi của mình vào bảo hiểm. Về mặt an ninh công ăn việc làm chủ nhân đa số không giữ lời hứa bảo đảm. Cuối thập niên 1980, 56 phần trăm công ty lớn đồng ý rằng công nhân trung thành và tận tụy với công ty đáng được bảo đảm công ăn việc làm liên tục. Một thập niên sau con số này tụt xuống còn sáu phần trăm. Kết quả là công nhân mỗi ngày một dễ mất việc và nhẩy từ việc này sang việc nọ với những hậu quả tài chánh lớn lao. Năm 1978 công nhân tuổi trung tuần có hy vọng làm 11 năm cho cùng một chủ nhân. Ngày nay con số này tụt xuống 7.5 năm. Từ thời 1970 mức thất nghiệp gia tăng gấp rưỡi đến mức 20 tuần lễ. Theo giáo sư kinh tế Peter Cappelli, thuộc viện đại học Pennsylvania, "Qua gần một thế kỷ, giới kinh doanh và chính quyền hợp tác với nhau để gia tăng bảo đảm an ninh kinh tế cho công nhân qua các chương trình bảo đảm xã hội và công ăn việc làm lâu dài. Trong vòng 25 năm qua, phần lớn những bảo đảm này đã bị dẹp bỏ."

BẢO-THỦ TRONG CHÍNH-SÁCH NGOẠI-GIAO

Khuynh hướng bảo thủ nổi bật trong đường lối ngoại giao Mỹ mỗi lúc một nặng thêm mặt hành động quân sự hơn là ngoại giao truyền thống. Bộ Quốc phòng Mỹ nay nắm thế thượng phong hơn là bộ Ngoại giao với chính quyền chủ trương hành động đơn phương (unilaterialism) không đếm xỉa đến dư luận quốc tế kể cả đồng minh và ra tay đánh phủ đầu (prevenptive strike), với lực lượng quân sự tối tân hùng hậu sử dụng một ngân sách lớn hơn cả ngân sách quốc phòng của hơn hai-mươi nước đứng ngay sau Hoa-Kỳ cộng chung lại, với hai cuộc chiến tàn khốc ở Trung Nam và Tây Nam châu Á cùng lực lượng Mỹ trải rộng khắp thế giới, và với nỗ lực gia tăng sản xuất vũ

khí hạch nhân đủ cỡ cùng hệ thống phòng thủ phi đạn "Star War" kiểu khoa học giả tưởng (Xin xem những bài về chính sách ngoại giao Mỹ và chiến tranh Iraq, cùng người viết trên Thế-Kỷ 21, năm 2003 và 2004).

Chẳng có gì ngạc nhiên khi hầu hết thế giới lên án cũng như chống, bằng nhiều hình thức kể cả bạo động, chính sách ngoại giao kiểu quân sự của Hoa-Kỳ. Mới đây nhất ông Carlos Fuentes (thân phụ ông trước đây là đại sứ Mễ-Tây-Cơ ở Hoa-Kỳ), một nhà văn và trí thức uy tín ở châu Mỹ La-tinh, đã góp tiếng với giới trí thức châu Âu chính thức phê bình ngoại giao kiểu Mỹ mới. Theo ông, đã có quá nhiều lần người Mỹ nhìn nước mình như ông thiện (Dr. Jekyll, theo một tiểu thuyết khoa học giả tưởng Anh, Dr. *Jekyll and Mr. Hyde)* trong khi người ngoài chỉ nhìn thấy những hành động của một người ác (Mr. Hyde): những xâm lăng chiếm đất thuộc Mễ, cuộc chiến chống Mễ (1846-1848) và Tây-Ban-Nha ở Mỹ châu La-tinh (1898), chính sách can thiệp vũ lực "bạo tay" ("big stick" và "gun boat") cạn tầu ráo máng của tổng thống Teddy Roosevelt, những can thiệp liên tục và đầy kiêu ngạo ở Trung Mỹ. Những cái "ác" này cũng qua đi và được thay thế bởi chính sách hợp tác quốc tế thời Franklin Roosevelt và Harry Truman với sự ra đời của tổ chức Liên-Hiệp-Quốc qua những nguyên tắc rõ rệt với sự ủng hộ hoãn toàn của đa số quốc gia trên thế giới. Ngay cả khi Hoa-Kỳ vi phạm những nguyên tắc này qua những hành động từng bị lên án nhiều lần thời Chiến-tranh Lạnh, Hoa-Kỳ chưa từng công khai hay chính thức bỏ rơi những nguyên tắc này.

Ngày nay, với chính quyền George Bush mọi sự đã khác hẳn: thay vì đa phương nay chỉ có một mình Hoa-Kỳ quyết định và thi hành hoàn toàn theo ý mình; thay vì ngoại giao, thảo luận và đi tìm thỏa thuận và sử dụng vũ lực như biện pháp cuối cùng không tránh được, nguyên tắc chiến tranh phủ đầu phòng ngừa (preventive war) man rợ được sử dụng bừa bãi.

Hoa-Kỳ từng ủng hộ những chế độ độc tài khát máu ở Chí-Lợi, Á-Căn-Đình và Uruguay nhân danh chống cộng sản đã mang đến khổ đau ai oán cho toàn vùng châu Mỹ La-tinh. Hoa-Kỳ lật đổ những chính quyền do dân chúng bầu ra theo nguyên tắc dân chủ và tự do như chính quyền Jacobo Arbenz ở Guatemala, Salvador Allende ở Chí-Lợi. Cuộc chiến tranh tàn khốc ở Trung-Mỹ thời Ronald Reagan (thập niên 1980) làm đổ không biết bao nhiêu xương máu người dân vô tội. Người Mỹ châu La-tinh sống qua những giai đoạn này dù có khổ đau oán thán vẫn tin tưởng rằng Hoa-Kỳ sẽ không bao giờ chính thức chối bỏ phủ nhận những nguyên tắc công pháp quốc tế và hy vọng rằng Hoa-Kỳ sẽ khẳng định những nguyên tắc này ngay sau những khó khăn thoáng qua.

Ông Fuentes khẳng định: Điều đáng lo sợ nhất ở chính quyền Bush là việc chính thức chối bỏ phủ nhận những nguyên tắc luật lệ căn bản trong bang giao quốc tế. Chỉ có hai lối: Đi cùng với chúng tôi hoặc chống lại chúng tôi, theo lời ông Bush tuyên bố rất cạn tầu ráo máng và rất giản dị. Hoa-Kỳ hành động vì quyền lợi của mình, "không phải vì quyền lợi của một cộng đồng quốc tế ảo tưởng," khẳng định cố vấn an ninh quốc gia Condoleezza Rice. Nhiều người châu Mỹ La-tinh xem những phát ngôn này như một phủ nhận trâng tráo một khí cụ chính họ có thể dùng để chống chọi với Hoa-Thịnh-Đốn: tinh thần thượng tôn pháp luật, và quân bằng trong những thảo luận và thỏa thuận ngoại giao. Chủ trương đơn phương hành động hoàn toàn đi ngược lại tính cách đa phương của toàn cầu hóa kinh tế. Cựu tổng thống Mễ Ernesto Zedillo đã lên tiếng cảnh cáo. Tổng thống Chí-Lợi Ricardo Lagos cũng nghĩ rằng cộng đồng thế giới đang hoãn lại nghị trình toàn cầu nhằm cấu tạo quĩ thăng tiến xã hội, trợ lực cho nhân quyền và giảm thiểu mức chênh lệch giữa người giầu và nghèo. Cũng như lời kêu gọi của cựu tổng thống Ba-Tây Fernando Henrique Cardoso: chống khủng bố triệt để, nhưng cũng phải chống những nguyên nhân căn cơ tạo ra khủng bố như nghèo đói, thiếu học, bất công xã hội và ngu dốt về văn hóa của người nước khác. Tổng thống Bill Clinton cũng cảnh cáo rằng không thể nào đánh bại khủng bố nếu không biết cách hợp tác với một thế giới tương lập như thế giới ngày nay. Những tiếng nói này, những khuyến cáo này như hoàn toàn nằm ngoài tai chính quyền Bush. Ông Fuentes kết luận: "Trong khi khó quên được những sai lầm và gian dối của chính quyền Bush, người Mỹ châu La-tinh vẫn tin tưởng thượng tôn luật pháp sẽ trở lại, cũng như hợp tác quốc tế và sự chú ý đến một nửa nhân loại còn sống trong nghèo khó nhọc nhằn, ngu dốt và bệnh tật đọa đầy. Khi ông Bush và đám thủ hạ hung hăng ra đi, những vấn đề này vẫn còn đó. Người châu Mỹ La-tinh cần phải nêu chúng lên như nghị trình chính của thế kỷ mới nhưng đã đầy chông gai này."

Cuộc bầu cử Tổng Thống tại Afghanistan

ĐINH XUÂN QUÂN

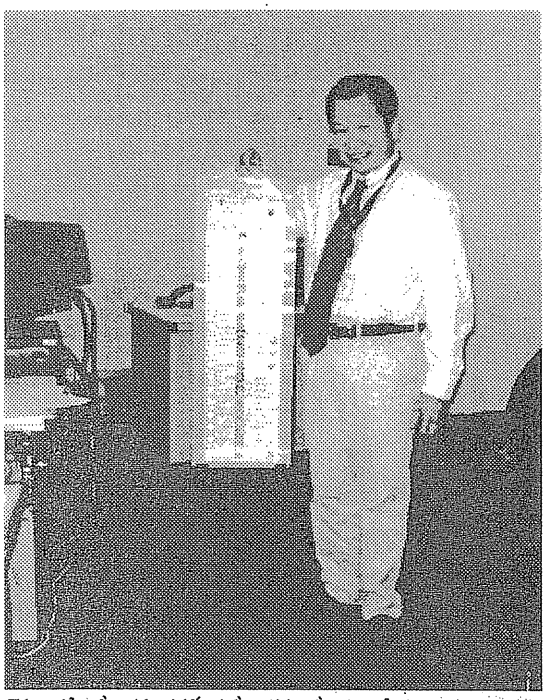

Tác giả cầm lá phiếu bầu dài gần 1m ở Afghanistan

Mặc dù ở Afghanistan quân Taliban thỉnh thoảng xuất hiện, chính trường xứ này ngày nay đang có nhiều thay đổi, rõ nét nhất là cuộc bầu cử Tổng thống vừa qua. So với Iraq trong chiến tranh chống "khủng bố" của Mỹ thì có phần thành công tại đây. Với 9,000 quân NATO và ISAF (Anh, Pháp, Thụy Điển, Na Uy, Thổ, Đức, vv) 15,000 quân Mỹ và 40,000 quân chính quy, an ninh trật tự đã được duy trì cho cuộc bầu cử trực tiếp TT đầu tiên cho xứ này từ 25 năm nay, mặc dầu quân Taliban - El Quaeda - quân Hồi giáo quá khích đã hứa sẽ phá hoại cuộc bầu cử hay hăm dọa giết người đi bầu bằng cách pháo kích các thành thị hay gài mìn, ám sát người dân đi bỏ phiếu.

Trong chuyến công tác tại Afghanistan để giúp cải tổ chính phủ và xây dựng một nền hành chính mới trong khuôn khổ trợ giúp của Ngân Hàng thế giới, tôi có dịp chứng kiến tại chỗ cuộc bầu cử Tổng thống tại Kabul và vài tỉnh lẻ.

Tiến bộ qua cuộc tổ chức bầu cử TT

Sau ba năm ổn định và tái thiết, mặc dù còn nhiều việc khác phải làm, đặc biệt là vấn đề an ninh, Afghanistan với sự trợ giúp của LHQ đã tổ chức được cuộc bầu cử TT đầu tiên từ 25 năm nay. Họ đã ghi danh trên 10.5 triệu cử tri trong đó có trên 40% là phụ nữ. Ở đây cũng phải nói đến nhiều mưu toan phá hoại cuộc bầu cử này, gây bất an và làm trở ngại cho việc tranh cử và bầu phiếu. Nhiều nhân viên Afghan hay quốc tế đã bị Taliban ám sát. Mặc dù phải đối phó với nhiều khó khăn, ban tổ chức bầu cử đã dựng trên 5,000 trung tâm đầu phiếu với 22,000 trạm/điểm bỏ phiếu rải rác trên khắp lãnh thổ Afghanistan lớn gấp 2 lần VN với một dân số khoảng 23 triệu. Nhiều nơi hẻo lánh cần phải chuyên chở các thùng phiếu bằng lừa, ngựa hay lạc đà vì không có đường sá. Sau khi bầu các thùng phiếu này phải được chở về tám trung tâm kiểm phiếu. Việc tổ chức bầu cử với sự trợ giúp của LHQ là một việc làm khổng lồ mà chính phủ đã phải hoãn nhiều lần.

Lần này ngày bầu cử TT được quyết định vào ngày 9 tháng 10 và không thể hoãn lại nữa vì trong hai tuần nữa là tháng ăn chay Hồi giáo, gọi là Ramadan. Trong mùa chay này, cả thế giới Hồi giáo từ Trung đông đến Á châu đều ăn chay và cả ngày một người mạnh khỏe không có quyền ăn hay uống cho nên hoạt động tại các nước Hồi giáo trên thế giới đều bị chậm lại.

Trong việc tổ chức bầu cử, LHQ đã đào tạo nhiều người trông phòng phiếu, xem xét số cử tri, tổ chức phòng bầu phiếu, ngoài ra còn có nhiều quan sát viên người nước ngoài và ký giả quốc tế theo dõi cuộc bầu cử này.

Taliban và Al Queda đe dọa phá cuộc bầu cử TT và vấn đề an ninh là cực kỳ quan trọng. Tổ

chức an ninh nghiêm ngặt và các xe gắn máy hay vận tải không có bảng số Kabul không được di chuyển. Tại Kabul, mặc dù canh phòng cẩn mật, lâu lâu cũng có pháo kích bằng rocket 107 mm vào thành phố. Quân khối Bắc Đại Tây Dương (NATO — Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Mỹ, Canada, Na Uy, vv) dưới sự bảo trợ của LHQ lo lắng canh phòng và tăng cường giúp cảnh sát và quân chính quy giữ trật tự trong dịp bầu cử. Tại các tỉnh miền Tây hay Đông Bắc thì tình hình yên tĩnh. Chỉ có các tỉnh ráp giới với Pakistan là còn quân tàn dư của Taliban hay Al Queda lâu lâu lại bắt cóc, đặt mìn hay giết người. Tại tỉnh biên giới, chó ngửi thuốc nổ đã đánh mùi phát giác chất nổ trong xe chở xăng. Địa dư Afghanistan gần Pakistan, núi non hiểm trở cho nên quân tàn dư Taliban còn có nơi ẩn nấp.

Các ứng cử viên

Đã có 18 liên danh ra tranh cử ghế Tổng thống, trong đó có một phụ nữ. Đây là một việc mới mẻ, táo bạo vì cách đây ba năm, phụ nữ không có quyền ra khỏi nhà nếu không đi với một người đàn ông trong gia đình. Bà ứng cử viên này là Bác sĩ và lần đầu tiên đã để hở mặt đi tranh cử.

Cuộc tranh cử chưa mấy sôi động vì các ứng viên lên trình diện trên TV chỉ nói sơ xài vài phút mà thôi. Chưa có cuốc tranh luận nào như hiện nay tại Mỹ giữa TNS Kerry và TT Bush. Afghanistan còn nhiều tướng vùng - sứ quân (war lord) cho nên nhiều người lo sợ dân chúng sẽ có thể bị ảnh hưởng và có thể bầu theo đường hướng nặng về sắc tộc, hay tinh thần địa phương. Tỷ lệ thất học hay mù chữ còn cao cho nên người dân còn dễ bị ảnh hưởng khi đi bầu. Afghanistan là một nước gồm nhiều sắc tộc, dân lại ít học cho nên còn dễ bị ảnh hưởng chứ không phải xứ Hồi giáo tiến bộ như Indonesia, người dân đã trưởng thành về chính trị đã bầu theo ý của họ, không để các đảng phái ảnh hưởng.

Vào hai ngày chót, hai liên danh ứng cử rút lui ủng hộ TT Karzai. Cuộc tranh cử tại Kabul không mấy hào hứng vì chỉ có một số thời gian ngắn để giới thiệu các liên danh. Vì dân chúng còn ít học cho nên liên danh nào cũng có một biểu hiệu: cây viết, cái cờ, cuốn thánh kinh Koran, con chim bầu câu, cái đèn, con ngựa, cái cân, vv. không khác gì miền Nam Việt Nam trước đây.

Cuộc tranh cử dựa trên các bích trương dán đầy đường Kabul trong khi tại các tỉnh thì các cuộc hội họp dân đông hơn vào hào hứng hơn. Vì đây còn là một xứ chậm tiến cho nên có thể nghe các ứng cử viên mị dân, hứa mang xứ Afghanistan đến mức giống như Pakistan trong ba năm, v.v.

Chưa có kết quả cũng có thể đoán là nhiều ứng cử viên sẽ phản đối — cho là gian lận - cho nên có Hội đồng bầu cử và nhiều đại diện nước ngoài theo dõi, xem xét cuộc bầu cử này. Cũng như nhiều nước chậm tiến khác tại Á châu, người thua không bao giờ chịu chấp nhận là mình thua, sợ mất mặt, như trường hợp đương kim Tổng thống Megawati của Indonesia không chấp nhận thua mặc dù Hội đồng bầu cử đã phán quyết.

Đến phòng đầu phiếu, cử tri sẽ nhận một tấm phiếu có 18 hình ứng cử viên và biệt hiệu của họ và khi bầu họ chỉ cần đánh dấu vào chỗ hình hay dấu hiệu người mình muốn bầu rồi bỏ vào một thùng phiếu platic trong suốt. Bầu xong, ngón tay trỏ của cử tri sẽ được "đánh dấu" bằng một thứ mực không rửa được trong ít nhất hai tuần, đó là dấu hiệu cho thấy mình bầu rồi - không thể đi bầu lần thứ hai. Tương đối cách bầu cử dễ hiểu và phương pháp này cốt là cho dân ít học cũng có thể sử dụng lá phiếu một cách chính xác.

Ngày bầu cử

Các cơ quan quốc tế và Tòa Đại sứ Sứ Mỹ khuyến cáo nhân viên của họ hay các chuyên gia không nên đi ra ngoài nhà, không nên đến

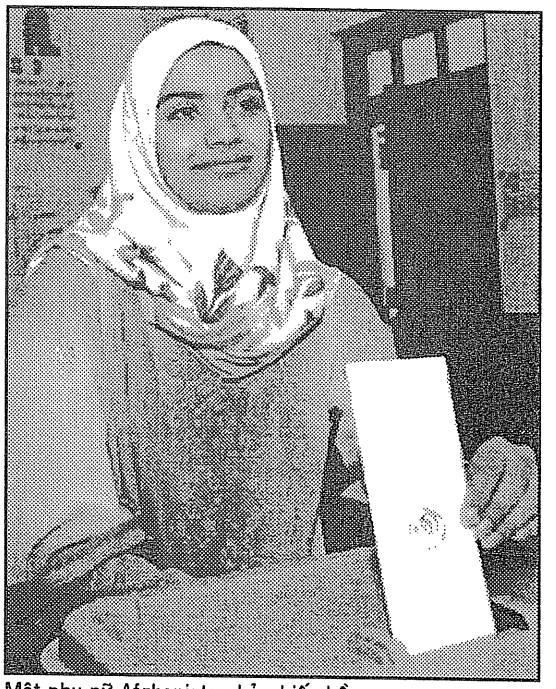

Một phụ nữ Afghanistan bỏ phiếu bầu

Tác giả (phải) và một chuyên gia VN giả trang để đi xem bầu cử.

gần đám đông, v.v... cho nên đối với số người này thì ngày bầu cử là ngày phải "cấm cung - án binh bất động."

Tôi và một ông bạn Việt Nam chuyên gia về nông nghiệp, TS Phan Thành Khâm, liều mặc quần áo địa phương giả trang đi ra xem cuộc bỏ phiếu lịch sử của dân Afghanistan. Chúng tôi nghĩ, với kinh nghiệm và lòng dũng cảm người Việt Nam, tại sao lại sợ? Hơn nữa vì dân Hazara của Afghanistan cũng giống người mình mà thôi. Cùng đi với chúng tôi là một tay trợ tá để tránh khỏi phải nói và nếu cần anh ta sẽ dịch cho. Quả nhiên nhiều người tưởng chúng tôi là dân Hazara (gốc Mông cổ). Ông bạn Khâm có râu ria cho nên giống hệt dân địa phương trong khi tôi không có râu, nước da lại trắng nên bị nhiều người nghi ngờ không phải là dân bản xứ. Tôi cũng bị cảnh sát hỏi nhưng đưa thẻ công vụ ra là xong tuốt.

Đến trạm bỏ phiếu thì đã thấy nhiều nhà báo và truyền hình nước ngoài vì cuộc bầu cử này thu hút khá nhiều giới truyền thông quốc tế. Cảnh sát canh phòng rất ngặt và dân chúng, đa số là đàn ông, sắp hàng bước vào phòng bỏ phiếu. Phải xuất trình thẻ cử tri và bị khám xem có súng hoặc chất nổ hay không rồi mới được bước vào phòng phiếu. Còn phụ nữ có phòng bầu phiếu riêng, tại đó có nữ cảnh sát và các người phụ nữ khác lo xét thẻ cử tri và khám an ninh. Chúng tôi không vào được phòng bầu phiếu dành cho phụ nữ, nhưng được biết mọi việc tiến hành tốt, không có trở ngại nào đáng kể.

Từ làng đến thành thị, từ nghèo đến giàu, mọi người dân Afghan sắp hàng đi bầu, cuộc bầu cử xảy ra yên ổn và trong trật tự bất chấp sự đe dọa của Taliban. Các lực lượng an ninh đã thành công bắt các tên khủng bố đến từ Pakistan, nhờ chó đánh hơi đã tìm trong xe bồn xe chở xăng chất nổ, bắt các thành phần chở chất nổ, rocket, âm mưu phá hoại. Chỉ có vài vụ nổ mìn ở vùng gần Pakistan mà thôi.

Ở Afghanistan không có vụ đi bầu hộ như tôi đã thấy trước đây tại Hà Nội. Dân chúng coi việc đi bầu là trách nhiệm vì họ có quyền chọn trực tiếp lãnh đạo của họ cho nên ít nhất dân thành thị coi việc này là quan trọng, khác hẳn bầu cử tại VN.

Vào buổi chiều, chúng tôi quay lại xin phép vào xem thùng phiếu. Đó là loại thùng plastic trắng, trong suốt, có thể trông thấy rõ phiếu bỏ đầy trong đó. Mặc dầu nhìn rõ, nhưng nắp thùng vẫn được niêm phong, chờ cơ quan lo bầu cử của bộ nội vụ đến lấy đi.

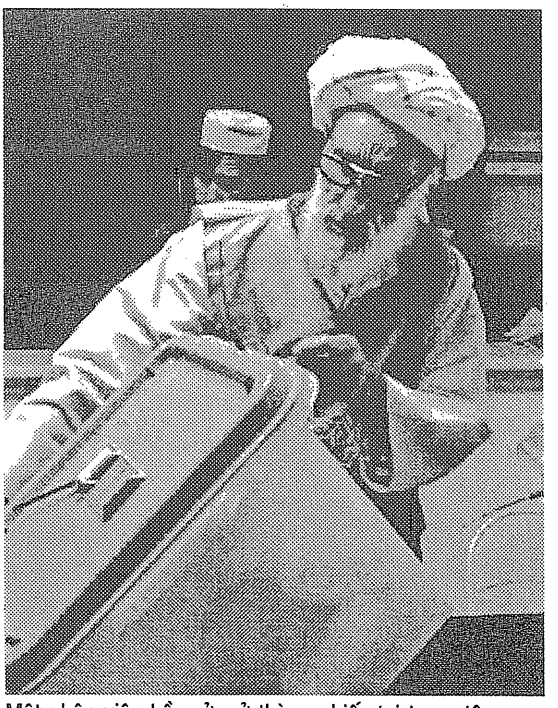

Một nhân viên bầu cử mở thùng phiếu tại trung tâm kiểm phiếu ở Kabul

Nhân viên bầu cử đếm phiếu tại trung tâm kiểm phiếu ở Kabul, thủ đô Afghanistan

Tôi có hỏi mấy người bản xứ trong sở thì họ cho là đây là cơ hội lịch sử vì lần đầu tiên có sự giải quyết bằng lá phiếu các tranh chấp chính trị và theo họ lần đầu tiên dân Afghan có quyền chọn lãnh đạo của họ. Xứ này chinh chiến 25 năm cho nên người dân ngán chiến tranh, chán việc súng AK ngồi trên luật, cá lớn nuốt cá bé. Nói chung người dân hãnh diện có dịp đi bầu và là nói lên tiếng nói của họ.

Trục trặc kỹ thuật

Mọi chuyện xem ra rất tốt đẹp, nhưng chẳng có công cuộc tổ chức nào mà không gặp trục trặc. Trục trặc ở đây không phải bắt nguồn từ lý do an ninh, mà là lý do kỹ thuật: vấn đề bôi mực trên ngón tay. Đó là thứ mực mà tổ chức bầu cử nói rằng không thể xóa trong vòng hai tuần, để tránh nạn một người đi bầu nhiều lần, nhưng không hiểu sao vẫn có người xóa được để đi bầu lần thứ hai! Mười lăm ứng cử viên đã phản đối và đòi bầu lại. LHQ và hội đồng bầu cử đã không hoãn bầu cử mà nói là vụ mực đã được giải quyết. Nhiều ứng cử viên đã lợi dụng trục trặc kỹ thuật này để chỉ trích TT Karzai vì họ biết là đa số dân chúng sẽ bầu cho ông ta. Ông Yunus Qanooni, đối thủ của TT Karzai đòi tẩy chay cuộc bầu cử này.

Các quan sát viên quốc tế cho là vấn đề mực là một trong nhiều trục trặc kỹ thuật như việc không am tường các thủ tục bầu do cơ quan LHQ tổ chức, hay vấn đều hậu cần chưa làm tốt. Họ cho là việc đòi tẩy chay là không nghiêm chỉnh và hứa sẽ điều tra các vụ gian lận nếu có.

Theo giám đốc Robert Barry của OSCE (Organization for Security and Cooperation) thì vụ tẩy chay hay bỏ cuộc bầu là không chính đáng vì sẽ đặt câu hỏi về quyết tâm của hàng triệu người đã đi bầu. Các quan sát viên quốc tế khác cho là cuộc bầu này "khá dân chủ." Thành viên hội đồng bầu cử cùng LHQ đã họp và tìm ra cách gỡ rối bằng cách cử một ban điều tra các vụ tố cáo. Các ứng cử viên đã chấp nhận việc này. Theo một số người dân thì các ứng cử viên đòi tẩy chay là vì sợ "mất mặt."

Dù sao đi nữa LHQ sẽ đề cử một ban điều tra độc lập gồm năm người để điều tra các khiếu nại. Các quan sát viên đã điều tra 43 tờ khiếu nại từ nhiều ứng cử viên và không có khiếu nại nào nghiêm trọng đủ để tuyên bố cuộc bầu cử "vô giá trị."

Rốt cuộc, sau đó cuộc kiểm phiếu được thực hiện tại tám trung tâm kiểm phiếu và các đại diện LHQ chỉ giữ lại 10 thùng phiếu của 10 trung tâm có khiếu nại mà thôi.

Ngày bầu cử là ngày đặc biệt, có điện 24/24, không thấy một tiếng rocket nổ hay pháo kích nào tại Kabul. Như vậy là tương đối cuộc bầu cử lịch sử của dân Afghanistan đã thành công và phe Taliban đã không có khả năng phá rối như đã loan báo.

Trong một nước chậm tiến trong thời kỳ hậu chiến đang trên đường hồi phục, người Afghanistan hôm nay có cơ hội bầy tỏ lập trường và có dịp trực tiếp chọn lãnh đạo của họ mà không phải qua một loại "trung gian" nào. Dù sao đi nữa, đây là một bước tiến lớn trong tiến trình "dân chủ hóa" và tái xây dựng xứ Afghanistan. Các cơ quan LHQ đã có công rất nhiều trong việc đóng góp vào thành công này, trong việc ổn định chính trị và phát triển xứ này. Thêm nữa quân đội các nước NATO cũng đóng góp một phần không nhỏ trong việc giữ trật tự cho cuộc bầu TT này.

Báo chí cho biết Afghanistan nổi tiếng về cách đối xử tệ với phụ nữ. Trong ba năm qua các thay đổi dồn dập, mau chóng đã phần nào đến với nữ giới xứ này. Trong cuộc bầu cử này, mặc dù nhiều phụ nữ không có học nhưng hăng hái đi bầu và họ chọn người lãnh đạo của họ bằng cách đánh dấu vào hình người họ chọn. Đây là lần đầu tiên họ được đi bầu.

Với sự trợ giúp của LHQ, đã tổ chức thành công Với sự thành công của cuộc bầu cử TT này, Afghanistan đang trên đường thay đổi. Đây cũng là một thất bại lớn về tinh thần cho quân Taliban-Al Quaeda.

Kabul, Afghanistan ngày 12/10/2004

TÀI LIỆU MẬT CỦA C.I.A. VỀ VIỆT NAM CỘNG HÒA

LÂM VĨNH THẾ
Đại Học Saskatchewan, Canada

Trong suốt thời gian chiến tranh Việt Nam, Cơ Quan Trung Ương Tình Báo của chính phủ Hoa Kỳ (Central Intelligency Agency — CIA) đã tạo ra hàng ngàn tài liệu mật (classified) liên quan đến tình hình chính trị, quân sự, kinh tế của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Từ hơn 20 năm nay, rất nhiều tài liệu thuộc loại nầy đã được bạch hóa (declassified) và trở thành một nguồn sử liệu rất quan trọng cho việc nghiên cứu về lịch sử của VNCH. Tuy nhiên, cũng như bất cứ loại sử liệu nào, các tài liệu mật của C.I.A. cũng đòi hỏi một sự hiểu biết đầy đủ về lý do cũng như cách thức tạo dựng ra chúng. Bài viết nầy nhằm cung cấp cho người đọc những hiểu biết cần thiết về loại tài liệu nầy.

Sơ Lược Về Tổ Chức Và Hoạt Động Của CIA

Cơ quan CIA được thành lập vào năm 1947 do đạo luật The National Security Act of 1947, ban hành ngày 26-07-1947. Theo đạo luật nầy, đứng đầu CIA là một Giám Đốc Trung Ương Tình Báo (Director of Central Intelligence, thường được gọi tắt là DCI), do Tổng Thống bổ nhiệm với sự đồng thuận của Thượng Viện. Điều 102(d)(5) của đạo luật ghi rõ rằng CIA, ngoài các chức năng chính, còn có nhiệm vụ phải "thi hành các chức năng và nhiệm vụ khác về tình báo có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia mà Hội Đồng An Ninh Quốc Gia đôi khi có thể giao phó (to perform such other functions and duties related to intelligence affecting the national security as the National Security Council may from time to time direct) (1). Trong thời Chiến Tranh Lạnh, điều khoản nầy đã được chính phủ Hoa Kỳ khai thác tối đa để giao thêm cho CIA rất nhiều chức năng và nhiệm vụ mới, đặc biệt là trong lãnh vực hoạt động bí mật (covert action). Bộ máy tổ chức của CIA đã được phát triển rất nhanh theo chiều hướng nầy, và đến năm 1952, loại hoạt động nầy đã chiếm đến 60% tổng số nhân viên và 72% ngân sách của CIA.

Vào năm 1964, ngay trước khi Hoa Kỳ ồ ạt đổ quân vào Việt Nam, CIA đã có một cơ cấu tổ chức theo mô hình sau đây:

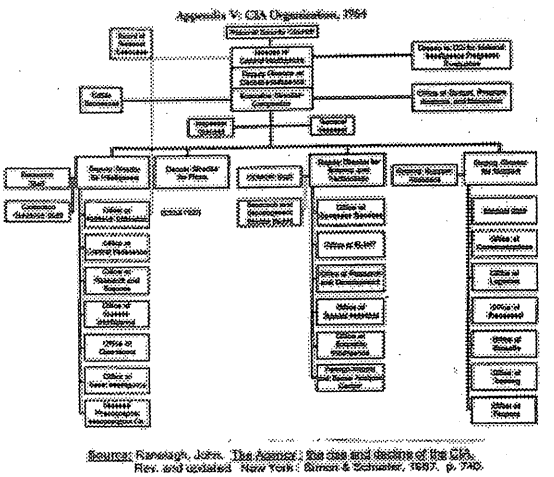

Source: Ranelagh, John. The Agency: the rise and decline of the CIA. Rev. and updated. New York: Simon & Schuster, 1987. p. 740.

NhaTình Báo (Directorate of Intelligence, do Deputy Director for Intelligence đứng đầu) là bộ phận có nhiệm vụ cung cấp các tin tức tình báo cần thiết cho các cơ quan của Chính phủ Hoa Kỳ. Trong Nha nầy, Office of National Estimates (ONE) là Sở quan trọng nhất, với nhiệm vụ cung cấp bản tin tình báo về từng quốc gia trên thế giới, gọi chung là các National Intelligence Estimates (NIE). Các NIE sẽ do một hội đồng gọi là Board of National Estimates duyệt xét, và trình lên United States Intelligence Board (USIB) để được phê chuẩn và ban hành. Tuy nhiên trên thực tế NIE chỉ là tài liệu căn bản cung cấp một cái nhìn toàn diện và tổng quát về một quốc gia mà thôi. CIA luôn luôn phải ứng phó với nhu cầu tình báo cập nhật trước mọi biến cố có thể xảy ra. CIA thi hành công tác nầy qua nhiều loại hình tài liệu tình báo khác như công văn (Memorandum), công điện (Cable), báo cáo hàng tuần (Weekly Report), báo cáo hàng tháng (Monthly Report), báo cáo đặc biệt (Special Report), và

ngay cả những NIE đặc biệt (Special National Intelligence Estimates, hay SNIE).

Tài Liệu Mật Đã Bạch Hóa Của CIA Về Việt Nam

Từ năm 1975 đến năm 2000, dựa trên liệt kê trong tạp chí Declassified Documents Quarterly Catalog (1975-1985) và sau đó đổi tên là Declassified Documents Catalog (1986-2000), đã có tất cả là 1744 (với tổng số trang là 15736) tài liệu mật của CIA về Việt Nam được bạch hóa (Xem chi tiết ở các Phụ Đính A và B). Các tài liệu nầy có thể từ chỉ gồm một trang (một bức công điện —Cable— chẳng hạn) cho đến hàng trăm trang (chẳng hạn một báo cáo đặc biệt -Special Report). Về nội dung, các tài liệu nầy có thể đề cập đến tất cả mọi khía cạnh của chế độ VNCH: chính trị, quân sự, kinh tế, v.v... Rất nhiều tài liệu cung cấp các chi tiết tiểu sử của các nhân vật quan trọng của VNCH, đặc biệt là các tướng lãnh, các tổng, bộ trưởng cũng như các lãnh tụ đảng phái và tôn giáo. Sau khi chính quyền Johnson quyết định gửi quân sang tham chiến tại VNCH, CIA thực hiện những báo cáo tình hình hàng tuần và hàng tháng, trong đó ghi nhận đầy đủ chi tiết các biến cố chính trị, quân sự của VNCH. Trong phần Tình Hình Chính Trị, các báo cáo nầy trình bày các hoạt động của chính phủ VNCH, thí dụ như các vụ cải tổ nội các, khai mạc và diễn tiến của các chương trình hoạt động của chính phủ, cũng như các thảo luận tại Quốc Hội. Phần nầy cũng ghi nhận các hoạt động của các chính khách, các chính đảng, các tin đồn về đảo chánh, các cuộc bầu cử v.v. Trong phần Tình Hình Quân Sự, các báo cáo nầy ghi lại các cuộc hành quân của QLVNCH, quân đội Hoa Kỳ, các nước Đồng Minh, quân Bắc Việt và Việt Cộng, với đầy đủ chi tiết về nơi chốn xảy ra các trận đánh, các đơn vị tham chiến của cả hai phe, cũng như số thương vong và tổn thất vũ khí của hai bên. Các phần Tình Hình Kinh Tế ghi lại đầy đủ tình hình sản xuất nông nghiệp và kỹ nghệ của VNCH, với các chỉ số về giá cả hàng hóa, vàng và ngoại tệ... Song song với các báo cáo hàng tuần về tình hình tại VNCH, CIA cũng thực hiện hàng loạt các báo cáo về hiệu quả của Kế Hoạch ROLLING THUNDER (tức là việc oanh tạc Bắc Việt bởi Không Lực Hoa Kỳ), cũng như các báo cáo về việc xâm nhập VNCH của quân Bắc Việt. Tất cả các loại báo cáo nầy sẽ là một nguồn sử liệu rất hữu ích cho việc nghiên cứu về VNCH trong khoảng thời gian đó.

Nội Dung Các Loại Tài Liệu Mật Của CIA

Phần nầy sẽ đi sâu hơn vào nội dung các tài liệu mật của CIA về VNCH. Mỗi loại tài liệu có một chức năng, hay công dụng khác nhau. Khối lượng của mỗi loại tài liệu cũng khác nhau. Nếu căn cứ vào Phụ Đính B thì loại Công Điện chiếm đa số, tiếp theo là loại Công Văn, rồi mới đến các loại Báo Cáo (tuy nhiên chúng ta cần lưu ý là Phụ Đính chỉ phản ánh các tài liệu đã được bạch hóa, chớ không phải toàn bộ tài liệu mà CIA đã thực hiện). Nói chung, các loại Công Điện và Công Văn mang tính nhất thời và cập nhật hơn là các Báo Cáo. Các Báo Cáo, trái lại, mang một lượng thông tin lớn hơn nhiều, và thông thường là có kiểm tra và đánh giá thông tin hơn các loại Công Điện và Công Văn.

Người viết xin đưa ra một vài thí dụ tương đối tiêu biểu về các tài liệu điển hình để người đọc có một ý niệm về những thông tin mà chúng ta có thể truy dụng được từ các tài liệu mật của CIA về VNCH. Đây là thí dụ về hai loại tài liệu điển hình: Loại Báo Cáo Tình Hình Hàng Tuần (Weekly Situation Report) và Loại Công Điện (Cable).

Loại Báo Cáo Tình Hình Hàng Tuần

Loại báo cáo tình hình hàng tuần được gọi là "Situation in South Vietnam" và được thực hiện theo một dàn bài thống nhứt và thường gồm khoảng 20-30 trang với một số bản đồ và biểu đồ.

Xin lấy thí dụ một báo cáo cụ thể. Đó là báo cáo hàng tuần của tuần lễ từ ngày 12 đến ngày 18 tháng 5 năm 1966, thực hiện ngày 18/05/1966, mang số OCI No. 0374/66 (OCI là chữ tắt của Office of Current Intelligence, Sở Tình Báo Hiện Hành, một Sở quan trọng của CIA), được đánh số 002524 của năm 1986 trong bộ vi phiếu (microfiche) Declassified Documents Reference System (DDRS), gồm tất cả 26 trang, với nội dung theo một dàn bài như sau:

Toát Yếu
Bản đồ, Nam Việt Nam
I. Tình Hình Miền Nam Việt Nam
A. Tình Hình Chính Trị
- Hành động của chính phủ tại Đà Nẵng mở màn cho một giai đoạn bất ổn định mới
- 5 tiểu đoàn quân trung thành với chính phủ

được đưa vào khu vực

- Chính phủ Saigon cương quyết thực hiện mục tiêu tối hậu
- Có tin là Huế sẽ là mục tiêu kế tiếp của chính phủ
- Phản ứng của Phật Giáo cứng rắn hơn lúc đầu
- Nhóm tranh đấu tiếp tục hoạt động tích cực ở Huế
- Các tướng lãnh tại Vùng I biểu lộ lập trường khác nhau
- Các khó khăn về nghiệp đoàn tại Saigon đã giảm bớt
- Tình hình kinh tế: giá bán lẻ tiếp tục gia tăng tại Saigon; lúa gạo vẫn là vấn đề chính của VN; sản xuất lúa gạo giảm 7% so với năm trước; liệt kê giá ngoại tệ

B. Tình Hình Quân Sự

- Hoạt động của địch gia tăng
- Thống kê hàng tuần
- Cuộc Hành quân MONTGOMERY chấm dứt tại Vùng I
- Các cuộc hành quân tại Vùng II tương đối thắng lợi
- Cuộc Hành quân BIRMINGHAM chấm dứt tại Vùng III
- QLVNCH thực hiện hai cuộc hành quân lớn tại Vùng IV
- Không Lực Hoa Kỳ thực hiện tám phi vụ B-52
- Liệt kê kết quả các phi vụ chiến thuật
- Xà lan CS bị mắc cạn sau khi bị tàu tuần duyên của Hải Quân Hoa Kỳ rượt đuổi
- Vùng I tiếp tục ghi nhận nhiều hoạt động nhứt của địch
- Tóm lược hoạt động của địch tại các Vùng chiến thuật khác
- Báo cáo về thay đổi của tình trạng của các trục giao thông

Bản đồ các trục giao thông

C. Xây Dựng Nông Thôn

- Trên 30.000 cán bộ hoạt động trong lãnh vực Xây Dựng Nông Thôn
- Số cán binh CS về chiêu hồi đã thăng bằng lại sau khi đã sút giảm rõ rệt
- Con số cán binh CS về chiêu hồi thấp nhứt là tại Vùng I

Bản đồ Bắc Việt Nam

II. Các Phát Triển Trong Khối Cộng Sản

- Bộ máy tuyên truyền của Bắc Kinh tố cáo phi cơ Hoa Kỳ xâm phạm không phận và bắn rơi phi cơ MIG
- Báo chí Trung Quốc đăng hình các thiết bị của Hoa Kỳ mà Trung Công cáo buộc là đã lượm được gần nơi xảy ra giao tranh

III. Các Phát Triển Tại Các Nước Đệ Tam

- VNCH ký thỏa ước thương mại với Tunisia
- Các cuộc viếng thăm của hai phái đoàn quân sự cao cấp của Đại Hàn và Trung Hoa Dân Quốc
- VNCH cử Đại sứ đến Marocco
- Lịch trình viếng thăm ngoại quốc của các viên chức cao cấp của VNCH
- Có tin các dược phẩm viện trợ của Tây Đức đã chạy ra chợ trời

Phụ Đính:

1. Thống kê chiến trường của QLVNCH: số thương vong
2. Thống kê chiến trường của QLVNCH: số các cuộc giao tranh và tấn công của địch
3. Các chỉ số kinh tế của VNCH
4. Thống kê giá bán lẻ hàng tuần tại Saigon

Dựa trên dàn bài nầy, chúng ta có thể thấy được mức độ chi tiết về tình hình chính trị, quân sự và kinh tế của VNCH cũng như các diễn tiến chính trị, quân sự, ngoại giao của các nước thứ ba cũng như các nước trong khối Cộng Sản đã diễn ra trong tuần lễ từ ngày 12 đến ngày 18 tháng 5 năm 1966. Đây là một thời điểm rất quan trọng về chính trị của VNCH: vụ biến động ở Miền Trung do Phật Giáo xách động đưa đến quyết định của Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ đưa Thủy Quân Lục Chiến ra Đà Nẵng và Huế.

Theo Phụ Đính B, 132 tài liệu loại nầy đã được bạch hóa. Chúng có khả năng giúp các nhà nghiên cứu sử VNCH có thể nhìn lại một số biến cố chính trị, quân sự theo trình tự diễn tiến của các biến cố đó một cách khá chính xác.

Loại Công Điện

Loại tài liệu nầy đa số được thực hiện do nhu cầu cấp thiết trong một tình huống đặc biệt nào đó, thường cung cấp loại tin "sống" (raw), chưa được kiểm chứng và đánh giá. Tầm quan trọng của chúng nằm trong việc cung cấp cho các nhà lãnh đạo những thông tin tối thiểu, cần thiết để tạm thời có được ngay một nhận định và quan điểm về một biến cố đang hay vừa mới xảy ra.

Xin lấy một tài liệu cụ thể để minh họa. Đó là Công Điện (Cable) do CIA gửi đi từ Saigon ngày

1-11-1963, và được Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ nhận vào lúc 2:15 giờ sáng, giờ Hoa Thịnh Đốn, ngày 1-11-1963, được đánh số 002720 của năm 1987 trong bộ vi phiếu DDRS, gồm một trang, với nội dung như sau:

...binh sĩ mang khăn quàng đỏ đổ vào Saigon từ hướng Biên Hòa. Dường như là Thủy Quân Lục Chiến. Các lực lượng nầy chiếm đóng Trung Tâm Viễn Thông chứ không phải, xin lập lại, không phải Bưu Điện. Vào lúc 13:45, giờ địa phương, nhiều lực lượng khác, không rõ quân số, tiếp tục tiến vào... Cuộc đảo chánh đang diễn ra. Cũng vào lúc nầy, Tổng Nha Cảnh Sát và Bộ Quốc Phòng đã bị Thủy Quân Lục Chiến chiếm đóng. Nha An Ninh Quân Đội bị Thủy Quân Lục Chiến bao bây nhưng vẫn còn ra vào tự do. Có tin báo là có giao tranh diễn ra tại khu vực của Lực Lượng Đặc Biệt tại Tân Sơn Nhứt. Thủy Quân Lục Chiến xuất phát từ Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung.

Đọc công điện nầy, chúng ta thấy rõ tính cấp thiết của những thông tin chứa trong công điện: đây là những thông tin đầu tiên về cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Công điện có mục tiêu báo động cho Chánh phủ Hoa Kỳ, qua Bộ Ngoại Giao, về một biến cố chính trị quan trọng, có thể có những hậu quả sâu xa trong bang giao giữa Hoa Kỳ và VNCH. Nó chỉ cung cấp thông tin mà thôi, tuyệt nhiên không có kiểm chứng và đánh giá tin. Những binh sĩ mang khăn quàng đỏ từ Biên Hòa kéo về Saigon có thể là các đơn vị của Sư Đoàn 5 Bộ Binh của Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu, chớ không phải Thủy Quân Lục Chiến mà quân phục màu xanh lơ với những đường vằn đen rất dễ nhận ra. Ở cuối công điện thì lại ghi là Thủy Quân Lục Chiến xuất phát từ Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, là hướng ngược hẳn với hướng từ Biên Hòa. Công điện cũng nói thêm là còn có nhiều lực lượng khác nhưng không rõ quân số. Ngược lại công điện cũng nói rõ chi tiết về thời điểm, cũng như các địa điểm đã bị quân đảo chánh chiếm đóng. Nói tóm lại, đây là một bản tin tạm đủ nhưng thiếu chính xác về những diễn tiến đầu tiên của cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963.

Truy Dụng Tài Liệu Mật Đã Bạch Hóa Của CIA

Tài liệu mật đã bạch hóa của cơ quan CIA là một bộ phận của tài liệu mật đã bạch hóa của Chính phủ Hoa Kỳ. Việc truy dụng tài liệu mật của Chính phủ Hoa Kỳ có thể thực hiện theo ba cách: tài liệu in và vi phiếu, tài liệu điện tử từ một CD-ROM và trên INTERNET, và tài liệu điện tử số-hóa trên INTERNET. Việc truy dụng các tài liệu nầy đã được trình bày đầy đủ chi tiết trong một bài báo đã đăng trong tạp chí *Thế Kỷ 21*, số 156 (Tháng 6, năm 2002) (2).

Gần đây, người viết đã được Đại Học Saskatchewan cho nghỉ phép một năm (Sabbatical Leave, từ ngày 1-July-2003 đến 30-June-2004), để thực hiện hai dự án nghiên cứu. Một trong hai dự án nầy là thiết kế và xây dựng một Cơ Sở Dữ Liệu (CSDL) trực tuyến trên mạng Internet (Web-based Online Database) về các tài liệu mật đã bạch hóa của CIA. Việc thiết kế và xây dựng CSDL nầy đã được tường trình trong một bài báo đăng trên tạp chí Online, số xuất bản vào tháng 7/ 8 của năm 2004. (3)

CSDL nầy hiện có khoảng 1.200 ký lục (records) và có thể truy dụng tại địa chỉ Internet sau đây:

http://library.usask.ca/vietnam

Mỗi ký lục gồm có các trường (Fields) sau đây:

* Nhan đề của tài liệu
* Ngày tài liệu được tạo ra
* Ngày tài liệu được bạch hóa
* Loại tài liệu: Cable, Memo, Report, Weekly Report, vv
* Mức độ Mật của tài liệu: Confidential, Secret, và Top Secret
* Tình trạng của tài liệu: nguyên bản (Original) hay đã bị thanh lọc (Sanitized)
* Số trang, bản đồ
* Toát yếu
* Các từ mô tả nội dung
* Số trong bộ vi phiếu DDRS
* Nối kết (Link): địa chỉ Internet của nguyên văn tài liệu

Sau khi dùng địa chỉ Internet nói trên để truy cập vào CSDL, người sử dụng sẽ thấy hiện ra một màn hình như sau:

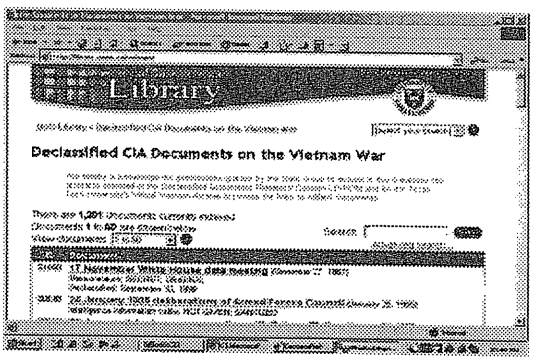

Việc truy tìm tài liệu có thể thực hiện bằng hai cách: cách đơn giản và cách phức tạp. Nếu muốn dùng cách đơn giản, người sử dụng chỉ cần đưa vào ô trống bên cạnh chữ Search một từ hay cụm từ, rồi bấm chuột vào chữ Go bên cạnh. Thí dụ, muốn tìm các tài liệu về trận Tết Mậu Thân, ta đánh vào ô trống cụm từ Tet Offensive thì sẽ nhận được kết quả như sau:

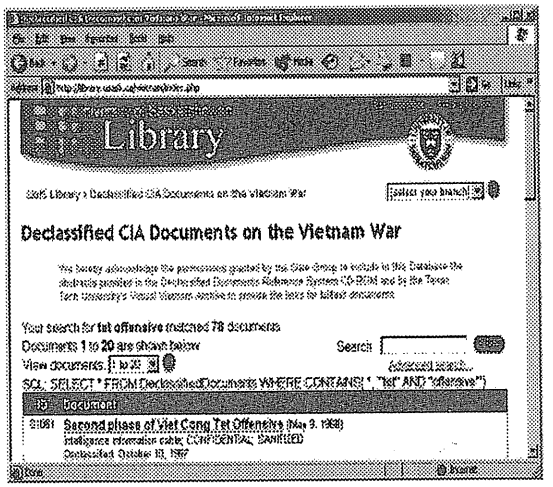

Muốn tìm tài liệu theo cách phức tạp thì bấm chuột vào chữ Advanced Search bên dưới ô trống, ta sẽ có một màn hình mới như sau:

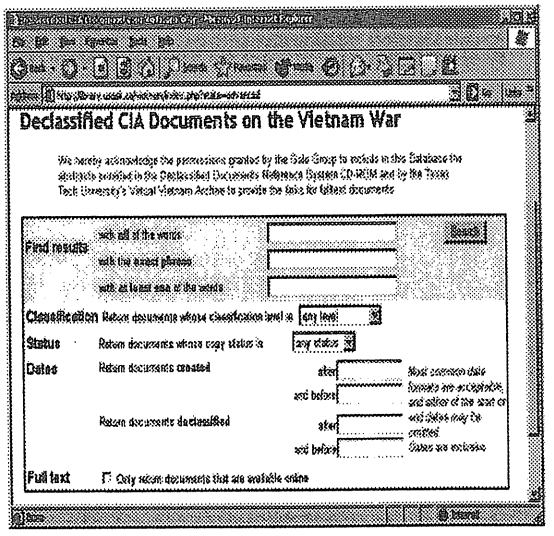

Nhìn vào màn hình mới nầy, người sử dụng sẽ thấy rõ là mình có thể tìm tài liệu bằng nhiều cách khác nhau, cũng như có thể giới hạn việc truy tìm tài liệu của mình bằng nhiều lối, thí dụ bằng mức độ Mật của tài liệu, bằng loại tài liệu, bằng ngày tài liệu được tạo ra, bằng ngày tài liệu được bạch hóa.

Sau đây là hai đặc điểm của CSDL nầy mà người sử dụng cần chú ý: 1) các từ mô tả (Indexing Terms) đều là những kết nối nóng (hot links); bấm chuột vào một từ mô tả người sử dụng sẽ được cho biết ngay là CSDL có chứa bao nhiêu tài liệu về đề tài đó; 2) Nối kết với địa chỉ Internet của tài liệu nguyên văn (Fulltext documents); bấm chuột vào đây, người sử dụng sẽ được nối kết ngay vào tài liệu nguyên văn có tại Virtual Vietnam Archive (VVA) của Vietnam Center tại Đại Học Texas Tech University, Lubbock, Texas, Hoa Kỳ. Hiện nay độ một phần ba các ký lục trong CSDL nầy có chứa nối kết như thế với VVA. Xin lấy một thí dụ để minh họa hai đặc điểm nầy: trên màn hình cho Advanced Search, ta đưa cụm từ Tet Offensive vào ô trống cho Find Results With the Exact Phrase, và đồng thời bấm chuột vào ô nhỏ bên cạnh hàng chữ Only return documents that are available online; xong rồi bấm chuột vào ô Search; ta sẽ một màn hình mới như sau:

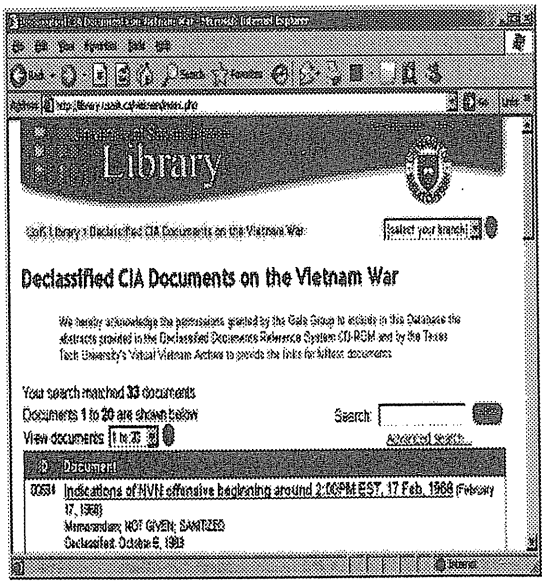

Bấm chuột vào nhan đề của tài liệu đầu tiên được liệt kê, ta sẽ có một màn hình mới cho ký lục của tài liệu đó như sau:

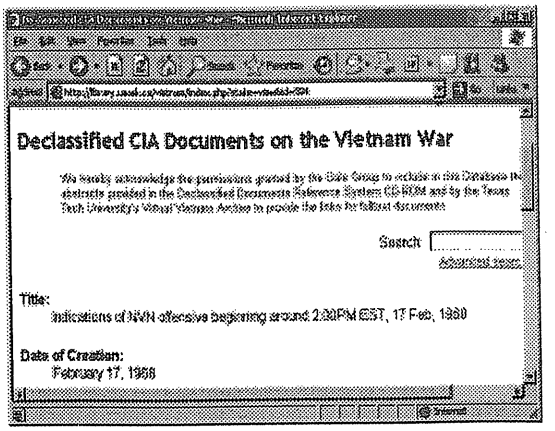

Tiếp theo ta dùng chuột để kéo scroll bar bên tay phải để xem các chi tiết bên dưới của ký lục nầy:

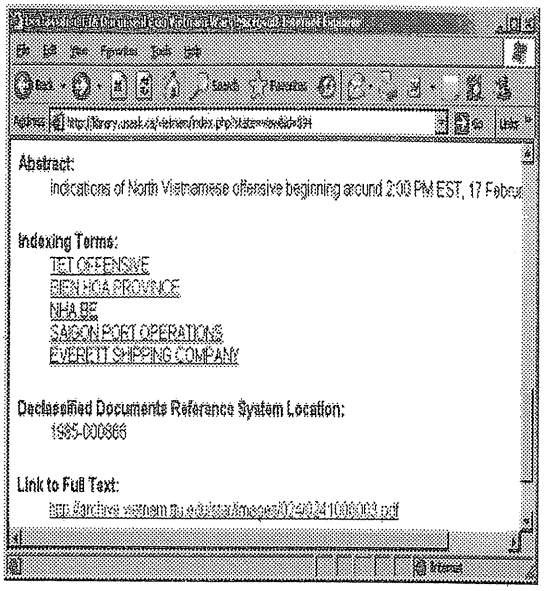

Bấm chuột vào cụm từ BIEN HOA PROVINCE (Tỉnh Biên Hòa) trong phần Indexing Terms, ta sẽ có một màn hình mới cho biết CSDL có tất cả là 41 tài liệu có nói về Tỉnh Biên Hòa:

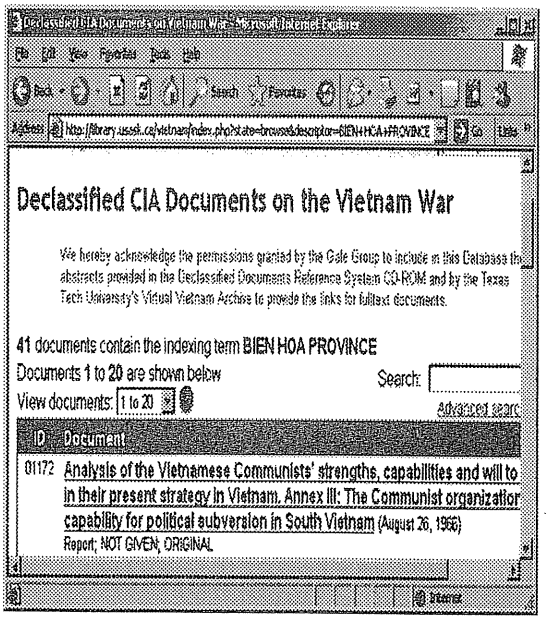

Bấm chuột vào chữ Back bên trên màn hình để trở lại màn hình trước đó, rồi bấm chuột vào hàng chữ ngay bên dưới của phần Link To Full Text (gọI là URL = Uniform Resource Locator), ta sẽ được nối mạng ngay lập tức vào tài liệu nguyên văn đã được số-hóa (digitized) và lưu trữ tại VVA:

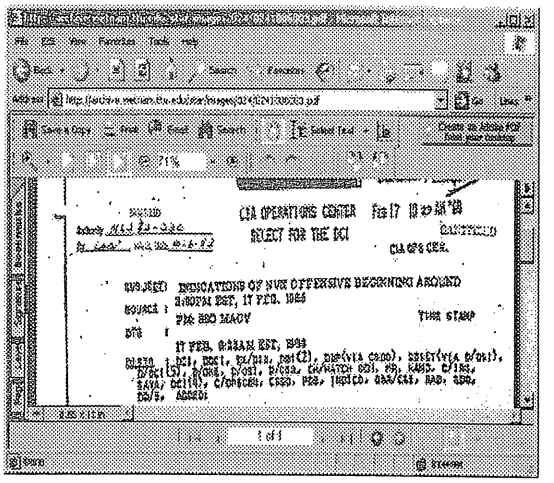

Kết Luận

Tài liệu mật đã bạch hóa của Chính phủ Hoa Kỳ nói chung, và của cơ quan Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ (CIA) nói riêng, là một nguồn sử liệu rất quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử của VNCH. Tuy nhiên, việc sử dụng các tài liệu nầy đòi hỏi một sự thận trọng nơi người sử dụng. Lý do quan trọng nhứt đòi hỏi sự thận trọng nầy là việc thanh lọc (Sanitization) của các tài liệu trước khi chúng được bạch hóa. Xuất xứ của các nguồn tin đều đã được bôi xóa để bảo vệ nhân viên đã cung cấp tin. Lý do thứ hai cần quan tâm là một số rất lớn các tài liệu nầy, nhất là loại Công Điện, đã thực hiện với mục đích duy nhứt là thông tin, nên gần như luôn luôn không có kiểm chứng và đánh giá tin. Nếu chúng ta thực hiện đầy đủ sự thận trọng cần có, người viết tin rằng tài liệu mật đã bạch hóa của CIA có thể giúp ích chúng ta rất nhiều trong việc nghiên cứu lịch sử của VNCH.

GHI CHÚ:

1. *The Central Intelligence Agency : History and Documents / edited by William M.* Leary. Birmingham, Ala. : University of Alabama Press, 1984. Tr. 129-130.

Một phần của The National Security Act of 1947được in lại nguyên văn dưới nhan đề Document Three, tr. 128-130.

2. Lâm Vĩnh Thế. *Vấn Đề Truy Dụng Tài Liệu Mật Đã Bạch Hóa Của Chính Phủ Hoa Kỳ*. Thế Kỷ 21, số 158 (Tháng 6, 2002), tr. 42-47.

3. Vinh-The Lam và Darryl Friesen. *A-Web-Based Database of CIA Declassified Documents on the Vietnam war.* Online, Vol. 28, no. 4 (July/Aug. 2004), tr. 31-35. Bạn đọc có thể đọc nguyên văn của bài báo bằng Anh ngữ nầy tại địa chỉ Internet sau đây: http://www.infotoday.com/online/jul04/friesen_lam.shtml

Phụ Đính A

Tài liệu mật CIA về Việt Nam đã bạch hóa 1975-2000

Năm	Tổng Số Tài Liệu	Tổng số trang
1975	47	266
1976	123	913
1977	80	595
1978	55	589
1979	58	568
1980	88	619
1981	16	70
1982	28	112
1983	38	604
1984	62	720
1985	86	385
1986	97	1503
1987	70	352
1988	44	347
1989	69	861
1990	47	497
1991	18	203
1992	47	429
1993	167	1764
1994	159	1456
1995	85	939
1996	64	525
1997	45	519
1998	22	146
1999	88	515
2000	41	239
Tổng cộng	1744	15736

Phụ Đính B

Bảng Liệt Kê Tài Liệu CIA Theo Loại Tài Liệu

Năm	Cable	Memo	Report	Special Report	Weekly Report	Monthly Report	NIE	SNIE	T.C.
1975	16	16	15	0	0	0	0	0	47
1976	50	40	10	6	8	1	2	6	123
1977	38	23	12	1	2	1	1	2	80
1978	12	12	16	1	9	2	0	3	55
1979	11	14	17	1	11	3	0	1	58
1980	72	7	4	0	3	0	0	2	88
1981	3	9	1	2	0	0	0	1	16
1982	11	13	4	0	0	0	0	0	28
1983	5	14	17	0	2	0	0	0	38
1984	7	26	27	0	2	0	0	0	62
1985	32	43	11	0	0	0	0	0	86
1986	24	46	23	0	3	1	0	0	97
1987	36	20	10	0	4	0	0	0	70
1988	9	23	11	0	0	1	0	0	44
1989	19	18	31	0	1	0	0	0	69
1990	14	16	6	0	9	0	0	0	47
1991	8	7	3	0	0	0	0	0	18
1992	22	16	7	0	2	0	0	0	47
1993	81	37	25	0	24	0	0	0	167
1994	93	36	10	0	20	0	0	0	159
1995	29	23	17	0	15	0	1	0	85
1996	32	11	10	0	4	0	1	6	64
1997	13	15	10	0	7	0	0	0	45
1998	9	8	4	0	0	0	0	1	22
1999	60	21	0	0	6	0	0	1	88
2000	30	8	3	0	0	0	0	0	41
T.C.	736	524	304	11	132	9	5	23	1744

Phong trào Nghĩa-hội Quảng-nam

Cái chết của Nguyễn Duy Hiệu đi vào bất tử

VÕ THU TỊNH

Năm 1882 - 1883, khi Henri Rivière ra đánh Hà Nội kỳ nhì, chính vua Tự Đức, vì có quân Tàu của nhà Thanh sang cứu viện, nên đã chấp thuận lời tâu của các đại thần ngoài Bắc rằng nên tấn công Rivière. Vua phán thêm: "Quyền của tướng lâm sự tùy theo việc phải mà làm, chưa thể nhất khái định được, cốt được việc mà thôi... Phải tính liệu đối phó cho kịp việc." Do đó mà có chuyện khâm sai Hoàng Kế Viêm sai tướng Tàu cờ đen Lưu Vĩnh Phúc đại chiến hạ sát Rivière ngày 19-5-1883.

Không may, vua Tự Đức băng hà ngày 17-7-1883, vừa lúc nội các Jules Ferry và Hạ Nghị Viện Pháp ở Paris gửi viện binh sang "trả thù cho những đứa con của nước Pháp."

Trong thời gian hai năm, từ tháng 7/1883 đến tháng 7/1885, hai ông Phụ chính đại thần ở Huế là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, ngoài mặt phải giả hòa với Pháp, nhưng bên trong thì chống Pháp: nào lập đồn Tân Sở, nào bức tử Hiệp Hòa vì vua đã muốn hòa với Pháp, nào buộc tổng đốc Nguyễn Hữu Độ thân Pháp phải uống thuốc độc tự tử mà ông ấy không tuân...

Bỗng xảy ra vụ Huế thất thủ, vua Hàm Nghi theo Tôn Thất Thuyết xuất bôn và ba lần hạ chiếu Cần vương. Các nhóm sĩ phu ngoài Bắc từ trước chống Pháp, đứng lên lập các "Nghĩa hội" để "phục quốc," và vì lòng "ái quốc" nên phải chống lại "triều đình Huế hợp tác với Pháp," thành ra bị coi như "bất trung với vua." Nay được chiếu Cần vương, bỗng nhiên có lý do chính đáng để hoạt động là "Cần vương cho vua Hàm Nghi chống Pháp." Như thế, Phục quốc và Cần vương từ nay tuy hai mà một. Cuộc kháng chiến thành ra có chính nghĩa, có hào hứng, có tổ chức tuy lỏng lẻo nhưng hiện thật, song hành với hệ thống quan lại "triều đình Huế hợp tác với Pháp" của Đồng Khánh, Thành Thái...

Mà ngay những ông "quan hợp tác" ấy cũng có nhiều kẻ nhắm mắt làm ngơ cho những ông "quan kháng chiến" chuyển quân, gọi lính và thâu thuế để kháng Pháp. (1)

*

Trung Kỳ, sĩ phu và dân chúng nổi lên hưởng ứng Cần vương tại Thừa Thiên, và vùng "tả trực kỳ": Quảng Nam, Quảng Nghĩa, vùng "tả kỳ": Bình Định, Phú Yên, nhưng quan trọng nhất là "Nghĩa hội" Cần vương Quảng Nam:

- Trước tiên, tại Quảng Nghĩa (5 hôm: từ 13 đến 17 tháng 7 /1885), hưởng ứng bản chiếu số 1, nhóm cử nhân Lê Trung Đình chiếm thành Quảng Nghĩa, bắt giam các quan tỉnh. Theo Đại Nam Thực Lục, Quảng Nghĩa hành động sớm như thế là vì trước đó đã nhận lệnh của Tôn Thất Thuyết phải chuẩn bị lập "nghĩa hội" chống Pháp. Tổng đốc Bình Định (theo Pháp), phái Đinh Hội đem hơn 900 lính, ngày 17- 07 -1885, đến chiếm lại thành, giết được tú tài Nguyễn Tự Tấn, Vũ Hội, thương biện Nguyễn Văn Hoành... tất cả bảy người, qua ngày sau cử nhân Trung Đình cũng bị chém tại chỗ.

- Tại Thừa Thiên (chỉ có 1 hôm: vào cuối tháng 7/ 1885), Phủ Thừa sức huyện Quảng Điền bắt lính. Phò mã Đặng Cát cùng con trai là cử nhân Đặng Hữu Phổ ngăn gạt đi và bắt giam huyện phái. Nguyễn Văn Tường, theo lệnh De Courcy xử trảm phò mã Đặng Cát, đem đầu đi bêu. Con trai Đặng Hữu Phổ bị án trảm giam hậu (giam để chờ lệnh đem chém hay được tha).

- Tại Quảng Nam (hơn hai năm: từ cuối tháng7, 1885 đến tháng 8, 1887), Nguyễn Duy Hiệu, cùng với các ông Trần Văn Dư, Phan Bá Phiến, Nguyễn Hàm, thành lập "Nghĩa hội Quảng-nam," vận động sĩ phu và dân chúng đứng lên khởi nghĩa Cần vương.

1- Nguyễn Duy Hiệu, hiệu là Hữu Thành, sinh năm 1847, làng Thanh Hà, huyện Diên Phước, nay là phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm 1879, gặp tuần thọ 70 tuổi của thái hậu Từ Dũ, Tự Đức cho tổ chức khoa thi đặc ân. Ông ra Huế thi Hội. Khoa ấy, Tự Đức đích thân ra đề thi tại kỳ thi

đình, như sau:

"Ôi! học để đem vào việc, há nên chuộng những lời phù phiếm. Hiện nay nam, bắc hai kỳ bị hoạn nạn đã quá sâu, không phương nào có thể yên ủi (...) Trẫm cũng muốn cải cách ngay đi, nhưng lại e trái với ý kiến mọi người. Nay trẫm bận nhiều công việc, không có thì giờ để trưng dẫn mà sửa sang lại và cũng bất tất hỏi nhiều để cho hết ngày. Các đa sĩ đều nên hết ý điều trần, sao cho đầy đủ khẩn thiết." (2)

Nguyễn Duy Hiệu làm một bài "chiếu" thay lời nhà vua trách cứ các quan không lo tiến cử người có tài năng ra giúp nước, một bài "biểu" chúc thọ "hoàng thái hậu" theo thông lệ một ân khoa, rồi một bài "luận" về "kẻ sĩ có ba phẩm hạng." Ông trúng phó bảng, trong số các bạn đồng khoa, có bốn người, về sau, hưởng ứng phong trào Cần vương, như Đỗ Huy Liêu (Nam-Định) tuẫn tiết, Nguyễn Đôn Tiết (Thanh Hóa) bị đày đi Lao Bảo, Phan Trọng Mưu (Nghệ Tĩnh) trong đảng "Hương sơn nghĩa hội" với Phan Đình Phùng, bị giặc bắt mẹ phải ra thú, Trần Đình Phong (Nghệ Tĩnh) làm đốc học Quảng Nam, tuy không xả thân cho đại nghĩa, nhưng đã có công đào tạo các sĩ phu ưu tú đất Quảng như Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, vân vân.

Năm 1882 Nguyễn Duy Hiệu được Tự Đức phong chức "giảng tập," giảng sách cho ông hoàng nuôi thứ ba của vua. Được một năm, Tự Đức qua đời, triều chính rối ren, hoàng gia một số bội phản: Dục Đức ám thông với Khâm sứ Pháp, Hiệp Hòa rước De Champeaux vào cung bàn chuyện bán chủ quyền đất nước. Gia Hưng quận công loạn luân với công chúa Đồng Xuân, theo lạy lục sứ quán Pháp để chạy tội và xin Khâm sứ Pháp cho làm vua... Nguyễn Duy Hiệu bỏ về quê, cùng Trần Văn Dư, Nguyễn Bá Phiến, Nguyễn Hàm tổ chúc "Nghĩa hội Quảng Nam" Cần cương, kháng chiến, phục quốc.

2- Trần Văn Dư, hiệu là Hoán Nhược, sinh ngày 21- 12- 1839, làng An Mỹ Tây, huyện Hà Đông, nay thuộc xã Tam An, thị xã Tam Kỳ, Quảng Nam, đỗ tiến sĩ năm 1875, thời gian làm tri phủ Quảng Oai, tỉnh Hải Dương, ông bí mật liên lạc với các nhà yêu nước, hợp tác với lực lượng triều đình do Hoàng Kế Viêm chỉ huy đánh quân Pháp ở Bắc kỳ, ông đang giữ chức Sơn phòng sứ Quảng Nam, bỏ quan đến hợp tác với Nguyễn Duy Hiệu.

Có tài liệu cho rằng vì trước kia, ông đã từng làm quan Giảng tập tại Dục Đức đường, Chánh Mông đường, dạy các vua Dục Đức, Đồng Khánh. Khi Cần vương Quảng Nam vùng lên, Đồng Khánh tìm cách rút ông ra khỏi nhiệm sở Sơn phòng sứ Quảng Nam để chiêu dụ ông. Sau khi hợp tác với Nguyễn Duy Hiệu, ông định ra Huế gặp Đồng Khánh, học trò cũ của mình, để thuyết phục nhà vua, nhưng vừa đi đến La Qua, bị quyền Tuần phủ Quảng Nam là Châu Đình Kế giữ lại, xem ông như một tướng đầu hàng. Ông bất khuất, mắng chửi kẻ làm tay sai cho giặc. Châu Đình Kế liền mượn tay quân Pháp giết ông tại tỉnh lỵ ngày 13-12-1885. (3)

2- Phan Bá Phiến, sinh năm 1839, tự Dương Nhân, người làng Tân Lộc, huyện Hà Đông, Quảng Nam, nhà nghèo, đỗ cử nhân năm 1858, đang làm tri huyện Phù Cát, Bình Định, hưởng ứng hịch Cần vương, cũng bỏ quan về quê theo Nguyễn Duy Hiệu.

3- Nguyễn Hàm (Tiểu La Nguyễn Thành), con quan Nguyễn Trường, Bố chánh, Kinh lược sứ, thường gọi là Ấm Hàm, sinh 1863, người làng Thanh Mỹ, phủ ThăngBình, Quảng Nam, tự nguyện đến hợp tác với Nguyễn Duy Hiệu.

*

Nguyễn Duy Hiệu được Hàm Nghi phong chức "Binh bộ tả Tham-tri, sung Tham-tán quân vụ đại thần, kiêm lý Nam Nghĩa Tổng đốc" (tức là: Phó Thượng Thư bộ Binh, kiêm Tham Mưu Trưởng toàn quyền quân sự và Tổng Đốc hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Nghĩa), được Hàm Nghi ủy thác toàn quyền liệu lý công cuộc Cần vương toàn vùng "tả trực kỳ." - miền Bắc, Hàm Nghi phong Nguyễn Quang Bích chức "Hiệp thống Bắc kỳ quân vụ đại thần," và Phan Đình Phùng "Kinh lược đại sứ" liệu lý công cuộc Cần vương vùng "hữu trực kỳ" phía bắc Huế và quân thứ Bắc kỳ. Nhưng, Cần vương vùng "tả trực kỳ" của Nghĩa Hội Quảng Nam không liên lạc được với Hàm Nghi và Cần vương miền "hữu trực kỳ." Đồng thời, Đồng Khánh lại cho ra ba bài "Dụ" liên tiếp xuyên tạc cuộc khởi nghĩa trên đất Quảng Nam, cho đó là "hành động liều lĩnh của bọn người bất mãn không biết rõ đầu đuôi." (4)

Huỳnh Thúc Kháng viết trong báo Tiếng Dân (Huế) cho rằng sau cái chết của Trần Văn Dư, Nghĩa hội cơ hồ tan rã, nhưng rồi hợp lại nhờ tài của tân lãnh tụ Nguyễn Duy Hiệu.

Trước tầm ảnh hưởng tác hại về mặt tinh thần của các bài Dụ đối với hàng sĩ phu, thân hào và quảng đại quần chúng, Nguyễn Duy Hiệu đã tìm cách giải trừ. Vừa được tin vị đại khoa tỉnh nhà là

hoàng giáp Phạm Như Xương từ Phú Yên về tới Ngân Câu, Điện Bàn, (gần làng Thanh Hà quê của Nguyễn Duy Hiệu), ông liền đến gặp để xin thảo cho một bài hịch. Phạm Như Xương, nhận lời, chấp bút thảo "Hịch Văn thân Quảng nam," trong đó có các liên:

"Tủi là tủi cơ nghiệp thần tông, thánh tổ, lúc trung hưng, khi sáng nghiệp, xưa gian truân mới có cõi bờ nay;

"Thương là thương dân nơi xích huyện thần châu (a), đạo đã lấn, mọi lại giành, cương luân hãm đâu còn trời đất cũ. (liên 18)...

"Người trong nước phải đền nợ nước, lựa là đợi ngàn chung muôn tứ mới đành lòng Trương tử trả ơn Hàn,

"Phận dưới trời thì giúp con trời, lựa là nhờ tấc đất ngọn rau mới đẹp dạ thư sanh đền nghĩa Hán." (liên 21)

"Hịch Văn thân Quảng Nam" truyền ra như một hồi chuông cảnh tỉnh, phá tan bầu không khí chán nản nặng nề của Nghĩa hội sau cái chết của Trần Văn Dư, diệt trừ ma lực mê hồn trận của các bài Dụ của Đồng Khánh.

Chú thích — (a) Xích huyện thần châu: ý nói non nước quí báu, thiêng liêng.

[Phạm Như Xương sinh 1844, làng Ngân Câu, Điện Bàn, đậu hoàng giáp 1868, sơ bổ làm phó lãnh sự chính phủ Nam Triều tại Nam Kỳ thuộc Pháp cùng với chánh lãnh sự Nguyễn Thành Ý (người Túy Loan, Điện Bàn). Năm 1883, tướng Courbet đem hạm đội từ Bắc Kỳ vào đậu trước cửa Thuận An, đưa tối hậu thư cho triều đình Huế. Lúc bấy giờ, quan tài của vua Tự Đức còn quàn tại điện Cần Chánh, nghĩ rằng nước Pháp văn minh, theo phép lịch sự quốc tế, không vũ trang gây hấn một nước đang có tang, nên triều đình phái Nguyễn Trọng Hiệp, Nguyễn Thành Ý và Phạm Như Xương ra cửa Thuận An thương thuyết với Courbet, mà không thành.

Đến triều Kiến Phước, Phạm Như Xương đổi làm Bố chánh Phú Yên. Sau khi kinh thành thất thủ, Văn thân Phú Yên chiếm tỉnh lỵ, bắt giam các quan tỉnh, riêng Phạm Như Xương thân hào địa phương xét thấy lầm nên trả lại tự do. Nhưng sau đó, triều Đồng Khánh đòi làm án vì để mất thành tỉnh Phú Yên, mà đặc cách "ban ơn tha cho để còn dùng về sau." Ông cáo quan về quê, vừa đến Ngân Câu, thì Nguyễn Duy Hiệu đến xin thảo bài hịch cho Văn thân Quảng Nam].

Để cho danh chánh, ngôn thuận, Nguyễn Duy Hiệu thiết lập "tân tỉnh" (tỉnh mới) tại Trung Lộc, huyện Quế Sơn, Quảng Nam, có đủ lục bộ, nha thự, trại xá, miếu "văn thánh" tượng trưng cho tinh thần sĩ khí Nho gia, nhất là có một căn nhà "hành cung" bỏ trống, đặt một chiếc ngai gỗ sơn son thếp vàng tượng trưng cho uy quyền của vua Hàm Nghi, dùng làm nơi bái mạng của các quan lại thống thuộc Nghĩa hội. Cho nên dân gian lúc bấy giờ có câu: "Gẫm xem thế sự mà rầu, ở giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi."

Ông đã tổ chức một cuộc kháng chiến tiêu thổ, du kích chống Pháp với nhiều chiến công còn ghi trong sử sách. Cũng như khắp nơi trong nước, lúc bấy giờ tại Quảng Nam có phong trào "bình Tây, sát tả" (dẹp Pháp, diệt giáo dân).

1- Các cuộc bao vây giáo dân ở Phú Thượng, Trà Kiệu. Nhưng giáo dân ở Quảng Nam không bị giết bao nhiêu cả, vì đặc biệt có linh mục Maillard võ trang các làng đạo, đào hào, dựng đồn phòng thủ. Từ tháng 9 và tháng 10 -1885 quân ta bao vây, "dạ náo" (suốt đêm náo động uy hiếp tinh thần) nhà thờ Phú Thượng, Trà Kiệu. Mỗi khi có tin "nghĩa binh" tới, Maillard xông ra trước, đứng đầu con chiên, chống lại bằng giáo mác và súng thạch cơ điểu thương. Nhờ vậy mà trên tổng số 5400 giáo dân Quảng Nam, đông nhất ở Phú Thượng và Trà Kiệu, chỉ có 400 bị thiệt mạng. Ngày 10-10-1885, trong một cuộc đụng độ, Maillard và kẻ dẫn đường, phóng giáo giết chỉ huy Nghĩa quân là Nguyễn Hanh, chặt đầu đem đi. Nguyễn Hanh là người làng Nại Hiên, (Đà Nẵng), huyện Hòa Vang, Quảng Nam, đậu giải nguyên, làm quan đến chức Án-sát, nên còn gọi là Án Nại. Vì can tội thông mưu với kháng chiến nên bị triều đình giải chức, ông theo Nguyễn Duy Hiệu, chủ trương cô lập giáo dân và bắt đuổi các "Tây dương đạo trưởng."Quan tỉnh Quảng Nam lập hồ sơ vụ nầy gửi ra Huế, kết án Maillard "tên giáo sĩ giặc cướp." Triều đình Huế can thiệp với Khâm sứ Hector và tướng tư lệnh Prud'homme, yêu cầu trục xuất Maillard ra khỏi Quảng Nam. Prud'homme đánh điện cho quan tư Touchard tại Đà Nẵng yêu cầu giải giới Phú Thượng. Nhưng Touchard trả lời: "Để khỏi sớm thủ tiêu lệnh của thiếu tướng, tôi thà trở về Pháp." (5)

2- Chiến thắng Nam Chơn - Về công tác "bình Tây," Nghĩa hội Quảng Nam đã đột kích liên tục gây rất nhiều tổn thất, trở ngại cho công việc của Pháp mở đường chiến lược và giao thông vận tải cùng trồng trụ giây thép từ Huế đi vòng sau lưng đèo Hãi Vân vào Quảng Nam. Lúc bấy giờ, ở Bình Định, Pháp chỉ cần hai đồn (Qui Nhơn và tỉnh thành) là đủ kiểm soát toàn tỉnh. Nhưng ở Quảng Nam, với 36 đồn khắp tỉnh, vẫn không giữ được an ninh. De Courcy, tổng tư lệnh các

binh đoàn Pháp trên toàn cõi Bắc kỳ và Trung kỳ ra lệnh cho tướng Prud'homme điều động công binh từ Huế vào Đà Nẵng bắt dân phu Thừa Thiên, Quảng Nam đi đắp đường, dưới quyền điều động của đại úy Besson. Các dân phu nầy không hạp lam sơn, chướng khí, bị bệnh đến 6, 7 phần 10, lại thêm bị bọn đốc công hành hạ, đánh phạt nên nhiều người bị chết. Chúng bắt đầu phản ứng đòi trả về xứ. Các nhân viên coi việc đắp đường thường vào các làng xóm bắt dân phu, khủng bố, chém giết. Nên dân chúng thông mưu với Nghĩa quân, ban đêm ra phá hủy những công việc Pháp làm ban ngày. Khi đắp đến trạm Nam Chơn, gần tới Nam-Ô 70 cây số, có 200 nghĩa quân giả dạng dân phu đến xin việc làm, và đêm ấy cùng 300 nghĩa binh khác phát xuất từ đại bản doanh Nguyễn Duy Hiệu đóng tại Cu Đê (Nam Ô) đột kích vào trạm Nam Chơn, giết Besson và các cọng sự viên Pháp. Sáng lại tất cả mọi người đều biến mất, chỉ còn lại bảy xác người Pháp mà ba xác bị chặt mất đầu, trong đó có đại úy Besson. (1-3-1886) Touchard phái trung úy Malglaive đem quân truy tầm Nghĩa quân, thấy trên đỉnh Hải Vân quan phất phới một lá cờ của Nghĩa quân, nhưng cảm thấy lực lượng mình quá yếu nên đành phải rút lui.

Trận đột kích Nam Chơn đã đánh tan trọn đoàn công binh ưu tú thuộc phái bộ quân sự Pháp tại Huế, và làm chậm kế hoạch " bình định" của Pháp tại Quảng Nam không phải là ít.

3- Chiến thắng Phong Thử chận đường khâm sai Phan Liêm - Bài "Hịch Văn thân Quảng-Nam" gây tác động tâm lý mạnh mẽ trong dân chúng và nghĩa quân. Đồng Khánh liền đặc phái Phan Liêm làm khâm sai, dẫn 300 lính tập, mang 200 tờ cáo thị vào niêm yết khắp tỉnh Quảng Nam. Phan Liêm đồn trú tại văn miếu La Qua, và tổ chức rước đón linh đình. (Phan Liêm là con trai Phan Thanh Giản đã từng vâng lời thân phụ đi chống Pháp ở gãnh Mù U, Bến Tre, năm 1867). Quân lính của Phan Liêm đi vào các làng xóm cướp giựt, nhũng nhiễu một cách tàn nhẫn. Dân chúng liền phao tin Nghĩa quân đã tan rã. Phan Liêm tưởng thật, hí hửng ra lệnh quân lính theo đường Vĩnh Điện, Phong Thử tiến sâu vào phía tây Điện Bàn. Vừa đến Phong Thử, nghĩa quân bốn mặt đổ ra, đánh cho một trận tơi bời, cuối cùng nhờ quân Pháp cứu viện mới rút chạy về được văn miếu La Qua. Dân chúng có "Vè Khâm sai" để chế diễu.

Lẳng lặng mà nghe
Cái vè sai đạo (sai đi chỉ đạo cho dân biết)
Văn miếu đồn binh
Ai nấy cũng kinh
Gọi Khâm sai giỏi...
... Sau lên Phong Thử
Nghĩa dõng tứ vi
May chẳng hề chi
Nhờ ba chú Pháp...

4- Chiến thắng Bãi Chài

Để trấn an viên Khâm sai và để phô trương lực lượng với nghĩa quân, Pháp đưa bảy ca nô chở đầy lính lên đậu tại Bãi Chài, làng Vân Ly. Nghĩa quân liền phân thành ba đội trên sông, dùng ghe tam bản và ghe lườn (thân ghe hẹp mà dài) ba mặt giáp công, còn trên đất, một đội xung kích từ bến đò đánh ra. Đồng thời dùng bè bằng hom dâu thả trôi ngầm dưới nước, khi đến gần ca nô Pháp mới cho nổi lên, địch không đủ thì giờ đối phó. Trên bè nghĩa quân đặt trái phá với thuốc nổ cực mạnh. Lính Pháp lấy sào đẩy bè ra xa, một tiếng nổ vang trời, ba ca nô bị lật úp. Tức thì ba mặt trên sông, một mặt trên đất, nghĩa binh liền đồng loạt tấn công. Bãi Chài - Vân Ly - Gò Nổi đã chôn vùi bảy ca nô Pháp và lính tập không sót một ai. Về phía nghĩa quân, đốc binh Bùi bị hy sinh. Ngày nay dân chúng gọi Bãi Chài là "Bến đò ông Đốc."

5- Ngăn chận đường tiếp tế của quân Pháp - Tháng 8 năm 1886, sau khi tái chiếm thành tỉnh Quảng Nam, Pháp mất trọn tháng để tái lập các bộ phận cai trị, chưa rảnh tay để truy kích Nghĩa quân. Nguyễn Thành (Ấm Hàm) lợi dùng thời gian ấy tập luyện quân sĩ. Khi quân Pháp tung quân đi càn quét, Ấm Hàm mai phục đánh thắng liên tiếp nhiều trận. Các tướng lãnh cao cấp Nghĩa hội bị tan rã lấy làm phấn khởi, lần lượt kéo về chiến đấu dưới cờ của đạo binh Ấm Hàm. Nguyễn Duy Hiệu mời ông thay thế Án Nại (đã hy sinh tại mặt trận Phú Thượng), án ngữ thành một phòng tuyến chạy dài từ đồn Lũy Giằng đến Cẩm Lệ và Phong Lệ, để ngăn trở sự tiếp tế thực phẩm, chận đứng sức tiến của địch có thể phương hại đến các căn cứ phía tây nam của tỉnh.

Pháp ra lệnh họp đông các chợ để làm cứ điểm tiếp tế thực phẩm cho chúng. Dưới quyền chỉ huy của Ấm Hàm, nghĩa quân đốt phá các chợ Hàn, Cẩm Lệ, Hà Thân, ngăn chận các ngã đường tiếp tế lương thực của địch, đột kích nhiều lần vào Đà Nẵng, buộc bọn quan binh và dân sự Pháp phải co ro trong thành phố, nhất là về đêm.

Về uy quyền và chiến lược của Nghĩa quân,

chính Khâm sứ Pháp là Baille đã phải công nhận: "Thanh thế của Hiệu phổ biến mạnh mẽ lạ lùng. Theo lệnh y, các làng bỏ hoang, dân quê tự đốt nhà và hủy sạch của cải trước khi quân ta đến. Một hôm y ra lệnh cho một địa hạt khá lớn phá hết các nhà ngói, vì sợ quân ta hay công vụ ta dùng làm trú sở, thế mà người ta ngoan ngoãn thi hành, kể cả những kẻ có của giàu nhất cũng bị cảm hóa bởi lời y mà ra tay tự phá sản mình. ...

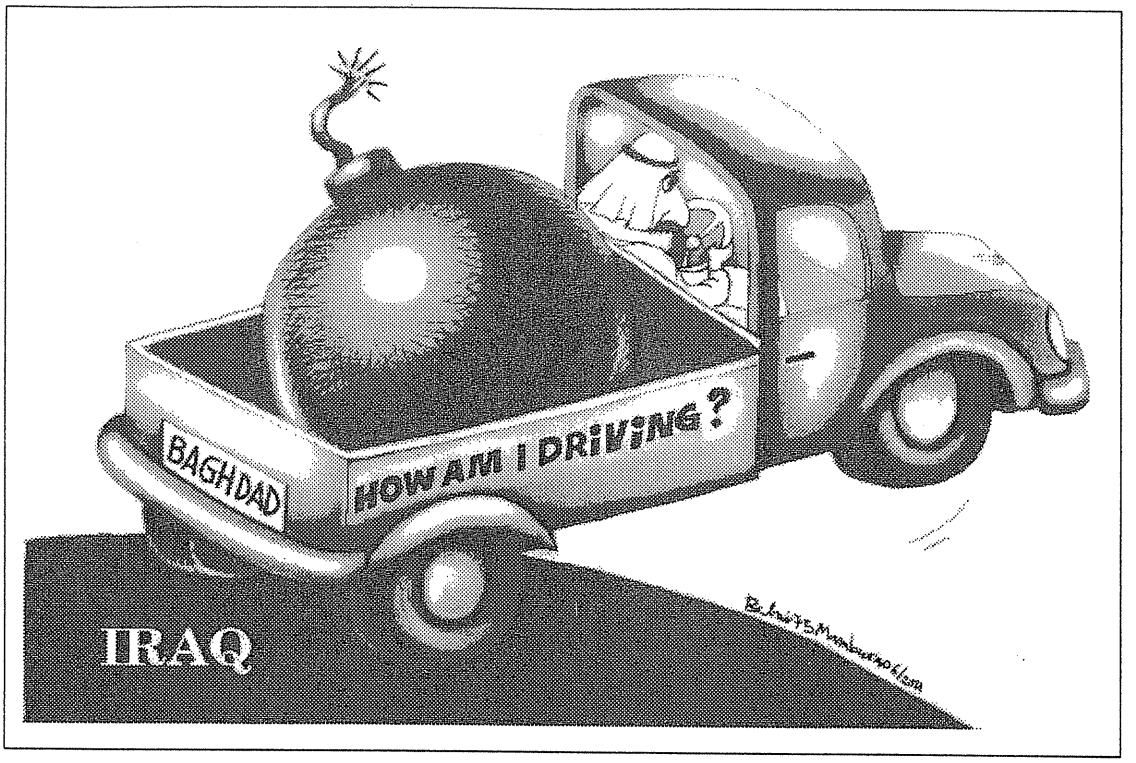

Chiến lược của các chỉ huy loạn quân khá đơn giản: Tiêu hao lực lượng quân ta (Pháp) bằng những trận đánh liên tục. Mỗi đêm công kích đồn trại ta, rồi lủi trốn để lẫn tránh. Tất nhiên ta có phản công đích đáng. Các trưởng đồn ta luôn luôn mong muốn đuổi bắt cho được giặc, nhưng đó chỉ là ảo vọng, phải bỏ dở." (6)

Phản công của Pháp. Đồng Khánh qua ba bài Dụ, (bài chót dài nhất trong thời Cần vương), dồn dập tung ra nhiều luận điệu ru ngủ, xuyên tạc, nhất là đánh vào bản tính cầu an thường tình của con người. Tiếc thay đã làm cho một số thân hào, chỉ huy bị lung lạc, bỏ Nghĩa hội, ra đầu thú, mà điển hình là vụ lãnh Văn và tú Đỉnh.

Lãnh Văn người Túy Loan, Hòa Vang, Quảng Nam, nguyên là Lãnh binh giữ thành Sơn Tây, thất thủ chạy về quê, rồi tập họp dân làng, theo Nguyễn Duy Hiệu, được phong chức Tán tương quân vụ. Vợ là người miền Bắc, có liên hệ họ hàng với Nguyễn Hữu Độ, nghe lời Dụ, xui chồng lén ra Huế, được Độ đề nghị với Pháp cho làm Thương biện nha Hải phòng Đà Nẵng.

Tú Đỉnh tức là Trần Đỉnh, tú tài, người làng Gia Cốc, huyện Duy Xuyên, sau thuộc huyện Đại Lộc, theo Nghĩa hội lập được nhiều chiến công, được phong chức Tán tương kiêm Tán lý quân Vụ, nổi danh là tướng điều của Nghĩa hội. Trong khi quân của khâm sai tuần hành vùng lân cận, thì các dồn của tú Đỉnh đều treo cao cờ trắng, đồng thời nghĩa quân lại bắt được thủ hạ của tú Đỉnh lên xuống nhà của khâm sai Phan Liêm trú ngụ, nên nghĩa hội mới bắt đầu đặt thành vấn đề. Nguyễn Duy Hiệu liền yêu cầu tú Đỉnh hạ cờ trắng xuống, và kéo quân xuống vùng hạ lưu sông Thu Bồn để ngăn bước tiến của địch. Tú Đỉnh không trả lời, rồi rút quân tập trung tại đại đồn Cấm Muồng - Hà Nha, hùng cứ chín xã Sông Con, lập tân tỉnh riêng, không chịu lệ thuộc vào tân tỉnh Trung Lộc của Nghĩa hội. Sau đó, tú Đỉnh lên Trung Lộc để thuyết phục Nguyễn Duy Hiệu ra đầu thú. Nguyễn Duy Hiệu buộc lòng phải lên án và hạ lệnh chém tú Đỉnh rồi cho đưa xác về bản doanh Sông Con để dập tắt mầm mống phân hóa. Theo Đại Nam thực lục, (tập 38, trang 91), tú Đỉnh được Đồng Khánh truy tặng hàm "Hàn

lâm viện biên tu."

Nhưng sự phân hóa Nghĩa hội còn do các cuộc vận động tâm lý chiêu hàng của địch nữa. Tổng trú sứ Pháp là Bihourd đề nghị với Đồng Khánh sai Nguyễn Thân (là người nguyên trước có tham gia phong trào Cần vương, nên biết rõ các tổ chức và đường lối của Nghĩa hội), đem binh ra Quảng Nam "dẹp loạn Nguyễn Duy Hiệu." Nguyễn Thân kéo quân lên phía Tiên Giang, Trà My để đánh bọc hậu tân tỉnh Trung Lộc. Đồng thời, bộ hạ của y là tán lý Lê Khiết đi tìm Nguyễn Đình Tựu, một nhà Nho dạy học, lên ở đồn An Sơn, kêu gọi chiêu hàng. Một tuần lễ sau, mấy làng phụ cận kéo về, đem theo một số học trò cũ của Nguyễn Đình Tựu, gồm có cử, tú, học sinh, khóa sinh... đang giữ chức bang tá, quản cơ, suất đội của Nghĩa hội. (Về sau Lê Khiết có dịp đọc Việt Nam vong quốc sử, đến đoạn Phan Bội Châu nói về tiểu sử của Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến, có câu: "Lê Khiết cũng là con chó dữ của Pháp," lấy làm xấu hổ, nên quay về với cách mạng, năm 1908, lấy cái chết vì đại nghĩa, chuộc lỗi lầm trước của mình).

Mà hung tín đau đớn nhất cho Nghĩa hội là các thủ lãnh Bình Định như Mai Xuân Thưởng, Lê Khanh, Bùi Điền đã bị Trần Bá Lộc giết, Phạm Như Xương cùng gia quyến bảy người cũng bị bắt giải ra Huế chờ tra hỏi.

Tình thế bức bách, Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến rút lên sơn phận An Lâm, lập đồn cứ hiểm. Tháng 11/ 1886 khi quân Pháp đến đánh phá đồn Trung Lộc, thì nghĩa quân đã chạy tản ra nơi khác. Quân Pháp lùng đánh mãi không được. Tháng 7 năm 1887, Thân nhờ Pháp cấp cho nhiều súng đạn, thắng được nghĩa quân ở núi An Lâm, chém được nhiều cừ mục, lấy được nhiều lương tiền. Rồi Thân lại tìm ra được chỗ nghĩa quân đồn trú ở Gò May, miền thượng nguyên Phước Sơn, xua quân bao vây, bắt được gia quyến của lãnh tụ Nguyễn Duy Hiệu gồm có một mẹ già 85 tuổi, một người vợ, một hầu thiếp, và ba con trai, hai con gái trú ngụ một nơi trong xã Phước Sơn. Nhưng không tìm thấy Nguyễn Duy Hiệu.(7)

Lâm vào thế cùng, bị phản bội và cô thế, Nguyễn Duy Hiệu thấy rằng phen nầy khó lòng thoát khỏi, nếu bị sa vào lưới địch thủ, ông và Phan Bá Phiến là những người đang làm quan mà bỏ theo Cần vương, sẽ bị tra tấn dã man trước khi bị chém giết khốn đốn vô cùng. Muốn tránh cho Phan Bá Phiến các cực hình ấy, Nguyễn Duy Hiệu bàn với Phan Bá Phiến rằng:

"Việc đã không thể làm, thì chỉ chết mà thôi. Nhưng chúng ta cùng chết một lúc là vô ích. Vậy ông nên chết trước, còn tôi còn phải lo việc giải tán đảng viên rồi sẽ đem thân cho Pháp bắt. Người Pháp tra hỏi, tôi sẽ cực lực giải thoát cho Hội. Một mình tôi chết không đáng tiếc. Còn Hội ta sau nầy, có kẻ làm thành chí ta, tức là ta sống đó." (8)

Phan Bá Phiến khẳng khái vâng theo, mang đai, đội mũ, hướng về kinh đô lạy năm lạy, rồi quay sang Nguyễn Duy Hiệu lạy hai lạy, nói: "Ông hãy gắng sức, tôi xin đi đây." Rồi uống thuộc độc chết trước mặt nghĩa quân, hôm đó là ngày 21-09-1887. Về sau, cảm xúc trước cái chết của Phan Bá Phiến, trong sách Việt Nam vong quốc sử, Phan Bội Châu đã viết lại hành trạng của nhà cách mệnh ấy như sau: "Sống hiếu, chết trung. Vì nước sống tốt đẹp, vì dân chết oanh liệt. Ông quả có đủ hai đức sáng và lòng trung kiên."

Mười ngày sau, giải tán đảng, dặn dò phủ ủy các chiến hữu xong, Nguyễn Duy Hiệu cùng tú Nghị bí mật theo đường nước sông Trường Giang về Thanh Hà. Sau khi khấn vái bàn thờ tổ tiên, ông mặc áo dài đen, đội khăn đóng, ngồi trước bàn thờ Quan Vân Trường, rồi cho người đi báo Nguyễn Thân đến bắt. Chúng nhốt ông vào cũi giải về kinh. Ngồi trong cũi ông vẫn ung dung cầm chiếc quạt phe phẩy, lặng yên nhìn đồng bào đang vây quanh. Pháp yêu cầu đưa cũi ông đến Tòa Khâm cho Khâm sứ nhìn tận mặt trước. Sau đó đưa ngay vào trại võ lâm, trong nội thành. Ông bị tra tấn dữ dội, nhưng nhất quyết không khai, một mình chịu tất cả trách nhiệm:

"Nghĩa hội Quảng Nam có ba tỉnh, không dưới vài trăm, đều là người có tên tuổi. Nhưng cam tâm làm giặc duy có một mình Hiệu nầy thôi. Kỳ dư đều bị ép theo. Họ sợ thiêu hủy nhà cửa không dám không theo, ngoài ra không có bụng gì khác. Vậy chém một mình Hiệu cũng đủ, chớ nhọc lòng hỏi tội những kẻ khác làm gì?" (9)

Nhờ vậy, Nguyễn Hàm cùng một số các chiến hữu khác bị bắt một lần với ông được tha vì không đủ chứng cớ. Về sau Nguyễn Hàm hợp tác làm quân sư cho Phan Bội Châu, bí mật lập "Hội Duy Tân" tiếp tục kháng Pháp.

Triều đình nghị xử án Nguyễn Duy Hiệu bị "lăng trì," nhưng vua Đồng Khánh gia ân cho chém ngay; vợ con đều phạt giao cho sơn phòng Quảng Nghĩa, Bình Định làm "nô lệ." (10)

Trong ngục, Nguyễn Duy Hiệu có làm hai bài thơ "Lâm hình thời tác" như sau:

Nguyên tác

Tây Nam vô địch xích đồng tri,
Tảo cập kim thời thế khả vi.
Nhược sử gian phong vô áo điện,
Hà nan trung đính thát cường di.
Hàn sơn kỷ đắc cô tùng cán,
Đại hạ yên năng nhất mộc chi.
Hảo bả đan tâm triều liệt thánh,
Trung thu minh nguyệt bạn ngô qui.

Cần vương thệ dữ Bắc Nam đồng,
Vô nại khuông tương lộ vị thông.
Vạn cổ cương thường vô Ngụy Tháo,
Bách niên tâm sự hữu Quan Công.
Thiên thư phận dĩ sơn hà định,
Địa thế sầu khan thảo mộc cùng.
Ký ngữ phù trầm tư thế giả,
Hưu tương thành bại luận anh hùng.

Bài dịch

Vô địch Tây Nam biết đã thừa,
Thời cơ như thế lẽ ngồi trơ.
Nếu không mũi nịnh làm tay kín,
Nào khó làm tung vác gậy bừa.
Núi lạnh tùng côi xơ xác đứng,
Nhà to cột một khó ngăn ngừa.
Về chầu liệt thánh lòng son đấy,
Tháng tám trăng rằm sẵn dịp đưa.
(Huỳnh Thúc Kháng dịch)

Cần vương Nam Bắc một lòng chung,
Khốn nỗi tôn phò lối chửa thông.
Muôn thuở cương thường không Ngụy Tháo,
Trăm năm tâm sự có Quan Công.
Non sông chưa rõ do trời định,
Cây cỏ buồn trông thấy đất cùng.
Nhắn bảo nổi chìm ai đó tá,
Chớ đem thành bại luận anh hùng.
(Chu Thiên dịch)

Sáng ngày rằm tháng 8 năm Đinh Hợi (1-10-1887), sau khi Đồng Khánh phê chuẩn bản án, Nguyễn Duy Hiệu, mình trần, tóc quấn ngược lên đầu, vận một quần lụa, thắt lưng màu đỏ, thung dung ra pháp trường với một nụ cười, không mảy may xúc động.

"Quân Pháp hỏi trước khi chết có ông có muốn điều gì không, Nguyễn Duy Hiệu trả lời muốn đứng thẳng để bị chặt đầu, vì không khi nào quì mọp trước cường quyền, và cũng không muốn bị bịt mắt, vì muốn nhìn giang sơn đất nước lần cuối cùng trước khi nhắm mắt. Quân Pháp đồng ý. Nguyễn Duy Hiệu nói với tên đao phủ rằng: Ta đây, giang sơn đã mất, gia đình tiêu tan, bạn bè, đệ tử, cả đến thầy dạy học cũng đều phản bội ta. Nay còn ngươi là kẻ cuối cùng, ta yêu cầu ngươi ra tay chặt đầu ta một phát cho mau lẹ, ta sẽ biếu ngươi chiếc thắt lưng đỏ của ta. Tên đao phủ hứa sẽ làm đúng như thế. Nhưng vì thân hình của Nguyễn Duy Hiệu cao to hơn tên đao phủ, mà lại đứng thẳng, rất thất thế cho y ra tay chặt, nên nhát thứ nhất không đứt cổ ngay mà trúng vào một khớp xương, máu phun ra thành vòi. Nguyễn Duy Hiệu tợn mắt bảo: Ra ngươi cũng phản bội ta nữa sao? Bọn lính chạy đến vật Nguyễn Duy Hiệu xuống để tên đao phủ chặt đầu cho đứt. Rồi dùng ngựa trạm đặc biệt hỏa tốc đưa ngay thủ cấp ông về Điện Bàn, quê của ông, bêu lên cho dân thấy.

"Gia đình của Nguyễn Duy Hiệu bị đưa đi đày gồm có bà mẹ già 85 tuổi, người vợ, ba người con trai (con cả, con thứ nhì và thứ năm), cùng hai người con gái, đều bị mang gông tạ (là loại gông rất nặng) xiềng tay, và bị áp giải đi bộ từ Quảng Nam vào Quảng Ngãi. Đến Tam Kỳ, bà vợ sinh một con gái. Giọc đường dân chúng đặt bàn hương án ra khóc lạy tiễn đưa. Về sau không bao lâu, Đồng Khánh tha cho về lại nguyên quán. Người Pháp muốn cấp cho con cháu học bổng nhưng gia đình nhất định không nhận." (11)

Khâm sứ Pháp lúc đó là Baille mục kích cảnh tượng ấy, không nén được xúc cảm, và không khỏi không khâm phục thái độ khí phách trầm hùng của địch thủ, nên đã ghi nhận lại rất trung thực trong tác phẩm Souvenirs d'Annam của ông mấy lời ca tụng như sau:

"Ngày hôm sau, Hiệu ra pháp trường với một nụ cười trên môi (...) Hiệu đợi cái chết, (ứng xử) xứng với danh vị một con người của nòi giống mình (Việt Nam), của cấp bực mình (Hội chủ Cần vương), nghĩa là y đợi chết, không sợ sệt, chịu đựng chết như một người tin theo định mệnh, coi cái chết như một quyết định của số phận không có gì để phải công phẫn chống lại. (...) Hiệu là trong hạng người mà ta thường thấy ở Nam kỳ và ở Trung kỳ, vừa làm thơ vừa đi đến pháp trường, rồi viết thơ bằng đầu bút lông, tay không một chút run rẩy, không để bộc lộ ra một xúc cảm nào cả." (12)

*

Tưởng không kết luận nào giá trị hơn lời của chính kẻ chiến thắng đã ca tụng địch thủ bại trận. Trước cái chết của anh hùng Nguyễn Duy Hiệu, kẻ cầm đầu quân chánh Pháp đã phải khen lây đến khí phách nòi giống Việt, đến phong cách nhà lãnh đạo kháng chiến chúng ta.

Trong bài "luận" thi đình trước Tự Đức, Nguyễn Duy Hiệu đã bàn đến ba phẩm hạng của Kẻ Sĩ, mà phẩm hạng thứ nhất là "biết liêm sỉ (biết xấu hổ), và đi ra nước ngoài không làm nhục mạng vua" (hiểu theo ngày nay là không làm nhục quốc thể). Nhưng bọn vua quan tay sai của ngoại bang ở thời nào cũng chỉ là bọn người không biết xấu hổ là gì. Vua thì chạy theo năn nỉ giặc để xin lên ngôi, quan thì lòn cúi, nịnh bợ để được giàu sang trên xương máu đồng bào. Mà chúng nào có thấy sỉ nhục cho cá nhân mình, cho tổ tiên, cho dân tộc, cho đất nước mình đâu!

Khâm sứ Pháp còn ngạc nhiên khi thấy kẻ sĩ Việt mỉm cười, làm thơ trong khi chờ đợi người ta dẫn mình đi chặt đầu. Một cảnh tượng ít khi thấy trong lịch sử cổ kim trên thế giới.

Nhớ lại xưa ở Cận Đông, thời Néron, năm 67 sau TC, thành Jérusalem bị quân La Mã do tướng Titus Flavius Vespasien vây chiếm. Josephus, thầy tế lễ Do Thái, tuy biết với lực lượng suy kém của mình, kháng chiến thế nào cũng thất bại, nhưng bổn phận là phải chống lại. Bị thua, rút về thành Jotapata, y đốc thúc các toán quân tận lực hy sinh cầm cự được 47 ngày. Khi quân La Mã tràn vào thành, hàng ngàn quân Do Thái bị giết nằm đầy đường phố. Chỉ huy trưởng quân La Mã sai khám những xác chết nầy để tìm cho ra xác Josephus, vì nghĩ rằng người chỉ huy một cuộc chiến đấu dũng cảm như thế, hẳn đã chết theo các đồng đội của mình. Tìm không ra, vì Josephus ẩn núp trong một hồ chứa nước ở ngoại ô. Ba ngày sau, có một phụ nữ tố cáo nên Josephus bị bắt. Nhờ y "nói tiên tri" với Vespasien rằng cha con ông ngày sau sẽ lên ngôi hoàng đế, nên ông khỏi bị giết, được trọng đãi, ở luôn với Vespasien. Tin Jotapata thất thủ đưa tới Jérusalem, dân chúng Jésuralem tin rằng anh hùng Josephus đã tử trận, họ làm nghi lễ để tang, cùng nhau thương xót suốt 30 ngày đêm. Về sau khi biết sự thật, dân chúng trở lại xỉ vả, chưởi rủa Josephus thậm tệ. (13)

Cũng như chuyện gần đây, các chỉ huy trưởng chính quyền và quân sự biết đã thua, vẫn ra lệnh cho binh sĩ phải tiếp tục cố thủ đến cùng, nhưng phần mình lại cùng gia đình ôm tiền của trốn ra nước ngoài trước mọi người. Thật khác hẳn với Hạng Võ ngày xưa, lâm vào thế cùng, chạy đến sông Ô, đình trưởng Ô Giang cắm thuyền đợi để rước sang Giang Đông. Hạng Võ nói: *"Tám ngàn con em Giang Đông theo ta đến nay không còn lấy một người trở về. Dù các bậc cha anh Giang Đông có thương, cho ta làm vương, ta cũng không còn mặt mũi nào nhìn họ được."* Sau đó Hạng Võ rút gươm tự đâm cổ chết.

Cái chết như Hạng Võ, như Nguyễn Duy Hiệu đã thăng hoa đưa các vị vào hàng bất tử. Ngày nay, hỏi có ai còn nhớ lại lời trối của con người đất Quảng kia không:

"Một mình ta chết, không đủ tiếc.

Sau nầy, có kẻ làm thành chí ta, tức là ta còn sống đó."

Nhân ngày giỗ 1-10-1887
Chép lại gửi anh Duy Xuyên
và các cháu.

TÀI LI ỆU THAM KHẢO

1- *Việt sử khảo luận*, Hoàng Cơ Thụy, Paris 1991, tập 7, trang 1398.

2- *Tự Đức thánh chê văn*, bản dịch A Nam Trần Tuấn Khải, Saigon 1973, quyên II, trang 258-264.

3- *Từ điển Nhân Vật lịch sử VN*, Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế, Hà Nội 1992, tr. 898, 899.

4- *Đại Nam thực lục*, tập 37, trang 93, 94.

5- *L'Oeuvre néfaste*, JB Guerlach, Saigon Impr. Commerciale, 1906, trang 83.

6- *Souvenirs d'Annam*, Baille, Edit. Plon, Paris 1890.

7- *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*, Nguyễn Sinh Duy, Đà Nẵng, 1996, trang 225 - 287.

8- *Việt Nam Vong quốc sử*, Phan Bội Châu, tiểu sử Nguyễn Duy Hiệu và Nguyễn Bá Phiến.

9- *Việt Nam Vong quốc sử*, Phan Bội Châu., nguyên văn chữ Hán, bản dịch Chu Thiên.

10- *Đại Nam thực lục*, tập 38, trang 6.

11- Thuật theo lời người chắt nội đích tôn của Nguyễn Duy Hiệu là Nguyễn Dương, Kỹ sư Bách khoa - Năng lượng (Ingénieur Polytechnique - Energie) hiện cư trú tại Houston.

12- *Souvenirs d'Annam*, Baille, sđd. trang 82 - 84: "Hiệu attendit la mort comme il sied à un homme de sa race et de son rang, c'est-à-dire qu'il attendit sans la craindre et la subit en fataliste, comme un arrêt du sort contre lequel il n'y a même point à s'indigner. Il eut été de ceux qui, ainsi que cela s'est vu en Cochinchine et en Annam, composèrent des vers en marchant au supplice et les écrivirent, du fin bout de leur pinceau, sans qu'un seul tremblement de la main vint trahir une émotion quelconque."

13- *La guerre des Juifs*, Josephus Flavius.

Tướng Nguyễn Văn Hinh qua đời

NGUYÊN HƯƠNG N.C.

Quốc gia, xứ sở nào cũng vậy, thời loạn ly giặc giã đất nước thường phát sinh những tài năng đặc biệt, những mẫu người đặc biệt. Và cũng do hoàn cảnh đặc dị đặc thù, tài đức phong thái, tâm lý hành động, ảnh hưởng hay áp lực nội tại, ngoại lai, mỗi cá nhân một trường hợp riêng rẽ, không trường hợp nào giống trường hợp nào.

So sánh tương quan tương đồng nhân vật này với nhân vật khác, trong bối cảnh chính trị, thời và thế khác nhau, là công việc khó có thể làm được, không gian và thời gian cách trở muôn phần.

Không ai giống ai, mỗi người một cách, nhắc lại đây như một trường hợp độc hành ký ức lịch sử. Mỗi người một con đường đi và đến chỗ rẽ quyết định cuộc đời, mỗi người một phần số, một tương lai khác nhau «trời đã định phần.» Gọi đây là định mệnh hay căn duyên ràng buộc lịch sử, điều này tùy thuộc cái nhìn lịch sử của người đương thời hay độc giả ngày nay cũng vậy.

Đất nước Việt Nam, thời qua phân nhà Lê-nhà Mạc kéo dài hơn 60 năm, sau này lịch sử gọi là Nam-Bắc-triều với hai kinh đô đối đầu, Tây Đô (Thanh Hóa) và Đông Đô (Thăng Long), một nhân vật đặc biệt dị thường, quê quán làng Bùng (làng Phùng Xá, tỉnh Sơn Tây): Phùng Khắc Khoan (1528-1613).

Năm 1552 thời Mạc Phúc Nguyên, thi đậu Tam trường, sống thời nhà Mạc (Bắc Triều) nhưng không phục nhà Mạc, Phùng Khắc Khoan trốn vào Thanh Hóa theo nhà Lê đang trung hưng. Thi đậu Giải nguyên (đậu đầu khoa thi Hương), đến năm 1580, đời vua Lê Thế Tông (Nam Triều), Phùng Khắc Khoan lại thi đậu Hoàng Giáp (tiến sĩ, đệ nhị giáp). Tương lai nhìn thấy rõ: con nhà văn học khoa bảng xuất thân, rồi đây quận công, triều thần là cái chắc!

Làm quan với nhà Lê lo việc chống nhau với nhà Mạc phương Bắc, do duyên nghiệp văn chương, Phùng Khắc Khoan lại có tài ứng đối biện bạch được cử đi sứ nhà Minh với nhiệm vụ cống hiến (người vàng) và cầu phong.

Khâm phục tài văn học và ngoại giao của vị sứ thần nhà Lê, vua nhà Minh phong Phùng Khắc Khoan học vị Trạng Nguyên (người đậu đầu khoa thi Đình), dân chúng về sau gọi Phùng tiên sinh là «Lưỡng quốc Trạng Nguyên»!

Bốn trăm năm sau, thêm một trường hợp «lưỡng quốc» khác. Lần này tại miền Nam, một quân nhân trở thành «lưỡng quốc võ tướng.»

Cũng thời loạn ly giặc giã, thủ đô miền Nam đang rộng mở đón gió bốn phương mặc dù chiến tranh sắp đến hồi lan rộng.

Chuyện hi hữu xảy ra trong đời một người quân nhân: phi công Nguyễn Văn Hinh hai lần được phong tướng trong khoảng thời gian mười năm, hai lần hai hoàn cảnh khác nhau, tại hai quốc gia khác nhau, Sài Gòn năm 1951 và Paris năm 1962.

Nhớ lại thời gian trước đó, lúc quân đội quốc gia mới bắt đầu thành lập, lời Quốc trưởng Bảo Đại: «... người đầu tiên giữ chức vụ Chánh Võ phòng là Nguyễn Văn Hinh, một phi công trẻ trong quân đội Pháp từng dự chiến ở Âu Châu từ 1940-1945. Trưởng nam bộ trưởng (và sau đó thủ tướng) Nguyễn Văn Tâm, có vợ người Pháp, Nguyễn Văn Hinh do huyết thống dòng họ vẫn giữ mối liên lạc tình cảm gia đình truyền thống. Bổ nhiệm Nguyễn Văn Hinh làm đại tá Chánh Võ phòng, tôi tìm thấy nơi vị sĩ quan này một cọng sự viên xuất sắc, tận tâm và trung tín» (Bảo Đại: *Con*

Rồng Việt Nam).

Quốc gia muốn có chủ quyền thật sự phải có quân lực. Hoàn cảnh chiến tranh chống Cộng Sản càng đòi hỏi cấp bách hơn việc thành lập một quân đội có tổ chức vững vàng và được huấn luyện quy củ. Muốn được như vậy, ưu tiên phải có là các cấp bậc chỉ huy cao cấp và trung cấp; và trên hết một võ quan lãnh đạo có đầy đủ khả năng, kiến thức và kinh nghiệm. Quân đội quốc gia buổi đầu tiên mới tượng hình chỉ có độ chừng 200 sĩ quan cấp trung úy và đại úy vừa được đào tạo vội vàng và mười mấy sĩ quan cấp tá, kể cả ba đại tá vừa được thăng cấp nhiệm chức.

Cùng với việc thành lập các Tiểu đoàn Khinh quân, quân số từ 20 ngàn người lần hồi lên đến 40 ngàn, có thể biến cải thành đạo binh quy ước với đầy đủ các đơn vị pháo binh, chiến xa, truyền tin, và tuần tự chuyển tiếp thêm, thành lập bộ Tổng tham mưu quân đội. Vị chỉ huy quân sự tối cao ấy là đại tá Chánh Võ phòng Nguyễn Văn Hinh, được phong thiếu tướng, vị tướng lãnh đầu tiên quân lực Việt Nam.

Sau ngày 7-5-1955, vì lý do chính trị, phải rời khỏi Việt Nam, trung tá không quân Nguyễn Văn Hinh trở lại Không Quân Pháp, nhiệm sở mới, Trung tâm Bay Thử Brétigny và Căn Cứ Thực nghiệm hàng không Marson. Năm 1960 thăng đại tá, Nguyễn Văn Hinh trở thành chỉ huy trưởng bộ chỉ huy Colomb - Béchar có nhiệm vụ vừa chiến đấu chống kháng chiến quân Algérie, vừa yểm trợ tiếp vận các căn cứ vùng tiếp cận sa mạc Sahara.

Tháng 3 năm 1962, đại tá Nguyễn Văn Hinh được vinh dự mang hai sao bạc lóng lánh trên vành áo: thiếu tướng tham mưu phó quân lực (Etat - Major des Armées) và từ đó cho đến năm 1964, sau ngày tốt nghiệp khóa Quân Sự Cao Cấp (Centre des Hautes Etudes Militaires), thêm một lần vinh thăng khác, lần này cao trọng hơn. Sắc lệnh thăng cấp của Tổng Thống Pháp Quốc Cộng Hòa, đăng trên Công Báo (Journal Officiel) ngắn, gọn mấy hàng:

Được thăng cấp Trung tướng Không quân, Thiếu tướng Không quân Nguyễn Văn Hinh (Est promu Général de Division aérienne, le Général de Brigade aérienne Nguyễn Văn Hinh).

Sau đại úy Đỗ Hữu Vy, trung tướng Nguyễn Văn Hinh là hai phi công Việt Nam duy nhất trong hàng ngũ không lực Pháp.

Cùng xuất thân trường Đại học Bách Khoa (Ecole Polytechnique) như bậc đàn anh Trung tướng lục quân Nguyễn Văn Xuân; Nguyễn Văn Hinh - Nguyễn Văn Xuân là hai tướng lãnh duy nhất người Việt Nam quốc tịch Pháp (sujets francais de la Cochinchine) trong quân đội Pháp.

Lật chồng báo cũ, đọc lại bài viết trên tạp chí *Paris Match*: Nguyen Van Hinh, il commandera la force de frappe Sol-Sol 225 Hiroshima, phát hành nhân dịp phi công Nguyễn Văn Hinh được vinh thăng trung tướng, người sắp điều khiển toàn bộ lực lượng nguyên tử không quân, hỏa tiễn Địa-Địa khủng khiếp nhất quân lực Pháp lần đầu tiên được trang bị. Khủng khiếp vì tướng không quân ba sao Nguyễn Văn Hinh sẽ là vị chỉ huy cao cấp lực lượng Siêu Pháo Binh (Super Artillerie) có sức công phá mãnh liệt tương đương với 4.500.000 TNT; khi xử dụng, châm thêm ngòi nổ nguyên tử hỗn hợp (charges thermonucléaires), sức tàn phá sẽ tăng trưởng năm lần ác liệt hơn. Để rõ ràng dễ hiểu thêm, nếu tổng hợp tất cả số lượng chất nổ (puissance explosive) quân đội Pháp đã xử dụng trong tất cả các trận chiến tranh xưa nay, số lượng ấy thật quá khiêm nhường so với sức mạnh Siêu Pháo Binh trung tướng Nguyễn Văn Hinh đang nắm trong tay.

Tại Paris, tư thất của tướng Nguyễn Văn Hinh, 24 đại lộ Victor, là một căn nhà hai phòng nhỏ, ở tầng dưới, nhưng giang sơn tung hoành trong bầu trời cao rộng của vị tướng lãnh này là cả vùng cao nguyên Albion, nằm giữa mấy thị trấn Montbrun (Drôme), Omergues (Basses Alpes) và Rustree (Vaucluse), một căn cứ vô cùng bí mật, rộng 36.000 mẫu, đang được trang bị 27 dàn phóng hỏa tiễn SSBS (Sol-Sol Balistique Stratégique), một võ lực nguyên tử có sức công phá 225 lần mạnh hơn quả bom Hiroshima.

Gần 17 năm trước, cũng tạp chí *Paris-Match* số đặc biệt ngày 6/5/1945 -Thế Giới Đại Chiến 1940-1945- nơi trang bìa hình chiếc oanh tạc cơ B26 Vosne-Romanee bị đại bác phòng không Đức cắt đứt làm hai. Bốn phi công được sống sót cư ngụ tại bốn thành phố khác nhau, sau này nhờ trang hình bìa có dịp gặp nhau lại tại tòa soạn *Paris-Match*.

Chiếc oanh tạc cơ B26 «Nuits Saint Georges» do đại úy Nguyễn Văn Hinh điều khiển, bay phía sau phi cơ bạn bị nạn, chụp hình được cảnh tượng hãi hùng xảy ra và cũng nhờ đó không quân Pháp có bức hình kỷ niệm này. Cùng chung phi vụ hành quân hôm ấy, hai khu trục cơ khác cùng bị hoả lực phòng không Đức bắn hạ. Còn lại một mình phi công Nguyễn Văn Hinh cố gắng lèo lái con

tàu tiến sâu vào nội địa Đức, hoàn tất cuộc oanh tạc chính xác mục tiêu: thị trấn Karlsrushe.

Được ân thưởng Đệ tam đẳng Bắc đẩu bội tinh hẳn là một vinh dự; tuy vậy vẫn không thích thú bằng những chuyện bên lề hành quân, những ký ức còn mãi với người phi công tài ba, dày dạn kinh nghiệm,những lần nhảy dù đổ bộ ở Ý, ở Sardaigne hay Alger.

Đoạn đường chiến binh nguy hiểm nhất trong nghiệp bay, theo đại úy Nguyễn Văn Hinh kể lại, là phi vụ từ miền nam nước Ý trở về căn cứ sau khi hoàn tất nhiệm vụ, đúng vào ngày lịch sử 18-6-1940. Trong một ngày, người phi công trẻ tuổi phải đương đầu với ba tai nạn đầy hiểm nguy.

Máy bay bị đạn bốc cháy, phi công Nguyễn Văn Hinh bình tĩnh cố gắng đưa được phi cơ về ven biển an toàn trước khi nhảy dù thoát hiểm.

Vừa đáp xuống đất, đang đêm chàng phi công đến gõ cửa một nông trại. Nghi ngờ người khách lạ là một điệp viên phản gián bị lạc đường, chủ nhà với cây súng cát-bin (carabine) cầm tay sẵn sàng bóp cò. Rất may, nhờ lanh trí và khôn khéo giải thích rõ ràng trường hợp ngộ nạn, đại úy Hinh thoát hiểm!

Đêm hôm ấy, được đón tiếp niềm nở tại nông trại, chàng phi công trẻ tuổi độc thân còn được ba thôn nữ trẻ đẹp áo ngủ còn nguyên trên người, thân mật chào mừng như cảnh đón tiếp người anh hùng kháng chiến.

Bài phóng sự viết theo người biết chuyện kể lại: hôm ấy tại nông trại chàng phi công may mắn hai lần thoát hiểm! Đúng mười mươi hay không đúng hẳn, không thành vấn đề; dù sao cũng thêm một kỷ niệm đẹp trong đời phi công bay bướm Nguyễn Văn Hinh.

*

Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1915 tại xã Thắng Tam, thị xã Vũng Tàu, nơi cụ thân sinh Nguyễn Văn Tâm đang làm tham tá Toà Sứ. Nguyễn Văn Hinh, con trưởng, ngoài ba em gái, còn có hai em trai đều bị Việt Minh Cọng Sản sát hại từ buổi đầu tiên mới cướp được chính quyền.

Xong bậc trung học tại trường Chasseloup Laubat, qua Pháp theo học Lycée Louis le Grand chuẩn bị vào đại học. Năm 1935 thi đậu vào trường đại học Bách Khoa, Nguyễn Văn Hinh chọn nghành Không quân, phi cơ oanh tạc. Ra trường với cấp bậc thiếu úy, hai năm sau, tháng 9 năm 1940, thăng cấp trung úy.

Năm 1939, Thế giới Chiến tranh bùng nổ lần thứ hai và nước Pháp là bãi chiến trường quyết định. Cơ hội chờ đợi người phi công trẻ tuổi thi thố tài năng và chí nguyện, tha hồ tung cánh chim sắt tung hoành bầu trời lửa đạn Pháp quốc và ngút ngàn tận các thuộc địa Pháp ở Bắc Phi như Mali, Soudan, Sénégal.

Năm 1942, quân đội Đồng Minh đổ bộ Bắc Phi, đại úy Nguyễn Văn Hinh được thuyên chuyển làm huấn luyện viên Trường không quân Marakech. Xong công tác Marakech, năm 1944, đại úy Nguyễn Văn Hinh trở lại Pháp với Liên Phi Đoàn Oanh Tạc (groupe de bombardement) có nhiệm vụ hành quân tại Aix và chiến trường mới nhập cuộc, miền nam nước Ý.

Sau ngày Thế giới Chiến tranh kết thúc, chức vụ mới của đại úy Nguyễn Văn Hinh là Trưởng phòng 3, Phi đoàn 34 (34ème Escadre) tại vùng chiếm đóng Đức. Năm 1946 theo học khóa huấn luyện không quân cao cấp, trở về Pháp với cấp bậc thiếu tá, trưởng phòng Truyền tin Bộ Tư lệnh Không quân tại Paris, một thời gian sau, năm 1948 thuyên chuyển qua Algérie, Liên phi đoàn Vận tải 2/62 (Groupe de transport 2/62).

Tháng 10 năm 1949, thuyên chuyển về Bộ Chỉ huy Không lực Pháp tại Viễn Đông với cấp bậc trung tá, trưởng phòng 3: khúc quanh quyết định tương lai đoạn đường binh nghiệp phi công Nguyễn Văn Hinh.

Đại tá Chánh Võ phòng Quốc trưởng Bảo Đại tại Đà Lạt, thiếu tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Quốc gia Việt Nam mới thành lập: cơ hội gắn bó vị tướng lãnh trẻ tuổi với quê hương Việt Nam lâu ngày xa cách và chờ đợi.

*

Du học Pháp từ thời niên thiếu, xa nhà lâu ngày muốn về lại quê hương; nhưng về nước chưa được bao lâu (1949-1955), bị lôi cuốn trong trận cuồng phong chính trị, lại phải ngậm ngùi, ân hận ra đi, từ đó biền biệt cho đến ngày qua đời 26-6-2004 tại bệnh viện Fock, tang lễ cử hành tại Hôtel des Invalides.

Bi đát! Hoàn cảnh bi đát hay cả quê hương cùng định mệnh người phi công trong nghịch cảnh đất nước loạn ly dâu bể.

Hội nghị Genève kết thúc, tình hình chính trị - quân sự miền Nam bấp bênh, tận cùng nguy hiểm. Người trong cuộc cũng như ngoại cuộc, không ai nghĩ rằng, với tình thế như vậy miền Nam có thể đương đầu được dài lâu; hay rồi đây mặc cho gió

cuốn mây bay đẩy đưa theo định mệnh «ut fata trahunt»!

Năm sáu năm trời hội nghị, hội đàm từ Tuyên Ngôn Vịnh Hạ Long năm 1948 cho đến năm 1954, thủ tướng Bửu Lộc còn được bộ trưởng Paul Reynaud mời ký kết thêm một bản hiệp ước độc lập bổ túc!

«Năm lần, nước Pháp công nhận Việt Nam độc lập!», lời Cựu Hoàng Bảo Đại mỉa mai trong tập hồi ký *Con Rồng Việt Nam*.

Tham lam, keo kiệt về chính trị từ đầu mùa đến cuối mùa, mười mấy chính phủ liên tiếp thành lập rồi giải tán, trong việc trao trả chủ quyền độc lập cho Việt Nam, trước sau người Pháp vẫn so đo, bủn xỉn, cò kè bớt một thêm hai, ra sức bám víu, đến thế cùng rồi vẫn còn chưa chịu buông tha (1).

Trước thái độ không đẹp ấy, người trong cuộc là quốc trưởng Bảo Đại vì vậy hơn một lần đã «nhẹ nhàng» đáp lễ Tổng thống Vincent Auriol:

«Sự bàn giao được coi như một trò hề! Nước Pháp, người Pháp vẫn còn đó, không có gì thay đổi, hầu như ở khắp mọi nơi...»

Cuối cùng, cho đến khi chính phủ Ngô Đình Diệm thành lập (7-7-1954), không còn có thể níu kéo, trì hoãn được nữa, đến khi ấy người Pháp mới chịu chuyển giao hoàn toàn chủ quyền độc lập qua Việt Nam.

Tham lam bủn xỉn về chính trị, người Pháp bản chất thù dai (Rancunier) với tâm lý và hành động «không ăn được thì đạp đổ.» Chuyển giao chủ quyền còn bám giữ lâu nay qua chính phủ Ngô Đình Diệm, người Pháp bên trong sẵn sàng đủ mọi kế hoạch phá hoại, đảo chính, đủ mọi hình thức, phương tiện, tưởng tượng dễ dàng nhất lúc bấy giờ là giáo phái và quân đội.

Hoàn cảnh đất nước biến động như vậy, tướng Nguyễn Văn Hinh và một số sĩ quan gọi là đảng Con Ó, bị đưa đẩy trong vòng dây oan nghiệt chính trị và quyền bính do người Pháp tạo nên là điều không tránh khỏi.

Là một quân nhân thuần túy, hoàn toàn xa lạ với hoạt động chính trị, lần lần tướng Nguyễn Văn Hinh càng bị dính chặt trong vòng vây thiên la địa võng thực dân Pháp và giáo phái liên kết. Không đủ tư thế và bản lĩnh chính trị, tướng Nguyễn Văn Hinh dễ dàng trở thành nạn nhân của mưu đồ chính trị. Lấy đài phát thanh quân đội làm phương tiện tuyên truyền chống đối, mấy lần toan tính chuyện đảo chính nhưng vì nhiều lý do chưa thật sự hành động.

Là người chủ động buổi đầu tiên khởi sự, tướng Nguyễn Văn Hinh trở thành tù nhân của thời cuộc, bị thời cuộc vượt qua, tiến thối lưỡng nan, và như lời tác giả *Con Rồng Việt Nam* (sđd): «... cuối cùng Hinh đành khuất phục, rời Sài Gòn đi Paris (2), sau khi nhận được công điện từ Cannes.»

*

Minh quân lương tướng tao phùng dị!

Trung tướng Nguyễn Văn Hinh nếu sinh vào thời thái hòa, đất nước thanh bình tự chủ, tài năng quân sự ấy đem ra phục vụ xứ sở, tốt đẹp biết mấy!

Một hôm vào lúc sáng sớm, từ Paris Lysette Tâm điện thoại báo tin buồn: anh hai mất rồi, ngày thứ bảy 26 tháng 6 vừa qua.

Anh hai, trung tướng Nguyễn Văn Hinh mà vừa rồi trong chuyến đi Pháp chúng tôi có ý định đến thăm khi nghe Lysette cho biết anh hai ở nhà thương mới ra, ngồi xe lăn mấy tháng nay rồi...

Nhớ trung tướng Nguyễn Văn Hinh, nhớ vị chỉ huy quân đội dồi dào kiến thức và tài năng võ bị, một nhân tài quân sự hiếm hoi vào thời buổi ấy. Nhớ bậc đàn anh, một quân nhân với tâm hồn văn nhân, tài hoa bay bướm, ít nói, nghiêm trang với kỷ luật và bổn phận, nhưng cũng rất tình cảm, rộng rãi, thân hữu với thuộc cấp và đồng đội.

*

(1) Hội nghị Genève xong rồi, chính phủ Ngô Đình Diệm thành lập rồi, người Pháp vẫn chưa vỡ mộng đế quốc thuộc địa, vẫn còn huyễn hoặc với mỹ từ «grandeur de la France» De Gaulle và nhiều chính khách khác thường tự hào.

Ngày 30-8-1954, vừa đến Sài Gòn nhậm chức thay thế Cao ủy Dejean, tướng Ely khoác lác tuyên bố: La position de la France ne changera pas... Tuyên bố như vậy nhưng rồi mấy tháng sau lá cờ Pháp phải vĩnh viễn hạ xuống khỏi dinh Toàn quyền ngày nay trở thành dinh Độc Lập!

(2) Lời Cựu Hoàng Bảo Đại ghi trên, tất cả đều trích dẫn từ tác phẩm Con Rồng Việt Nam, tác giả Bảo Đại.

Cũng theo tác giả, sau ngày rời Việt Nam, tướng Hinh còn trở lại biên giới: «... ở đây có Trần Văn Soái, Ba Cụt, Bảy Viễn, đại tá Leroy... Họ chờ đợi trong tuyệt vọng chuyến tàu chở khí giới cơ quan tình báo Pháp hứa hẹn và do Bảy Viễn thuê bao.

Tuyệt vọng, điên cuồng, họ đành chia tay, Hinh về Pháp ngày 19-6-1955.»

Và tiếp theo một đoạn khác: «Tại Paris, ngày 7 tháng 10 năm 1955, có mở đại hội ở khách sạn Raphael. Chung quanh cựu thủ tướng Trần Văn Hữu, có tướng Xuân, tướng Hinh, đại tá Leroy, ông William Bazé... Người ta nói đến chính phủ lưu vong, đến trung lập, nhưng tất cả những sự bàn phiếm ấy chẳng đi tới đâu...»

Y học thực chứng

NGUYỄN VĂN TUẤN

Đối với nhiều người trong các ngành nghề khác, y học là một bộ môn mang chút dáng dấp huyền bí. Giới y sĩ và khoa học gia hình như lúc nào cũng bận rộn, hối hả, xoay xở, mổ xẻ, làm thí nghiệm, thu thập dữ kiện, phân tích, lập danh mục, phân loại, viết lách, lấy hẹn, v.v& làm như là họ đang tiến về một thế giới mà nơi đó mọi sự kiện và hiện tượng đều được tồn tại một cách hỗn loạn, chẳng đâu vào đâu cả. Trong thực tế, y học là một bộ môn tương đối kì lạ và có khi rất bạo động. Giới y sĩ và khoa học gia nói chung là những người đánh cuộc cao, nhưng họ lại có một quyền tự do rất thoáng. Họ có quyền cho người khác uống thuốc mê, dùng kim đâm vào cơ thể người ta, dùng dao cắt mổ ngực người ta, biến đổi các cơ chế hóa học của người bệnh ... Bề ngoài, người ta tưởng họ làm như thế với một sự tự tin cao và sự chính xác tuyệt vời, nhưng trong thực tế, nhìn kĩ những đường rạch, những tấm phim X-ray, những sai sót nhầm lẫn nghiêm trọng, những thành công cũng như thất bại, người ta mới thấy y học là một bộ môn có rất nhiều bất định và khá hỗn độn.

Chẳng thế mà trong y khoa người ta thường hay nhắc lời nói của vị khoa trưởng y khoa Đại học Yale khi ông tuyên bố trước các sinh viên mới vào học nghề thuốc rằng "Khoảng 50% những gì chúng tôi sắp dạy các anh chị là sai lầm, nhưng khổ nỗi chúng tôi không biết 50% nào là sai!"

Một người y sĩ trung bình ngày nay thường được trang bị hay có trong tay những dụng cụ nghề nghiệp trị giá lên đến 250,000 đô-la, một số tiền không nhỏ so với đồng nghiệp của họ vào khoảng 50 năm trước đây. Đối với nhiều người, những thiết bị tối tân, tinh vi, đắt tiền đó là những phương tiện kì diệu mà khoa học cung cấp cho ngành y để chinh phục bệnh tật. Nhưng trong thực tế, rất ít người, ngay cả những người làm việc lâu năm trong ngành y, thấy và hiểu rõ cơ chế của những công cụ đó ra sao. Khi một người ngã bệnh, người đó không đến đối thoại với những công cụ tinh vi kia, mà đến gặp y sĩ, một y sĩ với những tính tình có khi trồi sụt theo thời gian, một y sĩ với hàng chục người bệnh đang chờ ngoài phòng mạch, một y sĩ với những giới hạn về kiến thức và kĩ năng khoa học. Đó có khi là những yếu tố làm cho ngành y càng ngày càng trở nên bất định.

Làm sao giảm những bất định trong y khoa? Câu trả lời một phần nằm trong sứ mệnh của một phong trào y học mới được phát triển trong thời

gian gần đây. Có thể nói rằng phong trào này là một cuộc cách mạng trong ngành y. Cuộc cách mạng này có tên là "Evidence-based medicine" (mà người viết tạm dịch là "Y học thực chứng"). Y học thực chứng là gì? Phong trào này có ảnh hưởng gì đến bệnh nhân? Bài viết ngắn này có mục đích trả lời hai câu hỏi đó, và thảo luận một số vấn đề liên quan đến phong trào y học thực chứng.

Mô hình Aristotle và vấn đề

Có thể nói rằng trong nhiều thế kỉ qua và ngay cả ngày nay, quá trình và phương pháp chẩn đoán cũng như chữa trị bệnh tật được tiến hành theo mô hình của Aristotle. Theo mô hình này, người thầy thuốc đứng trước một người bệnh trước hết tìm hiểu căn bệnh, rồi đi đến một chẩn đoán, và sau đó là quyết định một phương pháp điều trị, hoặc là giải phẫu, dược liệu, hay tâm lí trị liệu. Nếu phản ứng sau khi chữa trị được đánh giá là tích cực thì chẩn đoán và phương pháp chữa trị được xem là đúng. Thoạt đầu mới nghe qua thì mô hình này không có gì sai và có thể nói là rất hợp lí. Thực ra, mô hình làm việc này đã từng được ứng dụng thành công trong y khoa từ bấy lâu nay. Chẳng hạn như khi Frederick G. Banting và Charles H. Best (hai nhà khoa học người Canada) phát hiện vai trò và ảnh hưởng của sự thiếu hụt insulin trong các trường hợp tiểu đường trong thiếu niên thì phương pháp điều trị cũng nằm ngay trong phát hiện đó, tức là thay thế insulin. Phương pháp này đem lại nhiều thành công ngoạn mục trong y khoa. Mô hình của Banting và Best cũng là mô hình của tiến bộ của y học trong suốt thế kỉ 20.

Nhưng con người nói chung và giới thầy thuốc nói riêng thường có khuynh hướng tiếp nhận những gì mà họ muốn tiếp nhận. Nói một cách khác, chúng ta thường có khuynh hướng chủ quan. Nếu theo một lương năng bình dân nào đó, một phương pháp điều trị sẽ có hiệu nghiệm, thì y sĩ sẽ cảm nhận rằng phương pháp đó thực sự có hiệu nghiệm, dù bằng chứng khoa học cho thấy ngược lại.

Cho đến một vài thế hệ trước đây, ý niệm về bệnh tật rất đơn giản: bệnh nhân bị nhiễm một độc tố (toxic) nào đó, hay một nhiễm tố, hoặc trong cơ thể có quá nhiều dịch tố. Từ ý niệm này dẫn đến một ý tưởng là muốn chữa trị những bệnh như thế, chỉ cần mở một cái mạch và để cho các "độc tố" chảy ra ngoài: trích máu (hay tiếng Anh gọi là blood-letting). Ngay cả bây giờ "phương pháp" điều trị này vẫn còn sử dụng trong các làng quê ở nước ta, và ngoài này, nhiều người bị quá dose thuốc phiện cũng trích máu. Một khi độc tố bị thải ra ngoài cơ thể, bệnh nhân sẽ cảm thấy khỏe khoắn hơn. Cũng giống như bất cứ một người nào trong chúng ta từng hiến máu đều thấy sau khi hiến máu, chúng ta cảm thấy khỏe hơn; y sĩ thì tin rằng sau khi thải độc tố, bệnh nhân sẽ khỏe hơn. Đối với cả y sĩ và bệnh nhân, họ đều cảm thấy hài lòng, vì trong cơ thể bệnh nhân không còn độc tố nữa.

Ngày nay, chúng ta biết rằng trích máu thực ra chỉ làm cho bệnh nhân chết nhanh hơn. Một người lớn bình thường nếu mất đi 10% thể tích máu tuần hoàn của toàn cơ thể là có thể có biểu hiện rối loạn tuần hoàn, và nếu mất 20% thì shock giảm thể tích tuần hoàn có thể xảy ra, tính mạng có thể bị đe dọa rồi. Tổng thống Mỹ, George Washington, bị mất hơn hai lít máu trong vòng hai ngày trước khi ông chết; và ông chỉ bị đau cuống họng. Ông bị lấy máu nhiều quá. Chúng ta biết rằng trích máu là một thuật chữa trị nguy hiểm, kết luận này nhờ vào thử nghiệm lâm sàng của một y sĩ người Pháp tên là Pierre Louis vào năm 1836. Pierre Louis tiến hành một thử nghiệm mà ngày nay được xem là một thử nghiệm lâm sàng đối chứng (controlled clinical trial) đầu tiên trong thế giới y khoa. Trong thử nghiệm này, Louis trị một số bệnh nhân bị viêm phổi bằng cách trích nhiều máu, và một số bệnh nhân khác, ông trích ít máu hơn. Sau khi thử nghiệm, Louis đếm số lượng bệnh nhân chết trong hai nhóm, và đi đến kết luận rằng trích nhiều máu là một phương pháp điều trị nguy hiểm. Nhưng kết quả nghiên cứu và kết luận của Louis được truyền đi rất chậm trong thế giới y khoa. Phải cần đến cả trăm năm sau, giới y sĩ mới bắt đầu xem truyền máu lại vào cơ thể bệnh nhân (thay vì thải máu) như là một phương pháp điều trị! Sau này, khi kĩ thuật phân loại máu ra đời, việc tiếp máu mới được thực hiện một cách an toàn hơn. Giới y sĩ nhanh chóng đi đến kết luận là đối với những bệnh nhân bị bệnh nặng, duy trì mức độ hemoglobin sẽ cải thiện căn bệnh. Đứng trên khía cạnh lương năng bình dân, suy nghĩ này cũng hợp lí, và tiếp máu trở thành một cách điều trị và quản lí các bệnh nhân ở trong tình trạng nguy kịch.

Ấy thế mà, khoảng ba năm trước đây, kết quả của một nghiên cứu lâm sàng "Transfusion requirements in critical care" được công bố trên Tập

san *New England Journal of Medicine* [3], cho thấy ngoại trừ các bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp tính (acute acutemyocardial infarction), việc truyền máu cho những bệnh nhân nguy kịch với một liều lượng hemoglobin trung bình không làm giảm tỉ lệ tử vong, mà có thể làm tăng nguy cơ tử vong! Cũng như trường hợp HRT, không ai biết tại sao, nhưng đó là kết quả, là một thực tế. Kết quả nghiên cứu này làm chấn động các y sĩ chuyên ngành hồi sức trong bệnh viện.

Từ lâu, giới y sĩ Tây phương thường khuyên các bà mẹ nên cho trẻ em mới sinh ngủ nằm sấp, vì họ tin rằng cách ngủ này sẽ làm giảm xác suất trẻ em chết đột ngột (còn gọi là Sudden Infant Death Syndrome, hay SIDS). Mãi cho đến thập niên 1980s, có người đặt vấn đề là có bằng chứng nào làm cơ sở cho lời khuyên này. Theo sau đó là một loạt nghiên cứu lâm sàng cho thấy rõ ràng các trẻ sơ sinh nằm sấp có nguy cơ bị chết cao hơn các trẻ ngủ nằm ngửa. Và thế là một phong trào "Back to sleep" được phát động để khuyến khích trẻ em ngủ nằm ngửa. Nếu câu hỏi trên được đặt ra vài mươi năm trước thì có biết bao trẻ em được cứu sống vì SIDS.

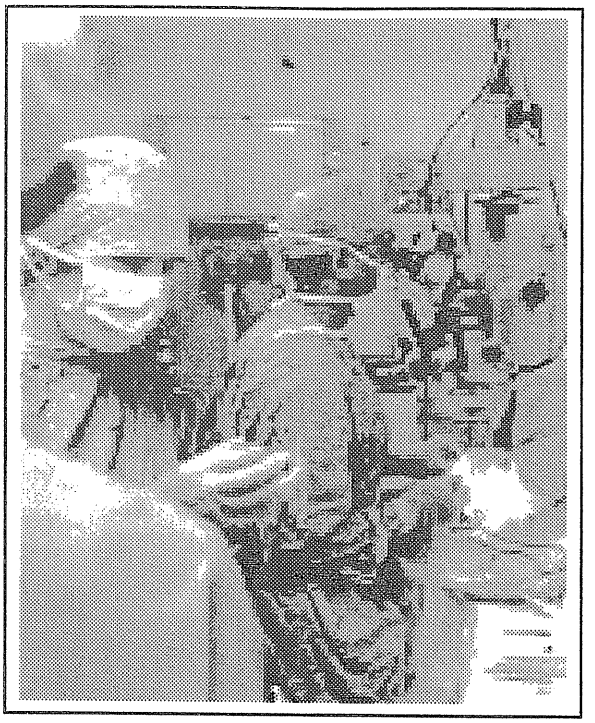

Đầu thập niên 1980s và 90s, giới thầy thuốc trên thế giới là những "cảm tình viên" của một phương pháp trị liệu có tên là HRT (hormone replacement therapy, hay còn gọi là Phương pháp thay thế kích thích tố), thường được dùng để chữa trị những triệu chứng sau thời kỳ mãn kinh như nóng bừng. Thời đó, giới y sĩ tin rằng HRT sẽ làm cho phụ nữ trẻ trung hơn, sẽ ngăn ngừa bệnh tim mạch và loãng xương trong những phụ nữ có tuổi. Trong các trường y, một số giáo sư còn đi xa hơn, giảng dạy sinh viên rằng vấn đề HRT chưa được dùng rộng rãi trong các phụ nữ sau thời mãn kinh là một tội phạm trong ngành y!

Rồi đến năm 1998, kết quả của một nghiên cứu lâm sàng "Heart and Estrogen / Progestin Replacement Study" (HERS) [1] công bố cho thấy estrogen không ngăn ngừa bệnh tim, nhưng lại có một mối đe dọa khác là tăng nguy cơ bị chứng vón cục máu (blood clot). Kết quả nghiên cứu này làm cho giới y sĩ lại ngẩn ngơ! Họ ngạc nhiên đến nỗi không tin kết quả nghiên cứu! Mới đây, một nghiên cứu qui mô khác cũng cho thấy HRT có thể hại nhiều hơn là lợi cho bệnh nhân [2]. Thế nhưng hiện nay, Premarin (một loại thuốc HRT) vẫn là loại thuốc bán chạy nhất vào hàng thứ ba ở Mỹ!

Những trường hợp khá điển hình trên đây cho thấy nhiều phương pháp trị liệu hiện hành không có hiệu nghiệm như chúng ta tưởng. Thậm chí, trong quá trình điều trị, người thầy thuốc còn có thể gây nên thương tổn cho bệnh nhân. Nhưng đó không phải là vấn đề. Vấn đề là những quyết định của y sĩ rút ra từ kinh nghiệm quan sát lâm sàng hàng ngày thường không có độ tin cậy cao. Thêm vào đó là phần lớn các phương pháp chữa trị trong y học chưa bao giờ được kiểm tra, đánh giá bằng các phương pháp khoa học. Những phương pháp này được dùng vì y sĩ tin rằng chúng có hiệu nghiệm, và cũng như mọi niềm tin tôn giáo, nó không dựa vào bằng chứng khoa học.

Điều đáng ngạc nhiên là một ngành nghề mang danh hiệu khoa học mà cần phải qua một thời gian dài để ghi nhận một nguyên lí mà ngay cả một người bình thường không được huấn luyện trong khoa học cũng có thể hiểu được: dựa vào bằng chứng.

Thoạt đầu mới nghe qua tình trạng này, người ta ắt hẳn phải ngạc nhiên. Ấn tượng mà công chúng thường hướng về giới thầy thuốc là việc dùng bằng chứng khoa học trong khi hành nghề. Do đó, nếu công chúng biết rằng phần lớn y sĩ

không biết đến y học thực chứng sẽ là một cú sốc lớn cho họ. Nếu có người nói rằng các y sĩ ngày nay được đào tạo trong một hệ thống giáo dục mà khi tốt nghiệp họ không đủ khả năng đọc một bài báo về nghiên cứu y học, hay không biết cách diễn dịch kết quả của một nghiên cứu y học, thì công chúng chắc sẽ còn sốc mạnh hơn. Nhưng tiếc rằng đó lại là một thực tế ngày nay.

Y học thực chứng

Y học thực chứng ra đời với mục đích muốn thay đổi tình trạng này. Nói một cách ngắn gọn, y học thực chứng là một phương pháp thực hành y khoa dựa vào các dữ kiện y học một cách sáng suốt và có ý thức, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc bệnh nhân. Các dữ kiện y học ở đây là kết quả nghiên cứu y khoa đã được công bố trên các tập san y học chuyên môn. Sử dụng dữ kiện y học một cách "sáng suốt và có ý thức" có nghĩa là người thầy thuốc phải cân nhắc, đánh giá, phân loại các dữ kiện nghiên cứu y học, kết hợp cùng kinh nghiệm lâm sàng và thông tin từ bệnh nhân. Tóm lại, cái "giáo lí" căn bản của y học thực chứng là bệnh nhân cùng làm việc với y sĩ của họ, trang bị bằng các dữ kiện khoa học, để đi đến một quyết định, một sự lựa chọn tối ưu cho bệnh nhân. Bởi vì chỉ có bệnh nhân mới biết về họ chính xác hơn là y sĩ biết về họ.

Bản tuyên ngôn của phong trào khoa học thực chứng được một nhóm y sĩ ở Ontario (Canada), khởi đầu là Giáo sư David Sackett, công bố vào năm 1993 trên Tập san Hiệp hội Y khoa Hoa Kỳ (*JAMA*) và các tập san khác như *British Medical Journal* và *Lancet* [4]. Bản tuyên ngôn này châm ngòi cho một cuộc tranh luận lâu dài và gay gắt về quyền lực, y đức, và trách nhiệm trong y khoa mà nó đang đe dọa thay đổi toàn bộ hệ thống y tế thế giới.

Một trong những tranh luận không có hồi kết thúc là vai trò của cảm nhận và khách quan khoa học. Quan điểm của phong trào y học thực chứng là các quyết định y khoa về chữa trị, hay thậm chí chính sách y tế không nên dựa vào cảm tính hay kinh nghiệm cá nhân, mà cần phải dựa vào các dữ kiện đáng tin cậy, đã qua kiểm tra một cách khoa học và có hệ thống. Trong khi đó, những người "bảo thủ" thì cho rằng cảm nhận và kinh nghiệm cá nhân phải được tôn trọng tuyệt đối trong các quyết định chữa trị bệnh nhân. Sự khác biệt căn bản này chắc sẽ không bao giờ giải quyết được qua tranh luận, vì về bản chất nó là một sự khác biệt giữa người có niềm tin và người không có niềm tin.

Từ cái ngày đầu tiên trong phòng tử thi, mỗi sinh viên y khoa đều được dạy một chân lí rằng "y khoa vừa là một nghệ thuật, vừa là một khoa học." Cái nghệ thuật tính biểu hiện ở cái trực giác, cảm nhận của người y sĩ về tình trạng của một bệnh nhân và cách giải quyết vấn đề bằng một phản ứng tự nhiên.

Trực giác chắc chắn là một phần không thể thiếu được trong y khoa. Cơ thể con người cực kỳ phức tạp, và những sự cố bình thường có thể khác nhau giữa các bệnh nhân. Đứng trước một trường hợp khẩn cấp, người thầy thuốc phải khái quát hóa và rút gọn những vấn đề phức tạp thành những nguyên lí cơ bản. Trong tình huống thập tử nhất sinh đó, người thầy thuốc không thể nào tra cứu được hết tất cả các dữ kiện y học cho mọi vấn đề. Thời gian tra cứu quá lâu và có thể đem lại nguy hiểm cho tính mạng của bệnh nhân. Do đó, có lúc cần phải hành động theo cảm giác và trực giác.

Và từ đó y khoa có một con đường tri thức ngắn, "trực giác, tiên đề, và ước lệ." Không bao giờ để cho mặt trời lặn! Nên hiểu câu nói đó là: "giải phẫu sớm nếu điều kiện cho phép!" Hay là cụ thể hơn: "Ông A coi bộ không khỏe cả tháng nay; chắc không phải do cảm cúm."

Cảm nhận / cảm giác là khía cạnh nghệ thuật rất quyến rũ đối với người thầy thuốc. Nó mang tính cá nhân. Nó ấm áp tình người. Nó gần gụi. Nhưng nói cho cùng, nghệ thuật là cái mà người ta cần, và nếu một khi người y sĩ cảm thấy tiếp máu là một phương án cần thiết cho một bệnh nhân bị viêm phổi thì đó không là lí do chuyền máu cho bệnh nhân ư?

Câu trả lời thường là "vâng." Ấn tượng lâm sàng rất quan trọng và cần phải cân nhắc một cách nghiêm chỉnh. Khi một nữ hộ sản cảm thấy lo lắng trước một trường hợp trẻ sơ sinh, người y sĩ phải quan tâm, cho dù chưa có thử nghiệm sinh hóa nào cả. Cái nghệ thuật này cũng giống như một loại ảo thuật. Và một khi chúng ta tin tưởng vào phép lạ, khó mà tưởng tượng nổi có cái gì mà phép lạ không làm được.

Những người phê bình phong trào y học thực chứng bảo vệ cái cảm giác này. Họ cho rằng đó không phải là một sự lười biếng trong suy nghĩ, nhưng là một kiểu suy nghĩ tinh vi, kết hợp nhiều yếu tố khác nhau cũng như xử lí nhiều dữ kiện (qua kinh nghiệm cá nhân) khác nhau. Đó là lí do

mà Kasparov vẫn có thể đánh bại máy computer "Deep Blue." Họ lí giải rằng dữ kiện khoa học không thể dùng làm kim chỉ nam cho mọi quyết định y khoa. Hiện nay, số lượng thử nghiệm lâm sàng đối chứng còn rất ít. Mà dù cho có đầy đủ dữ kiện từ thử nghiệm đi nữa, cũng khó mà khái quát hóa kết quả của những nghiên cứu này đến một cá nhân người bệnh.

Những người chống lại phong trào y học thực chứng thấy phong trào này là một bước trong nhiều bước đi đến cơ khí hóa và tự động hóa y khoa, và là một mối đe dọa đến người y sĩ. Nhưng những người ủng hộ phong trào lí giải rằng y học thực chứng cung cấp cho người y sĩ một phương tiện để luôn luôn nâng cao trình độ nghề nghiệp. Y học thực chứng thể hiện một sự hoài nghi trong y học, nhưng cũng đồng thời mở ra một cánh cửa khác. Nếu một thuật chữa trị được chứng minh là có hiệu nghiệm, bất kể đó là thuốc Tây hay thuốc Bắc, thì nó nên được ứng dụng vào các trường hợp lâm sàng thích hợp. Nếu châm cứu (một thuật chữa trị bị giới Tây y dè bỉu và có khi bị kết tội là "nguy hiểm") đã được chứng minh qua thử nghiệm lâm sàng là có khả năng giảm đau cho bệnh nhân, thì theo quan điểm của y học thực chứng, không có lí do gì để gọi châm cứu là "complementary medicine" (một phương pháp chữa trị phụ) cả. Nếu có bằng chứng cho thấy cạo gió chữa khỏi cảm lạnh và an toàn thì thuật chữa trị nên được sử dụng. Y học thực chứng không phân biệt cái-gọi-là "y học chính thống" và "y học phi chính thống."

Cái thay đổi căn bản mà phong trào y học thực chứng đem lại trong y học là mối quan hệ giữa y sĩ và bệnh nhân. Cho đến nay, mối quan hệ này không bình đẳng, vì trong đó người quyết định là y sĩ, và bệnh nhân là người tuân hành theo quyết định đó. Y học thực chứng không muốn người y sĩ nói "Tôi đề nghị anh nên dùng thuốc này," hay những phát biểu mang tính khẳng định và làm áp lực như "Tôi nghĩ rằng," "Tôi tin rằng," "Kinh nghiệm tôi," "Đồng nghiệp tôi từng," v.v... Y học thực chứng muốn người y sĩ phải học cách nói "Tôi thấy có bằng chứng cho thấy thuốc này có hiệu nghiệm trong X phần trăm trong những người mang bệnh như anh. Vậy anh thấy sao?" Sự thay đổi này, tuy bề ngoài không có gì là quá đáng, nhưng về bản chất nó dẫn đến sự suy sụp về quyền lực của người thầy thuốc, và cái quyền quyết định được chuyển giao cho bệnh nhân. Đây là một khía cạnh mà mối quan hệ y sĩ — bệnh nhân sẽ thay đổi trong thời đại y học dựa vào thực chứng. Trong thực tế và ở mức độ vĩ mô, phong trào y học thực chứng ủy quyền cho dữ kiện khoa học, và do đó ủy quyền cho hai phía, bệnh nhân và y sĩ. Hai bên cùng có lợi.

Nói một cách khác, trong thế giới y học thực chứng, người y sĩ đóng vai trò người hướng dẫn, giới thiệu dữ kiện y học, và có trách nhiệm trình bày những dữ kiện đó trong một bối cảnh liên hệ đến bệnh nhân. Nhưng quyết định cuối cùng là của bệnh nhân: họ có quyền chấp nhận hay từ chối đề nghị của y sĩ. Nếu không có các dữ kiện y học trước họ, sự suy xét thuộc quyền sở hữu của người y sĩ. Nhưng trong y học thực chứng, sự suy xét này của y sĩ được chuyển nhượng cho bệnh nhân.

Cái qui trình mà y học thực chứng muốn giới thầy thuốc phải tuân theo là phải xem xét tất cả bằng chứng khoa học liên quan đến căn bệnh, phải cân nhắc lợi và hại của mỗi phương án chữa trị, và đi đến một quyết định tốt nhất cho bệnh nhân. Có thể lấy một ví dụ về một bệnh nhân nam, 55 tuổi với bệnh ung thư phổi và chứng phình vách động mạch (aneurysm). Về chữa trị chứng phình vách động mạch, bệnh nhân có hai lựa chọn: một là không muốn chữa trị gì cả, và hai là giải phẫu kẹp lại vách phình (clipping). Nếu chọn phương án thụ động (không chữa trị), thì động mạch của bệnh nhân có nguy cơ bị vỡ với xác suất là 1% mỗi năm, và khi vỡ, xác suất chết là khoảng 83%. Ngoài ra, vì bệnh nhân có ung thư phổi và theo ước đoán của các nhà nghiên cứu, xác suất tử vong vì bệnh này là khoảng 7.1% hàng năm. Với các số liệu này, người y sĩ có thể ước đoán rằng nếu không giải phẫu, bệnh nhân có thể sống khoảng 12 năm và 7 tháng. Mặt khác, nếu chọn phương án giải phẫu, thì bệnh nhân phải chấp nhận một xác suất tử vong do phẫu thuật gây ra là khoảng 4% (tức là bệnh nhân có cơ may sống sót sau giải phẫu khoảng 96%). Và với tỷ lệ tử vong vì ung thư phổi như trên, ta có thể đoán rằng nếu bệnh nhân chọn phương án giải phẫu thì tuổi thọ trung bình có thể kéo dài khoảng 13 năm và 7 tháng. Như vậy, giải phẫu có thể kéo dài tuổi thọ khoảng một năm. Nhưng bệnh nhân cũng cần phải lượng xét xem chất lượng của cuộc sống trong một năm đó có xứng đáng để chấp nhận một sự hiểm nguy trong giải phẫu hay không. Đó là một quyết định cá nhân.

Cho đến nay, người ta chưa biết bệnh nhân sẽ tiếp nhận y học thực chứng ra sao. Con người là

những sinh vật xã hội. Chúng ta không muốn phải quyết định mọi vấn đề, nhất là phải cần đến những tham khảo các dữ kiện khoa học ở thư viện hay trên hệ thống internet. Nhưng trong cùng lúc, chúng ta không những muốn được bảo vệ và chống lại bệnh tật, muốn được chăm sóc khi bị đau ốm, mà còn muốn kiểm soát cuộc sống của chính chúng ta. Trong thực tế, mâu thuẫn và nghịch lí này khó có thể hóa giải ở mức độ cá nhân.

Giới y sĩ nói chung cũng không mấy thích những quan điểm của y học thực chứng, bởi vì nó làm thay đổi cái ý niệm thế nào là một y sĩ. Sự hiện diện và phát triển của phong trào y học thực chứng, tự nó, nói lên một sự thật là trong thời đại thông tin, những người hành nghề y khoa không còn là những anh hùng hào hiệp như thuở xa xưa. Những thuật chữa trị ngoạn mục càng ngày càng ít đi. Penicillin cho bệnh sưng màng óc, streptomycin cho bệnh lao, salk vaccine cho bệnh Polio, v.v... chỉ là những viên đạn huyền diệu (magic bullet) của quá khứ. Ngày nay, người dân không chết vì bệnh lao, vì bệnh truyền nhiễm, mà chết vì những bệnh như tim mạch, ung thư, những bệnh do nhiều yếu tố gây nên, và do đó, không dễ gì có được một viên đạn huyền diệu để chữa trị.

Cảm nhận tuy quan trọng, nhưng cảm nhận không thể là một phương pháp để đương đầu với những căn bệnh phức tạp. Những bệnh này đòi hỏi nhiều cân nhắc cho một cá nhân. Những cân nhắc này phải dựa vào dữ kiện khoa học, vào con số thống kê. Nếu một loại thuốc đem đến hiệu nghiệm cho 28%, và một loại thuốc khác có tỉ lệ hiệu nghiệm là 31%, thì loại thuốc thứ hai sẽ được xem là ưu tiên. Mức độ khác biệt giữa 28% và 31% rất nhỏ để người y sĩ phải lưu ý, nhưng sự khác biệt này có ý nghĩa lớn cho một cộng đồng, một dân số. Đối với một bệnh nhân, sự khác biệt sẽ không có ý nghĩa gì, nhưng trong một quốc gia, sự khác biệt có thể dẫn đến việc cứu sống cho hàng ngàn người.

Kế toán gia hiểu biết được tầm quan trọng của con số, nhưng giới y sĩ chỉ mới dần dần hiểu được sức mạnh của con số. Giới y sĩ ngày nay phải học những bài học mà giới kế toán đã từng học hơn một thế kỉ qua. Sức khoẻ bao gồm tình trạng sung mãn về thể chất, tinh thần, và cả về mặt quan hệ xã hội; sức khỏe không chỉ đơn thuần là không có bệnh hoặc không ốm yếu. Sự ra đời của y học thực chứng là nhắm vào định nghĩa lí tưởng này về sức khỏe.

Dù còn trong giai đoạn phôi thai và có chống đối, nhưng phong trào và triết lí của y học thực chứng đã chinh phục đại đa số giới hành nghề y khoa. Lí thuyết về y học thực chứng hiện đang được đưa vào chương trình huấn luyện y sĩ và y tá trong tất cả các trường y trong các đại học ở các nước Tây phương, và trong nhiều đại học ở các nước đang phát triển. Các bộ môn chuyên khoa trong ngành y đều có chương trình đưa lí thuyết của y học thực chứng vào thực tế chữa trị bệnh nhân.

Tri thức con người liên tục đặt câu hỏi và đi tìm câu trả lời, và đó chính là một sản phẩm của chính con người. Y học thực chứng, nói cho cùng, thể hiện một phát triển tất yếu của quá trình tiến hóa tri thức y khoa. Về lâu về dài, phong trào y học thực chứng sẽ góp phần nâng cao vai trò của lí trí trong việc quản lí và chữa trị bệnh nhân. Và như thế, phong trào này sẽ đem lại phúc lợi cho chính người bệnh và nâng cao tri thức và khả năng chuyên môn của giới y sĩ.

Chú thích:

[1] Hulley S, Grady D, Bush T, Furberg C, Herrington D, Riggs B, Vittinghoff E. Randomized trial of estrogen plus progestin for secondary prevention of coronary heart disease in postmenopausal women. Heart and Estrogen/progestin Replacement Study (HERS) Research Group. Tập san JAMA, năm 1998; bộ 280: trang 605-13.

[2] Writing Group for the Women's Health Initiative Investigators. Risks and benefits of estrogen plus progestin in healthy postmenopausal women: principal results From the Women's Health Initiative randomized controlled trial. Tập san JAMA, năm 2002; bộ 288: trang 321-33.

[3] Hebert PC, Wells G, Blajchman MA, Marshall J, Martin C, Pagliarello G, Tweeddale M, Schweitzer I, Yetisir E. A multicenter, randomized, controlled clinical trial of transfusion requirements in critical care. Transfusion Requirements in Critical Care Investigators, Canadian Critical Care Trials Group. Tập san New England Journal of Medicine, năm 1999; bộ 340: trang 409-17. Ngoài ra, cũng có thể tham khảo phần phụ chú trong cùng Tập san cùng năm, bộ 340: trang 1056.

[4] Có thể xem các bài viết về y học thực chứng sau đây: (i) Evidence based medicine: what it is and what it isn't, Tập san British Medical Journal 1996; bộ 312: trang 71-2; (ii) Evidence based medicine, Tập san Lancet 1995; bộ 346: trang 1171; (iii) và một loạt bài viết trên Tập san JAMA trong các số sau đây [theo thứ tự: năm, bộ: trang]: JAMA 1993; 270: 2093-95; JAMA 1993; 270: 2598-601; JAMA 1993; 271: 59-63; JAMA 1994; 271: 389-91; JAMA 1994; 271: 703-7; JAMA 1995; 274: 1800-4.

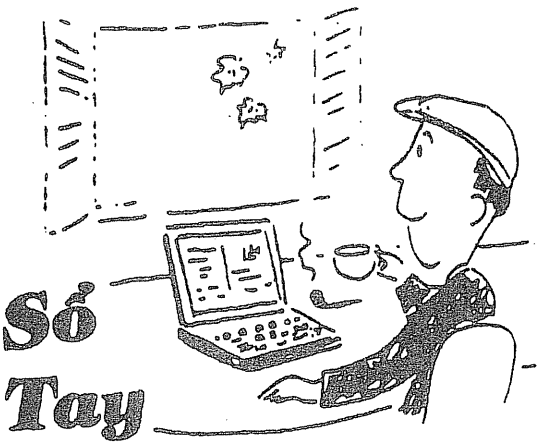

NGÔ NHÂN DỤNG

Osama bin Laden tái xuất

Chắc chắn quý vị không muốn phải sống như ông Osama bin Laden. Ông ta có gia sản hơn trăm triệu mà không thể nào đi ra khỏi nhà dạo chơi hoặc đi ăn phở, đi xi nê; không thể đi những chiếc xe Roll Royce có tài xế lái mà ông làm chủ. Ông có ba bà vợ mà không được ở gần bà nào, lủi thủi một mình (may ra có mấy cô nàng hầu) trong một hang động nào đó trên núi, ngày ngày đọc Kinh Kuran.

Trò giải trí duy nhất làm cho ông bin Laden hào hứng, chắc chỉ còn là làm cho dư luận Mỹ phải rung chuyển. Cho nên ông mới gửi ra một cuốn băng video trong đó ông đọc những lời gửi cho dân chúng Mỹ, trước ngày bầu cử. Để chứng tỏ ông còn sống, trông thấy còn khỏe mạnh, và vẫn sử dụng được những phương tiện truyền thông hiện đại. Con người mà Tổng thống Bush đã tuyên chiến: "Bắt sống hay đem xác về!" xuất hiện để thách thức ông tổng thống Mỹ. Ông bin Laden có thể mong cho ông Bush thắng cử, vì nếu dư luận dân Mỹ vẫn lo lắng về nạn khủng bố thì nhiều người sẽ bỏ phiếu cho ông Bush hơn. Đối với Osama bin Laden thì ông Bush vẫn là một lợi khí tuyên truyền rất hữu hiệu cho phong trào khủng bố. Ông Bush có thể là tiêu biểu cho điều mà ông bin Laden gán cho là cuộc "thánh chiến thập tự quân" của phương Tây tính đè bẹp các nước Hồi giáo. Chính Tổng thống Bush đã lỡ lời hô hào "thánh chiến" với chữ "crusade" trước khi có người mách ông không nên nói đến cái tên lịch sử đó. Ông Bush cũng được người Á rập gắn liền với cuộc chiến Iraq, với các hình ảnh tra tấn ở nhà tù Abu Shraib.

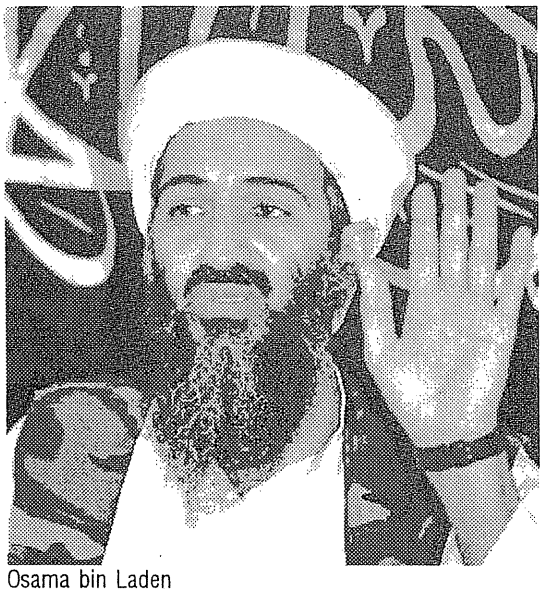
Osama bin Laden

Nhưng trong lần xuất hiện này, ông Osama bin Laden không nhắm hô hào người Á rập tham gia thánh chiến như các lần trước. Bài nói chuyện của ông không trích dẫn các lời trong Kinh Kuran như những lần trước, và chung quanh chỗ ông ngồi cũng không trưng bầy các khẩu súng. Trái lại ông còn có vẻ muốn đóng vai một người bào chữa, giải thích tại sao ông tấn công vào hai tòa nhà ở New York năm 2001. Ông nói ý định đó nẩy ra khi ông nhìn cảnh máy bay Israel bắn phá những tòa nhà chọc trời của người Á rập ở Liban.

Ông Osama bin Laden còn giải thích với người Mỹ, rằng hãy coi nước Thụy Điển. Phong trào al Qaeda chưa bao giờ tấn công người Thụy Điển cả, vì họ "không xâm phạm an ninh của người Á rập."

Trước ngày ông bin Laden xuất hiện, một nhóm du kích chống Mỹ ở Iraq do ông Abu Musab al Zarkawi người Jordan cầm đầu đã lên tiếng gia nhập phong trào al Qaeda sau nhiều tháng thương thuyết. Bộ óc đằng sau ông bin Laden là Bác sĩ Ayman al Zawahiri cũng vẫn còn lẩn trốn đâu đó, ông ta cũng lên tiếng trên băng video một lần hồi đầu năm khiến nhiều người hỏi không biết ông Osama bin Laden đang ở đâu hay đã chết rồi. Sự xuất hiện lần này chứng tỏ ông ta còn sống và cuộc chiến tranh Iraq có vẻ giúp ông tuyển mộ được nhiều đồ đệ hơn, hoạt động lan rộng từ Thổ Nhĩ Kỳ sang Tây Ban Nha. Phong trào al Qaeda hiện nay không có một tổ chức chặt chẽ với những trung tâm huấn luyện như hồi còn chế độ Taliban ở Afghanistan nữa. Họ có một mạng lưới lỏng lẻo, mỗi đơn vị ở từng địa phương hoạt động tự trị với nguồn tài chánh tự túc. Nguồn tài

trợ của họ là những nhà giầu có từ những xứ Á rập dầu lửa, nhiều nhất là Á rập Sau đi.

Cử tri Mỹ không biết nhiều

Cử tri Mỹ không quan tâm đến các vấn đề trọng đại của quốc gia như chúng ta tưởng. Họ bỏ phiếu theo ấn tượng, theo cảm tình đối với hình ảnh các ứng cử viên. Phần lớn họ coi ti vi hơn là đọc báo, và chịu ảnh hưởng của các phút quảng cáo trên truyền hình hơn là các bản tin hay phỏng vấn. Chiến tranh Iraq trở thành một đề tài lớn vì hàng ngày được chiếu trên ti vi. Chống khủng bố là một đề tài lớn vì hình ảnh ông tổng thống đứng trên đống gạch vụn của hai tòa nhà đã sup đổ được chiếu lại nhiều lần. Dù giới tình báo có chứng minh, và Tổng thống Bush có công nhận là ông Saddam Hussein không liên hệ gì tới tổ chức al Qaeda, nhiều người Mỹ vẫn thấy cả hai là một.

Trong năm qua Tổng thống Bush đã thúc đẩy đạo luật cung cấp thuốc cho những người già về hưu, ông nghĩ đó là một cách thu hút phiếu của lớp cử tri trên dưới 60 tuổi. Nhưng theo một cuộc nghiên cứu của Cato Institute, một viện nghiên cứu khuynh hữu, có tới 70 phần trăm cử tri Mỹ không biết có chuyện người già được hưởng trợ cấp thuốc men. Đạo luật về thuốc này rắc rối quá đến chính những người thụ hưởng cũng không biết họ sẽ phải đóng bao nhiêu tiền mỗi năm để được hưởng những gì. Khi phe đối lập chỉ trích đạo luật đó, kết quả cũng như vậy, chả ai biết đến. Đạo luật về an ninh quốc gia, Patriot Act, bị nhiều người bảo thủ cũng như cấp tiến chỉ trích là xâm phạm đến các quyền tự do cá nhân. Nhưng cuộc nghiên cứu của viện Cato cho biết 60 phần trăm dân Mỹ không biết có cái đạo luật bảo vệ an ninh cho họ! Đây không phải là chuyện lạ gì. Hồi còn chiến tranh lạnh, hai nước Mỹ và Nga đối đầu nhau kịch liệt; phía cộng sản có minh ước Vác-sa-va, phía tư bản có minh ước Bắc Đại Tây Dương. Nhưng hồi đó chỉ có 38 phần trăm dân Mỹ biết là Nga không phải một thành viên trong NATO, minh ước Bắc Đại Tây Dương!

Năm nay Nghị sĩ Kerry tranh cử với chủ trương chống chính sách cắt thuế của Tổng thống Bush, mà ông tố là số thuế giảm hầu hết cho người giầu hưởng. Ông Kerry hứa sẽ buộc các người giầu phải đóng thuế như cũ, thời Tổng thống Clinton. Nhưng ông Kerry không giám nói rằng ông sẽ tăng thuế "một phần trăm" những người giầu nhất nước Mỹ; ông phải nói rõ là "những người có lợi tức từ 200,000 trở lên" sẽ phải trả thuế nhiều hơn. Tại sao phải nói rõ con số 200 ngàn mà không nói một tỷ lệ như 1%, cho thấy số người bị tăng thuế rất nhỏ?

Đó là do kết quả một cuộc nghiên cứu của tuần báo Time năm 2000. Họ hỏi người dân Mỹ có tự xem mình là thuộc nhóm 1% những người giầu nhất nước hay không. Có tới 19 phần trăm dân Mỹ nghĩ như vậy! Ai dại dột đòi tăng thuế những người thuộc giới 1% cự phú thì sẽ bị 19 phần trăm dân Mỹ chống lại, vì họ nghĩ chính họ thuộc lớp các nhà giầu nhất nước này! Chưa hết! Có thêm 19 phần trăm khác trong dân Mỹ nghĩ rằng trong đời họ sẽ có lúc chính họ thuộc lớp 1% những người giầu nhất Mỹ! Thế là có tới 38 phần trăm dân Mỹ sẽ lo bảo vệ cho những người thuộc 1 phần trăm giầu nhất nước, không cho tăng thuế! Muốn gia nhập câu lạc bộ những người thuộc 1% giầu nhất nước Mỹ thì lợi tức phải tới 250,000 mỹ kim (theo *Nhật báo Wall Street*) hoặc 340 ngàn mỹ kim một năm (theo báo *Financial Times*.)

Một kế hoạch cắt thuế mà ông Kerry hứa sẽ hủy bỏ là cắt bỏ thuế di sản, đánh trên tài sản mà những người qua đời để lại cho thân nhân. Trong năm 2004 này, chỉ những di sản 1.5 triệu mỹ kim trở lên mới phải đóng thuế, dưới một triệu rưỡi khỏi đóng. Năm ngoái số người Mỹ phải chịu thứ thuế này khi chết chỉ là hai phần trăm dân số. Nhưng theo một cuộc nghiên cứu của Kaiser Foundation và đại học Harvard thì hai phần ba dân Mỹ nghĩ rằng khi chết tài sản của họ để lại sẽ bị đánh thuế di sản, 80 phần trăm ủng hộ việc bãi bỏ thuế di sản. Nhưng mặt khác, đa số người Mỹ vẫn ủng hộ chủ trương thuế lũy tiến, tức là lợi tức càng cao thì càng phải đóng thuế với một tỷ lệ cao hơn.

Dân Indonesia thi hành quyền dân chủ

Chính phủ Mỹ vẫn rêu rao họ đánh Iraq để cổ động cho chế độ dân chủ ở các nước Hồi giáo. Nhưng ở Iraq, cuộc bầu cử vào tháng Giêng sang năm chưa biết sẽ thống nhất được dân chúng hay chia rẽ các sắc dân và tôn giáo khác nhau. Trong khi đó, một nước Hồi giáo ở vùng Đông Nam Á đã bước thẳng trên đường dân chủ hóa.

Từ năm 1998 sau khi chế độ Tướng Suharto sụp đổ vì khủng hoảng tài chánh và kinh tế, nước Indonesia đã trải qua nhiều thay đổi lớn. Thay đổi cơ cấu kinh tế, thay đổi chính trị, ba vị tổng thống đã nối nhau cầm quyền, nay đã sửa hiến pháp để một vị tổng thống lần đầu tiên được dân

bầu trực tiếp, Tướng Yudhoyono. Hiến pháp mới không cho quân đội giữ những ghế đại biểu quốc hội đương nhiên nữa, chế độ quân phiệt khó lòng nổi dậy. Nếu chính phủ Mỹ muốn chứng minh cho các nước Hồi giáo rằng họ có thể thực hành chế độ dân chủ thì đây là một tấm gương.

Đầu tháng Tư vừa rồi, dân Indonesia đã bỏ phiếu bầu lại quốc hội. Có tám đảng chính trị chia nhau 550 ghế đại biểu, không đảng nào chiếm được quá một phần tư số ghế. Đảng của cựu tổng thống Megawati Sukarnoputri chỉ được 108 ghế trong khi đảng Golkar của cựu tổng thống Suharto đã về nhất với 133 ghế. Ngày 5 tháng Bẩy cử tri Indonesia trở lại thùng phiếu bỏ thăm chọn một người làm tổng thống, và ứng cử viên của đảng Golkar đứng hạng ba. Hai người về đầu vào vòng thứ hai là Tướng về hưu Susilo Bambang Yudhoyono (33.7 phần trăm phiếu) và bà Megawati Sukarnoputri (26.4 phần trăm.) Có hơn 80 phần trăm dân chúng Indo đi bầu (127 triệu cử tri,) cho thấy người dân Indo quả thực quan tâm đến việc chọn lựa người cai trị mình. Và rõ ràng khi bỏ phiếu họ chọn người ứng cử chứ không bầu theo tinh thần phe đảng, vì ứng cử viên của đảng Golkar đã bị thua.

Kết quả cho thấy Indonesia có triển vọng xây dựng một nền dân chủ lành mạnh. Những đảng phái cũ, của bà Megawati cũng như đảng Golkar đều được lập ra do nhu cầu cá nhân các lãnh tụ. Đảng Golka thành lập theo ý Suharto sau khi ông đã nắm vững quyền hành, để che cho chế độ một mặt nạ dân chủ. Đảng Tranh đấu Dân Chủ Indonesia của bà Megawati ra đời do sự thỏa hiệp của những người ủng hộ bà vì cái tên Sukarno được lòng dân chúng. Đảng Dân Chủ của Tướng Susilo lần này đã lôi kéo được ông Jusuf Kalla, một người trước thuộc đảng Golka, nên chia được nhiều phiếu của ông Waranto. Trước năm 1998 ở nước Indonesia chỉ có một đảng duy nhất với một ông tổng thống đắc cử hết nhiệm kỳ này tới nhiệm kỳ khác. Ông đã dựng lên hai đảng đối lập một cách giả tạo, một đảng Hồi giáo và một đảng thế tục, nay đã suy tàn. Nhưng ngày nay các đảng phái đã dần dần trưởng thành và tranh cử với nhau một cách thẳng thắn. Trong cuộc bầu cử tuần này, đảng Hồi giáo cực đoan đã bị dân chúng bỏ rơi. Hơn 200 triệu người Indonesia sẽ làm gương cho các nước khác trong vùng.

Dùng Đặng Tiểu Bình để thay đổi chính trị

Giang Trạch Dân đã rút lui khỏi chức vụ sau cùng của ông là chủ tịch Quân ủy Trung ương, và cuộc đấu giữa Giang và Hồ đến hồi kết cục. Nhưng ông Hồ Cẩm Đào thắng rồi ông sẽ làm gì với quyền lực mới? Chúng ta không cần biết trong bụng ông Hồ Cẩm Đào nghĩ cái gì, nhưng căn cứ vào mấy sự kiện xẩy ra gần đây ở Trung Quốc thì thấy nước này sẽ phải tiến thêm nhiều bước trên đường dân chủ hóa, không thể lùi được. Đây là một tin đáng mừng cho cả người Việt, vì hiện nay Cộng Sản Trung Quốc đã đi xa trước Cộng Sản Việt Nam mười năm trên đường cải tổ kinh tế, và 20 năm trên đường cải thiện chính trị. Khi Trung Quốc thay đổi thì trong lòng đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ sinh ra những áp lực đòi thay đổi.

Nội tình Cộng Sản Trung Quốc đang biến chuyển. Sự thay đổi diễn ra không phải vì các lãnh tụ cộng sản Trung Hoa có thiện chí phát tâm từ bi, nhưng vì áp lực xã hội chung quanh bắt buộc.

Nhiều dấu hiệu của các biến chuyển tư tưởng đã xuất hiện trong vụ kỷ niệm 100 năm sinh nhật Đặng Tiểu Bình. Hồ Cẩm Đào có thể đã chuẩn bị phát động lễ kỷ niệm này để thúc đẩy những người đòi thay đổi cùng lên tiếng, tạo áp lực trên các lãnh tụ thủ cựu. Ngoài việc sửa sang ngôi nhà thời niên thiếu của Đặng ở Tứ Xuyên, đảng Cộng Sản còn phát hành những chiếc đồng hồ vàng nạm kim cương trị giá 2,500 mỹ kim. Nhưng điều đáng chú ý là có những đồng chí cũ của Đặng Tiểu Bình đã nhân dịp này trình bầy lại các tư tưởng của ông ta theo chiều hướng thúc đẩy thay đổi và dân chủ hóa. Đó là mượn uy tín Đặng Tiểu Bình để thúc đẩy đảng Cộng Sản!

Một cô con gái Đặng Tiểu Bình là Đặng Lâm, một họa sĩ không bao giờ tham dự việc chính trị. Nhưng trong một bài phỏng vấn của đài truyền hình trung ương, bà Đặng Lâm đã nói bóng gió tới tình trạng ông Giang Trạch Dân còn bám lấy quyền hành. Bà nói, "Khi thân phụ tôi truyền lại chức vụ cho ai thì ông hoàn toàn tín nhiệm vào người kế vị, và để cho họ sẽ trưởng thành dần trong công việc. Ông nghĩ rằng nếu ông cứ can thiệp vào mọi việc thì người kế vị sẽ không tiến lên được. Theo tôi nghĩ thì ông có lý." Ông Đặng chết từ năm 1997 nhưng đến giờ mà con gái ông còn "can thiệp" vào chuyện trong đảng, ở cấp cao nhất! Di sản phong kiến ở nước Trung Hoa rất khó bỏ! Cũng vì vậy, tiếng nói của những "nguyên lão" cựu trào trở nên rất quan trọng. Họ vin vào tư tưởng Đặng Tiểu Bình để yêu cầu phải

thay đổi cả chính trị.

Một cán bộ cao cấp thời Đặng Tiểu Bình là Châu Thoại Kim, từng làm chủ bút nhật báo *Nhân Dân*, đã viết trong một tuần báo ở Thượng Hải nêu lên nhu cầu cải tổ chính trị. Ông viết: "So sánh với việc cải tổ kinh tế thì hệ thống chính trị của chúng ta còn đi lùi phía sau quá xa. Hiện nay những tiếng kêu đòi cải tổ chính trị đang vang lên rất lớn khắp các khu vực của xã hội." Ông cũng nói tới một nhu cầu "giải phóng tư tưởng" mà ông cho là có thể bắt đầu với việc cải thiện trong đảng Cộng Sản Trung Quốc.

Một cán bộ cao cấp khác là Điền Kỷ Vân, từng làm ủy viên Bộ Chính trị thời Đặng Tiểu Bình cũng lên tiếng đòi thay đổi chính trị, và ông ta nói chính Đặng Tiểu Bình cũng chủ trương phải cải tổ mạnh về chính trị. Ngay từ thập niên 1980 tức mười năm sau khi bắt đầu cởi trói kinh tế, Đặng Tiểu Bình đã cho cán bộ trung ương nghiên cứu về các thể thức bầu cử ở những nước tây phương. Ông cũng cho nghiên cứu hệ thống tư pháp các nước Tây phương và cho Kiều Thạch, chủ tịch quốc hội, bắt đầu cải tổ ngành tư pháp ở Trung Quốc. Những biện pháp có ảnh hưởng mạnh nhất của ông là hạn chế tuổi của các thành viên Trung ương đảng, Bộ Chính trị, các đại biểu quốc hội và các người cầm đầu chính phủ. Chính các biện pháp hành chánh đơn giản này đã làm trẻ trung cả guồng máy đảng và nhà nước Trung Hoa. Ở Việt Nam phải hàng chục năm sau đảng Cộng Sản mới bắt chước theo các chính sách đó, nhưng với hậu ý chặt chân những người không cùng phe cánh.

Những bước cải tổ của Đặng Tiểu Bình đã bị ngưng lại sau vụ Thiên An Môn vì họ Đặng thấy có nguy cơ Triệu Tử Dương sẽ nhân dịp công nhân và sinh viên biểu tình đoạt lấy quyền lực. Bây giờ, các người cộng tác dưới quyền họ Đặng muốn phục hồi danh dự ông, như một người muốn cải thiện chính trị và dân chủ hóa nước Trung Hoa, chứ không phải chỉ là một người đàn áp công nhân và sinh viên.

Nhậm Trọng Di giải thích Đặng Tiểu Bình

Một cán bộ cao cấp năm nay đã 90 tuổi là Nhậm Trọng Di, cựu bí thư Liêu Ninh, Hắc Long Giang và tỉnh Quảng Đông, một tỉnh nổi tiếng về cách mạng trong lịch sử Trung Quốc.

Trong một bài báo viết nhân 100 năm sinh nhật Đặng Tiểu Bình, Nhậm Trọng Di đã quả quyết rằng Đặng Tiểu Bình vốn có những ý định thay đổi triệt để về chính trị. Ông viết là ngày nay Trung Quốc đang cần áp dụng các ý kiến cũ của Đặng Tiểu Bình, như thiết lập một hệ thống tư pháp vững chắc, giảm bớt sự kiểm soát của nhà nước trên báo chí, truyền thông, và phải bảo vệ các quyền tự do ghi trong hiến pháp. Ông Nhậm Trọng Di đặc biệt chú trọng tới việc chống tham nhũng, cường quyền và quyền tự do báo chí, cần trả tự do cho các nhà báo thay vì kìm hãm họ làm nô lệ cho đảng và nhà nước. Từ năm 2000, được nhật báo *Nam Phương* ở Quảng Đông phỏng vấn, ông đã nêu lên vấn đề tham nhũng như là quốc nạn lớn nhất. Làm sao chống tham nhũng? Tự cải tạo kỷ luật là một phương pháp nhưng không đủ. Phải có người ngoài giám sát. Ai giám sát? Ông cho là chỉ có giới truyền thông. Họ trở thành "lương tâm của xã hội." Trong một bài tưởng niệm Đặng Tiểu Bình, Nhậm Trọng Di viết: "Một xã hội đặt dưới sự cai trị của họng súng và của những tên viết mướn thì không bao giờ là một xã hội dân chủ mà cũng không thể ổn định lâu dài." Ông nhắc đến những vụ tham nhũng lớn mới bị vỡ lở gần đây mà ông cho chỉ là phần nổi trên mặt nước của những tảng băng ngầm. Ông đòi hỏi đảng Cộng Sản phải nhắm vào mục đích sau cùng là "một hệ thống chính trị dân chủ" và đảng Cộng Sản phải "tự đặt mình ở dưới pháp luật" như mọi người dân. Nhậm Trọng Di nhắc tới các khẩu hiệu mà đảng Cộng Sản vẫn đề cao: "Có phải các lãnh đạo trung ương vẫn nhấn mạnh rằng phải theo pháp trị (cai trị theo luật pháp) vào bảo vệ nhân quyền hay không? Nhưng nếu có luật lệ rồi mà chúng ta không theo thì không thể nào có pháp trị được."

Trong dịp kỷ niệm dành cho Đặng Tiểu Bình vừa qua, nhiều bài báo đã khen ngợi Hồ Cẩm Đào, ngụ ý muốn đề cao ông ta so với Giang Trạch Dân. Có lẽ đó là một phong trào do người cháu chắt của Hồ Tôn Hiến phát động, đã đưa tới quyết định của Giang Trạch Dân từ chức trong phiên họp mật của các lãnh tụ cộng sản Trung Quốc.

Nhưng 70 triệu đảng viên cộng sản bên Trung Hoa có đủ sức thay đổi chính trị xứ sở họ, hay những luận điệu đòi dân chủ hóa cũng chỉ là các thủ đoạn tranh giành quyền lực giữa ông Hồ và ông Giang? Người ta có thể hy vọng là phong trào quần chúng đang lên ở Trung Quốc đòi dân chủ, tự do đủ mạnh để ông Hồ Cẩm Đào phải chạy theo. Tháng trước, tòa án thành phố Quảng Châu đã phải trả tự do cho một nữ ký giả vì thiếu

bằng cớ, sau khi bỏ tù bà mấy tháng về tội "tham nhũng!" Hiện nay hai vị chủ biên tờ tuần báo của công ty Minh Báo đang kháng cáo đòi được tự do như nữ đồng nghiệp trên. Phong trào đòi tự do của giới trí thức Trung Quốc sẽ là tấm gương cho giới trí thức, nhất là các nhà báo ở Việt Nam.

Dân chủ gồm những luật lệ giao đấu

Cao điểm của sinh hoạt dân chủ là bỏ phiếu, là đi bầu tự do. Chứng kiến và theo dõi hoạt cảnh đó, chờ đợi coi kết quả, thật là vui. Nhất là khi hai ứng cử viên đang chạy ngang sức; phải giành nhau từng tấc đất, như năm nay ở Mỹ. Hồi hộp không khác gì chờ coi một bà sinh con đầu lòng mà chưa biết con trai hay con gái.

Những cuộc tranh cử, đầu phiếu đều có thể phơi bầy những nhược điểm khiến nhiều người mất lòng tin vào thể chế dân chủ. Một điều có thể bị chỉ trích về thể thức bầu cử là kết quả đầu phiếu không phản ảnh ý nguyện của toàn dân, không chắc đã theo ý kiến đa số dân chúng. Nếu nhìn vào các con số thì đó là một sự thật. Phần lớn các cuộc bỏ phiếu ở Mỹ chỉ có một nửa số cử tri thực sự đi bầu, và ông tổng thống thường đắc cử với dưới 50 phần trăm số phiếu. Những người chống dân chủ sẽ viện dẫn các con số đó để chê tất cả chế độ dân chủ.

Nhưng chúng ta phải so sánh các thể chế chính trị đã thử đem dùng trên thế giới suốt mấy ngàn năm mới thấy rằng chế độ dân chủ là chế độ tương đối phản ảnh được ý nguyện của nhiều người nhất và cho chúng ta một chế độ chính trị "an toàn" nhất. Điều người ta phải lo ngại là nếu không may khi chọn lầm những người cầm quyền gặp phải người ngu dốt, hoặc độc ác, hoặc vừa ngu vừa ác, thì làm sao? Chúng ta có thể phân tích việc chọn lựa này như các quyết định kinh tế.

Tất cả các quyết định kinh tế đều được chọn trong điều kiện có may có rủi, gọi là bất trắc, uncertain. Không ai vẽ ra một mô hình kinh tế với tình trạng hoàn toàn có đủ các tin tức về tương lai. Trong đời sống chính trị một quốc gia cũng vậy. Chọn những người lãnh đạo cách nào cũng có may có rủi. Để tương đối an toàn, phải tìm những phương pháp chọn người lãnh đạo nào tương đối ít rủi ro nhất. Các chế độ quân chủ thời xưa không cho dân chọn ông vua, bà vua. Sự may rủi hoàn toàn do "số mệnh" quyết định. Các chế độ độc tài đảng trị thì dành quyền quyết định cho một nhóm người, có khi chỉ trong tay một người như Mao Trạch Đông, Stalin. Không có gì bảo đảm những người đó biết và quan tâm đến ý nguyện của dân. Kinh nghiệm cho thấy một đảng càng nắm quyền lâu thì càng rơi vào tay một nhóm "quả đầu" thao túng, và họ chỉ quan tâm đến quyền lợi đồng đảng. Điều rủi ro lớn nhất trong tất cả các chế độ vừa kể là nếu thấy những người cầm quyền thuộc loại ngu hoặc ác thì người dân không thể tự mình thay đổi được, trừ khi gây loạn. Chỉ trong một chế độ dân chủ người dân mới giảm bớt được mối rủi ro này. Vì vậy, phải để cho người dân quyết định trong việc chọn ai đóng vai trò lãnh đạo quốc gia.

Người dân chọn như thế nào? Chúng ta phải nhìn thể thức đầu phiếu như một thứ "luật chơi thể thao." Dân chủ là một chế độ do con người đặt ra, giống như môn đá bóng hay đánh võ. Các người tham dự đồng ý về những luật chơi, sau đó giao đấu tận tình trong phạm vi các luật chơi đó, rồi chấp nhận kết quả. Dân chủ không phải chế độ chính trị hoàn hảo, nó chỉ kha khá, khi so sánh với các chế độ khác đã thử trên trái đất này. Các ứng cử viên tham dự trong luật chơi dân chủ thì phải chấp nhận kết quả của các trận đấu theo đúng luật chơi. Năm 1960 ứng cử viên đảng Dân Chủ, Nghị sĩ Kennedy đã thắng Phó Tổng thống Nixon ới số phiếu rất xít xao và thấp dưới 50 phần trăm rất xa. Có nhiều khiếu nại về gian lận trong việc đầu phiếu ở các tiểu bang Illinois và Texas là nơi ông Kennedy chiếm được nhiều phiếu cử tri đoàn. Nhưng sau cùng ông Nixon đã từ chối không khiếu nại đòi hủy bỏ kết quả cuộc bầu cử, tránh cho nước Mỹ một cơn khủng hoảng. Ông Nixon không những tôn trọng luật chơi mà còn đi xa hơn một bước, sử dụng luật giao đấu với tinh thần thượng võ và biết hy sinh cá nhân cho quyền lợi quốc gia. Ở những cộng đồng chưa thấm nhuần tinh thần dân chủ thì có những người thất cử rồi cũng không chịu chấp nhận kết quả, rồi tìm mọi cách để gây khó khăn cho người thắng cử. Cuộc bầu cử nào cũng sẽ có những điều bất thường, có thể khiếu nại. Cũng giống như trận banh nào cũng có lúc trọng tài bỏ qua các lầm lỗi của cầu thủ. Nhưng người tham dự phải chấp nhận. Đó cũng là một phần của luật giao đấu.

Điều quan trọng là không phải chỉ các ứng cử viên thỏa thuận luật chơi mà các cử tri cũng vậy, vì cả xã hội thỏa thuận với nhau ấn định những luật chơi đó. Người dân cũng biết luật lệ cuộc đấu dân chủ, và chấp nhận kết quả.

Nhưng còn có những thứ khác bên ngoài luật

giao đấu mà mọi người đều đồng ý. Một điều ai cũng thỏa thuận là người đắc cử không phải chỉ đại diện cho các cử tri bỏ phiếu bầu mình, mà đại diện cho cả quốc gia. Dù ông, bà được 49 phần trăm số phiếu hay được 79 phần trăm, sau khi đắc cử tổng thống, ông, bà là tổng thống của 100 phần trăm dân chúng. Điều này không cần ghi vào hiến pháp hay luật bầu cử, mà nếu có ghi vào thì cũng khó kiểm soát việc áp dụng. Muốn biết một vị tổng thống có theo đúng quy tắc này hay không thì phải nhìn vào các hành động trong khi nhậm chức.

Nhưng làm sao để kiểm soát, chế tài, nếu một người đắc cử rồi chỉ lo bảo vệ quyền lợi của phe dân chúng bầu cho mình?

Đây là một mối lo của những người "sáng chế" ra chế độ dân chủ, từ nhiều thế kỷ qua. Muốn kiểm soát hành động của những người đắc cử thì phải có những luật lệ khác ngoài luật bầu cử. Ông đắc cử tổng thống rồi không có nghĩa là ông muốn làm gì cho ai cũng được. Quyền hành của người đắc cử phải bị hạn chế bằng các quyền hành khác, do đó cần có sự phân biệt giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp, ba ngành độc lập với nhau. Và khi theo chế độ đại nghị, vị thủ tướng cũng kiểm soát đa số ở quốc hội thì phải ấn định quyền hạn của phe đối lập chính thức trong quốc hội. Và nhiều thứ quy luật khác.

Nhưng không có gì kiểm soát người cầm quyền mạnh mẽ bằng công luận. Do đó, trong chế độ dân chủ cần có báo chí tự do.

Tất cả các quy tắc sống dân chủ, tự do trên đây ràng buộc với nhau, thành một khối hữu cơ sinh động. Việc tổ chức bầu cử tự do chỉ là một phần trong khối lớn đó. Cho nên trong một kỳ vận động tranh cử nếu quý vị thấy có những thủ đoạn không thanh lịch, những trò bôi nhọ hoặc vu cáo, xin đừng nản lòng mà nghĩ rằng chế độ dân chủ không có giá trị.

Dân Chủ ở Á châu

Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chủ trương là 80 triệu người Việt chưa đủ khôn lớn để được sống dân chủ, tự do. Khi Tướng Trần Độ còn sống, ông đã khẩn thiết kêu gọi đảng cũ của ông hãy cho dân chúng được tự do đi bầu chọn người lãnh đạo; khi ông chết người đại diện cho đảng Cộng Sản còn tới đọc điếu tang chê trách ông là không theo đúng đường lối của đảng, khiến các con ông phải nổi sùng. Gần đây, phản ảnh đúng đường lối của đảng, một người trong giới lãnh đạo cấp trung mới tuyên bố rằng dân trí người Việt Nam còn thấp quá, chưa thể cho họ quyền tự do xuất bản được. Đọc sách, báo mà vẫn phải nhờ đảng chỉ bảo, chọn lựa cho, dám nói gì đến quyền bỏ phiếu chọn người cầm quyền chính trị!

Nhưng ánh sáng dân chủ vẫn đang chiếu rọi khắp Á châu. Các dân tộc ở Đông và Nam Á châu đang tiến những bước lớn trên đường dân chủ hóa. Ngày 10 tháng Năm các cử tri Phi Luật Tân đã lựa chọn vị tổng thống, và bà Gloria Arroryo đánh bại ông Fernando Poe, một tài tử điện ảnh cao lớn hơn bà một cái đầu. Năm năm sau khi chấm dứt chế độ của nhà độc tài Suharto kéo dài hơn 30 năm, Indonesia với 215 triệu dân thí nghiệm lối sống dân chủ, và họ đã chứng tỏ đã trưởng thành. Indonesia đáng được công nhận là quốc gia dân chủ, tự do đông dân thứ ba trên thế giới, sau Ấn Độ và Hoa Kỳ.

Những ai nghĩ rằng dân Á châu chưa đủ trình độ tham dự cuộc chơi dân chủ đang thấy là họ lầm. Tháng Ba, dân Đài Loan đã bầu lại Tổng thống Trần Thủy Biển, mặc dù ông chỉ thắng nhờ một vụ ám sát hụt; nghĩa là ông vừa "suýt chết" vừa suýt thất cử! Rồi tới 670 triệu cử tri Ấn Độ thay đổi đảng cầm quyền một cách bất ngờ nhưng êm đẹp, vị thủ tướng mất chức đã công khai kết luận, "Đảng tôi thua nhưng nhân dân Ấn Độ thắng!"

Ánh sáng dân chủ, tự do đang soi chiếu ở hầu hết các xứ Á châu. Trong khi đó thì vẫn còn bốn vùng đất còn chìm trong tăm tối: Việc lựa chọn các đại biểu cho dân và những người cai trị hơn một tỷ dân Trung Hoa vẫn do một nhóm người trong Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Trung Quốc quyết định. Việt Nam, Myanmar, Bắc Hàn vẫn còn những chế độ độc tài không dám nhận thử thách tự đứng trước quốc dân cho người ta lựa chọn. Và không ai ngạc nhiên, đó cũng là những quốc gia chậm tiến nhất ở Á đông về kinh tế.

Ai cũng biết người dân một nước có trình độ thế nào thì họ sẽ được một chính phủ cùng tầm mức cai trị họ. Trong chế độ dân chủ, người dân cũng có thể nhầm, có khi bị phỉnh phờ lường gạt vì các chính trị gia xấu. Nhưng nhờ được bỏ phiếu tự do, người ta có nhiều khả năng thay đổi. Dân Việt Nam không ngu hơn những người dân Phi Luật Tân, Đài Loan hay Indonesia. Tám chục triệu người Việt Nam phải được tự do bầy tỏ ý nguyện của mình khi chọn người cai trị họ.

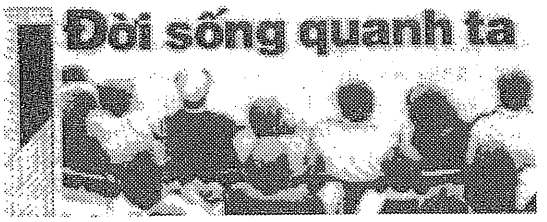

LÀM CÁCH NÀO TĂNG LƯỢNG THUỐC CHỦNG NGỪA CÚM?

THANH THẢO

Nước Mỹ đang gặp trở ngại lớn về thuốc chủng ngừa cảm cúm năm nay vì số lượng thuốc hiện có chỉ bằng phân nửa lượng cần thiết mỗi mùa dịch cúm những năm trước. Thay vì cần ít nhất 100 triệu liều thuốc chủng ngừa, năm nay nước Mỹ chỉ có khoảng 54 triệu.

Lý do, một trong hai công ty bào chế dược phẩm có hợp đồng cung ứng thuốc chủng ngừa cúm cho Hoa Kỳ hàng năm bị đóng cửa.

Người Mỹ khỏe mạnh được yêu cầu nên tránh chích thuốc ngừa cảm cúm trong năm nay, để dành thuốc cho những người già yếu, thiếu niên, nhân viên trong ngành y tế hoặc những người bệnh tật yếu đuối khác.

Lý do nào một quốc gia được kể là đại cường quốc hàng đầu thế giới như Hoa Kỳ có khả năng đưa người lên mặt Trăng, chế nổi những loại con bọ điện tử tinh vi chứa đến cả nửa tỉ bộ dẫn thông tin mà lại đành bó tay trước sự thiếu hụt thuốc chủng ngừa cúm, bào chế theo phương pháp cũ cả nửa thế kỷ này?

Theo tạp chí *BusinessWeek* hai lý do chính khiến không mấy viện bào chế chịu cạnh tranh xin hợp đồng chế thuốc chủng ngừa cúm chẳng qua vì phương pháp cũ kỹ đòi hỏi nhiều thời gian và cũng vì tiền!

Thật vậy! Điều không mấy người chú ý đến là vì mấy năm gần đây mức lời trong việc chế thuốc chủng ngừa rất thấp khiến nhiều công ty dược phẩm dành thời giờ và tài nguyên bào chế những thứ thuốc khác bán có lời gấp nhiều lần thuốc chủng ngừa.

Tổng số tiền bán tất cả thuốc chủng ngừa toàn thế giới hàng năm chỉ vào khoảng $8 tỉ Mỹ kim, ít hơn tiền bán một loại thuốc thôi, chẳng hạn thuốc Lipitor, một thứ thuốc chuyên trị bệnh cao mỡ trong máu hàng năm.

Các viện bào chế dồn nỗ lực tìm và chế thuốc có lời nhiều chỉ vì họ cũng là những đại công ty kinh doanh, bị áp lực từ cổ đông chẳng khác nào những công ty thương mại khác.

Vào khoảng sáu năm trước nước Mỹ có hợp đồng với bốn viện bào chế thuốc chủng ngừa cảm cúm. Tuy nhiên với giá trung bình mỗi liều thuốc chủng ngừa cúm là $1.60 Mỹ kim, tổng số thuốc ngừa bán ra trung bình ở Hoa Kỳ là $120 triệu Mỹ kim hàng năm, hai công ty bào chế đã bỏ cuộc vì mức lời ít. Chỉ còn hai công ty tiếp tục chế thuốc chủng ngừa cúm từ mấy năm nay. Một tên Aventis Pasteur, Inc. tại Canada và một là Chiron Corp. tại Liverpool, Anh Quốc. Công ty Chiron bị đóng cửa ngày 5 tháng 10 vừa qua vì nhân viên kiểm soát y tế lo ngại số thuốc chủng do công ty này bào chế bị ô nhiễm. Số thuốc công ty Aventis Pasteur, Inc. cung ứng chỉ bằng nửa nhu cầu toàn quốc.

Lý do thứ hai khiến ít viện bào chế dược phẩm chịu chế thuốc chủng ngừa cúm vì phương pháp cũ gần 50 năm nay đòi hỏi việc cấy vi khuẩn rất phức tạp dùng trứng gà làm môi trường chuẩn.

Trở ngại thứ nhất trong lối cấy vi khuẩn này là cần phòng cấy diện tích rộng và một quả trứng bị ô nhiễm có thể làm hỏng toàn bộ số trứng đang được cấy. Trở ngại thứ hai là một số vi khuẩn không chịu phát triển trong môi trường trứng gà nên thuốc chủng có thể trở thành vô hiệu. Trường hợp số thuốc chủng ngừa bệnh cúm không mấy hiệu quả năm 2003 là một điển hình của trở ngại thứ nhì này.

Thêm vào đó, loại vi khuẩn Avian, loại cúm gà có khả năng lây truyền sang người, có thể hủy hoại trứng khiến viện bào chế không thể tạo được thuốc ngừa. Đó là chưa kể đến nguy cơ nhân viên viện bào chế bị nhiễm loại vi khuẩn avian, nếu có, dẫn đến thiệt hại tính mạng nữa.

Không ai có thể phủ nhận lợi ích của việc chủng ngừa cúm. Hàng năm nước Mỹ tiết kiệm được khoảng $40 tỉ Mỹ kim y phí và tiền thất thoát năng suất vì nhân viên nghỉ việc ở nhà dưỡng bệnh cúm. Nhiều phân tích gia cho rằng thuốc chủng ngừa cúm bị thiếu hụt chẳng qua chính quyền Mỹ và những dược phòng không đặt trọng tâm vào lãnh vực này. Cho đến khi gặp khủng hoảng như hiện tại.

Nhưng hầu như lúc nào có trở ngại chúng ta mới có dịp chứng kiến những thay đổi ngoạn mục. Từ cách thức bào chế thuốc ngừa đến giá bán thuốc chủng.

Nhiều công ty bắt đầu tính đến phương pháp bào chế thuốc ngừa cúm hữu hiệu hơn không những cho nước Mỹ mà còn có lợi cho toàn cầu.

Đầu năm nay một loại thuốc xịt vào mũi để ngừa cúm đã được công ty MedImmune Inc. giới thiệu và có lẽ thuốc này sẽ bán rất chạy trong mùa cúm 2004 này vì sự thiếu hụt của thuốc chủng ngừa.

Phương pháp cấy vi khuẩn cúm dùng tế bào thay vì trứng gà làm môi trường phát triển cho vi khuẩn cũng là một cách nhiều công ty dược phẩm đang ra công nghiên cứu. Cách cấy vi khuẩn bằng tế bào cho phép các công ty dùng ít tài nguyên và thời giờ hơn để hoàn tất khoảng 10 triệu liều thuốc chủng mà chỉ cần dùng đến một phòng thí nghiệm. Tuy nhiên phương pháp này còn đang được thử nghiệm và chưa có kết quả chính thức.

Nhưng viễn ảnh về khả năng chế thuốc chủng mới này là một điều đáng mừng. Khả năng này giúp nước Mỹ giải quyết tình trạng thiếu hụt thuốc chủng cấp thời hoặc đối phó với những loại vi khuẩn mới trong thời hạn cấp bách nhất là họa chiến tranh vi trùng chẳng hạn.

Sự thiếu hụt thuốc chủng ngừa cúm cũng khiến giá bán một liều thuốc chủng ngừa cúm tăng đáng kể. Năm nay một liều thuốc chủng bệnh cúm đã tăng đến $8 Mỹ kim tại Mỹ và thị trường toàn cầu đã tăng lên $1.5 tỉ Mỹ kim. Thị trường này được dự kiến sẽ tăng thành $3 tỉ Mỹ kim vào năm 2008. Sự tăng giá biến thuốc chủng ngừa cúm thành một loại thuốc mang lợi nhuận nhiều cho các công ty dược phẩm. Và khi có mối lợi mới, các công ty bào chế dược phẩm sẽ lại cạnh tranh giành hợp đồng cung ứng thuốc chủng cho thị trường Mỹ và thế giới. Hiện nay công ty Chiron tại Anh, công ty Crucell tại Phần Lan, Biomedical Corp. tại Canada và nhiều công ty khác đang nghiên cứu cách chế thuốc cúm mới để giành hợp đồng.

Các công ty càng cạnh tranh gắt gao người tiêu thụ càng được lợi vì thế chúng ta không phải lo ngại quá đến số thuốc chủng bệnh cúm từ sang năm trở đi... đó là nếu năm nay chúng ta chịu khó giữ sạch sẽ tối đa, mặc áo quần đủ ấm, nghỉ ngơi dưỡng sức và uống thuốc cảm khi cần thiết nhằm còn đủ khỏe mạnh để... đợi đến mùa sau!

VIẾT CHI PHIẾU PHẢI CÓ TIỀN BẢO CHỨNG NGAY

THANH THẢO

Từ ngày sang Mỹ đến nay đã bao nhiêu lần quí vị viết chi phiếu trả tiền mua hàng trong lúc trong trương mục chưa có đủ tiền? Không phải quí vị không có tiền mà... chưa có đủ tiền ngay trong lúc viết chi phiếu.

Có thể vì quí vị chưa có thời giờ gửi chi phiếu lương hoặc tấm ngân phiếu tiền sở thuế hoàn trả vào trương mục của mình cho đủ tiền bảo chứng chi phiếu mình viết ra.

Nhưng không sao! Thời gian chuyển tiếp từ lúc quí vị viết chi phiếu trả cho đến lúc cửa tiệm hoặc công ty nhận tiền từ trương mục của quí vị, được gọi là "floating time" có thể là ba đến bảy ngày, dư sức cho quí vị đem gửi tiền vào trương mục kịp thời đúng không?

Xin thưa chỉ đúng cho đến cuối tháng 10 năm nay thôi!

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 18 tháng 10 vào ngày **28 tháng 10, 2004** một luật mới về việc đổi chi phiếu sẽ được các ngân hàng toàn quốc áp dụng.

Luật mới này mang tên rất kêu, gọi là **"Luật về đổi chi phiếu của thế kỷ 21"** dịch từ **"Check Clearing for the 21st Century Act"**, hoặc gọi tắt là **Check21**, cho phép các ngân hàng trao đổi tiền từ chi phiếu nhận được bằng bản sao của tấm chi phiếu qua hệ thống điện toán. Trước đây các ngân hàng phải chờ nhận chi phiếu thật gửi bằng đường bưu điện rồi mới chịu trả tiền. Thời gian chờ đợi kéo dài từ vài ngày đến cả tuần lễ, nhất là khi chi phiếu gửi từ ngoài tiểu bang.

Thay đổi này có nghĩa là tấm chi phiếu quí vị viết ra buổi sáng có thể được trả từ trương mục của quí vị vào buổi chiều cùng ngày, hoặc sang ngày hôm sau là hạn chót, cho dù quí vị ở tiểu bang khác chăng nữa. Vì thế nếu trương mục của quí vị không có đủ tiền bảo chứng quí vị sẽ bị phạt tiền ngay. Số tiền phạt trung bình cho mỗi chi phiếu không đủ tiền bảo chứng là **$25.80** Mỹ kim. (Để tiền này đi ăn hoặc đi mua sắm có tốt hơn không?)

Hiện nay các ngân hàng và cả Credit Union đều có trách nhiệm thông báo với khách hàng đang thuộc giới nhận lại chi phiếu đã được trả tiền về (tức là cancelled checks) về luật mới. Thay vì nhận lại chi phiếu, từ nay giới khách hàng này chỉ còn nhận được bản sao những tấm chi phiếu này thôi. Về mặt pháp lý bản sao có đủ điều kiện giống như tấm chi phiếu thật. Nhưng còn về việc an toàn thì sao?

Theo bà Gail Hillebard, đại diện công ty Consumers Union, chuyên bảo vệ người tiêu thụ, từ

nay trách nhiệm của quí vị về việc kiểm soát lại những bản liệt kê chi thu hàng tháng từ trương mục ngân hàng của mình sẽ nặng nề hơn.

Lý do là một tấm chi phiếu quí vị viết ra có thể được trả hơn một lần. Chi phiếu chính và hơn một bản sao của tấm chi phiếu này có thể được ngân hàng chi trả và gây thiệt hại cho quí vị.

Luật cho phép quí vị khiếu nại đòi lại tiền bị mất nhưng nếu quí vị không tìm ra lỗi thì có lẽ ngân hàng nơi quí vị mở trương mục không có thời giờ và nhân lực tìm lỗi giúp quí vị đâu.

Check21 có một điểm bất công đáng kể. Chi phiếu khách hàng viết ra có thể được trả ra ngay trong ngày vậy mà chi phiếu khách hàng đem gửi vào trương mục vẫn bị các ngân hàng giữ từ ba đến năm ngày mới chịu công nhận là đã có tiền trong trương mục của khách hàng. Các ngân hàng có toàn quyền quyết định số ngày họ lưu giữ chi phiếu mà không chịu chi tiền ra trừ khi nào khách hàng đòi khiếu nại.

Giới làm luật cho rằng Luật **Check21** giúp giảm bớt những trường hợp viết chi phiếu chưa đủ tiền bảo chứng, khiến nhiều thương vụ tránh bị thất thoát tiền thu vào và tiền phạt. Từ nay quí vị nào chưa có đủ tiền trong trương mục thì nhớ đừng viết chi phiếu nhé kẻo bị phạt tiền uổng lắm!

Theo đà áp dụng rộng rãi của luật **Check21** này nhiều kinh tế gia cho rằng giới tiêu thụ sẽ tránh dùng chi phiếu. Thay vào đó họ sẽ dùng thẻ rút tiền trực tiếp từ trương mục ngân hàng, còn gọi là debit card.

Điều này có lợi cho ngân hàng hơn vì họ không phải tốn tiền trả nhân viên làm công việc trả tiền từ chi phiếu nhận được, dù bằng hệ thống điện toán chăng nữa.

Thêm vào đó các ngân hàng còn được quyền đòi thêm tiền từ người dùng thẻ rút tiền trực tiếp từ $1 Mỹ kim đến vài Mỹ kim tùy theo qui định từng nơi. Tuy điều này cũng thật sự bất công nhưng người tiêu thụ thấp cổ bé miệng vẫn còn cần dùng đến ngân hàng đại tài phiệt nên chỉ còn biết phòng thân cho được việc. Từ nay cho dù trong trương mục có đủ tiền bảo chứng hẳn hoi, người tiêu thụ vẫn sẽ phải suy nghĩ xem lúc nào nên viết chi phiếu và lúc nào nên dùng thẻ rút tiền trực tiếp.

Nếu nghi ngại hoặc thắc mắc về luật **Check21** quí vị có thể vào vị trí điện toán

www.consumersunion.org/finance/ckclear1002.htm.

NHỮNG ĐỨA TRẺ BỤ BẪM

TRẦN QUÁN NIỆM

Trong xã hội nghèo và suy dinh dưỡng như ở Việt Nam, nhất là ở thôn quê, một đứa trẻ bụ bẫm khá khỉnh mập tròn là một hình ảnh được mọi người khen ngợi, trầm trồ. Nó tượng trưng sự sung túc về vật chất của gia đình vì đứa bé được ăn uống đầy đủ, săn sóc sức khoẻ đúng mức. Hình ảnh này khác hẳn với hình ảnh của những đứa bé con nhà nghèo, ốm o, xanh xao, bụng ỏng đít teo.

Nhưng một đứa bé mập mạp, tại Mỹ thì khác hẳn. Đây là một dấu hiệu đáng lo ngại, vì rất có thể đứa trẻ bị phì nộn, một hiện tượng đáng quan tâm và lo lắng tại xứ giầu có Mỹ Quốc.

Trong vòng ba thập niên qua, tỷ lệ những đứa trẻ mập phệ tuổi từ 6 đến 11, tăng gấp đôi và tăng gấp ba ở lứa tuổi 12 đến 19. Nói chung tỷ lệ trẻ con mập phì hiện nay là 15%.

Giới y tế cho rằng hiện tượng mập bệnh này là do trẻ con ngày nay ăn nhiều, hoạt động ít. Các vị y sĩ rất quan ngại về hiện tượng mập phì nơi trẻ em, vì nó làm trẻ em mất tự tin, bị bạn bè chế nhạo và không muốn tham gia các hoạt động thể thao nơi trường học. Ngoài ra nó còn đe dọa tình trạng sức khỏe của trẻ em như bệnh tiểu đường, áp huyết cao, choresterol cao dẫn đến chứng đau tim. Mập quá làm xương háng và xương chân bị lệch lạc vì phải chuyên chở một trọng lượng cơ thể quá nặng.

Để cứu vãn tình trạng phệ mập nơi trẻ em, chính quyền cho rằng không gì tốt hơn là bắt đầu ngay tại trường học, dạy học sinh những hậu quả tai hại của bệnh mập và khuyến khích học sinh tham gia những trò thể thao. Tuy nhiên điều kiện tiên quyết là vấn đề dinh dưỡng.

Thay vì để học sinh tự do lựa chọn những món ăn nhiều mỡ, nhiều calorie, nhà trường dọn ra những món ăn thay thế, thiên về rau hoặc các chất xơ. Thay vì hamburger nhân thịt bò thì nay là hamburger nhân trái dâu. Thay vì sandwich nhân peanut butter thì bây giờ là sandwich nhân hột hoa mặt trời (sun flower). Tráng miệng là bánh khoai lang, thay vì bột, sữa và đường trong bánh ngọt thường lệ. Sữa béo được thế bằng sữa không béo v.v.

Dĩ nhiên không phải một sớm một chiều mà học sinh thích ngay những món ăn mới. Đa phần vẫn thích những món ăn khoái khẩu như đã từng quen. Hỏi một em hoc sinh về những đĩa rau salad

tươi xanh, em này trả lời: "Giống thức ăn cho thỏ quá à. Em thích meatball hơn." "Còn sandwich nhân hột hoa mặt trời thì sao?" "Cái đó chắc chỉ có chim chóp mào (cardinal) là thích thôi."

Bộ Y Tế và nhà trường hy vọng đến năm 2007 học sinh sẽ quen dần với lề lối dinh dưỡng mới, nhiều chất bổ dưỡng thiên nhiên.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

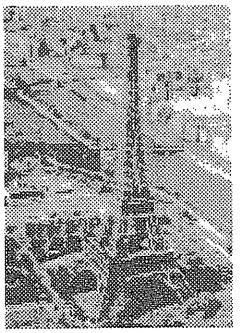

Xe điên?

Một chuyện vừa xảy ra tại Pháp khiến những người có xe mới, trang bị máy móc điện tử và điện toán tân kỳ phải lấy làm lo ngại. Tự hỏi, rồi mình có bị gặp cái cảnh này hay không và nếu có, làm sao đây ? May thay, đó là chuyện hi hữu, mà ngay cả chuyện hi hữu này cũng đang bị nghi ngờ. Công ty Renault cho biết có thể lôi người thanh niên chủ xe...ra tòa! Về tội gì?

Chuyện đã xảy ra trên xa lộ dẫn về miền trung nước Pháp ngày 3.10. Hicham Draa, người thanh niên, đang lái chiếc xe Renault hiệu Vel Satis trên xa lộ A 71 từ Bourges về Clermont-Ferrand. Vel Satis là một thứ xe được coi là «hiện đại» của công ty Renault. Vậy mà, theo lời anh ta, máy điều chỉnh tốc độ tự động bỗng dưng bị trở ngại, chiếc xe tăng dần tốc độ lên tới gần 200 cây số giờ. Và kẹt luôn với tốc độ đó! Thì cũng phải chạy!

Trước đó, khi chạy tới gần 130 cây số/giờ, người thanh niên này gài máy điều chỉnh tự động và vượt qua một chiếc xe cam nhông. Sau khi anh qua mặt một chiếc xe hạng nặng khác, xe không còn giữ đúng tốc độ 130 cs/g nữa. «Tốc độ cứ tăng dần, làm gì cũng không được,» đương sự kể cho Cảnh sát và tờ báo *Le Berry Républicain*. Kẹt với tốc độ 190 cây số giờ, anh ta vừa lách để tránh những xe chạy trước mặt, vừa kêu cứu qua máy điện thoại cầm tay, vẫn theo lời anh ta.

Cảnh sát ở Mỹ xuất hiện liền trong những trường hợp này nhưng Cảnh sát Pháp thì phải kêu gọi mới có. Cảnh sát chỉ dẫn cách làm cho giảm tốc độ, anh bấm loạn cả lên mà vẫn không sao giảm xuống. Anh ta phải chạy hơn một tiếng đồng hồ với chiếc «xe điên» đó, tiếp tục lạng qua lạng lại để tránh xe đằng trước, nhiều khi phải chạy qua lề tay mặt dành cho những xe bị gặp trường hợp phải ngừng khẩn cấp.

"Không thể Xảy Ra!"

Hay tin có trường hợp này, đài phát thanh Autoroute Info, trụ sở ở Dijon, loan báo không ngừng cho những người đang sử dụng xa lộ biết để tránh chiếc «xe điên.» Còn may là lúc đó xa lộ vắng vẻ! Cảnh sát, sau cùng, di tản một khu vực để cho xe đâm đầu vào...

Trước khi tới khu vực đó, chủ xe mới nhớ ra, mà hình như đã làm một lần rồi mà không được hay sao đó. Anh làm một động tác cũng bình thường thôi, là tắt máy. Chiếc xe... giảm tốc độ và ngừng... 20 thước trước hàng rào cản!

Hay tin này, Louis Schweitzer, tổng giám đốc Công ty Renault tỏ vẻ «rất ngạc nhiên» vì ông một chuyện như vậy không thể xảy ra. Theo ông, máy điều chỉnh tốc độ (nhằm để xe không vượt quá tốc độ cho phép trên xa lộ) ngưng hoạt động nếu tài xế đặt nhẹ chân trên thắng hay bấm nút tháo. Máy đó trở về tình trạng bình thường ngay.

Nếu đây là một trường hợp đầu tiên và lẻ loi thì chuyện này, được thuật lại trên tất cả truyền thông nước Pháp, được bạn coi như là chuyện giễu, nghe qua rồi bỏ. Thế nhưng tờ *Automobile Magazine* viết «trong sáu tháng đầu của năm 2004, hơn một triệu chiếc xe bán ra tại Pháp đã bị triệu hồi về hãng để sửa chữa,» khiến mọi người thêm lo lắng.

Chiếc Vel Satis của anh ta được đưa về garage giảo nghiệm. Câu trả lời của chuyên viên là «xe tốt,» không có dấu hiệu chi trục trặc mặc dầu họ vẫn tin lời của anh Hicham là thành thật. Nâng cấp? Xe được chở về trung tâm giảo nghiệm trung ương Technocentre của công ty ở Guyancourt (Yvelines) để rồi sẽ được đưa qua một trung tâm khác, độc lập với Renault, cho được vô tư hơn.

Trong lúc chờ đợi, báo chí tiết lộ rằng Công ty có thể đưa anh này ra tòa, mà giờ này chưa biết sẽ kiện anh ta về tội gì... Quá khứ bị lôi ra và anh ta, trước đây, cũng lắm tội!

"Xe điên" ra tòa

Nội vụ giờ này trong tay toà án vì Công ty Renault đã đâm đơn kiện chủ xe Hicham Draa về tội đã làm mất uy tín của công ty hay ít nhất của lứa xe Vel Satis. Chủ xe, Hicham vẫn quả

quyết rằng ngày 3.10 khi chạy trên xa lộ A 71 về miền trung nước Pháp, xe tăng dần tốc độ lên tới gần 200 cây số giờ làm anh suýt chết.

Chuyên viên giảo nghiệm lần đầu không thấy có chi bất thường trong xe nên công ty Renault cho rằng anh này dựng đứng câu chuyện. Để được vô tư hơn, toà án sẽ định chuyên viên giảo nghiệm một lần thứ hai. Trong lúc đó, vì vấn đề được loan truyền trên các phương tiện truyền thông trong nước, nhiều người khác, từng gặp vấn đề với bộ phận điện tử trang bị trong xe, nói ra trường hợp tương tự của mình từng gặp phải.

Hóa ra là chuyện này không phải là hãn hữu, có khi vì gặp một sự nhiễu loạn nào đó do từ máy điện thoại di động hay vùng từ trường khu vực có điện cao thế. "Từ khi tôi mua chiếc xe vào tháng 9 năm 2002, tôi gặp nhiều vấn đề," Gérard Larché nói với tờ *Le Parisien*. "Khi thì không mở máy được, khi quạt nước chạy không ngon lành, máy lạnh không chạy hay chạy lung tung, mở cửa kiếng không được..."

Vì vấn đề không thể giải quyết nhanh chóng, vụ này trở thành một truyện... khá dài, xin hẹn bạn đọc kỳ tới.

Khách say lái xe về, chủ nhà chịu trách nhiệm?

Cũng chuyện xe hơi, lần này «chủ nhà mời khách» phải chờ tới ngày 19.10 để nghe quan tòa Nancy phán. Đây là chuyện rất dễ xảy ra cho chúng ta, những người thường mời bạn tới nhà dự tiệc, nên tôi mới xin thuật đại lược lại như sau :

Khách là một thanh niên nhậu nhẹt quá nhiều, say bí tỉ. Trong máu lượng rượu tới 2,40 g/l ! Thế mà sau khi mãn tiệc cũng gần sáng nhất định không chịu ngủ lại, nằng nặc lái xe về. Chủ nhà làm mọi cách kể cả nhốt trong phòng ; anh ta đấm cửa rầm rầm không ai chịu được phải để cho hắn ta đi. Nếu ra về yên ổn thì nói làm chi mà thời đại này, chuyện ra về thơ thới đó dường như ngày càng hiếm.

Đi lạc, khi quày lại, hắn ta đi ngược chiều trên xa lộ, đụng nhằm xe đang phóng tới. Bốn người trong xe kia chết, xe của hắn ta bốc cháy và hắn ta bị thiêu luôn. Chủ nhà bị kêu ra toà vì tội: tại sao không báo cho Cảnh sát? Theo biện lý thì chủ nhà tuy không có trách nhiệm trên năm cái chết đó nhưng vẫn có tội.

Luật sư biện hộ rằng luật hình có bắt tố cáo với công lực nhưng không phải trong trường hợp này. Tòa sẽ tuyên án nhưng từ đây, ông bà chủ nhà này thề rằng khách đến nhà chỉ mời nước trắng mà thôi !

Sau cùng thì Tòa tuyên bố chủ nhà (không giữ khách đã quá chén, không tố cáo Cảnh sát) vô tội và được miễn tố. Hú vía cho cặp vợ chồng ở Nancy, phía đông bắc Pháp, những tưởng là bị ít nhất ngồi năm năm tù vì trong vụ này có tới năm người chết. Dù vậy, từ nay xin chừa, bạn tới nhà không dám mời nhậu nhẹt say sưa nữa.

Cặp vợ chồng này là Jean- Sébastien và Angelique Fraysse mới đây bị tố là không ngăn cản người bạn say rượu, (thật sự có cản mà cản không lại) không tố cáo Cảnh sát, mà để cho anh ta lái xe về. Xe đụng nhằm một xe khác, bốn người trong xe kia và anh ta chết.

Chính bà chủ nhà Angelique ngồi xe lăn vì cũng bị tai nạn xe hơi cách đây 13 năm do một người say rượu đụng phải. Càng ngày, công lực Pháp càng khắt khe về vấn đề di chuyển trên xa lộ. Những câu châm ngôn được nhắc đến nhiều lần: uống hay lái xe ?

Trò chơi nguy hiểm

Như là một thời trang – một trò chơi quá nguy hiểm! Tố cáo người khác xâm phạm tiết hạnh lúc mình còn nhỏ. Đó là một «trò chơi» đang diễn ra khắp nơi trên đất Pháp trong trường học, tại nhà thờ, và mới đây nhất trong giới điện ảnh. Để làm gì? Bán sách, kiếm tiền?

Catherine Allégret là một trong những người đó. Con của Simone Signoret và nhà điện ảnh Yves Allégret, bà là con nuôi của tài tử nỗi danh Yves Montand. Thay vì kêu ông này bằng dượng ghẻ, kêu là bố nuôi. Yves Montand từ trần năm 1991. Chết mà không yên vì có lần bị quấy rầy vì có người muốn so sánh ADN tìm phụ hệ.

Catherine Allégret cho phát hành, qua nhà sách Fayard, một cuốn tự thuật ngắn, 160 trang kể lại đời mình, nhan đề "Un monde à l'envers" (Cuộc đời đảo điên), in ra 60 000 cuốn. Trong sách, Catherine mô tả dượng ghẻ Montand như là một kẻ "đồi bại." Chắc chắn là sách bán chạy vì người hâm mộ Yves Montand nhiều mà đa số người tây đầm lại ưa coi thứ chuyện lẩm cẩm này.

Chuyện dầu hỏa

Vì giá dầu hỏa lên cao, chính phủ phải nhượng bộ các yêu sách của một số ngành hoạt động kinh tế tiêu thụ nhiều xăng nhớt. 230 triệu euro đã được hứa hẹn cho các ngư phủ, nông gia và ngành vận tải đường trường vì chính phủ muốn tránh

cho nước Pháp cái cảnh... bị tê liệt vì xe hàng phong tỏa như dưới chính phủ Xã hội cuối năm 2000.

Đến lượt các hội của người tiêu thụ lên tiếng: tư nhân thiệt hại không ít trong vụ giá dầu hỏa bốc cao này. Xăng nhớt, dầu cặn, dầu để đốt lò sưởi đều lên. Rồi khí thắp cũng lên theo giá dầu. Tại Hạ viện, bộ trưởng Kinh tế Nicolas Sarkozy đáp ứng tức thì: bồi hoàn tiền nhà nước bội thu thuế xăng trong mấy tháng vừa qua.

Trong các thứ thuế đánh trên xăng nhớt có thuế trị giá gia tăng (TVA) và thuế nội địa đánh trên các sản phẩm dầu hỏa (TIPP). Một lít xăng, với giá tại Paris nay là 1,10 euro, phần thuế TVA là 0,06 xu và TIPP là 0,59 xu.

Một lít một xu

Bộ Kinh tế cho biết từ tháng 7, số bội thu lên tới 600 triệu euro và tính cả năm số đó có thể tới một tỉ euro. Để xác định con số, bộ trưởng Sarkozy đề nghị lập một ủy ban gồm các chuyên viên và chính trị gia để xác định con số cho phân minh. Việc bồi hoàn sẽ được thực hiện trong năm tới. (Thật ra, người tiêu thụ sẽ thất vọng vì tính ra hầu như không được chi cả. Ví dụ với số 720 triệu euro để bồi hoàn, bộ Kinh tế sẽ hạ thuế TIPP 1 xu một lít xăng. Giá xăng sẽ giảm tối đa 2 xu một lít, nghĩa là không có bao nhiêu trong khi tùy theo cây xăng, giá có thể chênh lệch 10 xu!)

Phản ứng của đảng Xã hội (đối lập với chính phủ) có thể nói là dữ dằn trong vụ này. Như để lấy lòng dân, Francois Holland, đệ nhất bí thư, đòi chính phủ phải «trả ngay» số tiền đã thu được trong vụ dầu hỏa tăng giá này. Thật sự thì muốn trả ngay cũng không được vì còn tính toán và còn phải phối hợp với các nước trong Liên Hiệp Âu Châu: đây là một vấn đề chung của các nước trong Liên hiệp chứ không riêng chi cho Pháp.

"Không nên hoảng hốt!"

Quốc hội lúc này đang thảo luận luật ngân sách quốc gia năm tới. Ngân sách 2005 này được soạn thảo căn cứ trên sự tăng tiến của tổng sản lượng quốc gia ở mức 2,5% với giá xăng 36,5 đô la một thùng. Ngày nay lên tới 53 đô la một thùng, thế mà bộ trưởng Kinh tế khuyên vẫn giữ nguyên trạng của dự thảo ngân sách, «không nên hoảng hốt!»

Bộ trưởng Nicolas Sarkozy kêu gọi các nước Âu châu có một chính sách chung đối với vấn đề dầu hỏa và năng lượng.

Ai cũng nói rằng đây là ngân sách đầu tiên và cuối cùng do ông với tư cách là bộ trưởng Kinh tài soạn ra. Tháng 11 năm nay, ông ra tranh cử chức đảng trưởng UMP và rời bỏ chức bộ trưởng Kinh tế một khi đắc cử, một chuyện coi như là chắc chắn. Lúc đó, không còn là người trong chính phủ, ông mặc sức tung hoành để lấy điểm với dân chúng chuẩn bị cho cuộc bầu cử vào Điện Elysée năm 2007.

Cải Thiện Tình hình

Trước khi rời bộ Kinh tế, Nicolas Sarkozy lại có trong tay phúc trình của Michel Camdessus, cựu tổng giám đốc Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) về vấn đề tăng trưởng của nền kinh tế Pháp. Pháp hiện nay được xếp hạng năm trong số các nước phát triển kinh tế nhưng là thứ 27 của những nước có lợi thế cạnh tranh với các nước khác (sắp hạng của Forum de Davos). Nghĩa là không có một lợi thế nào cả !

Phúc trình Camdessus cho rằng nước Pháp không phát triển được vì những lý do sau: dân Pháp không làm việc đủ vì làm ít giờ và số người trẻ (24%) cũng như người già (34%) làm việc rất ít; chi phí công thì nhiều mà không hữu hiệu: không dành cho kinh tế hay không đủ cho việc mở mang kiến thức.

Đề nghị cụ thể giữa rất nhiều đề nghị khác: phải lượng giá ảnh hưởng xã hội của những quyết định kinh tế và ngược lại, ảnh hưởng kinh tế của những quyết định có tính cách xã hội. Nghĩa là hai bộ Kinh tế và Xã hội phải làm việc mật thiết.

Chuyện các trường học

Trong số các em học sinh choàng khăn đến trường, có chín em vừa bị nhà trường áp dụng luật ban hành tháng Ba năm nay cấm cửa không cho vào. Sở dĩ ngày nay mới có quyết định như vậy là vì trước phản ứng của thế giới, các trường kéo dài các quyết định đó bằng những buổi đối thoại, giải thích giữa trường học, học sinh và gia đình.

Trên toàn quốc còn có chừng 60 trường hợp «khó khăn» như vậy trong số có một số em học sinh theo đạo Sikh. Một ông giám học nói: Chúng tôi rất cẩn thận trong vụ này vì rằng hai người đồng hương của chúng tôi đang nằm trong tay quân khủng bố Iraq và lấy cớ để chống lại quật cấm khăn quàng tại Pháp.

Những em bị cấm vào học có thể học ở nhà hay theo các lớp hàm thụ, theo lời giải thích của

bộ giáo dục, nhưng cũng có thể được xét lại nếu các em thay đổi ý.

Chuyện được bàn tới nữa là đề nghị cải cách chương trình học do một ủy ban đưa ra. Một trong các đề nghị này: Anh ngữ là môn bắt buộc từ bậc tiểu học. Theo kết quả của nhiều cuộc điều tra thì học sinh Pháp nói tiếng Anh dở nhất trong số các nước ở Âu châu, và dĩ nhiên được xếp hạng... cuối cùng. Vì vậy phải buộc các em học, từ lớp nhỏ.

Dư luận chung cho thấy đề nghị này không chắc gì được chính phủ nghe theo vì :

- Trước Quốc hội, có dân biểu tuyên bố rằng tương lai không chắc gì tiếng Anh còn cần thiết. Mà là tiếng Trung Hoa, tiếng Ả Rập, tiếng Nhật hơn là tiếng Anh.

- Tại Việt Nam, tổng thống Chirac từng tuyên bố: "Chống lại nhân loại nếu người ta chỉ nói một thứ tiếng"...

Đây sẽ là một chuyện dài cho giáo giới, chính giới và báo giới.

Chạy 160 cây số/giờ trên xa lộ

Trong số chuyện vặt tuần này được chú ý nhất là chuyện bộ trưởng Tư Pháp Dominique Perben thú nhận xe của ông ta chạy quá tốc độ trong ngày thứ sáu 15.10 trên xa lộ miền nam nước Pháp. Tốc độ tối đa cho phép trên xa lộ ở Pháp là 130 cs/g với khoan hồng có thể chạy lên đến 140 cs/g. Ông cho biết có mặt trong chiếc xe Peugeot 607 chạy 160 cs/g nhưng không phải ông ta cầm lái.

«Nếu có phạt thì phạt người cầm lái là tài xế của tôi cũng như tất cả những vụ vi phạm khác.» Với tốc độ đó ở xa lộ, ông không cảm thấy xe đi nhanh hơn bình thường. «Vào xe là lại làm việc,» ông giải thích. «Trên xa lộ khó biết được tốc độ của chiếc xe, nhất là khi phải đọc hay đang suy nghĩ về một hồ sơ. »

Bộ trưởng Tư Pháp Dominique Perben

Chuyện này được báo chí đăng lên nhưng như ông ta nói, không có chuyện Cảnh sát hay máy ra đa ghi phạt nên coi như xong. Những máy ra đa do bộ Tư pháp đặt trên xa lộ để phạt những xe vượt quá tốc độ không có trên đoạn đường này.

Một người Pháp đại diện Hoa Kỳ tranh chức đệ nhất tửu bảo

Cũng trong câu chuyện rượu. Hervé Pennequin là người lo chăm sóc rượu từ mấy năm nay trong một tiệm ăn sang trọng tại Nữu Ước. Anh kể rằng một năm trước đây, khi biết trong tiệm này người phụ trách rượu là một người Pháp, bán rượu Pháp, có người khách đã đứng dậy, bỏ đi. Tuần trước, chính anh ta, *the french guy*, có *green card*, đại diện nước Mỹ dự kỳ thi coi thử ai là người giỏi về rượu nhất thế giới tại Hy Lạp. Và đây là lần đầu tiên nước Mỹ được vào bán kết.

Bốn mươi ba *sommeliers* đại diện cho 43 nước đã tham dự kỳ thi này. Chuyện trớ trêu là đại diện của nước Pháp, Franck Thomas, tửu bảo của nhiều lâu đài Côte d'Azur và vô địch Âu châu không được trong số bốn người đó: Đức, Mỹ, Anh và Ý. Đại diện nước Anh cũng là một người Pháp, Gérad Brasset, lập nghiệp 17 năm nay tại nước Hồng Mao.

Cuối cùng thì người Ý Enrico Bernardo đoạt giải vô địch tửu bảo thế giới năm 2004 hơn cả hai người Pháp. Có điều, người Ý này lại là tửu bảo của Restaurant George V ở Paris (theo *Le Monde*).

Le Monde kỷ niệm 60 năm

"Đối với chúng tôi, tất cả bắt đầu ngày 18.12.1944 với số báo đầu tiên (ghi ngày hôm sau, 19)." Người sáng lập, Hubert Beuve-Méry đưa ra khẩu hiệu bằng những lời đơn giản: *Một tờ báo mới ra đời: Le Monde. Tham vọng của tờ báo trước hết, là cung cấp độc giả những tin tức trong sáng, xác thực, và trong khả năng có thể có được, nhanh chóng và đầy đủ.*

Le Monde, nhật báo ra buổi chiều tại Paris, nhắc lại những dòng trên đây bắt đầu chương trình kỷ niệm 60 năm thành lập. Mỗi ngày tờ báo chọn để in một trang nhất tiêu biểu trong năm và liên tục từ đây cho tới ngày 20.12. Trang đầu tiên của chương trình này là số 1 *Le Monde* của năm 1944 in trong số ra ngày 11.10.2004 ghi lại kỷ niệm của thời gian thai nghén *Le Monde*. Người có sáng kiến và thúc giục thực hiện tờ báo này là Tướng De Gaulle.

Những ngày tiếp theo là những biến cố mà

nhân loại đã trải qua: bom nguyên tử tại Hiroshima, tranh chấp Ấn, Hồi, vụ án Nuremberg, tuyên cáo của Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc, Điện Biên Phủ, bức tường Bá Linh... Vòng quanh thế giới *60 ngày với Le Monde*, trên báo chí và truyền thanh, truyền hình là tiêu đề của chương trình kỷ niệm.

Hồi đó, *Le Monde* chỉ là một tờ giấy in hai mặt, với tòa soạn chừng 30 người. Ngày nay, *Le Monde* in hơn 12 500 trang mỗi năm, ban biên tập 334 ký giả, chưa kể rất đông người cộng tác. Một lần, một độc giả hỏi ông chủ nhiệm Beuve-Méry thế nào là những đức tính của nhà báo tốt. Ông ngẫm nghĩ một lát rồi trả lời: *Être... féminin.* (Phải... đàn bà). Ông ngừng rồi nói tiếp: Đừng làm cho người đọc buồn chán, phải gây sự chú ý, sự xúc động, giúp hiểu biết và giải trí.

Số ấn hành của *Le Monde* ngày 13.10 là 498 725 tính trung bình bán ra khoảng 340 000 và có chừng hơn hai triệu độc giả. Những nhật báo khác tại Paris :

- *Le Figaro*: Phát hành 334 749 số độc giả ước lượng 1 347 000.

- *Libération*: Phát hành: 149 218. Số độc giả: 895 000.

- *Le Parisien* – Aujourd'hui en France : 502 488. Số độc giả : 2 076 000

- *La Croix*: Số phát hàn : 95 086. Số độc giả: 362 000

- *France Soir* (buổi chiều): 67 506. Số độc giả: 429 000.

Nhật báo toàn cõi nước Pháp: 84 tờ chưa kể hai tờ phát không. Số ký giả trên toàn quốc: 35 539 người. Báo có số xuất bản nhiều nhất: *Ouest France*, ở tỉnh, 783 000 số.

(Theo Aujourd'hui en France, 29.9.2004, *Le Monde 2*, numero 35)

Huyền thoại French Lover

Pháp được đưa từ thứ năm lên hàng đầu về hoạt động tình dục so với các nước trên thế giới, theo cuộc điều tra Global Sex Survey của công ty Durex bán bao cao su. Với 137 lần "gần nhau" trong một năm (hơn hai ngày một lần), người Pháp đoạt kỷ lục, hơn người Hy Lạp với 133 lần trong một năm.

Tài liệu cho biết thanh thiếu niên Pháp cũng biết mùi đời sớm hơn (17,1 tuổi, so với tuổi trung bình của thế giới là 17,7 tuổi) nhưng không bằng người của đảo Island: 15,7. Cuộc điều tra đụng tới 350 000 người trong 41 nước. Hơn một phần ba người này cho biết đã có liên hệ tình dục không cần bao bọc và không cần biết quá khứ tình dục của người kia.

Tạp chí THẾ KỶ 21 xin mời quý vị tới dự buổi sinh hoạt:

VỀ HƯU LÀM GÌ?

Ngày 13 tháng 11, 2004. Từ 2pm tới 4pm
Tại phòng Lê Đình Điểu, trong trụ sở nhật báo Người Việt
14771 Moran st, Westminster, CA 92683.

Vào cửa tự do.

Đây là một buổi **"Nói chuyện với người về hưu"** do **Bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng** và **Giáo sư Nguyễn Trung Quân** phụ trách. Người tham dự sẽ được mời đóng góp ý kiến và trao đổi kinh nghiệm trong không khí thân mật, bằng hữu, để mang lợi ích tới cho cử toạ.

Bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng đã về hưu khoảng 10 năm, nay vẫn rất hoạt động trong lãnh vực văn hóa và thiền tập. Ông đã từng đảm trách bộ Thanh Niên và bộ Cựu Chiến Binh VNCH (thập niên 1960). Hiện ông là Anh Cả của trung tâm thiền tập Làng Cây Phong (Québec, Canada).

Giáo sư Nguyễn Trung Quân mới về hưu sau khi làm việc nhiều năm trong sở An Sinh Xã Hội California. Ông nguyên là hiệu trưởng các trường trung học Phan Thanh Giản (Cần Thơ) và Nguyễn An Ninh (Saigon) trước 1975.

Cả hai vị đều là Giáo Thọ (Dharma teachers) trong truyền thống thiền tập Làng Mai.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

KỲ THỊ

Trong một *shopping center*, một bà người da đen đang vạch áo cho con bú. Tôi dắt đứa con nhỏ đang học tiểu học đi ngang qua, tếu một câu. *Đứa nhỏ đang được bú sữa pha cà phê!* Đứa con tôi phản ứng liền. *Ba racist!*

Câu nói vui tưởng như vô thưởng vô phạt đã đụng ngay vào một chuyện nhức nhối. Nhức nhối đến một đứa nhỏ 10 tuổi. Kỳ thị! Cái chữ lởn vởn mọi nơi mọi chốn trong cuộc sống. Ông bạn tôi, một luật sư đang hành nghề bên Anh, ghé qua Montreal chơi tuần trước. Nhiều năm không gặp nhau mà chúng tôi chỉ thu xếp được để có thể ngồi với nhau vài giờ trong một tiệm ăn. Chuyện cả chục năm, nói sao cho hết. Vậy mà không biết từ lúc nào, câu chuyện lại đá vào cái anh kỳ thị. *Toa biết không, ở bên Anh tụi nó cũng kỳ thị khiếp lắm. Mà chúng nhắm nhiều nhất vào anh láng giềng Pháp. Chúng bảo đó là một lũ... ngu xuẩn!*

Cứ có hai người là đã có sự khác biệt. Giới tính, màu da, địa vị, của cải, tính tình, trình độ, sở thích... kiếm đâu ra được hai người y chang nhau? Mà khác nhau là... kỳ thị. Nhẹ thì chê bai, nặng thì cãi nhau, chửi nhau, rồi chân tay bắt đầu có việc làm. Vậy mà cứ phải sống với nhau, bám vào nhau mà sống. Kỳ thị là cái... cẳng!

Canada đất rộng người thưa,cần nhập cảng người vào làm việc, chung lưng gánh thuế với nhau. Vậy nhưng, cần thì cần, dân Canada vẫn cứ... kỳ thị. 38% dân Canada phán là đất nước này nhận vào nhiều di dân quá, 44% cho là việc cho di dân nhập cư là chấp nhận được. Đó là kết quả cuộc thăm dò của Bộ Quốc Tịch và Di Dân Canada vừa công bố, còn nóng hôi hổi. Năm ngoái, số người OK với di dân cao hơn, 49% lận!

Mỹ, cái giống dân tạp chủng ấy, cũng... nóng không kém. Một phúc trình của Hội Ân Xá Quốc Tế Mỹ cho biết là cứ ba người Mỹ thì có một người có nguy cơ là nạn nhân của kỳ thị vì nguồn gốc, sắc dân hay tôn giáo của họ. Quy ra con số thì có 87 triệu người sẵn sàng làm mồi cho kỳ thị! Mà không phải chỉ dân chúng kỳ thị với nhau đâu, các viên chức làm việc cho chính phủ Mỹ cũng kỳ thị ra gì! Có 32 triệu người cho biết là họ đã bị những viên chức nhà nước, nhất là Cảnh sát, kỳ thị. Từ sau vụ 11/9, vì lý do an ninh, tình trạng còn bết bát hơn, nhất là tại các cửa vào nước Mỹ. Những công dân các nước thuộc vùng Trung Đông và Nam Á đã bị phân biệt đối xử khi muốn nhập cảnh vào Mỹ. Chính phủ thì giải thích là họ phải cẩn thận hơn đối với những người này vì lý do an ninh quốc nội. Nhưng khủng bố đâu có phải thiếu sáng kiến. Chúng cũng biết... đổi màu da chứ! Chú trọng tới những người da màu này, guồng máy an ninh đã lơ là với những người da trắng. Đó là một lầm lẫn. Hai anh trắng tươi John Walker Lindh, một thành viên Taliban, và Richard Reid, anh chàng dấu bom trong giầy người Anh, là những trường hợp cụ thể.

Thảm kịch 11/9 chỉ làm vấn đề trầm trọng thêm chứ tự nó, kỳ thị vẫn ở khắp mọi nơi, khắp mọi thời. Thành phố tôi ở, mấy anh thanh niên Hy Lạp vừa la lối là bị kỳ thị. George Panagiotakis, một sinh viên ngành thương mại 20 tuổi, bị Cảnh sát tò tò theo vào một đêm khi anh cùng nhóm bạn tới một tiệm *fast food*. Anh quay lại lễ phép hỏi Cảnh sát. *Các ông đang tìm kiếm cái gì vậy? Tại sao các ông chăm chú vào chúng tôi mà chẳng có lý do gì cả vậy?* Cuộc... trứng chọi đá làm George bể đầu. Anh bị biên phạt 313 đô vì tội vi phạm luật thành phố vì "tạo ra tiếng động gần như la hét." George nhún vai bất cần. *Đó là tội gì vậy?*

Nhiều thanh niên da đen, da màu khác còn bị phạt vì tội... nhổ bậy ngoài đường. Anh chàng Bruno Andande, người gốc Bồ Đào Nha, 20 tuổi, vào một ngày tháng 5 vừa qua, còn bị phạt 85 đô vì tội dùng "tài sản của thành phố vào một mục đích không phù hợp với ý định khi tạo dựng ra nó." Bruno đã làm chi? Anh ngồi trên một khối xi măng cạnh đám bạn ngồi trên một băng ghế dài trong một công viên!

Kỳ thị, nó... leo lên xe. Ba năm trước đây, trên một chuyến xe buýt chạy trên vùng LaSalle, anh Albert Stephen ngồi cùng cô bạn gái, anh phàn nàn là xe chạy chậm quá. Ông tài xế Yvon Huard, 54 tuổi, da trắng, nghe thấy vậy, chửi một câu có tính cách kỳ thị. Khi cặp này xuống xe, tài xế không chịu mở cửa. Một chặp sau, ông mới mở, nhưng Albert vừa lách ra thì ông đóng sập cửa lại

làm anh té xuống đường. Ông tài xế kỳ thị sau đó lao mình xuống đường đánh đập anh Albert. Trong khi đó, chiếc xe buýt vẫn cứ lăn bánh. Ông mục sư Neville Barrington, cũng da đen, đang đi bộ trên vỉa hè thấy thế vội nhào lên xe buýt để thắng lại. Ông tài xế vội nhẩy lên xe, thoi vào mặt ông mục sư trong khi ông này đang cố đưa chiếc xe vào chỗ đậu. Cảnh sát được gọi tới, họ lại bắt giữ anh da đen Stephen vì tội đánh lộn mà không thèm nghe lời giải thích của anh. Hai ông da đen kiện Công ty xe buýt, hai viên Cảnh sát và ông tài xế đòi bồi thường 210 ngàn đô vì tội kỳ thị!

Kỳ thị, nó lấp ló cả vào nơi... hở hang. Báo chí Montreal đang tốn nhiều giấy mực cho vụ kỳ thị tại tiệm nhảy... chuồng cời *Oh Caresses'*. Một ký giả da trắng của báo *The Gazette* đi cùng hai người bạn da đen vào... nghía các em không vải vóc. Vô cửa, anh gác cửa thu của anh da trắng hai đô, hai anh da đen mỗi anh 10 đô tiền... nhập môn. Mười lăm phút sau, anh gác cửa mới tới bàn dúi vào tay hai anh da đen mỗi anh một tờ 5 đô. Lý do: ở khu này có nhiều du đãng nên thu thêm tiền để ngăn cản họ vào, nhưng thấy hai anh da đen này hiền lành nên thối bớt 5 đô. Vậy thì hai anh này vẫn phải trả thêm 3 đô tiền... da!

Leyna Nguyễn, một cô gái Việt Nam rất thành công trên truyền hình Mỹ và đang là một khuôn mặt nổi bật trong *video* và các buổi đại nhạc hội Việt Nam trong vai trò *MC*, có bị kỳ thị không? Cô đã trả lời trên báo mạng Calitoday.

"Trong hơn 10 năm làm anchor cho TV Mỹ, em có bao giờ bắt gặp những ánh mắt khó chịu hay thái độ kỳ thị của người Mỹ chưa?"

"Em không có nghĩ kỳ thị, nhưng em thấy như thế này: Có đài nào có người Á Đông rồi thì khó vào được cái đài đó lắm. Đài TV có người on air *Mỹ trắng thì không sao hết, nhưng đã có người Á Đông rồi thì ít khi nào có được ba người hết... Anh có hiểu ý em nói không?* When they have one black person, one Asian person, and that's it! *Cái* business *này đã quá* competitive already, *ngay cả đối với* white American, when you're Asian, *mà đài đó đã có một người Á Đông rồi thì mình rất khó vào cái đài ấy được.* Difficult that way. *Hồi em đi học, em nghe nhiều người nói cái nghề của em vô hơi khó, mình vừa là* Asian *và vừa là* woman, *nên hồi đó, người ta nói với em là mình là* double minority... (cười), *nên* try something else, *nhưng có lẽ là em rất* lucky!"

"Cô nghĩ gì về những anchor *thành công gốc Á Châu như bà Connie Chung chẳng hạn?"*

"Em thấy là Asian *mình có rất ít người thành công. Connie Chung!* And that's it. *Trong lúc đó, nói về người Mỹ, em có thể* name a lot of people, *nhưng nói về người Á Đông trong ngành này, thì chỉ... Connie Chung."*

Nói tới kỳ thị, người ta thường nghĩ tới kỳ thị màu da, nhất là da đen. Ừ thì quanh chúng ta quả có những người da đen hung hãn, phá phách, phạm pháp, băng đảng. Nhưng da trắng cũng băng đảng vậy! Băng đảng Trung Hoa hay Việt Nam không phải là không có. Mà còn thuộc loại dữ dằn. Vậy tạo sao lại da đen?

Hơn ba chục năm trước, trong một lần tới dự một khóa hội thảo quốc tế ở Nữu Ước, tôi được xếp ở chung phòng với một Tổng Thư Ký một Bộ đến từ Zambia. Chúng tôi đồng tuổi, dễ thân thiết với nhau. Có lần anh đã nửa đùa nửa thật bảo tôi theo anh về Zambia anh sẽ gả em gái cho tôi! Anh vẫn thường phàn nàn với một giọng tức tối về sự kỳ thị người da đen ở Mỹ. Anh vẫn cho là người Mỹ đã không giúp đỡ, cố tình để cho những người da đen thất học hoặc ít học, nên cách xử sự của người da đen trong xã hội thường bị đánh giá thấp. Một lần , trên xe đi ngang một trường Đại Học trong khu da đen, tôi khều tay anh ta. *Khu này cũng có trường Đại Học lớn vậy!* Anh nhún vai. *Làm cảnh thôi đấy mà!* Tôi hỏi tới. *Thế còn cái ông Khoa Trưởng một phân khoa Đại Học vừa tới thuyết trình cho chúng mình vào hôm qua, cũng da đen vậy!* Anh cười khẩy. *Đó là những tên da đen mất gốc, chỉ còn cái màu da!*

Sự bực tức của anh bạn da đen này bị... bôi đen hơn khi những người tổ chức cuộc hội thảo đã, vì lý do an ninh, khuyên những người ngoại quốc chúng tôi không nên tới khu da đen Harlem. Thấy mấy "đồng hội" da đen có vẻ không bằng lòng, tôi bèn nổi máu giang hồ. Đã tới Nữu Ước mà không đi Harlem, một khía cạnh văn hóa đặc thù, thì uổng chuyến đi. Tôi rủ mấy anh da đen dẫn tôi đi Harlem. Anh nào cũng lắc đầu từ chối. Tôi ngạc nhiên không hiểu sao. *Các ông sợ chi?* Câu hỏi của tôi làm thái độ của anh bạn cùng phòng... đổi trắng! Anh có vẻ giận, ít muốn nói chuyện với tôi.

Vài ngày sau, vào một ngày cuối tuần, tôi một mình đeo máy hình đi chơi tượng Nữ Thần Tự Do. Trên phà, một anh trắng khều vai tôi. Anh cũng dùng một máy hình Minolta giống của tôi, mượn của ông bố, không rành sử dụng, nhờ tôi chỉ dẫn. Chiếc máy hình kết thân làm tôi lời thêm một người bạn. Anh từ San Francisco sang Nữu

Ước du lịch, mò mẫm chưa biết nhiều về thành phố này. Anh hỏi tôi có rảnh đưa anh đi chơi nguyên ngày không, tiền anh sẽ chi? Thế là một anh Mít dẫn một anh Mỹ đi chơi trên nước Mỹ! Chúng tôi đi lòng vòng thành phố, coi kịch ở Broadway và thật bất ngờ, anh rủ tôi đi Harlem. *Không sợ sao? Sợ chi!* Thế là một anh vàng, một anh trắng đi vào miền đất... đen. Chúng tôi ăn uống, ghé vào một tiệm rượu trong Harlem. Sân khấu nhỏ của tiệm rượu chỏng chơ một bộ trống, một dương cầm, một đại hồ cầm, một vĩ cầm và hai cây kèn. Thỉnh thoảng vài người lên đập đàn. Anh bồi cho biết đó là những khách hàng. Tiệm chỉ có nhạc cụ, ai muốn chơi gì cứ việc leo lên chơi. Tôi khoái cái không khí rất văn nghệ này, anh bạn Mỹ trắng cũng thích thú. Nhìn quanh chỉ có hai chúng tôi là... không đen. Gật gù với nhịp điệu *jazz* cho tới khuya, chúng tôi bất ngờ thấy một ông đen kéo ghế ngồi vào bàn của hai đứa tôi. Ông vui chuyện cho biết ông là nhạc sĩ đi chơi khuya với một nhóm bạn, thấy chúng tôi lạ, muốn làm quen cho thêm phần... văn nghệ. Ông tặng chúng tôi cái đĩa nhạc mới thu của ông, vẫy nhóm bạn, trai có gái có, sang ngồi với chúng tôi. Ông bước lên sân khấu giữa tiếng vỗ tay của khách. Vài người nữa bước lên. Họ đã nhanh chóng thành một ban nhạc *jazz* tự phát. Tiếng đàn, tiếng trống, tiếng kèn quyện vào nhau. Chưa bao giờ tôi được nghe nhạc *jazz* hay đến như vậy. Cái không khí văn nghệ đó, cái phóng khoáng tài tử đó, cái say mê hòa nhập đó đã làm nên một thứ *jazz* rất *jazz*. Có ai nhìn vào màu da nhau?

Không ai muốn nhìn vào một màu da để xử sự với một người. Nhưng thực tế vẫn có những chuyện không như ý. Một nhân viên hoạt động xã hội, anh Robints Paul, 28 tuổi, trong một tối mùa đông lạnh giá nơi thành phố tuyết Montreal, đứng trong trạm *métro* Berri-UQUAM chờ một người bạn. Anh mặc một chiếc áo rộng thùng thình và một chiếc quần rộng cũng không kém. Một viên cảnh sát tiến tới nói anh vi phạm luật lang thang trong trạm *métro* và ông có thể ghi phạt. Anh cho biết anh là một nhân viên hoạt động xã hội và thường hoạt động chung với cảnh sát. Viên cảnh sát để cho anh đi. Robints thắc mắc: nếu anh không ăn mặc cẩu thả, nếu da anh không đen, Cảnh sát có thăm hỏi anh không?

Anh mang thắc mắc này tới cuộc Hội Thảo của trường Đại Học Concordia do Phong Trào Thanh Niên Hành Động Da Đen tổ chức. Trong cuộc Hội Thảo, nhiều người đã mang ra những trường hợp được coi là... kỳ thị. Kết thúc cuộc Hội Thảo, những khuyến cáo sau đây được gửi tới những người có trách nhiệm: giáo dục thanh niên và quần chúng về quyền của con người; thu thập những vụ cảnh sát phạt người da màu về những vi phạm nhỏ để minh chứng có sự kỳ thị; gia tăng số nhân viên cảnh sát da màu; huấn luyện thêm cho cảnh sát và những nhân viên an ninh; động viên dân chúng mạnh bạo làm chứng cho những vụ vi phạm nhân quyền; nghiêm phạt những chức quyền có óc kỳ thị.

Tại *Little Saigon,* Ủy BanVận Động Chính Trị Việt Mỹ cũng kêu gọi cộng đồng cùng lên tiếng ủng hộ cho dự luật AB 2428 do nữ dân biểu Hạ Viện California Judy Chu đệ nạp. Dự Luật chống kỳ thị này còn có tên là *Kenny's Law*. Kenny là một em trai 17 tuổi gốc Đài Loan đã bị người hàng xóm da trắng tên Christopher Hearn giết chết vì thù hận người thiểu số. Sau khi đâm em Kenny 25 lần, thủ phạm đã không hề hối lỗi mà còn công khai biểu lộ lòng căm ghét người Á Châu. Tòa Thượng Thẩm Quận Cam đã công nhận thủ phạm Hearn phạm tội sát nhân bậc nhất, nhưng cuối cùng đã cho trắng án vì thủ phạm mắc bệnh tâm thần!

Kỳ thị, nó vẫn cứ mù mịt khi chỗ này, khi chỗ khác. Dẹp bên đây, nó tái sinh lại bên kia. Cái anh Phạm Nhan này ba đầu sáu tay quá đỗi. Nó con cái nhà ai vậy?

Trong truyện ngắn *Dõi Mắt Vời Trông*, tôi đã cho hai nhân vật, một *GI* Mỹ da đen đang tìm lại đứa con rơi với một người đàn bà Việt Nam còn kẹt lại và một sĩ quan Dù Việt Nam đang giúp ông trong cuộc tìm kiếm này, thử lý giải nguyên nhân kỳ thị người da đen tại Mỹ cũng như tại Việt nam.

"Tôi thương yêu Nụ và nàng cũng thương yêu tôi nhưng tôi để ý thì thấy nàng luôn luôn tránh né việc đi cùng tôi ra giữa đám đông. Những người con gái sống với những bạn da trắng của tôi thì không vậy. Sự kỳ thị ở bên này tôi hiểu được, đó là một dấu vết đau buồn của lịch sử, từ những ngày tổ tiên tôi bị mang tới châu Mỹ như những tên nô lệ. Nhưng bên nước ông, tại sao cũng có sự kỳ thị, nhiều khi tôi thấy còn nặng nề hơn ở bên đây. Tại sao vậy, ông bạn?"

Tôi không muốn tránh né nhưng trả lời câu hỏi này quả là một điều tế nhị, quá tế nhị. Cho cả Jeff và tôi. Tôi cố mài dũa sao cho lời nói được tròn trịa, nhẫn nhụi hơn.

"Sự kỳ thị, như ông biết đấy, bao giờ và ở đâu

cũng là điều đáng chê trách, nhưng khốn nạn thay, nó lại luôn luôn có mặt bất kể thời gian và không gian. Để hiểu nó, người ta phải gác lại tình cảm để chỉ dùng lý trí mà phân giải. Ông cảm thấy bị kỳ thị bên nước tôi thì tôi nhiều khi cũng cảm thấy bị kỳ thị trong cuộc sống ở nơi đây. Rồi chúng ta có đi tới chân trời góc biển nào cũng vậy. Còn những người khác mầu da, khác tiếng nói, khác văn hóa chung sống với nhau thì anh chàng kỳ thị vẫn còn có cơ hội chường mặt ra. Nếu phải trả lời cho câu hỏi của ông thì tôi cũng qui trách nhiệm cho lịch sử như ông vậy. Lịch sử cận đại của nước tôi là một quãng thời gian đau buồn của một nước nhược tiểu bị một cường quốc phương Tây chiếm đóng và cai trị. Người Pháp đã mang đến nước tôi một đạo quân hỗn tạp trong đó có những người da đen ở Phi Châu, nơi xuất phát của tổ tiên ông. Và, phải xin lỗi ông trước, ông đừng buồn khi nghe tôi nói là những người da đen này, với những vết rạch trên mặt, là những người hung hãn trong việc cướp bóc, hãm hiếp dân Việt Nam chúng tôi. Trong khi đó thì người da trắng là những người cai trị, quyền sinh sát trong tay, làm dận nước tôi tuy không ưa, thậm chí còn chống đối nữa, nhưng những người dân đen nước tôi trong thâm tâm vẫn phải nể sợ họ. Chính tình huống này đã đặt ngôi thứ cho mầu da trắng và mầu da đen trong suy nghĩ và tâm cảm của dân nước tôi. Xóa đi một vết đen của lịch sử kéo dài cả trăm năm chẳng phải là điều dễ. Khi các ông sang, vết đen đó vẫn còn tồn tại và sự kỳ thị mà ông cảm thấy là hậu quả tất yếu vậy thôi."

Lịch sử, nó có bao giờ chịu nhắm mắt ngủ yên!

09/2004

VỀ

Vào cuộc tung hoành không biết mỏi
Ra đi thanh thản tựa như về.

Nhà văn Mặc Thu về vào năm nguyên sơ của thế kỷ 21. Trước khi về, ông đã để lại hai câu thơ trên.

Những người sáng tác thường chiêm nghiệm bước về từ trước. Lối về thường rất thanh thản. Hình như sống đã đầy đủ, về chẳng còn là tiếc nuối. Có đi ắt phải có về. Huống chi đã sống cả đời mình, đã thương vay khóc mướn, đã nhập đồng vào biết bao cuộc sống khác. Thời gian chỉ có một nhưng cuộc sống có trăm có ngàn vai khác nhau. Lời lãi đã đầy túi. Có về, còn dùng dằng chi mà không dấn bước.

Về, như nhà văn Tam Ích, chồng một chồng sách, trèo lên sách, giẫm trên sách, đút đầu vào sợi giây thòng lọng treo trên trần nhà, chân đạp đổ chồng sách, người lửng lơ, cổ đón vòng xiết của giây trên đường về.

Về, như nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên, tung hê hết chuyện đời, lái xe vào sân chùa, cất bước về trong cô đơn, giữa tiếng mõ tiếng kinh.

Về, như văn hào Nhất Linh, bình tĩnh xếp đặt xong xuôi mọi chuyện, cô đơn nuốt những viên thuốc giã từ, về trong bất khuất: *Đời tôi để lịch sử xử*...

Những người viết trên đã chọn lối về, chọn thời điểm về. Họ định được tử điểm.

Điểm cuối đường sương, điểm hiện dần
Hiện cùng điểm mất ở vong thân
Đáy xe, tử điểm vô hình tướng
Chết rũ theo người ở dưới chân

(Mai Thảo)

Cái ung dung tự tại của những người viết đó không phải ai cũng có được. Ngày về thường vẫn là mối lo canh cánh của những người đã có... vé máy bay. Vé cầm trong tay nhưng bước lên máy bay bằng cách nào? Hành trang cuối nghe chừng như vẫn nặng nề. Nhóm nghiên cứu thuộc Viện Đại Học Pittsburgh vừa công bố kết quả của một cuộc thăm dò theo đó thì người Mỹ "bằng lòng cắt ngắn bớt thời gian sống trên đời một chút để đổi lấy một cái chết thanh thản nhẹ nhàng." 75% dân Mỹ đã nghĩ như vậy. Theo bài viết của giáo sư Cindy Bryce phổ biến trên đặc san *Medical Care* thì "Chúng tôi thấy người ta quan tâm rất nhiều đến kinh nghiệm chết. Trung bình những người được phỏng vấn cho biết họ sẵn sàng đánh đổi bảy tháng sống khỏe mạnh trong cuộc đời để tháng cuối cùng trong cuộc đời được sống tốt đẹp hơn."

Lo tới cách chết sao cho yên lành thanh thản, tránh được những đau đớn dầy vò xác phàm trước giờ... về, đã đủ chưa? Ông chú tôi bảo đủ rồi. Bà thím tôi tính tới chuyện dành dụm tiền để lo hậu sự, ông ngửa tay bảo đưa cho ông trước ông tiêu cho sướng. Lúc nằm xuống thì sao? Lúc đó, nằm phè ra, ai muốn vứt đi đâu thì vứt! *Who cares?*

Mấy ông sống bám vào cái thứ... vứt đi đó, dĩ nhiên, nói khác. Như ông Paul Delaney, một "cố vấn cho tiền-nhu-cầu" của công ty nhà quàn và nghĩa địa *Mont Royal Commemorative Services* ở Montréal đã khuyên người ta nên sắp đặt trước đám tang của mình. Làm như vậy có lợi ba bốn bề! Thứ nhất, thường thì con cái hay người trong gia đình không ở chung trong một thành phố với

người quá cố, nhận được tin buồn, lòng dạ rối bời, phải lo chuyện ma chay trong một thành phố lạ trong một thời gian gấp rút, lao đao lắm. Thứ hai, thân nhân thường hoang mang không biết người chết muốn... diễn hành lần cuối ra sao. Có muốn khách khứa thấy mặt hay không? Muốn chôn hay muốn thiêu? Nếu có chúc thư dặn dò thì nhiều khi trong lúc tang gia bối rối, chúc thư chỉ được mở ra khi mọi việc đã xong xuôi. Như vậy, làm đám mà cứ phân vân chẳng biết mình làm như vậy có đúng ý người ra đi không. Chi bằng, theo ông Paul, muốn gì mình cứ tính trước cho chắc ăn. Ai ăn? Nhà đòn ăn là cái chắc! Cái gì cũng có... giá biểu. Chết cũng có giá của nó. Quan tài giá từ 2500 tới 7500 đô, thiêu giá từ 3000 đến 5000 đô, mộ bia giá từ 1500 đến 3000 đô (dân ta muốn đá hồng ngọc, khắc hình rồng hình phượng, bỏ rẻ cũng 5000 đô), mộ giá từ 1500 đến 3900 đô. Đó là giá tính bằng tiền Canada, dân Mỹ chết rẻ hơn!

Vẫn ông Paul Delaney gạ gẫm. Cái gì cũng vậy, cứ xếp đặt trước, rẻ hơn. Này nhé, trong lúc thương tiếc người thân vừa ra đi, thân nhân của chúng ta thường có khuynh hướng cái gì cũng chọn hạng nhất. Tốn tiền! Bây giờ, lo trước, đầu óc bình tĩnh, suy tính kỹ càng, tránh được những số tiền bốc đồng. Còn nữa, xếp đặt trước mọi thứ ngay lúc này, giá cả là giá cả lúc này, mai mốt vật giá gia tăng, tốn hơn! Đã đỡ tốn, lại còn tiện hơn, bởi vì các công ty nhà quàn và nghĩa địa thường có chương trình trả góp, trả trước, chết sau. Mỗi tháng một chút, đỡ cho cái túi tiền hơn là vội vàng góp nhặt trả ngay một lúc. Chết như vậy, sướng hơn!

Về, có nhiều lối, lối thông thường nhất là kiếm một cái bệnh để có cớ mà về. Đó là về lối... cổ điển, thường không gây tiếng vang, không được... lên báo. Có lên báo họa chăng là ở những mục Cáo Phó, Chia Buồn, Phân Ưu. Về như vậy, thường! Các danh nhân, đầu óc thông minh hơn nên bầy ra được nhiều lối về... ngoạn mục hơn.

Francis Bacon, triết gia Anh nổi tiếng nhất thế kỷ 16, lại còn là một nhân vật đa tài đã từng làm nghị viên, nhà văn, nhà khoa học, đã dùng tuyết mà về. Một buổi chiều năm 1625, một trận bão tuyết lớn gầm thét bên ngoài nhà ông. Ngồi ngắm tuyết ông nảy ra ý tưởng dùng tuyết để bảo quản thực phẩm. Nghĩ là làm, ông bắt một con gà, làm thịt và mặc trời lạnh giá, ông đứng nhồi tuyết vào con gà để làm lạnh. Gà thì không biết có lạnh không, nhưng ông thì lạnh cứng tới thăng luôn!

Jean Baptiste Lully, nhạc sĩ cung đình nổi tiếng, chuyên viết các vở nhạc kịch trình diễn trong hoàng cung nước Pháp. Ông này chết vì... nhạc. Một bữa, trong khi tập luyện cùng ban nhạc, ông say sưa múa chiếc gậy nhạc trưởng, và chiếc gậy tài hoa đã xuyên vào chân ông. Vết thương bị nhiễm trùng đưa ông về trời mấy ngày sau đó!

Horace Wells, nhà nghiên cứu tiên phong về việc sử dụng thuốc gây mê vào giữa thế kỷ 18, trong khi làm thí nghiệm với các loại khí khác nhau để tìm ra loại thuốc mê có hiệu quả nhất, ông đã nghiện chất *chloroform*. Năm 1848, ông bị bắt giữ vì đã dùng bình xịt phun *acid sulfuric* vào hai phụ nữ. Trong một lá thư viết từ trong ngục, ông cho rằng chất *chloroform* đã khiến ông hành động như vậy vì ông bị ảo giác trước khi tấn công các nạn nhân. Bốn ngày sau, ông đã tự gây mê bằng chất *chloroform* trước khi dùng dao cạo cắt động mạch đùi tự tử!

Ba danh nhân trên tử vì... nghiệp. Cũng được đi! Hai danh nhân sau tử vì... ăn uống, một lối về rất trần tục và được người đời tặng một tiếng cười.

Nhà thiên văn học nổi tiếng ở thế kỷ 16, người Đan Mạch, ông Tycho Brahe, được coi là người đặt nền tảng cho thuyết "Vạn vật hấp dẫn" của Newton sau này. Trong thời đại của ông, việc rời bàn tiệc trước khi bữa ăn kết thúc được xem là một điều sỉ nhục đối với chủ nhà. Ông Brahe, vốn là bạn thân với ông Lưu Linh, bữa đó đã gần xỉn mới tới dự tiệc. Nhập tiệc, ông vẫn cứ tì tì uống thêm. Nhiều người tới chúc mừng ông bằng cách cạn ly, ông cũng lịch sự... cạn. Rượu óc ách trong bụng, đứng lên đi xả thì vô phép với chủ nhà, ông cứ ngồi chịu trận cho tới khi bàng quang chịu không nổi đã bục ra. Về!

Attila, chắc nhiều bạn rành sử... quen ông này. Ông đã dẫn dắt đạo quân Hung Nô thiện chiến đánh chiếm hầu hết châu Á vào năm 450 sau Công Nguyên. Năm 453, ông cưới một thiếu nữ tên là Ildico. Tướng quân ngầu như vậy nhưng ông ăn uống rất ít. Tuy nhiên, quá vui trong ngày cưới, ông... xả láng. Ăn uống như hùm beo. Tối hôm đó, ông bị chảy máu cam nhưng say quá không biết gì và ông đã bị ngộp chết trong máu của chính mình!

Danh nhân Aeschylus, kịch tác gia nổi tiếng của Hy Lạp thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, và được coi là cha đẻ của bi kịch Hy Lạp, có một lối về rất... nghi vấn. Không hiểu ông chết vì đầu không có tóc hay chết vì đôi mắt kèm nhèm của con chim đại bàng? Chuyện như thế này. Đại bàng

khi bắt được một con rùa, muốn ăn thịt, phải đập vỡ mai rùa. Đập bằng cách nào? Nó tìm một hòn đá cứng, bay trên cao, thả con rùa xuống đập vỡ chiếc mai trên tảng đá. Bữa đó, kịch tác gia đang đứng ngoài trời, một chú đại bàng cặp một con rùa bay trên cao, nhìn thấy cái đầu hói của Aeschylus ở phía dưới, tưởng là một hòn đá, thả ngay chú rùa xuống mục tiêu. Kịch tác gia bị bể đầu. Màn sân khấu đóng lại, vĩnh viễn!

Lối về này coi bộ... vui. Nó là một màn kịch vừa bi vừa hài của nhà viết kịch. Nhưng về cũng vui vậy. Đó là một lối thoát khỏi cuộc đời ô trọc này. Khi nhà văn kiêm nhà giáo Nguyễn Duy Diễn về, bạn của ông, nhà thơ Nguyên Sa, đã... reo mừng.

Diễn đã chết, Diễn đã chết
Chúng tôi nhảy múa hò reo
(...) Thế là nó thoát, thế là nó thoát
Cuồng lưu dằn vặt đã trôi qua
Khỏi phải nghĩ, khỏi lo âu, sợ hãi
Sự thật có phải bao giờ cũng tối như đêm
Tình ái có phải suốt đời là canh bạc lận
Lịch sử, rút lại, có phải là thằng mù sờ soạng?

Nhà văn Dương Hùng Cường, cũng một cây phiếm dưới bút danh Dê Húc Càn, chắc đã thật sự thoát. Sống trong tù, cái được khoác mỹ danh Trại Học Tập Cải tạo, thì sống với chết có khác gì nhau. Cho xong một kiếp người. Chắc chẳng có lối về nào lại... vui như vậy! Nhà văn Nguyễn Thụy Long, trong *Hồi Ức 40 năm Làm Báo*, đã nhắc tới lối về cô đơn, thật sự cô đơn, của nhà văn Dương Hùng Cường.

"Nhiều năm sau khi nhà văn Hoàng Hải Thủy ở tù về, gặp lại nhau, tôi hỏi Hoàng Hải Thủy về cái chết của Dương Hùng Cường, vì anh ở chung nhà tù với Cường. Anh Thủy cho biết, ngày Dương Hùng Cường chết không còn giam chung với anh, Cường bị chuyển qua một phòng giam khác, như phòng biệt giam C5, không được tiếp xúc với ai. Anh chết lúc nào đó vào ban đêm, sáng người ta khám phá ra anh đã qua đời, nằm vắt vẻo nửa trên nửa dưới sạp nằm có thể vì kiệt sức. Cái chết của anh bây giờ chưa rõ, Hồ Nam thì nói anh bị rắn cắn ban đêm, người thì nói anh bị gió độc thổi chết. Có những điều tôi không hỏi bạn rằng Dương Hùng Cường chết mở mắt hay nhắm mắt như đi vào giấc ngủ bình yên, ai là người vuốt mắt cho Cường nếu anh mở mắt trừng trừng. Chắc chắn anh Hoàng Hải Thủy cũng như Hồ Nam không biết vì các anh không ở chung với bạn giây phút cuối cùng. Có người khác nói, không phải giới văn nghệ, rằng xác anh bầm tím bị lôi ra khỏi biệt giam đặt ở gốc cây."

Chết như Dương Hùng Cường hình như không đi vào cõi chết. Bởi vì sống trong hành hạ, tủi nhục, man rợ trong cách đối xử giữa người với người thì còn quá cái chết. Chết trong túng quẫn như cái chết của nhà thơ Tản Đà lại là một lối về truân chuyên khác. Trong bài *Chén Rượu Vĩnh Biệt*, Nguyễn Tuân đã xót xa cho nhà thơ núi Tản sông Đà.

"Lúc tôi vào nhà 71 Cầu Mới, lòng tôi thắt lại. Ông Tản Đà còn hấp hối và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ nhẹ thế cho tới hơi thở cuối cùng. Hai môi mím khít lại, ông Tản Đà có nét mặt dăn dúm của một người chết khó khăn. Phải, chung thân làm một người bất đắc chí, sống đã chẳng được toại lòng, người nằm sóng sượt đây khó mà đi cho nó nhẹ nhõm được. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu giường bệnh, vẫn bên chồng sách bừa bãi đây đó mấy trang bản thảo. Tập di cảo! Trời! Và lẻ loi ở góc bàn vẫn cái hũ rượu cáp-giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thế thôi, với một đoàn thê tử yếu và đuối!"

Rũ áo ra đi, bạn tôi, nhà thơ, nhà báo Y Dịch Lê Đình Điểu có cái phong thái thật ung dung. Cả một đời 60 năm, Điểu loay hoay làm hết chuyện nọ tới chuyện kia, không lúc nào hết... sáng kiến. Biết mình bị bệnh nan y, anh vẫn không ngưng nghỉ làm việc. Anh còn làm thêm một việc khác rất dễ thương là thỉnh thoảng... phát hành một bức thư chung gửi bạn bè thông báo tình hình bệnh tật của mình một cách rất... nghề nghiệp. Trong một bức thư gửi sau khi giải phẫu, Điểu viết: *"Hôm 11 tháng 5 bác sĩ đã cho rút cái vòi voi (để hút nước từ bao tử ra), cũng có nghĩa là cuộc giải phẫu đã thành công: khúc ruột bị* cancer *không cắt đi được vì cái* tumor *quá lớn, đụng tới đại tĩnh mạch, phải để anh ấy ở yên chỗ cũ, cắt một khúc ruột khác nối lên bao tử, mở một con đường mới cho hệ thống tiêu hóa. Giai đoạn tới sẽ dùng* radiation *và* chemotherapy *trị khúc cancer. 'Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh!' Nhưng chuyện khó còn làm được huống chi chuyện... khó hơn (!) phải không các bạn?... Các bác sĩ và y tá ở đây cũng lấy làm lạ là tại sao tôi có vẻ như người không có bệnh! Họ thấy tôi ngồi nghe nhạc* classic, *viết thư hoặc nhìn ra cửa sổ ngắm cảnh (tuy cảnh chẳng có gì để ngắm), cứ như một du khách đang ở khách sạn, họ ngạc nhiên. Có cô y tá đã hỏi bà Dung: 'Ông ấy không biết ông ấy bị bệnh* cancer *à?' Bà Dung bảo: 'Ông*

ấy biết chứ.' Quả thật hôm nghe bác sĩ thông báo kết quả thử nghiệm 'positive' (tức là có cancer*), tôi cũng hơi choáng một chút. Nhưng nghĩ cho cùng, năm nay tôi 60 tuổi (ta) rồi, vừa tròn một hoa giáp, cũng đủ cho một đời người. Nếu phải 'ra đi' thì cứ thản nhiên lên đường thôi."*

Thư đề ngày 15 tháng 5 năm 1998, một năm sau, ngày 24 tháng 5 năm 1999, năm cuối của thế kỷ, Điểu... về. Rất thanh thản. Như bỏ một cuộc chơi.

Mắt đã từ lâu mù dáng người
Tai đã từ bao lạc tiếng đời
Đứng lên gửi lại lời xin lỗi
Của kẻ ra về giữa cuộc chơi.

(Mai Thảo)
09/2004

NÓI

Nói thương mà ở chẳng thương,
Đi đâu mà để buồng hương lạnh lùng.
Đêm qua khi lạnh khi nồng,
Khi đắp áo ngắn khi chung áo dài.
Bây giờ chàng đã nghe ai,
Áo ngắn chẳng đắp, áo dài không chung?

Lời trách rất ca dao. Trách thì vẫn trách, thương thì vẫn thương. Anh chàng hai lòng nói từ miệng thì khác nhưng trong tâm lại có ý khác. Cái miệng nói, nó lắt léo dễ sợ. Cùng một lời nói, nghĩa bắn ra mọi hướng. Ghi nhận về nói, phong phú lắm. Nói cạnh, nói khóe, nói chua, nói dóc, nói dối, nói điêu, nói gần nói xa, nói hươu nói vượn, nói khan nói vã, nói kháy, nói khéo, nói láo, nói lóng, nói nhăng nói cuội, nói phách, nói phét, nói suông, nói thánh nói tướng, nói trộm, nói xa nói gần, nói xấu, nói xỏ...

Trong cơ thể người ta, cái miệng là thứ lắt léo hơn cả. Nhưng cái miệng, tự nó đâu có nói được. Chẳng qua nó chỉ là cái lỗ để cho hơi thoát ra. Làn hơi chui ra, hơi nào cũng như hơi nào, khác nhau họa chăng chỉ có ngắn dài, mạnh nhẹ. Cái lưỡi nằm ở bên trong mới lắm chuyện!

Một hôm, người chủ nhà bảo tên đầy tớ rằng: "Mày ra bắt con lợn đem làm thịt, và xem cái gì ngon hơn cả, thì đem về đây cho tao."

Tên đầy tớ vâng lời, bắt lợn giết, và lấy cái lưỡi đem vào hầu chủ.

Mấy hôm sau, người chủ muốn thử tên đầy tớ, lại bảo nó đi làm thịt con lợn khác và dặn rằng: "Xem có cái gì không ngon hơn cả thì đem vào."

Tên đầy tớ làm lợn xong, lại đem cái lưỡi vào cho chủ.

Người chủ hỏi: "Thằng này láo! Sao lần này mày lại đem lưỡi vào cho tao như lần trước?"

"Thưa ông, cũng một cái lưỡi, khi tử tế ra thì không có gì tốt cho bằng, nhưng khi độc ác, thì lại không có gì xấu cho bằng."

Lợn có biết nói không nhỉ? Nói gì được! Chỉ có con người mới biết nói. Loài vật, kể cả loài linh trưởng, đâu có... láo lếu được như con người. *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* là sách dậy cho con trẻ nên người.Chẳng lẽ lại đi cắt cái lưỡi người để dậy trẻ? Con ủn ỉn được đưa ra làm... bung xung. Lưỡi lợn được... nhân cách hóa! Ai bảo các cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận không thâm?

Cái miệng hợp lực với cái lưỡi phát ra tiếng nói. Đó là hai «nhân vật» chính. Phụ vào còn thanh quản, làn hơi... Phụ nhưng ép phê lắm. Không có thanh quản, khào khào liền. Không có làn hơi, có ghé sát tai vào cũng chẳng ra ngôn ngữ. Ngôn ngữ là ký hiệu chung của một tập thể con người, thường là một quốc gia. Những thanh âm phát ra đã được gán cho một ý nghĩa. Đồng ý chung với nhau về cái nghĩa đó, ngôn ngữ trở thành một thông tin giữa con người có chung một ngôn ngữ với nhau. Khác luồng thông tin, ngôn ngữ đâm ra... bơ vơ, chẳng có ý nghĩa gì cả. Muốn hiểu được nhau, người ta cần phải có người thông dịch.

Một nhà văn Mỹ đến nói chuyện tại một trường Đại Học ở Nhật Bản. Vì ngôn ngữ bất đồng nên phải cần tới một thông dịch viên. Nhà văn kể một mạch một truyện vui khá dài rồi ngưng lại để anh thông ngôn làm việc. Diễn giả rất ngạc nhiên trước việc anh ta chỉ nói có vài câu mà tất cả sinh viên đều cười ồ lên. Lúc kết thúc bài nói chuyện, nhà văn cảm ơn anh chàng thông dịch viên vì đã dịch rất giỏi. Ông hỏi:

« Làm thế nào mà chỉ cần vài lời thôi anh đã chuyển cả một câu chuyện cười dài như vậy sang tiếng Nhật?»

Anh chàng thông dịch viên tự hào:

«Tôi không thuật lại câu chuyện mà chỉ nói với họ là ông vừa kể một truyện cười và đề nghị cả hội trường cười to lên!»

Cái anh thông dịch viên này... ma lanh! Thua xa mấy anh chị thông dịch đứng đắn đàng hoàng, như những thông dịch viên tại trụ sở Liên Hiệp Quốc ở Nữu Ước. Tôi đã có lần vào nghe lóm một buổi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc họp tại trụ sở này. Mấy anh chị thông dịch thật dễ nể. Mấy ông bà chức sắc, đại diện hơn một trăm quốc gia, tranh luận gay gắt đến như... cãi lộn. Qua

chiếc máy nghe, các thông dịch viên cũng... cãi lộn! Họ cũng lên bổng xuống trầm, cũng năng nổ, cũng hùng hồn, cũng bỏ nhẹ, cũng giận dữ, cũng thiết tha chẳng kém gì nhân vật mà họ đang... núp bóng! Nhìn vào cử chỉ như... đóng tuồng của các chính khách, nghe giọng thông dịch, thấy y như được nghe chính các chính khách ấy đang nói thứ ngôn ngữ mình đang nghe. Nếu cần đập bàn đập ghế, các thông dịch viên cũng đập như ai! Cái miệng họ là cái miệng cho mượn, nhưng cho mượn một cách... trọn vẹn!

Từ thứ tiếng này qua thứ tiếng khác, không hiểu nhau, đã đành. Cùng nói một thứ tiếng mà cái tai của người này vẫn có thể làm ngơ với cái miệng của người kia. Thế mới... chia rẽ. Cố ý làm ngơ, không kể. Đó là một thái độ! Nhưng lắng nghe, cố nghe mà vẫn như vịt nghe sấm, cái đó mới phiền hà!

Tháng 7 năm 1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết, hơn một triệu dân chúng miền Bắc đã bỏ phiếu bằng chân không chấp nhận sống chung với Cộng sản. Trong hơn một triệu người đó, có một thằng nhỏ là tôi. Chân ướt chân ráo tới Sài Gòn, gia đình tôi trú ngụ tạm thời tại nhà ông bác tôi trên đường Lê Thánh Tôn, ngay sát chợ Bến Thành. Sáng đầu tiên trên đất... khách, vừa ló đầu ra cửa, tôi đụng ngay một đám cãi lộn ngay bên hông chợ. Hai chị bán hàng tranh cãi mù mịt khói lửa, người đứng chung quanh hào hứng sẵn sàng châm thêm dầu. Tôi há miệng đứng coi như đang xem phim nói tiếng ngoại quốc không có phụ đề. Đôi tai tôi... bơ vơ. Có lắng nghe đó nhưng chẳng hiểu gì ráo trọi! Vậy mà cũng tò mò đứng vểnh tai cho tới khi... hạ màn. Quay trở vào nhà, ông bác tôi hỏi họ cãi lộn chuyện gì vậy? Đành phải thú thật nghe mà không hiểu gì cả làm cả nhà được một trận cười vui do thằng cháu Bắc kỳ di cư ngây ngô trình diễn!

Năm 1985, tôi bỏ phiếu thêm một lần nữa. Lần này lá phiếu đưa tôi tới một... trận địa ngôn ngữ. Cuộc tranh chấp giữa tiếng Anh và tiếng Pháp. Đúng ra là anh thiểu số tiếng Pháp... đòi quyền sống. Thành phố Montréal nơi tôi ngụ cư, người dân phần lớn nói được cả hai thứ tiếng nhưng hai thứ tiếng luôn luôn... háy nguýt nhau. Nói tiếng Pháp ở khu Anh hay nói tiếng Anh ở khu Pháp phiền hà lắm. Cái mặt mình lúc nào cũng là mặt lạ. Ngôn ngữ, sao nó hại nhau kỹ thế! Hại nhau từ ngoài đường vào tới trong nhà. Vào tới nhà, lại thêm một cuộc tương tranh nữa. Anh tiếng... mẹ đẻ nhẩy vô!

Trẻ em ở tỉnh bang Québec hầu như bị bắt buộc phải học bằng tiếng Pháp ở bậc Tiểu Học và Trung Học. Lên tới Cao Đẳng (gọi là CEGEP) mới được... tung tăng. Muốn Anh thì Anh, muốn Pháp thì Pháp. Sau hai năm Cao Đẳng, lên Đại Học cũng rứa. Về nhà, trong các gia đình di dân tỵ nạn, ngôn ngữ được dùng thường là tiếng mẹ đẻ, thứ ngôn ngữ tình cảm mà các bậc cha mẹ thường nhiệt thành gìn giữ. Theo cuộc thăm dò các em dưới 24 tuổi ở Montréal do *Association of Canadian Studies* thực hiện mới đây thì các trẻ em di dân thường dùng tiếng mẹ đẻ trong nhà. Mạnh nhất là trẻ em Do Thái 95%, thứ nhì là trẻ em Nga 90%, thứ ba là trẻ em Việt Nam 89%. Yếu nhất là trẻ em Ý 32%.

Ngôn ngữ chẳng phải chỉ gây phiền hà cho con người mà còn ảnh hưởng tới... chó, tuy chó chỉ biết nghe mà không biết nói. Anh Yvan Tessier, 39 tuổi, người gốc Pháp, cư ngụ tại Montréal, khiếm thị, có nuôi một chú chó dắt đường. Tháng Ba vừa qua, anh nhận được học bổng để đi học một khóa tiếng Anh cấp tốc trong năm tuần lễ tại trường Đại Học New Brunswich, một tỉnh bang kế cận với tỉnh bang Québec. Dĩ nhiên anh phải mang chú chó dắt đường đi theo. Nhưng trường Đại Học này bắt buộc đi học tiếng Anh thì chỉ nói tiếng Anh kể cả việc ra hiệu lệnh cho chó. Khổ một điều là chú chó này được huấn luyện bằng tiếng Pháp nên chỉ có thể hiểu được những lệnh bằng tiếng Pháp. Nhà trường không chịu, bắt anh Yvan phải tập cho chó nghe tiếng Anh! Làm chi nổi! Ngày 4 tháng 7 vừa qua, anh tới trình diện nhập học nhưng bị từ chối. Anh bèn kiện lên tới Ủy Ban Nhân Quyền ở New Brunswich vì tội... kỳ thị của nhà trường!

Chó đã sa chân vào vòng ngôn ngữ như vậy, mèo còn vất vả hơn. Ông anh tôi được ông hàng xóm đi nghỉ hè nhờ coi chừng dùm nhà. Ù lì như cái nhà thì xong ngay nhưng trong nhà có một chú mèo cần phải chăm sóc, cho ăn uống. Khi ông anh tôi mở cửa nhà để thể hiện tình hàng xóm, chú mèo thấy người lạ bèn vênh râu lên... kỳ thị! Ông anh tôi cho tới luôn. Ông ra lệnh cho chú mèo bằng tiếng Việt! Chú mèo trơ mắt... xanh lên nhìn thách đố. Chú đâu có biết tiếng ngoại quốc! Ông anh tôi phải... tránh mèo chẳng xấu mặt. Ông đành phải dùng tiếng Pháp nói với... mèo tây. Ông anh tôi vốn người ít nói nên không tiết lộ là trong thời gian... nuôi mèo có lên cơn... ái quốc lần nào nữa không, nhưng chỉ vài ngày sau khi ông hàng xóm trở về, chú mèo... chuyển

sang từ trần! Chẳng lẽ mèo chết vì... ngôn ngữ! May, bác sĩ thú y sau đó xác nhận là mèo chết vì bệnh thận. Thận thì liên quan quái gì tới ngôn ngữ!

Mới có ba cái ngôn ngữ đã loạn cả lên. Vậy mà thế giới có tất cả 6800 ngôn ngữ hiện còn... khỏe mạnh. Loạn xà ngầu là phải! Mỗi tiếng nói có một cuộc sống riêng. Có những tiếng nói càng ngày càng vươn lên, có những tiếng nói cứ teo lại, có những tiếng nói... tạ thế! Người ta ước đoán rằng, tới cuối thế kỷ thứ 21 này, sẽ có thêm một nửa số ngôn ngữ hiện nay sẽ... qui tiên! Chẳng hạn như ngôn ngữ *Middle Chulym* nay chỉ còn một nhóm rất nhỏ người dân sống trong một thị trấn bó hẹp trong vùng Sibéria dùng. Tất cả số người này nay đã trên 45 tuổi. Họ đang hòa nhập với cộng đồng ngôn ngữ Nga và có khuynh hướng bỏ rơi tiếng mẹ đẻ. Một khi số người nhỏ nhoi này chết đi hoặc hoàn toàn hòa nhập với tiếng Nga, ngôn ngữ *Middle Chulym* cũng sẽ mất dấu!

Ngôn ngữ có diệt nhưng cũng có sanh, tuy số sanh không ăn thua gì với số diệt. Những thứ tiếng đang thống trị thế giới hiện nay như tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Hoa lại trở nên biến hóa và phức tạp hơn. Theo David Lightfoot, một nhà nghiên cứu ngôn ngữ tại Đại Học Georgetown, Hoa Kỳ, thì cuối cùng có thể sẽ có những ngôn ngữ mới ra đời từ sự biến hóa này. Thí dụ như tiếng Trung Hoa đang biến dạng khá nhanh và nhiều khi trở nên khó hiểu ngay trong những cộng đồng còn nói tiếng Trung Hoa. Khi nào cùng nói một thứ tiếng nhưng cộng đồng này không hiểu được cộng đồng kia thì một ngôn ngữ mới bắt nguồn từ tiếng Trung Hoa sẽ được khai sinh.

Chúng ta nói tự nhiên như chúng ta thở. Chẳng có chi phải... vấn. Nhưng những người không được may mắn như những người bị câm hay bị tật, nói là một vấn đề. Hoặc họ không phát âm được hoặc họ phát âm một cách thiếu sót.

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông
Chúng bảo nhau rằng: ấy ái uông!

Giọng thơ bỡn cợt của Hồ Xuân Hương nghe ra như... việt vị. Nó thiếu sự thương cảm làm cho người ta có cảm tưởng nhà thơ là một người... ác! Cũng đề cập tới nỗi đau lòng của những người bị tật, tôi tâm đắc với nhà văn Ngô Nguyên Dũng hơn. Trong truyện ngắn *Về Trước Hăm Ba Tháng Chạp*, ông kể chuyện chị Tuyến: *«Chị Tuyến bị khẩu tật bẩm sinh. Bù lại, chị có một nhan sắc rực rỡ. Tịnh luôn có cảm tưởng là đứa được chị thương chiều nhất nhà, vì Tịnh là người duy nhất hiểu được ngôn ngữ của chị Tuyến. Hai chị em thường trò chuyện với nhau, chị Tuyến bằng thứ tiếng tật nguyền, Tịnh bằng cách phát âm chậm, lớn và uốn lưỡi ra điệu... Một lần Tịnh bắt gặp chị ngồi khóc bên gốc ổi già, cạnh giếng nước. Hỏi tại sao khóc, chị ấp úng:*

«Úng...úng ó oị ị à on âm.» (Chúng nó gọi chị là con câm)

Tịnh vuốt vai chị không biết phải an ủi sao. Những lúc cùng chị Tuyến ra chợ, Tịnh thoáng nghe đôi lời nhạo báng gần như miệt thị của vài người, trong đó có đứa là công an xóm. Chúng tới tiệm mua đồ, còn mở lời trêu ghẹo, bị chị Tuyến điểm mặt mắng: «U ắm, ơ ắm.» (Ngu lắm, dơ lắm.). Dù không hiểu, nhưng nhìn vẻ mặt băm bẩm, cau có của chị Tuyến, chúng biết đó là lời mắng, xua tay cười nham nhở: «Con câm đẹp mà dữ quá.» Chị Tuyến vùng lên, thẳng tay đuổi thằng công an ra khỏi tiệm. Tịnh chạy ra, nắm bàn tay chị, gấp lại ngón trỏ xỉa xói giận dữ. Tay chị không còn hơi mát dìu dịu của ngày xưa.»

Tiếng nói chẳng phải chỉ là một phương tiện giao tiếp mà nó còn là... nhân cách nữa. Cách chúng ta nói, cách chúng ta dùng chữ sẽ cho người khác biết về con người chúng ta. Với những người đẹp, tiếng nói cũng phải... đẹp. Nguyễn Du, khi tả nhan sắc của Thúy Vân, cũng cẩn thận tả cả tiếng nói.

Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường mầu da.

Thiếu nữ Hà Nội ngày nay không được như Thúy Vân mặc dù có những nàng cũng hoa nhường nguyệt thẹn ra gì. Đầu năm 2002, tôi trở về Hà Nội lần đầu sau gần nửa thế kỷ rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn. Điều làm tôi sững sờ là những người đẹp Hà Thành không còn thứ tiếng nói kinh kỳ ngày xưa.

Em Hà Nội hàng Đường trong giọng nói
Để hàng Bông êm ái lót cơn mơ
(Hoàng Anh Tuấn)

Được khuôn mặt nhưng không được cái miệng. Những cái miệng đã làm cho một người Hà Nội trở về Hà Nội phải bâng khuâng hụt hẫng. Giá tôi đừng trở về!

09/2004

Website: www.songthao.com

Sanh Rớt

HÒA ĐA

Thời gian gặp lại vợ con sau khi học cải tạo cũng qua mau.

Ngày tháng cứ dần trôi mà tôi không biết phải làm gì hơn là cứ quanh quẩn trông chừng hai đứa nhỏ, giúp vợ rảnh tay ngược xuôi, mua đầu chợ bán cuối chợ, kiếm sống qua ngày. Cũng có lúc tôi thử bán buôn như vợ, nhưng có lẽ do bản tính thày giáo nên không thích ứng được với sinh hoạt chụp giựt, mua đấp bán đổi, lúc nào cũng phải nói láo để kiếm lời. Hồng cũng cố gắng tạo điều kiện để tôi không phải làm những việc xem chừng không mấy thích hợp với tính khí của tôi... Rồi tôi cũng được một thằng bạn giúp tìm đồ nghề vá xe đạp cạnh lề đường; những lúc đó, Hồng ở nhà trông chừng con hay gửi con hàng xóm, học trò cũ... để chạy hàng. Cuộc sống mới sao mà thê lương ảm đạm đến thế!

Một buổi chiều, Hồng về nhà trông có vẻ mệt mỏi và lo lắng:

- Sáu Thủy mới gặp em nói, nhà mình có tên trong danh sách đi kinh tế mới, danh sách chỉ gồm những hộ ngụy quân nguyền và mấy hộ có vấn đề về xã hội. Ý này do bà Sáu Xê bên Mặt Trận đưa ra, bà ấy nói là anh là sĩ quan ngụy không có việc làm, em chỉ buôn bán tạp chủ yếu làm trung gian kiếm lời, không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất hay tinh thần gì, nhà lại mướn ngay trước mặt cơ quan của Thị Xã Ủy... Sáu Thủy với tư cách Phụ Nữ Phường có biện hộ cho mình: anh mới học cải tạo về, đã góp đơn với Ty Giáo Dục, hiện đang chờ cứu xét... nhưng Sáu Thủy cũng cho biết xem chừng ý kiến của chỉ không thuyết phục được ủy ban. Chị ấy nói mình nên tính trước, nếu có thể, tìm cách về nông thôn gần đây, hơn là ngồi chờ bị đưa đi kinh tế mới. Anh tính sao?

- Anh cũng không biết tính sao nữa, có lẽ như thế thì hơn. Với lý lịch của anh, với hai thằng em sĩ quan ngụy, một nhảy dù, một thảy quân lục chiến, anh chẳng mong gì đơn xin dạy lại được chấp thuận. Nhưng mà đi đâu bây giờ, mình đâu còn vốn liếng hay tiền bạc gì!

- Em vẫn còn giữ mớ nữ trang cưới, hồi đó túng mấy em cũng không dám bán, bây giờ cùng lắm mình bán lấy tiền mua đất. Chớ nếu đi kinh tế mới, lần hồi rồi cũng tiêu luôn... Hai con còn nhỏ, đi kinh tế mới, rừng sâu nước độc... rồi còn

chuyện học hành, không lẽ anh định để tụi nó không đi học?

- Anh không biết gì về ruộng nương, cũng không quen biết ai có thể giúp mình, không biết phải làm sao đây...

Vài tuần sau, Hồng báo tin:

- Mấy hôm trước, em gặp thím Mười, Má của Hồng Thu, học trò anh, ở ngoài chợ. Thấy em buồn buồn, thím hỏi thăm, em cũng kể thiệt hoàn cảnh của mình... Hôm nay thím gặp lại em, nói có kể chuyện mình cho chú Mười nghe. Chú nói, ruộng của chú hiến cho nhà nước mấy tháng trước rồi, không còn để chia cho mình nữa, nhưng anh của chú thì còn, chú nói anh thu xếp vô gặp, chú dẫn gặp anh của chú và chỉ cho cách làm giấy tờ nhường cơm xẻ áo, bây giờ ruộng đất do nhà nước quản lý, đâu có ai buôn bán gì được.

- Có xa lắm không?

- Không, ở trong Phước Trinh, gần đây thôi, chú Mười vẫn sáng đi chiều về để làm ruộng. thím Mười nói, thà như vậy còn hơn đi kinh tế mới.

*

Và như vậy, với hơn lượng vàng mười tám nữ trang cưới, tôi đổi được bốn công ruộng gò, cỏ năng và lát mọc tốt hơn lúa, gia đình tôi bắt đầu cuộc sống của một nông dân, từ cuối năm một chín bảy bảy.

Ngày ra xã ký giấy tờ chứng nhận nhường cơm xẻ áo và giao nữ trang, Chú Sáu, anh chú Mười nói an ủi tôi: "Thày giáo đừng buồn, cháu tui học thày cũng như con tui học thày, tui nói chỉ một lời, ngày nào thày giáo không làm ruộng nữa, trả đất lại tui, tui quờn tiền lại cho thày, cứ căng theo giá lúa bây giờ và lúc đó mà tính. Có em tui đây làm chứng, tui nói là chắc mà thôi."

Chỉ có thế, không giấy tờ sang nhượng, cũng không có một tờ giấy nào làm bằng ngoài tờ đơn nhường cơm xẻ áo của chủ đất và lời chứng nhận của xã. Tôi không có lựa chọn nào khác.

Mấy người bạn, cũng là giáo chức biệt phái, cùng đi học tập cải tạo, bỏ hai ngày công để phụ đào mương lấy đất đắp nền nhà. Ngày khởi công, anh Chất hỏi sao không cúng động thổ, anh Bá cười nói: "Biểu thằng Thạnh cúng cũng như không, nó có thể chiều ý mà cúng, nhưng nó không tin đâu!" Anh Đạt bắt ngừng lại, chạy đi một lúc quay lại với vài cái bánh bơ, mấy điếu thuốc và vài cây nhang. Anh nói :"Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá, đừng có làm bậy. Không thấy lợi gì thì trước mắt cũng không hại ai. Thạnh, thắp nhang lên rồi khấn đi..."

Ngày lại ngày qua, tôi tập sống, ăn nói và hành xử giống một nông dân. Nhưng giữa tôi và người địa phương vẫn có ít nhiều khác biệt, mặc dù họ không có ý gì đối xử phân biệt. Có hay chăng là trong mấy buổi nhậu, tôi vốn không uống được rượu; bia uống một chai đã say, nói chi đến rượu đế, thứ rượu không còn được nấu với gạo hay nếp như xưa mà được nấu bằng bọt đường. Những ngày đầu ra ruộng, tôi còn chưa phân biệt được cỏ chát và lúa, học dần từng chút với người địa phương, bắt đầu từ những điều sơ đẳng nhất, như trẻ con mới lần đầu học vần. Mà trong công việc đồng áng, tôi nào có khác trẻ mới học vần? Cũng kể từ lúc ấy, tôi có một tên mới "Năm thày giáo."

Vụ lúa đầu tiên, hè thu bảy mươi tám, tôi thu hoạch được hơn một giạ lúa trên một công ruộng làm thử, sau khi bỏ ra hai giạ giống, một giạ ngâm không lên, và một giạ bị nước chụp sau khi sạ chừng bốn năm ngày, không kể tiền công trâu. Bà con qua lại, nhìn tôi lắc đầu ái ngại... Thời gian này, Hồng đang có thai.

Đất xấu, không chỗ làm mạ, tôi quyết định sạ lúa mùa. Ba công đất, sạ một giạ lúa "rẩy xe," một loại lúa hạt tròn, khô cơm, nhưng chịu hạn, chịu úng giỏi. Tháng bảy tháng tám trời hạn, khí tượng nhà nước tiên đoán "năm nay hạn kéo dài, do mực nước sông Tiền đo được ở Tận Châu, và mực nước sông Hậu đo được ở Châu Đốc xuống thấp hơn mức bình thường..." Bước qua tháng chín âm lịch, trời đổ mưa, mưa bù cho mấy tháng trước bị hạn. Nước không rút được ra sông cái vì nước sông Cửu Long đang đổ về, dồn ứ trong ruộng. Tôi nhớ lại lời của bác Sáu Liễn nói tháng trước: "Năm nay không khéo bị lụt a, thày giáo." - Sao bác biết? - Hôm trước phát cỏ bờ, qua thấy ổ ong đất đóng lưng chừng nhánh cỏ tranh, thứ ong này bao giờ cũng đóng ổ sát mặt đất, chỗ gốc tranh, nó đóng trên cao là có chuyện... trời phú cho con vật có tánh linh hay lắm thày giáo à..." Lúa mới cấy chưa bén được đất, bị nước chụp đầu. Nước, nước nhiều quá, nước cũ chưa rút, mưa lại trút thêm nước, đứng dưới ruộng, nước ngang vai, có chỗ, ngập lút đầu, ruộng lúa biến thành biển nước mênh mông, lúa cấy chưa kịp bén rễ, nổi lên, gió thổi tấp vào bờ đai từng về... tôi nhìn ruộng nước mênh mông mà lắc đầu chán ngán, chuyến này chắc lại trắng tay. Mưa gió thế này, chỉ có nước ngồi khoanh tay ngó trời ngó nước. Hôm nào không mưa dầm, liều mạng vượt hơn hai cây số

đường ruộng ngập nước ra thị xã chạy xe đạp ôm kiếm cơm... còn biết làm gì hơn ?

Tháng mười âm lịch, trời vẫn còn mưa. Thường năm, tháng này là tháng nước nổi ở Vĩnh Long, Mỹ Tho. Nước sông Cửu Long đang kéo về, đổ ra biển không kịp, khựng lại, cộng thêm nước ứ trong đồng mấy tháng trước dồn ra, nước bắt đầu tràn lên bờ. Miệt Cái Bè, Cai Lậy, nhà cửa, vườn tược nhô lên trên biển nước như những ốc đảo; quốc lộ 4 có đoạn chìm dưới mực nước, giao thông bị gián đoạn, dân chúng tìm chỗ cao, kể cả dốc cầu, cất chòi tạm trú. Cả vựa lúa của đồng bằng Cửu Long bị ngập úng, mất mùa, chỉ còn vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Minh Hải là nằm ngoài vùng thiên tai. Người ta rủ nhau xuống đó làm thuê kiếm sống, người ta mang lư hương, chân đèn, tủ thờ, đi văng, giường hộp... những thứ có giá do bao đời chắt chiu dành dụm được mang xuống đó, đổi lúa gạo mang về. Mà có đi được dễ dàng, xuôi lọt đâu! Chính sách ngăn sông cấm chợ của nhà nước gây ra không biết bao nhiêu là thảm cảnh. Bảy Nhiêu mang bộ lư và chân đèn xuống Minh Hải đổi được mười giạ lúa và hơn nửa giạ gạo ăn đường; đêm đi, ngày kiếm lùm liếm bụi lủi vô trốn, vậy mà về tới Giáp Nước, chỉ còn cách nhà nửa ngày đường, anh bị đám công an kinh tế chạy ghe gắn máy đuôi tôm bắt được, tịch thu hết. Anh năn nỉ gảy lưỡi không ăn thua gì, giận mất khôn, chưởi thề vài tiếng, bị bắt nhốt luôn thêm ba bửa nữa, bỏ thằng con sống lêu bêu trên ghe không tiền không gạo... Chuyện của Bảy Nhiêu chỉ là một trong nhiều chuyện bi thảm đó.

Hai ngày rồi, trời cứ mưa, mưa hoài. Nhà hết gạo mà tôi cũng không có cách nào đi ra ngoài để chạy xe kiếm tiền được. Buổi chiều, hai vợ chồng lại gấu ó với nhau. Hồng với bụng chữa vượt mặt, nằm trong giường khóc tấm tức. Hai đứa nhỏ, thấy cha mẹ cãi cọ, sợ hãi ôm nhau ngủ trong góc; hồi chiều, cả nhà ăn bo bo thay cơm vì không còn gạo. Tôi nằm trên võng, tấm chăn rách đắp hờ ngang bụng, nghĩ lan man hết chuyện này đến chuyện khác, thấy mình quá vô dụng: chèo chống không giỏi, cày bừa không thông, sức lực có hạn... có chăng là một tên gọi đầy mỉa mai: thày giáo và một văn bằng đại học không có khả năng kiếm ra được nắm gạo cho gia đình. Bao năm học hành bây giờ lại sống nhờ vào sức đạp xe đưa khách kiếm tiền mua gạo. Tôi giận mình bất lực, tôi giận xã hội đổi thay, tôi giận luôn tính lương thiện và sĩ khí không hợp thời của mình... phải chi mình ngu dốt một chút, phải chi mình láu cá một chút, gian manh một chút, liều lĩnh một chút, ti tiện một chút... cứ lan man, lan man nuy nghĩ, tôi chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Chợt chiếc võng lắc nhẹ, tiếng Hồng qua tiếng thở gấp:

- Dậy đi anh, em đau bụng quá, chắc sắp sanh, anh dậy đưa em đi nhà thương. Đồ đạc em gói sẵn hết trong túi này rồi.

Mưa vẫn còn rớt hột, tôi vói tay khêu lớn ngọn đèn dầu, nhìn đồng hồ trên bàn, nói một câu vô duyên:

- Trời đất, mới hơn mười giờ hè, giờ này ra đường chắc gì đón được xe, em ráng tới mai được không?

- Không được đâu anh, đau đẻ chớ phải đau gì đâu mà anh kêu nhịn. Nếu nó giống hai thằng anh nó thì chắc phải vài giờ nữa mới sanh. Ra tới đường, chắc xe lôi cũng bắt đầu chạy rồi.

- Đường trơn lắm, em đi có được không?

Tuy nói vậy, tôi vẫn ngồi ngay dậy, lấy áo mưa cho Hồng và choàng vội tấm ny lông. Lay hai đứa nhỏ dậy, tôi bảo thằng lớn, lúc đó mới lên năm:

- Ba đưa mẹ đi nhà thương sanh em bé, con đóng cửa lại ngủ, coi chừng em, sáng sớm mai ba về, đừng có sợ!

Tay trái xách gói đồ đi sanh mà Hồng đã sửa soạn từ trước (gồm mấy bộ quần áo và tả lót còn sót lại của mấy đứa trước và vài bộ đồ của Hồng), tay phải cầm đèn đưa ra phía sau cho Hồng vịn, hai vợ chồng dò từng bước chân vì đường đầy bùn trơn trong tiếng thở mệt nhọc của sản phụ. Cứ đi chừng hơn mười thước phải ngừng lại cho Hồng thở... Tôi lo ngại nói:

- Kiểu này, anh không chắc em ra được đến ngoài đường lộ, hay là mình quay về, anh chạy vào xóm kêu cô Hà ra giúp.

- Không sao, em ráng được mà, đi tiếp đi anh, chưa chắc cô Hà có ở nhà đâu.

Cô Hà là một cô mụ ngoài thị xã. Giải phóng vô, bảo sinh viện tư chỗ cô làm bị đóng cửa, chồng cô Hà là Hải quân trung úy, đang học tập cải tạo, cô không được bố trí công tác lại ở nhà thương lớn, nên cũng đành đi đi về về, bán trốn mua chui mà sống...

Ấy vậy mà hai vợ chồng cũng dìu nhau được ra tới nền bót, chỉ còn vượt qua chiếc cầu khỉ này và chừng vài trăm thước đường ruộng nữa là tới đường lộ. Mưa cũng đã tạnh, tôi nói với Hồng:

- Em đứng nghỉ, đợi anh mang túi quần áo qua

bên kia rồi trờ lại đón em qua.

Mây thấp, trời tối đen, chỉ có ánh đèn dầu tôi đang cầm lắc lư, le lói, vài tiếng chó sủa vọng lại từ xóm... mọi người đang say giấc ngủ trong cái thời tiết ẩm ướt quỉ quái này. Tôi để gói đồ và đèn lồng trên một mô đất rồi mò mẫm trong bóng tối quay trở lai đón Hồng, được phần ba cầu thì nghe tiếng thở phì phò của Hồng lần mò qua cầu. Chiếc cầu khỉ này, ban ngày đi còn run chân, vậy mà người đàn bà khốn khổ gần kiệt sức đó vượt qua được.

Hai vợ chồng lại lần mò dìu nhau đi trong bóng tối...

Chợt Hồng rên rĩ, ngồi sụp xuống vệ cỏ, dựa lưng vào gốc xoài bên đường, nức nở:

- Em chết mất anh ơi, bọc nước bể rồi, em không còn đi được nữa, chắc em phải sanh rớt ở đây quá.

Tôi thật sự kinh hoàng khi nghe Hồng nói câu đó. Phản xạ tự nhiên, tôi bật dậy, chạy ngược lại xóm cạnh bờ sông, kêu cứu:

- Thím chín ơi, thím tám ơi, có ai ở đây không, cứu giùm vợ tôi với. Bớ bà con cô bác ơi, có ai ở nhà không, cứu giùm vợ tôi với.

Cửa ngõ nhà Chín Thắng đóng chặt, nhà xa cửa ngõ quá, tôi không chắc trong nhà nghe tiếng tôi kêu cứu... Giọng tôi lạc đi, tôi chạy cuống quýt, bất chấp bờ bụi, tăm tối... Tôi càn đại xuống sông, bơi sang bờ bên kia, như vậy còn nhanh hơn phải qua cái cầu khỉ lung lay kia...Tôi trường mình trên bãi bùn, ào lên bờ, đập cửa nhà chú tám Liễu:

- Chú Tám, thím Tám ơi, có nhà không, làm ơn cứu giùm vợ cháu với.

- Thày giáo hả? chuyện gì vậy?

- Vợ cháu đau bụng đẻ, tính đi nhà thương - giọng tôi run rẩy vì lạnh và sợ - không dè đến đây nước ối bị bể rồi, đi không kịp, chú thím giúp giùm nhờ thằng Hai

ĐẠM THẠCH

Con Cá Cháy

Con cá duồn từ Biển Hồ ngon thế nào Bến Tre đã biết
Hay cá chìa vôi Vàm Láng – Gò Công
Tôi vẫn nhắc hoài con cá chẫy
Sống giữa dòng nước lợ miệt Trà Ôn
[con cá thích trầm sâu giữa dòng mặn ngọt
ngoi ăn sương nửa đêm về sáng]
Cá ngon đến đỗi người Cần Thơ nhắc hoài như kỷ niệm
Nhiều năm rồi đã biệt tăm
Cá đổi vùng hay lẽ gì tuyệt chủng?
Tôi không tin rằng cá biết băn khoăn!
Con người giữa lằn ranh sáng – tối
Giữa cám dỗ và dằn lòng
Giữa bất cần và sám hối
Giữa hy sinh với bệnh công thần.
Con người đâu dễ dàng chọn lựa
Hay như cá cháy sống giữa lưng chừng
Họ phải trui mình trong lửa
Thấm vị đời mới biết Thiện Mỹ Chân.

Con cá duồn vẫn ưa dòng sông ngọt nước
Cá chìa vôi thích biển mặn vẫy vùng
Cá cháy thịt ngon và trái ngược
Sống một đời giữa mặn-ngọt, riêng-chung.

Chẳng thấy cá đổi vùng
Loài thịt ngon đã tuyệt chủng rồi chăng
Cá đã chết vì chẳng còn nước lợ
Hay điên rồ vượt biên giới quen thân?

Con người sống lúc vầy lúc khác
Cá lội ngược lội xuôi
Con người khi lòng đã khác
Cá chẳng thể thay dòng.

Ôi, con cá sống giữa dòng gạch nối
Khác con người lặn ngụp ca hai nơi
Lúc cay đắng, đắng cay cùng cực
Vinh hiển rồi ngoảnh mặt một thời!

Tiếc cá ngon một thời xuất hiện
Cá cháy kho mẳn, kho rim
Tiếc công con người một thời dâng hiến
Tôi mãi nhắc về con cá ấy – quê tôi.

con chú chèo ghe chở giùm vợ cháu ra y tế xã...

Tiếng mở cửa lịch kịch, thím tám bước ra:

- Khổ gì mà khổ dữ vậy, cô giáo đang ở đâu? Thằng Hai lấy ghe đi Minh Hải hai ngày nay rồi

- Dạ, qua bên kia sông rồi.

Bác Tư Thuận, anh chú Tăm Liễu cũng bước ra:

- Năm thày giáo lấy xuồng của tao chở nó ra xã mau, mưa gió thế này, đẻ ngoài đường, chết mất.

Tiếng Hai Câu, con trai chú nói vọng từ trong nhà ra cản:

- Không được đâu, tía! cổ mà đẻ rớt trên xuồng, tui quăng xuồng luôn, làm ăn gì được nữa? - Thày giáo thông cảm, xuồng tui đi giăng câu kiếm sống đó. Hay là thày chạy xuống chú Tám Lính mượn xuồng nhỏ của chú, xuồng ổng để làm chơn đi trong mùa nước nổi, không có làm ăn gì đâu!

- Bây giờ đi ra xã cũng không kịp, thím tám nói chen vào, mà chắc gì y tá có ở đó, mưa gió đêm hôm thế này, đâu có ai ở đó! bọc nước bể rồi, nó sanh bây giờ, thày giáo chạy xuống kêu bà Ba Thợ mộc, ngày trước bả là mụ vườn đó, mau đi chớ không kịp, tui với chị tư qua đó trước, cổ nằm chỗ nào?

- Dạ, cạnh gốc xoài ở cuối vườn bà Tư Thỏ.

Nói xong, tôi lập cập chạy xuống nhà bà Ba Thợ mộc...

Lúc tôi đâm được xuồng vào bờ, tóm vội dây xuồng vào cọc chiếc cầu khỉ nền bót, nhảy lên bờ thì đã thấy ánh của năm ba chiếc đèn lồng chỗ Hồng ngồi và tiếng cười nói lao xao của mấy bà. Tôi hỏi lớn:

- Sao rồi thím Tám?

- Cổ sanh rồi, thày giáo ơi, con gái...

Nỗi mệt nhọc tan biến gần như tức khắc, tôi hỏi tiếp:

- Nhau ra chưa?

- Chưa, tiếng bà Ba Thợ mộc, để đó tao lo, chút xíu nữa là xong...

Tôi đi lần tới, không còn cảm thấy lo sợ, mệt nhọc, lạnh lẽo. Tiếng Hai Đông:

- Thày giáo, nghe mấy bả lao xao, tui ra coi thử... vợ tui phụ với mấy bả ở đẳng, lúc nghe thím tám la "con nhỏ xổ rồi," tui coi đồng hồ, nó lọt lòng lúc 1 giờ 57 sáng, tui chờ để nói cho thày hay!

- Ô, cám ơn anh hai nhiều lắm.

- Tụi mình mà, tui cũng như thày giáo thôi, ơn nghĩa gì mà thày nói. Mình đàn ông, lại đó không tiện, ngồi đây chờ coi có gì tiếp cứu.

Nhau ra rồi! Cầm lá nhau trơn tuột, tôi quan sát kỹ dưới ánh đèn dầu, nhau tróc đều... tôi yên tâm. Những năm tháng biến động của Mậu Thân ngày trước, một lần trực phòng y tế của trạm tiếp cư nạn nhân chiến tranh với một sinh viên y khoa, tôi đã phải làm phụ tá bất đắc dĩ trong một ca đẻ tại trại vì giới nghiêm toàn thành phố, không có cách gì chở sản phụ đi nhà thương được; anh bạn y khoa đã chỉ cho tôi coi hình dạng và tình trạng lá nhau của sản phụ để có thể đoán coi nhau còn sót hay không.

- Bây giờ êm rồi, tiếng thím Chín Thắng, thày giáo phụ đưa cổ xuống xuồng.

- Nếu không còn gì nguy hiểm cháu muốn đưa vợ cháu về nhà, còn hai đứa nhỏ ở nhà một mình...

- Vậy thì mau lên, bà Ba Thợ mộc nói, để lâu quá không nên, về lẹ kiếm củi đốt xông cho ấm, để lâu, hàn nhập lý, cổ không chết sau này cũng bịnh rề rề, còn khổ nữa... sẵn tụi tui cũng phải qua sông, phụ kéo xuồng qua mặt đập, rồi thày giáo chống riết trên ruộng về nhà.

Mây lại kéo tới úp chụp trên đầu, trời tối như bưng mắt, nhìn không quá hai thước qua ánh đèn lồng trước để trên mũi xuồng. Hồng nằm dài trên tấm ván xuồng gồ ghề nứt nẻ, dưới tấm ny lông và mớ quần áo ướt át, con nhỏ được quấn trong chiếc khăn lông nằm trong tay mẹ nó. Tôi quặc tay giầm, móc cho mũi xuồng hướng vào mặt đập. Xạc! mũi xuồng gối lên đám lục bình dày đặc trước đập, xuồng chòng chành, chiếc đèn lồng rơi xuống sông, tôi cảm thấy ướt chỗ ván ngồi:" chết cha! - tôi nghĩ nhanh - nước vô xuồng..." tôi tụt nhanh xuống sông, hai tay nâng, đẩy nhanh xuồng vào mặt đập. Tiếng Hồng kêu lên:

- Anh! anh!, nước vô xuồng!

- Anh biết rồi, em bình tĩnh, không sao đâu, tôi trấn an.

Hồng đã ngồi dậy trong xuồng, lưng ướt đẫm, tay đỡ con nhỏ nâng lên cao. Tôi đứng nước mấp mé vai, gồng sức nâng xuồng lên cao...

- Chèng ơi! - thím Tám Liễu kêu lên - gì nữa đây?

- Dạ, nước vô xuồng, thím tám ơi, Hồng nói.

- Chết chớ phải chơi sao, bà Ba Thợ mộc la lên, mau phụ kéo nó lên bờ mau. Có sao không cô giáo?

- Cháu không sao, chỉ bị ướt hết lưng, tiếng Hồng run run.

- Chèng đét, mới sanh xong đã bị ướt mà còn nói không sao. Thôi bây giờ tím Tám cầm đèn đi trước, thày giáo cõng cô giáo theo sau, tụi tui ôm

đồ theo sau hết. Thày giáo nhớ, mệt thì nghỉ, để trợt té là cổ chết luôn.

"Té là chết luôn, té là chết luôn..." cõng Hồng trên lưng mà câu nói của bà Ba Thợ mộc cứ vang vang trong tai, "Té là chết luôn, té là chết luôn..." Đường trơn như mỡ, sức nặng trên lưng, tôi lặc lè bấm chân bước từng bước một "Té là chết luôn, té là chết luôn..." Tôi cảm thấy như có giòng nước ấm chảy dài trên lưng "Té là chết luôn, té là chết luôn..."

Chỉ còn chừng hơn trăm thước nữa là đến nhà, trời lại bắt đầu lắc rắc, tiếng sấm gầm gừ từ xa, ánh chớp loang loáng... có tiếng thím tám phía trước:

- Mau lên thày giáo, cô giáo trúng cơn mưa này là không xong đâu... Ông Trời à! làm ơn chờ vợ chồng nó về tới nhà rồi hẵng mưa... Ráng chút lên thày giáo!

Tôi bậm miệng bước tới, bước tới... không còn cảm giác nào khác, cứ bước tới... bước tới... bước tới... Sấm nổ ầm ầm, chớp lóe loang loáng, hàng trâm bầu vật vã vì gió...

Vừa lúc đặt được Hồng xuống giường thì mưa gió ập tới; mấy bà, người phụ thay quần áo khô cho Hồng, người lo nhúm lửa hơ...

- Coi chừng có củi giá không, khói củi giá độc lắm, sưng mình mẩy chết, bà Ba Thợ mộc nói.

- Con nhỏ chết lạnh bây giờ không sợ, lại sợ khói, thím Tám Liễu đáp, chèng ơi củi gì mà ướt mem, chừng nào mới cháy đây.

Tôi rút vội mấy cuốn sách trên kệ gỗ tạp đóng sơ sài, không kịp nhìn đó là sách gì:

- Thím cứ lấy đốt, không có củi giá đâu, trâm bầu đó, nóng một chút chảy nhựa là cháy ngay.

Mùi dầu gió xông nồng nặc, tiếng bà Ba Thợ mộc nói "thím chín chà mạnh tay lên chỗ ngực và bụng của nó cho ấm."

Mưa gió đập đùng đùng vào vách lá, tôi phải chạy vội ra ngoài, cột lại tấm ny lông và che thêm nửa tấm lều vải cá nhân còn sót lại từ hồi đi Thủ Đức chỗ giường nằm cho khỏi bị tạt mưa và kín gió. Hai đứa nhỏ cũng thức dậy, ngồi thu lu trong góc giường của chúng nhìn người lớn lăng xăng quanh mẹ nó

*

Mưa dịu lần, lửa cũng đã bén cháy, mùi khói tỏa ấm trong nhà, mẹ con sản phụ cũng nằm yên, hai thằng con đang tò mò ngắm nhìn em bé còn đỏ hỏn quấn gọn trong chiếc khăn lông.

Tôi nấu ấm nước, pha bình trà nóng, mời mấy bà. Thím Chín Thắng kể lại: "Lúc nghe tiếng kêu, má tôi nói, tiếng ai tuồng như tiếng Năm Thày Giáo, bây ra thử coi. Tui ra không thấy ai, bên kia, vợ Hai Đông cũng cầm đèn bước ra hỏi, gì vậy thím chín? - hổng biết, tuồng như có ai kêu cứu - cháu cũng nghe như vậy. Hai đứa tôi bước hẳn ra bờ ngó lên ngó xuống thì thấy ánh đèn lồng chỗ cô giáo. Tụi tôi bước tới thì chèng ơi, con nhỏ xổ rồi, cô giáo đang hai tay bụm đứa nhỏ. Tôi la làng, má tôi chạy vô nhà lôi chiếc chiếu... Thím Tám Liễu chen vô: lúc đó tui với chị tư đang ở bên kia cầu chờ bà Ba, trời mưa đường trơn đêm hôm qua cái cầu khỉ đó, nói thiệt, cũng ớn, nghe chị kêu, hai chị em phang qua... kế bà Ba tới cắt rún cho con nhỏ bằng con dao ăn trầu của bà Tư má Chín Thắng.

Trời hửng sáng, mưa cũng ngưng rớt hột, mấy bà kiếu từ ra về, tôi cũng thu xếp trở ra mặt đập, thu gọn quần áo của Hồng và nhau của con nhỏ đem về. Tôi nói với Hồng tôi phải ra lắc rửa, trả xuống rồi ra chợ kiếm ít tiền mua gạo.

Lúc trả xuống, chú Tám Lính hỏi thăm, tôi kể lại chuyện, chú chép miệng:

- Thôi, mọi chuyện qua được là may rồi, tôi có mớ ớt bị ngập nước, mới hái chiều hôm qua, định sáng nay đem chợ bán. Thày giáo mang ra chợ bán đem về cho tôi hai chục coi như tiền vốn, còn bao nhiêu thày giáo dùng mua đồ ăn cho cô giáo với mấy sắp nhỏ.

Tôi lí nhí mấy tiếng cám ơn, rồi xách túi ớt ra thị xã.

Thím ba Hiệp bán hàng bông ngoài chợ cầu Lầu, mua giùm tôi mớ ớt, trả lại cho tôi hai chục, còn lại mua giùm gạo, thịt và củ cải. Lúc đưa cho tôi mang về thím cười cười nói:

- Phần này là của thày giáo nhờ mua, còn phần này - thím đưa cho tôi gói thịt nạc - thày nói của thím ba tặng thím giáo, nói chúc thím giáo mạnh ăn nhiều sữa cho con bú..., nè mà đừng kho chung củ cải với thịt, củ cải ăn nóng lắm không tốt cho đàn bà mới sanh đâu, kho riêng cho nó một nồi, còn bây ăn gì thì ăn!

Nước rút dần, đã thấy ít màu xanh trên ruộng, nhưng đó là màu xanh úa của lúa sạ hôm đầu vụ, vươn nằm dài trên mặt nước, ẻo lả, yếu ớt, rập rờn theo sóng. Nước rút nhiều hơn nữa, đó đây, vài ba đọt lúa non nhú lên khỏi mặt nước...

Vụ đó, chính vụ năm bảy mươi tám, tôi thu được bảy giạ, trên ba công ruộng. Lần đầu tôi có được lúa trong nhà.

Houston, tháng 10-2004

TƯỜNG THUẬT VỀ MỘT GIẤC MƠ KỲ LẠ

TRÚC HUY

Trong giấc mơ, tôi đang dạo chơi, bỗng nhiên một cơn mưa giông nhẹ đổ xuống nhưng tạnh liền ngay sau đó. Rồi, không rõ nguyên nhân từ đâu, nước dâng lên rất nhanh, nhưng tôi đã kịp thời bám vào vách đá của núi để leo lên và tránh được nước lụt. Có điều lạ, tuy là nước lụt nhưng lại trong như nước suối, chứ không phải dòng nước đục ngầu như thường thấy. Tôi tháo cởi đôi giày và tất, rồi vừa leo dần theo các vách đá để leo lên một ngọn núi, leo tới đâu thì cẩn thận chuyển đôi giày da màu nâu của tôi theo và tìm chỗ cất tạm đôi giày vào trong một hốc đá, rồi cứ thế tiếp tục leo tiếp. Lúc tôi leo như thế, cơn mưa rào đã tạnh từ lâu, chỉ còn vài giọt mưa lất phất, khí trời rất mát dịu. Và đôi giày tôi đưa lên cao tới đâu cũng như áo quần tôi đang mặc đều được khô ráo cả. Trong giấc mơ, khi leo theo các vách đá của triền núi, tôi không hề cảm thấy mệt mỏi gì cả, và các tảng đá tôi bám vào để leo đều khô ráo, sạch sẽ chứ không nhơ nhám đầy rêu phong như ở ngoài thực tế. Triền núi gồm những tảng đá lớn nhưng rất dễ bám vào để leo, ở phía chân núi có vài chỗ cũng thấy có những loại grilles bao bọc theo chân núi, người ta làm để chận lại những tảng đá có thể lăn xuống đường nguy hiểm.

Tôi leo như thế chẳng mấy chốc đã lên tới đỉnh núi. Nhìn lại áo quần tay chân đều sạch sẽ, không hề bị lấm lem dơ bẩn gì cả. Và ở trên này bây giờ là mặt đất bằng phẳng rộng lớn, chỉ có một ít cây cỏ và hoa lá chứ không có loại cây to lớn, nhưng lại nhìn thấy trước mặt có một cảnh chùa — có lẽ là kiến trúc duy nhất được xây ở trên núi. Tôi như đang ở một nơi tiên cảnh rất đẹp và rất lạ chưa từng thấy bao giờ. Tôi đang ngồi, vừa nghỉ ngơi đôi chút vừa loay hoay tìm đôi giày để mang lại vào chân, nhưng không còn tìm thấy đâu nữa, có lẽ đã để quên trong một hốc đá trong lúc đang leo lên, bây giờ không tìm ra. Nhìn xuống xa xa phía dưới chân núi, tôi không thấy nhà cửa gì cả, chỉ thấy nước lụt trong veo vẫn còn lấp xấp, bao la chung quanh ngọn núi. Có điều lạ lùng, kể từ khi tôi bắt đầu leo lên núi, hình như ngoài tôi ra không có ai cả, nhưng trong giấc mơ, tôi không cảm thấy ngạc nhiên tại sao quang cảnh lại thanh vắng chỉ có một mình tôi giữa bầu trời bao la bát ngát để tránh nước lụt như thế!!!

Không tìm được giày, tôi đứng dậy thơ thẩn rảo bước về phía chùa. Tôi đi đến trước đôi cánh cửa lớn của điện Phật được mở rộng từ lúc nào rồi, và đứng bên ngoài, tôi đưa mắt nhìn vào bên trong điện Phật, tuy bị ánh sáng ngoài trời làm cho nhìn thấy bên trong có phần dịu mắt hơn, nhưng tôi cũng nhận ra được cách trang trí của một điện Phật rộng và sâu mà tôi thường có dịp thấy: bên trong chánh điện có một tượng Phật rất lớn uy nghiêm trên tòa sen, và những pho tượng Phật khác nhỏ hơn nhưng tất cả đều thếp vàng lộng lẫy, và nhiều hương đèn hoa quả trên các bàn thờ. Chánh điện được bài trí rất trang nghiêm thanh tịnh, có mùi hương trầm thơm dịu thoang thoảng lan toả ra trong không gian...

Tôi đang tần ngần đứng nhìn vào bên trong điện thờ như thế thì thấy mẹ tôi từ bên trong điện Phật xuất hiện và bước ra đứng gần ngay mé cửa, và như tình cờ mà mẹ tôi nhìn thấy tôi đang đứng ở trước điện. Mẹ tôi mặc loại áo tu màu lam tro đơn sơ của các sư bà sư cô, và mẹ tôi có vẻ như vừa làm xong các công việc sửa soạn hương đèn hoa quả cần thiết trước khi chùa sắp làm khóa tụng thường nhật cho buổi chiều, có lẽ vào giờ sắp tới. Và không hiểu sao, tuy không nhìn thấy có ai khác ngoài mẹ tôi, nhưng tôi biết là bên trong chùa, ở phía đằng sau, còn có một ít sư bà sư cô khác, nhưng những vị này đang có những công tác riêng ở phía sau bên trong chùa.

Mẹ tôi nhận ra tôi ngay, và tuy hai mẹ con bất ngờ gặp lại nhau, nhưng cả mẹ tôi và tôi hình như không ai tỏ vẻ ngạc nhiên cả. Tuy tình mẫu tử vẫn còn sâu đậm trong tâm trí của cả hai mẹ con, nhưng mẹ tôi và tôi bây giờ đây không còn biểu lộ ra bên ngoài sự vui mừng được gặp lại nhau như thường thấy ở ngoài đời nữa. Tôi thấy mẹ tôi nhìn tôi một cách dịu dàng với một thoáng vui đơn sơ đầy vẻ hiền từ và rất thư thái an lạc, song

ánh mắt của mẹ tôi có vẻ xa xăm như nhìn vào khoảng bầu trời bao la không bị vướng che ở trước mặt. Lúc đó vào khoảng bốn, năm giờ chiều, khí trời thật là trong thanh mát dịu. Trong giấc mơ, tôi hoàn toàn không có ý niệm gì về chuyện mẹ tôi đã mất từ lâu rồi — và trong nhiều giấc mơ khác của tôi về mẹ tôi, tôi đều thấy mẹ tôi còn rất trẻ, khoẻ mạnh, và sinh sống một cách bình thường với mọi người, chứ không bao giờ tôi biết đó là mẹ tôi nhưng là một người mẹ đã mất.

Bây giờ đây, tuy hai mẹ con bất ngờ gặp lại nhau ở trước điện Phật chùa như thế, mẹ tôi không còn lộ vẻ vui mừng rõ rệt như khi lâu ngày được gặp lại một đứa con. Về phần tôi, tuy được gặp lại mẹ tôi như thế, tôi cũng không biểu lộ ra sự vui mừng được gặp lại một người mẹ yêu quý như ở ngoài thực tế, và tôi cũng không thắc mắc tại sao mẹ tôi không còn ở với gia đình con cái mà lại đang tu tại một ngôi chùa ở một nơi tiên cảnh như thế này. Hình như có một sự ngăn cách vô hình nào đó làm cho cả mẹ tôi và tôi đều không còn thấy nhiều ràng buộc liên hệ với nhau nữa, vì cả hai đang sống ở hai cảnh giới khác nhau.

Lúc đó, không hiểu sao, tôi có hỏi mẹ tôi một câu hết sức ngớ ngẩn như sau: "Mạ có thấy đôi giày của con ở đâu không?" Mẹ tôi đang đứng cạnh cửa điện Phật, liền quay lại ở hông bên trong gần sát ngay cửa điện, lấy ra một đôi giày, rồi đưa cho tôi và nói: "Có phải đôi giày này không con?" Tôi nhìn kỹ đôi giày mẹ tôi đưa cho tôi xem thì thấy rất lạ: cũng là một đôi giày da gồm có chiếc cho chân phải và chiếc cho chân trái, song hai chiếc lại không cùng cỡ và không cùng màu (một chiếc màu nâu đỏ, còn chiếc kia màu đen), nhưng mẹ tôi có vẻ như không cần quan tâm tới chuyện hai chiếc giày không giống nhau đó và xem như đó cũng là một 'đôi giày' mà thôi. Khi mẹ tôi đưa cho tôi xem đôi giày đó thì tôi lắc đầu trả lời: "Dạ, không phải đôi giày đó!" Mẹ tôi liền cất đôi giày vào lại chỗ cũ ở hông bên trong gần cửa điện. Và đến đây — tiếc thay! — giấc mơ của tôi cũng chấm dứt một cách đột ngột... Về sự việc đôi giày được lấy ra từ bên trong điện Phật kể cũng hơi lạ, vì thông thường giày dép khi nào cũng để ở bên ngoài, chứ có khi nào người ta đem để hoặc cất giữ ở trong điện Phật bao giờ?

Sau giấc mơ kỳ lạ đó, tôi còn có nằm mơ thêm vài ba lần khác, cũng là những giấc mơ có liên hệ đến chuyện mất giày dép, nhưng ở trong những hoàn cảnh khác nhau và không còn có mẹ tôi xuất hiện như trong giấc mơ đầu tiên. Và lần nào cũng thế, khi tìm ra được một đôi giày khác thì cũng đều là không phải đôi giày của tôi, mà là một đôi giày nào đó không cùng cỡ và không cùng màu (!?). Tôi không hiểu ý nghĩa của giấc mơ ra làm sao cả! Tôi không thể nào giải thích nổi! Tại sao lại có chuyện nước lụt, tại sao có chuyện leo núi đá để tránh lụt, tại sao có chuyện mất giày, hay là chuyện đôi giày không cùng cỡ và không cùng màu, tại sao có chuyện gặp mẹ tôi đang tu ở một ngôi chùa nơi tiên cảnh như thế?

Người ta thường cho rằng mỗi giấc mơ đều có hàm chứa một ý nghĩa ẩn dụ nào đó. Tôi cũng nghĩ rằng giấc mơ này ắt phải có một ý nghĩa thầm kín nào đó được hàm chứa ẩn dụ trong đó, nhưng rất tiếc đã mười năm qua, mỗi khi có dịp nhớ lại, tôi vẫn chưa tìm ra được một lời giải đoán nào cho giấc mơ kỳ lạ này.

Trung Nguyên — Vu Lan 2004

TRÂM

Khúc Ngâm Chinh Phụ

1. THỜI GIAN

Ngựa hồng vút bóng qua truông
Lời ru thần thoại nghe buồn tuổi thơ
Bến xưa lau lách dật dờ
Một con đò ngủ bên bờ tịch liêu.

2. DƯ ÂM

Khói sương này khói sương chiều
Bước chân hồ hải vào phiêu lãng rồi
Ơi, còn đây là hoa ơi!
Những ngôn từ của một thời gian qua.

3. DƯ ẢNH

Tôi về tìm kỷ niệm xưa
Bài thơ nào cũng buồn da diết buồn
Ngựa hồng vút bóng qua truông
Tôi che mặt khóc trong sương buổi chiều.

Trót Đã Buộc Ràng

HOÀNG QUÂN

Chị tôi lăng xăng như thể đám cưới chị. Chị tươi như hoa. Nếu không thấy hai đứa con nhỏ bu theo chị như cái đuôi, không chừng khách có thể đến chúc mừng chị cũng nên. Đám cưới cậu em, mỗi thành viên trong gia đình, được phép mời bạn bè của mình, để tái ngộ với cố nhân trong không khí tưng bừng của tiệc tùng. Nhìn đâu cũng thấy nam thanh, nữ tú. Tiếng cười, tiếng nói lao xao. Cũng vui. Bàn của phe chị tôi đa số quý ông, một vài khuôn mặt tôi nhận ra là những cây si cổ thụ ngày xưa của chị tôi. Chị cười tở mở, ra dấu:

- Thư, Hà qua đây chơi một chút đi. Dẫn mấy ông ra mắt luôn.

Hà quay qua chồng:

- Mình qua bàn chị Tiên nhe anh.

Tôi xô ghế đứng dậy, quay qua đám bạn, chỉ chỉ, ý nói: "Ngồi đây nghe, tao biến một chút."

Chị Tiên rộn ràng:

- Sao? Mấy người nhận ra con Hà không? Chắc không hả. Hồi đó, nó nhỏ chút xíu hà. Thấy nhà có khách nó trốn biệt. Ông xã nó đây, coi vậy mà bầu đoàn thê tử đông đúc lắm, chỉ thua bà Âu Cơ một chút thôi. -Chị kéo kéo vai áo tôi. - Đây, đây, mấy người mà không nhận ra con nhỏ này là là... thôi đó nhe. - Chị chưa để cho ai có phản ứng, đi tiếp một đường giới thiệu.- Nó đó, tiều phu chuyên chặt cây đó mà.

Có tiếng cười, ai đó ngâm nga: Em ơi em ở lại nhà, Vườn si em đốn ráo...

Tôi nhận ra anh Linh nghệ sĩ. Anh Linh nhẩn nha:

- Anh thấy Thư y như hồi xưa, không thay đổi gì hết.- Làm điệu bộ như anh cả, lên giọng - Sao, lập gia đình chưa?

- Ủa, bộ anh thấy mặt mũi Thư hắc ám lắm hả, không sắm nổi một ông chồng sao?- Tôi lườm lườm.

Thêm nhiều tiếng cười thích chí:

- Chết rồi, thằng Linh hỏi chuyện mà không coi giờ. Hồi xưa, con Thư phá duyên mày, mày xém đập vỡ cây đàn mà quên sao.

Thấy anh Linh quê quê, tôi ngài ngại:

- Nói chơi chút xíu. Thư bắt chước nhân gian, cũng chồng con đề huề chứ bộ.

- Kéo ông xã lại đây đi.

- Chồng con Thư không có đây, nhưng có thằng kép nhí của nó ngồi kia kìa.

Chồng chị Tiên phát biểu xong, cảm thấy có duyên, cười hề hề, ngoắc ngoắc con trai tôi:

- Cu Tí, qua đây chào mấy bác cái coi.

Khi cu Tí ngoan ngoãn đứng vòng tay, líu ríu trong miệng chào bác, chào cô... ai nấy quên đi đề tài chồng tôi, tôi nhẹ nhõm. Cứ mỗi khi ai hỏi sao đám cưới cậu em mà không thấy chồng tôi, tôi lại quanh quẩn trả bài, rằng số ngày phép trong năm hạn chế, rằng chồng tôi không xin nghỉ phép vì hãng của anh đang có những dự án thi công cao điểm, rằng... Tôi vừa cố tìm ra những lý do thật dễ hiểu, chính đáng, vừa lái câu chuyện tới những đề tài khác để người ta không đặt thêm những câu hỏi mà tôi chỉ biết nói thầm: Biết trả lời sao!

Ông anh họ, đến mời chúng tôi đi ăn trưa, ngạc nhiên:

- Ủa, chồng em kỳ này không về à?

- Dạ, có chứ. Nhưng anh về sau, tụi em phải về cho kịp dự đám cưới rồi phải trở lại Đức trước, tại cu Tí đi học.

- Ồ, sao không thu xếp đi chung cho vui. - Ông anh như chợt thấm ý, bật cười.- Mà không chừng đi riêng lại vui hơn. Thằng này khéo thiết kế thiệt. Hồi nào nó về đây, anh phải hỏi nó có chiến lược gì mà Thư cho nó độc lập tự do vậy.

- Đâu có, anh muốn đi chung, nhưng thời gian này ở hãng ảnh người ta không cho lấy ngày phép.

Tôi vờ nhìn những xe cộ nườm nượp, ngại ông anh thấy điệu bộ nói láo không có căn của tôi.

...

Tôi trình diễn điệp khúc này từ lúc báo tin cho gia đình lớn biết, chỉ hai mẹ con về Việt Nam dự đám cưới cậu em tôi. Trên điện thoại, cô bán vé quen, có lẽ đang dò trong máy, lẩm nhẩm:

- Mùa nghỉ cao điểm nên hơi khó kiếm vé đó, hy vọng ba chỗ không đến nỗi nào.

Tôi nuốt nước miếng, ờ, tại sao mình không nghĩ ra điều này:

- À, à, hai vé thôi. Ông xã mình không lấy ngày phép được nên đi sau.

- Sau mấy ngày, để mình coi bây giờ luôn, chứ mùa hè nhiều khi hút vé lắm.

Tôi nuốt lần nữa, lúng búng:

- À, ờ, ông cũng đang điều đình với đồng nghiệp, chưa biết ra sao.

Tôi suy nghĩ, sẽ bàn với chồng, anh sẽ mua vé ở những đại lý của người Đức, như vậy tiện hơn, tiện cho tôi hơn. Tưởng tượng, cô bán vé ngồi tán dốc với bạn bè,... Biết bà X ở khu Westpark không? Mắc cười lắm, vợ chồng bả về Việt Nam đi như vầy ha, lúc bả với thằng con trai trên đường qua Thái Lan trở lại Đức, máy bay của ổng đang tà tà xuống phi đạo Tân Sơn Nhất. Hông chừng, lúc trên mây, hai ông bà có thể gởi nhau nụ hôn gió... Tôi cảm thấy bực bội, như thể mang đôi giày nhỏ hơn chân một hai số. Càng nghĩ, tôi càng giận mình tật lười, phải chi tôi chịu khó gọi đến các văn phòng du lịch của người bản xứ, chẳng ai mảy may suy nghĩ, khi biết một mẹ một con đi du lịch xa. Tôi không dám nghi cô bán vé người Việt có tật ngồi lê đôi mách. Nhưng trí tưởng tượng của con người nhiều khi phong phú một cách đáng sợ. Lần sinh nhật đứa cháu, tôi hứa sẽ phụ làm cho cháu ổ bánh. Trước sinh nhật, phải đi công tác xa bất ngờ, tôi tiếc một dịp gặp gỡ gia đình và nhiều bạn bè trong không khí vui vẻ cởi mở. Tôi gọi chị Tiên, xin lỗi:

- Em buồn quá trời đất, lâu lâu mới có dịp đông vui như vậy. - Tôi giơn giỡn cho bớt vẻ nghiêm trọng. - Thôi, người ta được bữa giỗ, lỗ bữa cày. Còn em, phải đi cày, nên mất phần ăn chơi. Mới hay ăn đồng tiền của quân tư bản, trày vi tróc vảy.

Những háo hức khi đi làm nơi xứ lạ không còn nữa. Tôi mong cho xong việc, hết ngày để về nhà. Chủ nhật, người bạn đồng nghiệp rủ đi brunch ở nhà hàng sang trọng nào đó, nghe đâu có hải sản các loại và sâm banh. Nghe đến tôm cua nghêu sò, tôi dễ yếu lòng. Nhưng, nghĩ, đi làm với hắn cả tuần lễ, mà cuối tuần còn gặp hắn nữa, chẳng có gì hứa hẹn. Cái tật của hắn hay than van, thể nào hắn cũng lằm bằm, xếp đì hắn. Cái tính hay so do, thể nào hắn cũng thăn thỉ, xếp thiên vị tôi. Người hắn to như voi, từ Singapore bay qua Mã Lai, hắn phải nhét người ngồi theo du khách. Còn tôi, như con chuột nhắt, lọt thỏm trong ghế thương nhân. Tôi đã bao lần cắt nghĩa, đó là lối làm việc cứng nhắc của tổ chức, chớ xếp không liên quan gì đến chuyện này. Tôi bay từ Đức, bất kể bay gần xa, vé được xem là đường trường, theo hạng thương nhân. Còn hắn ở Singapore, bay vèo một cái tới Kuala Lumpur, nên máy cứ tự động nhả cái vé hạng "kinh tế" cho hắn. Tôi vờ diễu: "Như vậy, trên máy bay ông có cảm giác là tourist. Còn tui, lúc nào cũng phải nhức đầu vì chữ business." Chẳng biết tại tôi diễu nhạt quá, hay hắn chẳng có một giọt máu khôi hài trong người, hắn chẳng thèm vén mép cười khuyến mãi cho tôi một nụ, chỉ lẩm bẩm, stupid, stupid. Nghĩ tới đó, tôi tưởng như con tôm hùm đổi mùi thum thủm, rượu nổ đổi vị chua chua. Tôi giả vờ tiếc rẻ:

- Uổng chưa, sao bây giờ ông mới rủ. Tui hẹn đi chơi với Tennie rồi. Lần khác vậy.

Nói xong, tôi lại cầu cho hắn đừng có hỏi Tennie, lằng nhằng, rằng chúng tôi đi chơi những đâu. Tôi nhảy lên xe buýt thành phố, đi thăm vườn lan. Đi thơ thẩn giữa những hoa lá ngay hàng thẳng lối, tôi cảm thấy dễ chịu, lòng nhẹ nhàng. Nghĩ thầm, khi nào vợ chồng con cái về Việt Nam sẽ ghé Singapore một ngày. Lẩn thẩn, không biết chồng tôi có thích không khí tĩnh lặng của vườn lan chăng. Hay chúng tôi đi phố, để anh coi máy móc, nghe người ta nói đồ điện tử ở đây đi trước thị trường Âu Châu xa. Còn cu Tí, chắc sẽ tranh thủ dắt cu đi vườn bách thú ban đêm.

Buổi chiều, tôi gọi về Đức, háo hức:

- Sao, hôm qua ăn sinh nhật vui không anh?

- Ừ, đông lắm. Anh chị mời quá trời bạn bè. Nói hồi hết chuyện, anh về sớm, nghe đâu mấy người ngồi tán dốc tới nửa đêm.

Tôi về lại Đức hôm trước, hôm sau chị Tiên gọi điện thoại, giọng bí mật:

- Cuối tuần ni ghé tao chơi đi.

- Chắc chưa được đâu, em đi cả 10 ngày, lu bu quá. -Tôi uể oải.

- Mi đang một mình đó hả? -Chị nhỏ giọng.

- Dạ, có chi không?

- Nếu được, hai vợ chồng mi thu xếp xuống tao, cho đám bạn gặp. - Chị hạ giọng thêm- Tụi nó thấy chỉ có hai cha con đi ăn sinh nhật, rồi lại về sớm, tụi nó đồn rùm lên là là... - Chị gần như thều thào.- Tụi bây bỏ nhau rồi, mi đi mất đất.

- Ui trời đất ơi, ai nói giỡn chi độc địa vậy! - Tôi thảng thốt.

- Đâu có giỡn, họ đoán già đoán non, xầm xì

miết. Hôm kia vợ chồng anh Minh chịu hết nổi gọi qua tao, hỏi sao không khuyên giải, nói phải trái với tụi bây đi, chớ như vậy tội nghiệp cu Tí quá. Tao nói chi thì nói, chẳng ai tin cả! Chỉ có nước tụi bây tới cho họ biết là không có chuyện gì cả.

- Kệ họ chớ. Kỳ cục thiệt. Ai đâu sao mà xấu mồm. -Tôi xẵng giọng.

- Tùy ý mi. - Giọng chị giận dỗi, có lẽ vì tôi không xem tin chị báo là nghiêm trọng. - Nói cho mi biết như vậy thôi, chớ không, ít bữa lại trách, sao tao nghe mà giấu.

- Dạ, tối nay, tụi em bàn với nhau. -Tôi ngao ngán.

Cuối tuần đó, vợ chồng con cái chúng tôi kéo nhau "ra mắt" mấy họ. Trước mặt bá quan văn võ, vợ chồng tôi như hai nghệ sĩ ưu tú, má tựa vai kề, xuất sắc diễn tuồng, "Sự gì Standesamt* đã kết hợp, loài người không được phân ly."

Có lẽ chúng tôi giỏi sắm vai, nên được nhờ đứng ra đại diện nhà trai trong một đám cưới xập xình rình rang. Số là, một người quen sơ, một thanh niên đơn thân độc mã xứ người. Khi cậu ngỏ lời cầu hôn, nàng và cả ba thế hệ của gia đình nàng đều đồng ý. Có điều, họ yêu cầu cậu phải tìm người đại diện cha mẹ, nhất là trong tiệc cưới trước ba làng, bảy xóm. Cậu chẳng có cô dì chú bác ở gần. Bố mẹ cô dâu nằng nặc đòi cho được một cặp đủ đào, đủ kép, thuận buồm mát mái. Cậu gõ cửa nhà chúng tôi, trao thiệp hồng, trăm sự nhờ chúng tôi đứng ra thay mặt phụ mẫu của cậu trong ngày thành hôn. Tôi ngại quá, chỉ quen biết hời hợt, hơn cậu năm ba tuổi, chẳng hề biết cha mẹ cậu là ai. Cậu năn nỉ:

- Anh chị chịu khó giúp em đi. Em có đề nghị mấy cặp, mà nhà gái bảo nhất định chỉ nhờ anh chị.

- Tụi này sẽ cố gắng. - Chồng tôi xiêu lòng.

Đến "ngày vui," chồng tôi diện bộ đồ vét mầu sậm, tôi điệu áo dài gấm đài các chính hiệu ... mẹ chồng. Trên sân khấu, chữ song hỉ đỏ loét, chói chang phía sau, bầy rồng phượng bằng giấy phất pha phất phới, đèn tứ phương tám hướng chiếu vào đôi uyên ương và "anh chị sui gia," chồng tôi trịnh trọng mấy lời với quan khách. Tôi vờ cúi đầu để nhắc bài cho chồng, theo như "diễn văn" gia đình nhà gái đã soạn sẵn. Anh thợ chụp hình đeo máy, sửa đèn lăng xăng:

- Chị ơi, làm ơn ngước mặt lên để chụp hình.

Tôi phải vâng lời đạo diễn, chỉ còn biết hy vọng chồng tôi sẽ bài vở trót lọt.

- Chà, bà sui coi cũng sáng nước cản đó chớ. - Anh phó nhòm bấm lia lịa.

Đang đứng giữa trung tâm vũ trụ tôi không dám phì cười. Anh chàng này coi bộ không theo dõi những tiến bộ của khoa học kỹ thuật về những đồ phụ tùng xe hơi. Ngày xưa, khi đi ngắm nghé xe hơi, người mua ưa nhìn kỹ cản xe. Thấy cản móp méo, biết xe có dĩ vãng nhiều giông tố. Ngày nay, cản xe bằng loại nhựa đặc biệt, ủi cột đèn, tông vách tường, tài xế chỉ cần ngó trước ngó sau, không ai thấy, thì biến luôn, kẻo bị bắt, phải bồi thường sửa những bất động sản bị hư hại. Còn xe, lau chùi sơ sịa, bóng loáng, đem chưng nơi thị tứ, thiếu gì kẻ qua người lại để mắt. Nước cản còn sáng, đâu có dè dàn máy bị chấn động với những hậu quả bất ngờ.

Rồi cũng xong, nhà trai nhà gái vui vẻ cả làng. Người ta cám ơn chúng tôi rối rít. Tôi mong đôi trẻ ngày nào cũng vui như ngày hôm nay. Sẽ loan phụng hoà minh ít nhất vài chục năm. Kẻo không, người ta lại tìm chúng tôi mắng vốn, rằng chúng tôi không nhẹ vía, mát tay.

*

Châu và tôi lần quần trong tiệm sách cả tiếng đồng hồ. Vừa lựa sách, tôi vừa tính xem đem được bao nhiêu về Đức. Tôi với lấy cuốn Không & Sắc và cuốn Phật Giáo trên kệ sách thảy vào giỏ sắt. Châu tròn mắt:

- Gì đó mày? Bộ tính đi tu hả?

- Ừ, mày có quen chùa nào không? Nghe nói mày bây giờ thế lực lắm.- Tôi tỉnh bơ.

- Giỡn thiệt mày? Trong chùa không có tiểu thuyết tầm xàm bá láp, không có máy hát cho mày nghe lão ca sĩ ruột của mày rao giảng kinh tình yêu đâu.

- Thì kiếm ông hoà thượng bất giới nào đó, ổng kể chuyện, ông hát cho nghe. -Tôi cà tửng.

- Giận đời, giận người gì mà đòi xuống tóc vầy nè. -Châu quay hẳn nhìn tôi. -Nói chơi thôi, bộ có gì buồn hả Thư? Thôi, mua bây nhiêu sách đủ rồi. Tao dẫn mày đi ăn, tao mới khám phá ra tiệm ăn bánh khọt ngon ác liệt lắm.

Tôi tức cười, coi bộ bắt thóp nhỏ bạn được rồi. Hễ thèm ăn thì giả bộ rầu rầu là có tiểu yến, đại yến. Tôi vờ xụ mặt:

- Cám ơn mày. Bộ, mày tưởng ăn no căng diều là biến buồn thành vui sao.

- Tao dẫn mày lên Lý Thái Tổ coi cây với cá kiểng nhen. Rồi tối mình đi uống cà phê nghe nhạc.- Châu thành thật.

Tôi như mở cờ trong bụng, tưởng mình như Bao Tự đang õng à, õng ẹo làm nũng. Tôi muốn diễn tiếp màn kịch, xem thử nhỏ bạn dám "chơi bạo" như vua chúa ngày xưa chăng. Mà nhìn vẻ lo lắng của bạn tôi thấy mình ác, nên vạch miệng đến mang tai:

- Thôi, giỡn nhiêu đó đủ rồi. Tao đang reo vang reo, ca vang ca, sức mấy mà buồn. Mặc kệ đám lòng bong rối rắm, tao rất hùng cường, mai lệ huyền. Ghẹo mày chút cho vui. Thấy mấy cuốn sách này, nghĩ, chắc Ba tao thích. Chớ tao, chưa cần tới đâu. Tao còn phải tham sân si giữa cuộc đời trần tục này vài chục năm đặng còn trả dứt nợ nhà cửa. Cô Lan ngày xưa sung sướng thiệt, giận Điệp là đùng đùng xách túi chạy lên chùa.

Đám bạn tôi nhận thấy "sự cố kỹ thuật" trong đợt về quê này của vợ chồng tôi. Tiễn mẹ con tôi ra phi trường Tân Sơn Nhất, Ngân lúc lắc tay tôi:

- Chiện đâu còn đó. Mày yên tâm, ổng dzìa đây, tụi tao tới ba đầu sáu tay lận mà. Tụi tao ngồi trụ đây chờ ổng đến. Ổng ra khỏi máy bay, tụi tao ốp ổng liền, săn sóc tới nơi tới chốn, đừng có hòng mà quậy.

- Ấy, ấy, xem nào, em tôi sao lại mày hoa ủ dột thế này. Tươi lên chứ. -Hồng sửa sửa tóc của tôi.

- Nó buồn, tại sắp xa quê hương nhớ tụi mình đó mà. - Châu làm trò.

Đầu óc tôi đang đầy những mối lo lẩm cà lẩm cẩm, có tên lẫn không tên. Đã vậy, tâm trí tôi cứ líu ríu quanh những giả thuyết về những lý do chồng tôi sẽ đưa ra, khi có ai hỏi sao lại về Việt Nam, lúc vợ con đã rời nơi đây. Các anh em của chồng tôi ai nấy đã thành gia thất. Đâu có lý do về dự đám cưới của người nhà. Bà con cũng chẳng thấy ai bắn tiếng có giỗ chạp. Chính tôi cũng mù mờ về lý do chuyến đi của chồng tôi. Tôi đã buồn khi anh tỏ ý không muốn về Việt Nam cùng gia đình tôi để dự đám cưới cậu em. Tôi lại buốt lòng hơn, khi anh gợi ý, rằng tôi nên sáng tác một lý do chính đáng về sự vắng mặt của tôi trong dịp trọng đại này của gia đình. Tôi đau sững người, khi anh trả lời, nếu tôi đi không có anh, anh sẽ đi không có tôi. Có lẽ anh chỉ muốn chứng tỏ cho tôi biết: quân tử nhất ngôn.

Ba đứa bạn thi nhau trổ tài cố vấn hôn nhân, trọng tài, thám tử, phóng viên chiến trường... Vi thư tường thuật tại chỗ bay tới tấp như bươm bướm. "Mặt trận miền tây vẫn yên tĩnh. Ảnh ngoan lắm." "Bu thằng cu Tí ơi, rờ- tút lại nhé, chuẩn bị đón phu quân tung cánh chim tìm về tổ ấm"... Cứ đà này chắc ba con bạn tôi nhấp nhổm đi hốt hụi non, gom tiền cho tôi gặp bà Hạnh Phước đặng nâng cấp điện nước. Tôi rên thầm, bạn ơi là bạn, bè ơi là bè. Tưởng đâu cái bịnh lanh chanh chỉ có ở nữ sinh trung học, chớ có dè mấy nữ quái trung niên cũng lâm trọng bịnh như vầy. Tôi tiếc không có webcam cho tụi nó thấy mặt tôi đang sầm xuống, nặng chình chịch, tối om om. Tôi giở giọng dao búa cảnh cáo,- Đứa nào mà còn viết email lằng nhằng về đề tài này, tao bảo máy cấm cửa địa chỉ đứa đó! Khổ quá! Tụi nó làm như tôi đang ngậm cam thảo luyện giọng, để cao giọng véo von Tình Nghĩa Đôi Ta Chỉ Thế Thôi. Có chăng, nếu hát, tôi chỉ dám khàn khàn bắt chước ông ca sĩ nhạc rock, tóc tai lỉa chỉa như trái chôm chôm, rằng, I don't wanna talk about it...

Đứa thì mời chồng tôi đi ăn, rồi tình cờ, ghé qua tiệm sách, đứng thật lâu bên tấm tranh thư pháp, ra dấu chồng tôi mang tấm tranh đến quày trả tiền: *Nên chăng, thú nhận điều này, Anh không thể sống một ngày vắng em.* Tôi nhíu mày, trán nhăn chằng chịt như Einstein. Tính theo phép toán này, anh chết queo từ đời tám hoánh rồi, vì vắng em đến đến mấy chục lần của một ngày lận mà. Nhỏ bạn tôi gà cho chàng câu thơ coi bộ hơi lạc quẻ.

Đứa thì rủ chồng tôi đi ăn chè, rồi kè anh đến đường Hồ Tùng Mậu, đạo diễn cho anh mua dĩa của một nam ca sĩ trẻ đang rất ăn khách tại Việt Nam ...*Như xa xôi nay quay về gần gũi, yêu em, vì chỉ biết đó là em*... Chả là hôm trước tôi viết thư, kể, đã nghe ca sĩ đó hát bài Em Đã Thấy Mùa Xuân chưa? Xao xuyến bồi hồi, nên nghe một lèo mấy tiếng đồng hồ chỉ một bản nhạc. Sau đó, cứ lẩm nhẩm ca và có cảm tưởng hình như đang thấy mùa xuân. Thật ra, tôi cũng hơi cường điệu, khi khen dĩa nhạc tụi bạn gởi tặng. Tưởng, chỉ để thăng hoa hạnh phúc người tặng. Vậy mà, tụi nó tưởng tôi tương tư ca sĩ.

Đứa thì lùng khắp chợ Bến Thành, khuân cả một thúng trâm cài lược dắt, rỉ tai chồng tôi, bảo làm quà cho hiền thê. Để tôi hoa hoè lên sợi bạc sợi xanh, mà chúng nó vẫn lếu láo lý giải, bởi sớm yêu nên tóc vội phai màu. Anh nhất nhất nghe lời "chỉ đạo," dù không thoải mái khi nhớ đến mấy rổ kẹp tóc của tôi đã không ngừng dành dân lấn đất phòng tắm ở nhà.

....Nói chung, ông Tơ bà Nguyệt ngày xưa có chăm chỉ se tơ hồng chắc không thể nào "nhiệt tình cách mạng" hơn mấy nhỏ bạn của tôi.

Trên đường từ phi trường về nhà, chồng tôi

hớn hở:

- Anh tìm mua được cái đĩa này cho em, chắc chắn em sẽ thích.

Anh bấm lịch kịch, máy cứ báo no disc. Anh chắc lưỡi:

- Máy trong xe hơi nhạy quá, không đọc được các đĩa đốt.

Về đến nhà, anh vội vàng thử ngay. Tôi đã quen dùng máy nên góp mẹo:

- Anh đừng bỏ vào máy Panasonic, máy tốt, kén đĩa lắm. Anh thử bỏ qua máy Red Star.

Tiếng nhạc dạo mở đầu bản nhạc vang lên, đến nốt thứ ba tôi đã nhận ra giai điệu bài hát. Không phải vì tôi là thiên tài âm nhạc với khả năng thẩm âm siêu việt, mà, bởi tôi đã có thời kỳ mê tít nhạc phẩm này. Đã bao lần, tôi để đĩa nhạc vào máy, bấm bản số 10, bấm nút repeat. Cứ vậy, tôi ngồi rỉ rả viết thư cho bạn bè, kể, đi dự đêm nhạc thính phòng, nghe chính nhạc sĩ trình bày nhiều tác phẩm của ông, nhưng đối với tôi, bài hát này đúng là tuyệt chiêu của chàng... Có lần, tôi đang mơ màng mở cửa hồn em vào đó rong chơi, em có thấy tình anh ngát hương hoa. chồng tôi đi ngang qua:

- Ủa, sao bữa nay ảnh ca nhừa nhựa, nghe ớn ăn quá vậy.

- Không phải giọng Tuấn Ngọc. - Tôi mím môi, với tay tắt máy.

- Không phải thì thôi, có gì đâu. Người sao mà... kein Sinn fuer Humor.** - Giọng anh cụt hứng.

- ...

Đâu phải lâu lắc gì, mới năm ngoái đây thôi mà. Anh không hề nhớ tôi đã quấy rầy chồng con nhiều ngày với bài hát này. Ôi chao! Mấy con bạn khi mở lớp đào tạo đặc biệt cho chồng tôi về gout nhạc của tôi mà không "tập huấn" tới nơi tới chốn, nên bài ca hạnh phúc chồng tôi đang trình diễn đâm ra lạc điệu, lỗi cung. Tôi tưởng như nghe tiếng thở dài của chính mình. Có lẽ anh phải gồng mình, như tôi trân người để cả hai chịu đựng được những ý thích của nhau.

Anh hý hoáy mở cuộn giấy to, háo hức:

- Anh tính đi tìm lịch thư pháp cho em, mà bây giờ sớm quá, chưa có nhiều để lựa. Anh nhờ Hồng viết thư pháp dán vào lịch đó.

Anh trải tấm lịch ra, tôi liếc nhanh hàng chữ lả lướt trên giấy dó của Hồng, *...thì em ơi đó là tình yêu chúng ta...*

Tôi nhớ mấy hôm ở nhà Hồng thọ giáo thư pháp. Hồng lên giọng, xuống giọng:

- Đấy nhé, mày phải chờ cho tâm nó tịnh thì mới phóng bút được. Cấm ăn to nói lớn. Chớ có mà thời phụng chảo, bún giò. Cứ nghe đến chân là tránh cho xa.

- Kể cả chân tình luôn sao? - Tôi thẽ thọt.

- Tất tần tật. Chân chính chân phụ gì cũng làm tay run lẩy bẩy, chữ nghĩa như mèo quào, gà bới, chả ra thể thống gì sất, mang tiếng học trò của tao. Ối giời, chờ ngày mày ngoáy cho ra vài nét, không biết đến năm dậu, năm thìn. Đây, nghía đi, thích tấm nào tao thí cô hồn cho mày.

Hồng đưa tay khoát một vòng những tranh treo ngang, treo dọc đủ cỡ trong phòng khách. Gì đây, *Nếu ai bảo yêu nhau là đau khổ, Xin một đời đau khổ để yêu nhau*. Hồng thao thao:

- Tác giả là ái nữ của một nhà văn nổi tiếng. Nàng xuất khẩu, diễn tả một cái sự rất chi là huề vốn, mà xem ra áp dụng được cho nhiều trường hợp. Ấy chết, mày không nên vận vào người mấy câu thơ đau dãy tê tê như cua kẹp thế này. Đấy, tao bảo nhé, cứ túm câu này về mà gối đầu giường. Ối giời, nghe này, *Nếu có điều gì vĩnh cửu được...* , nghe mát cả tim gan phèo phổi.

Hồng vừa kéo dài giọng bắc, rất bắc của nó, dù ngày bố mẹ Hồng di cư vào Nam, nàng chưa chào đời, vừa đưa tay gỡ tấm thư pháp. Tôi chận tay Hồng:

- Thôi, để đó cho mày.

Phải chi ông nhạc sĩ sáng tác bài hát này sớm sớm, có lẽ thuở đó tôi đã có lúc phơi phới tựa đầu lên vai anh, em sẽ thấy mùa xuân về rất nhẹ... Còn bây giờ thì..., tôi sửa giọng tự nhiên:

- Ừ, mày có nhiều câu hay hay. Nhưng thôi, để tao về nhà, bày nghiên, bày bút, coi thử rồng phượng bay múa ra sao.

Nhìn chồng lăng xăng trình làng những món quà cho tôi, trong những nỗ lực cho-vừa-lòng-em, tôi tưởng như thấy hai vợ chồng đang rướn cổ hít lấy hơi thật dài, để cùng nhau nín thở qua sông. Người ta hay chúc tân lang, tân giai nhân một cách vô tâm: trăm năm hạnh phúc. Nhảm quá! Nhảm quá! Theo công thức này mà cọng trừ nhân chia, vợ chồng chúng tôi còn quãng sông quá dài. Nhìn sang, chẳng thấy đâu bến bờ. Đâu đó, tôi nhớ loáng thoáng có đọc được một lời nhắn nhủ khả thi hơn: *Phu thê trót đã buộc ràng, Thì xin nhẫn nại cứu mang vợ chồng...*

* Standesamt: Sở hộ tịch

** không có óc khôi hài

GÓP Ý VỚI SỐ ĐẶC BIỆT VỀ PHAN THANH GIẢN CỦA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

(số tháng Chín, 2004)

NGUYỄN VĂN TRUNG

Người đọc các bài số đặc biệt này có thể nhận ra các phản ứng khác nhau của những người đều là đảng viên cộng sản về thái độ đối với Phan Thanh Giản vào thời điểm 1963, 1975, 2003. Hồi 1963 trước thái độ của Trần Huy Liệu và những người đồng tình với ông mạt sát nặng nề và kết án Phan Thanh Giản, những trí thức miền Nam tập kết hoặc đã phải giữ im lặng, hay như Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều chỉ lên tiếng yêu cầu nên dè dặt trong việc kết án.

- Những ai am hiểu đôi chút sinh hoạt văn học ở miền Nam từ đầu thế kỷ 20 sẽ nhận thấy những nhà báo nhà văn gốc Bắc vào Nam viết báo in sách như Trần Huy Liệu, Đào Trinh Nhất đã bày tỏ thái độ khinh bỉ mạt sát đạo Cao Đài là nhảm nhí, tạp-pí-lù khi đạo này xuất hiện ở Nam kỳ vào những năm 1926-1930.

- Ngược lên nữa hồi 1915, Phạm Duy Tốn cộng tác với Lục Tỉnh Tân Văn ở Sài Gòn, nhân Bắc kỳ bị bão lụt lớn, viết bài kêu gọi người Nam kỳ quyên góp tiền cứu trợ nạn nhân bão lụt. Không hài lòng về số tiền quyên được, Phạm Duy Tốn viết bài chê trách người Nam kỳ sở dĩ không đủ hào hiệp vì đất Nam kỳ không có văn minh, hoặc chỉ là thứ văn minh giả. Bài báo đã gây nhiều phản ứng dữ dội trong giới cầm bút ở Nam kỳ.

- Năm 1919, Phạm Quỳnh chủ bút Nam Phong vào công du Nam kỳ, về Hà Nội, viết loạt bài bày tỏ thái độ khinh biệt Nam kỳ: Trí thức là hạng người mất gốc, văn chương thì nhiều về số lượng, nhưng nghèo về phẩm chất, những nhân vật được người Nam kỳ quý trọng như Trương Vĩnh Ký, chẳng qua chỉ là người soạn sách giáo khoa cho con nít nào có công trạng gì đáng kể làm vẻ vang cho đất nước... (bài này đã bị bỏ ra trong toàn tập Phạm Quỳnh xuất bản ở Hoa Kỳ).

- Năm 1954 một đợt người Bắc di cư vào Nam trong đó có nhiều người thuộc giới cầm bút. Năm 1960 luật sư Trần thanh Hiệp nói chuyện ở câu lạc bộ đường Tự do về đề tài: "Viễn tượng văn nghệ miền Nam" ngày 12-8-1960, diễn giả đã khẳng định trong bài rằng văn nghệ miền Nam không có quá khứ.

- Năm 1975 nhiều nhà văn nhà báo từ Bắc vào Nam. Nguyễn Mạnh Tuấn xuất bản tiểu thuyết Cù Lao Chàm cho rằng sở dĩ những người gốc Nam Bộ đi theo cách mạng sau chiến tranh trở thành mất gốc, phản bội cách mạng là vì từ căn bản họ là những người thuộc một vùng đất không có truyền thống lịch sử mà chỉ có những tập quán xấu xa, những kiến thức nông cạn. Dĩ nhiên thái độ của Nguyễn Mạnh Tuấn cũng đã gây nhiều phản ứng giận dữ nơi những người cầm bút gốc Nam Bộ cũng là đảng viên hay theo kháng chiến.

Những tố cáo kết án của người miền Bắc kể trên đều dựa trên niềm hãnh diện miền Bắc có truyền thống văn hóa sâu sắc lâu đời mà tầng lớp sĩ phu Bắc hà là một tiêu biểu, trong khi người miền Nam thuộc vùng đất mới không có truyền thống lịch sử văn hóa hoặc nếu có thì nông cạn thua kém so với miền Bắc. Sự kiện không có truyền thống lịch sử văn hóa hoặc có mà hời hợt nông cạn là nguyên nhân chính giải thích thái độ mất gốc về văn hóa, sa đọa về đạo lý và đầu hàng chủ bại về chính trị. Do đó không lạ gì những nhân vật được người miền Nam trân trọng tôn thờ bị một số người cầm bút ở phương Bắc coi thường miệt thị và kết án về các mặt văn học, đạo lý và chính trị. Nguyễn Đình Chiểu tuy được nhìn nhận là người chủ chiến được khâm phục nhưng về mặt văn học thơ văn của ông chẳng ra gì.

"Nguyễn đình Chiểu có cả tập Lục Vân Tiên mà dân Nam bộ miệt vườn mê thích cũng không được giới sành điệu bắc kỳ khoái khẩu. Cụ thể là trong tuyển thơ lục bát Việt Nam của nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin không có dòng thơ nào của ông Đồ loà yêu nước và nhân hậu này. Rất khó nếu sử dụng thẩm mỹ văn chương Bắc kỳ xem xét văn chương miền Nam." Đỗ Quang Hạnh, trong bài "Một chút dông dài về thơ quậy Bùi Chí Vinh."

Trương Vĩnh Ký bị tố cáo và kết án như Phan Thanh Giản ở miền Bắc thời 1963 và sau 1975 tượng bị tháo gỡ, tên đường tên trường bị thay thế như Phan Thanh Giản. Ở Sài Gòn có hai di tích lịch sử Lăng Cha Cả và Lăng Ông. Người dân miền Nam tôn kính Gia Long nên cũng tôn kính quân sư của nhà vua; khi Bá Đa Lộc qua đời, Gia Long đã tổ chức quốc táng và xây lăng cho ông. Sau 75 Lăng Cha Cả bị san bằng, lăng Ông đáng lẽ cùng chung số phận, tôi còn giữ một bài kết án Lê Văn Duyệt thật nặng nề của ban nghiên cứu lịch sử đảng quận Bình Thạnh đề nghị biến lăng thành khu vui chơi giải trí lành mạnh, không hiểu sao đề nghị này không được đem ra thi hành. Hồi 1945 những người cộng sản miền Nam tổ chức khởi nghĩa cách mạng tháng Tám bằng những mít tinh tuần hành trên đường phố Sài Gòn. Đám đông tuần hành giật đổ các tượng ông tây bà đầm, nhưng không đụng đến tượng Trương Vĩnh Ký ở giữa trung tâm mít tinh đằng sau nhà thờ Đức Bà.

Vào những năm 2000-2003 đảng phục hồi những danh nhân miền Nam, tổ chức các tọa đàm hội nghị trí thức miền Nam và ngay cả lãnh đạo các cấp ủy, nhà nước đã lên tiếng khẳng định lòng tôn kính những danh nhân của miền Nam.

Như vậy điều đáng lưu ý là có một sự khác biệt về tâm tình giữa người miền Bắc và miền Nam do những yếu tố địa lý chính trị của vùng đất cũ và vùng đất mới qui định. Tâm tình này vượt khỏi những khác biệt về ý thức hệ, tôn giáo. Nói cách khác có một mẫu số chung cho những người Việt sống ở một vùng đất bất kể những khác biệt về ý thức hệ, về tôn giáo. Những yếu tố địa lý chính trị quy định sự khác biệt có tính cách quy luật này áp dụng cho cả người ngoại quốc ở lâu năm trong hai vùng. Những căng thẳng mâu thuẫn từ hồi đầu thế kỷ 20 giữa phủ toàn quyền ở Hà Nội và Hội đồng Thuộc địa ở Sài Gòn đã có lúc làm cho Hội đồng Thuộc địa có ý định tách Nam kỳ ra khỏi Liên bang Đông Dương. Quan hệ giữa vùng đất cũ và đất mới ở miền Nam có nhiều nét tương tự ở các châu khác như Bắc Mỹ và Âu châu. Chính người Bắc với thái độ

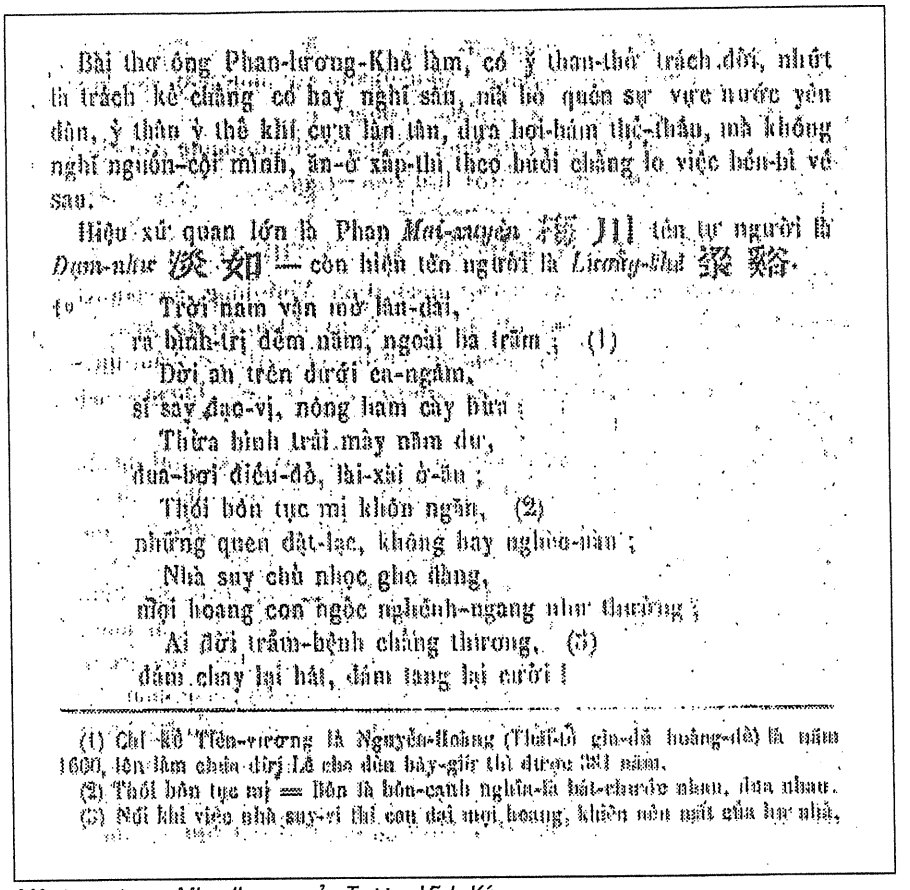

Bài thơ ông Phan-lương-Khê làm, có ý than-thở trách đời, nhứt là trách kẻ chẳng có hay nghĩ sâu, mà bỏ quên sự vực nước yên dân, ỷ thân ỷ thế khí cựu lân tân, dựa hơi-hám thế-thần, mà không nghĩ nguồn-cội mình, ăn-ở xấp-thì theo buổi chẳng lo việc bền-bỉ về sau.

Hiệu xứ quan lớn là Phan *Mai-xuyên* 梅川 tên tự người là *Dạm-như* 淡如 — còn hiệu tên người là *Lương-khê* 梁谿.

Trời nam vận mở lân-đài,
ra bình-trị đêm năm, ngoài ba trăm ; (1)
Đời an trên dưới ca-ngâm,
sĩ say đạo-vị, nông ham cày bừa ;
Thừa bình trải mấy năm dư,
đua-bơi điều-đỏ, lài-xài ở-ăn ;
Thói bôn tục mị khôn ngăn, (2)
những quen dật-lạc, không hay nghèo-nàn ;
Nhà suy chủ nhọc ghe đàng,
mọi hoang con ngộc nghênh-ngang như thường ;
Ai đời trầm-bệnh chẳng thương, (3)
đám chay lại hát, đám tang lại cười !

(1) Chỉ kể Tiên-vương là Nguyễn-Hoàng (Thái-tổ gia-dũ hoàng-đế) là năm 1600, lên làm chúa dời Lê cho đến bây-giờ thì được 381 năm.
(2) Thói bôn tục mị = Bôn là bôn-cạnh nghĩa-là bát-chước nhau, đua nhau.
(3) Nói khi việc nhà suy-vi thì con dại mọi hoang, khiến nên mất của hư nhà.

Một trang trong Miscellanees của Trương Vĩnh Ký

khinh miệt về văn hóa người miền Nam bày tỏ một thái độ kỳ thị; nhưng trước phản ứng của người bị kỳ thị lại đổ cho người miền Nam tội kỳ thị. Nêu ra một vài ghi nhận kể trên không nhằm phê phán người miền Bắc vì người viết bài này gốc miền Bắc đã viết những điều xúc phạm đến miền Nam, cụ thể qua trường hợp Trương Vĩnh Ký trước 1975.

Trong chiều hướng phục hồi những danh nhân miền Nam đã bị phê phán kết án thiết tưởng cũng cần xét lại thái độ đối với Tôn Thọ Tường, một người có chân trong phái đoàn Phan Thanh Giản đi Tây, cũng chủ trương cải cách. Trước 75 người cộng sản miền bắc và người chống cộng gốc Bắc di cư vào Nam đều đề cao Phan Văn Trị và kết án Tôn Thọ Tường. Nhưng người miền Nam có thái độ dè dặt hơn. Nguyễn Liên Phong trong *Nam Kỳ Phong Tục Nhân Vật Diễn Ca* do nhà xuất bản Phát Toán Sài Gòn 1909, trang 34 đã giới thiệu hai nhà thơ này như đôi bạn thân thiết mặc dầu khác nhau về lựa chọn chính trị. Tôn Thọ Tường làm quan vẫn đưa tiền cho Phan Văn Trị uống say chưởi bạn mà vẫn chịu đựng bạn. Nếu có ai chịu khó tìm trong văn khố Pháp những bản điều trần đề nghị của Tôn Thọ Tường gửi nước Pháp, có thể hiểu hơn lập trường hợp tác của ông.

Phan Thanh Giản bị kết án là chủ hòa hiểu theo nghĩa chủ bại. Chủ chiến dựa vào cảm tính còn chủ hòa xuất phát từ nhận thức. Nhận thức càng sâu rộng nếu có điều kiện ra nước ngoài đi Âu châu. Phan Thanh Giản được sai đi sứ không những có thể thấy tận mắt để quan sát tìm hiểu Âu châu mà còn có may mắn được Trương Vĩnh Ký tháp tùng làm thông ngôn, một thông ngôn không phải chỉ biết phiên dịch mà còn có thể giúp phái đoàn hiểu sâu rộng Âu châu, nước Pháp về mặt chính trị lịch sử văn hoá tôn giáo. Những hiểu biết này đã đưa những Phan Thanh giản, Phạm Phú Thứ đến lập trường thương lượng nhượng bộ để cải cách vì thấy rõ chỗ yếu của ta và chỗ mạnh của địch. Trường hợp không thể nhượng bộ được và nhượng bộ cũng vẫn mất thì chỉ còn cách chịu mất để tránh những thiệt hại vô ích về nhân mạng. Nhưng Phan Thanh Giản không để mất tư cách, một cái mất không phải do hoàn cảnh khách quan bên ngoài mà do chính mình. Phan Thanh Giản đã lựa chọn cái chết để chứng tỏ mình không ham sống sợ chết. Tự sát trong truyền thống Á đông vẫn được coi như một cử chỉ cao đẹp nhất để bày tỏ tư cách con người, và chính nghĩa mà mình theo đuổi.

Ngày 30-4-75 tướng Dương văn Minh đứng trước một thực tế tuyệt vọng, nếu tiếp tục chiến đấu, vẫn mất nước, tạo thêm những thiệt hại về nhân mạng vô ích, ông đành nhận trao quyền cho kẻ thắng. Sau đó nếu ông có thể nói công khai đôi điều với người Mỹ như thủ tướng Cao Miên đã làm và đôi điều với những người anh em thắng trận rồi tự sát bằng cách nào đó, dùng súng hay cyanure và nếu một vài bộ trưởng theo gót ông thì không ai có thể oán trách ông được. Thực ra đã có nhiều tướng tá và binh lính đã tự sát nhưng hình như ít được nói đến cả về phía người Mỹ và Cộng sản, cả hai đều xem ra đồng tình coi quân đội viên chức VNCH là tay sai, lính đánh thuê. Nếu tướng Minh tự sát thì sẽ có tiếng vang không thể che giấu được và đặc biệt dư luận Hoa Kỳ và Cộng sản không thể nói chế độ miền Nam là bù nhìn tay sai lính đánh thuê vì tay sai lính đánh thuê không bao giờ tự sát.

Phan Thanh Giản đã nói những điều cần phải nói với người Pháp mà ai nấy đều biết. Nhưng ông đã để lại một bài tự thuật có lẽ ít được biết đến để oán trách những kẻ không biết nghĩ sâu bảo thủ làm cho mất nước. Bài này nhan đề: *Phan lương Khê tự thuật thế sự* đăng trên báo *Miscellanees* ("thông loại khoa trình," một thứ học báo do Trương Vĩnh Ký bỏ tiền túi ra xuất bản) số 5 tháng 9 và số 6 tháng 10-1889, có lẽ chưa đăng hết vì Trương Vĩnh Ký đình bản với lý do hết tiền in. Trong tập hồ sơ cá nhân của Trương Vĩnh Ký, (Dossier individuel de monsieur Trương Vĩnh Ký, 52 pièces, direction de L'Interieur, archives, gouvernement de la Cochinchine SL 172) có văn thư của Trương Vĩnh Ký gửi ban xét duyệt các bản thảo để được phép xuất bản, văn thư số 7 ghi: "Phan thanh Giản tự thuật thế sự. Reflexions sur les evenements de l'epoque par Phan Thanh Giản" bài này hiện nay thất lạc. Trong *Miscellanees* Trương Vĩnh Ký viết lời giới thiệu và chú thích bài thơ. Chúng tôi sao chụp nguyên văn để giữ được nguyên bản; như vậy người đọc bây giờ thấy được ngôn ngữ chữ viết cuối thế kỷ thứ 19. Sau cùng xin nhắn hỏi giáo sư Lưu Khôn đã đọc Lương Khê Thi Tập có thấy bài "Phan lương khê tự thuật thế sự" trong tập đó không?

CÔNG TÁC CỨU TRỢ NGƯỜI MANG BỆNH PHONG (CÙI)

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

HOÀI THANH viết về HÀN MẶC TỬ, nhà thơ Việt Nam mắc bệnh phong (trong Thi Nhân Việt Nam, 1941)

"... Tôi nghĩ đến người đã sống trong một túp lều tranh, phải lấy bì thư và giấy nhật trình che mái nhà cho đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến, người không sao nuốt được vì ăn khổ quá. Cảnh cơ hàn ấy và chứng bệnh kinh niên đã bắt người chịu bao nhiêu phũ phàng, bao nhiêu ruồng rẫy. Sau cùng người bị vứt ra ngoài cuộc đời, bị giữ riêng một nơi, xa hết thảy mọi người thân thích. Tôi nghĩ đến bao nhiêu năm người bó tay nhìn cả thể phách lẫn linh hồn cùng tan rã...

Một người đau khổ nhường ấy, lúc sống ta hững hờ bỏ quên, bây giờ..."

Gia đình chúng tôi thuần thành thờ tổ giáo – đạo Phật. Một cô em vợ chúng tôi, có nghề nghiệp chuyên môn vững chải, bỗng dưng được ơn *thiên triệu* (*vocation*, dùng ngữ vựng của đạo Cơ-đốc) xin rửa tội, tình nguyện vào dòng Nữ tu Y vụ – Medical Sisters, phục vụ người mang bệnh phong. Năm 1975, Cộng sản cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam, đuổi nữ tu ra khỏi trại cùi. Con cháu "bác và đảng" sợ bệnh nhân cùi bị "tôn giáo là thuốc phiện" đầu độc, từ nay đem tư tưởng của cụ Mác, cụ Mao ra chữa bệnh nan y. Người nữ tu bé bỏng không chịu nổi cái "sốc" tàn nhẫn này, đã mất thăng bằng khi trở lại đời sống gia đình. Kẻ viết bài này, tâm tư hướng về người đàn bà thiếu may mắn đó.

Công tác phục vụ người cùi đặt trọng tâm vào ba điểm: y vụ để điều trị bệnh, xã hội cứu mang phần vật chất, và tôn giáo yểm trợ sức chịu đựng đau khổ. Như vậy, theo sau, bài này sẽ gồm ba phần. Phần y tế điều trị sẽ nhẹ nhàng, vì người viết không phải là y sĩ, thiếu kiến thức chuyên khoa về bệnh truyền nhiễm; phần hai, xã hội phục vụ cũng sẽ đơn sơ vì người viết cũng chỉ có kinh nghiệm thoáng qua về trại cùi; phần cuối trình bày sơ lược một số ý niệm siêu việt (transcendent) đã đưa một số người đến hy sinh cao cả sống phục vụ người cùi. Bài viết sẽ kết luận trong viễn tượng các mối tiến bộ của khoa học và đức tin, nhất là đức tin của các dân tộc nhược tiểu ngày nay đã ý thức được địa vị cổ truyền của mình sẽ đem lại ánh sáng mới cho vết thương của nhân loại là bệnh cùi.

Phục vụ bệnh phong về mặt y tế điều trị

Trong bài này, để hướng việc chuyển ngữ các danh từ tôn giáo vào hệ thống, ta sẽ gọi tôn giáo của chúa Jesus là đạo Cơ-đốc (nói chung cho mọi học thuyết và nhánh phái); từ Gia-tô hoặc Gia-tô La-mã (Roman và Roman Catholic) chỉ thành viên của giáo hội Thiên Chúa La-mã; từ Tin lành (Protestant) chỉ những phái Cơ-đốc giáo đã tách ra khỏi nhà thờ La-mã từ thế kỷ XVI.

Bệnh cùi hay bệnh hủi là tên gọi bình dân. Đại từ điển tiếng Việt gọi là bệnh phong (hay là phung), giải là bệnh viêm da mãn tính, gây lở loét, làm cụt đầu từ đốt ngón tay, ngón chân. Tiếng Anh gọi là *leprosy*, tiếng Pháp *lèpre*, xuất từ chữ La-tinh *lepra*, dùng từ thời Thánh kinh Bible Cơ-đốc, chỉ chung các bệnh ngoài da nhiễm trùng, gây lở loét, hủy hoại da thịt và cơ thể. Bệnh phong, cho đến thời cận đại, được xem là chứng bệnh gây ra đau khổ nhiều nhất cho loài người. Vi trùng gây ra bệnh truyền nhiễm này, mạn kinh niên, được nhà bác học Gerhard Armauer Hansen, người Na-Uy, khám phá ra năm 1870 tại Bergen, đặt tên là *microbacterium leprae*, nhưng cho đến nay vẫn chưa giải thích được trọn vẹn cách thức lây bệnh, và phương thức tiếp nhận bệnh lâu dài bao nhiêu.

Bệnh phong có nhiều loại, hai loại chính là *phong da - lepromatus*, xâm nhập cơ thể từng

mảng đốm hột nhỏ, mãn kỳ làm sưng phần dưới da, làm sưng mũi, sưng mặt, sưng dái..., khó dự đoán được tiến trình của chứng bệnh. Loại thứ hai *phong da - tuberculoid*, xuất hiện những khối u màu chì, viền đỏ chung quanh, khi lan vào da thịt không gây nhức nhối. Loại phong này lắm khi phát triển im lìm và tự tiêu tán, bệnh nhân dứt hẳn bệnh. Bệnh chứng khó tiên liệu, lại gây ra các lở loét hôi thối, buộc bệnh nhân phải sống trong môi trường dơ dáy bẩn thỉu, tránh mọi người vì tay cụt chân đứt, mặt mày sứt mẻ, méo mó, sần sùi, máu mủ rơi vãi, làm người chung quanh phải xa tránh. Nói chung, bệnh phong thường thấy tại vùng nhiệt đới, thế nhưng tại các vùng rất lạnh như Siberia, Manchuria, Korea, và Tibet vẫn gặp bệnh phong. Tài liệu Liên Hiệp Quốc, cơ quan y tế công bố vào thập niên 60 thế kỷ trước, có 4.766.437 người mắc bệnh phong và 191.864 bệnh nhân được điều trị trong các trại phong. Con số trên không tính đến hai nước Cộng sản lớn là Nga Sô và Trung Hoa. Cũng theo tài liệu Cơ quan Y tế Liên Hiệp Quốc WHO, cuối thập niên 80, trường hợp người mắc bệnh phong phải tính trên hai triệu, và con số người bị nhiễm bệnh lên đến 11 triệu.

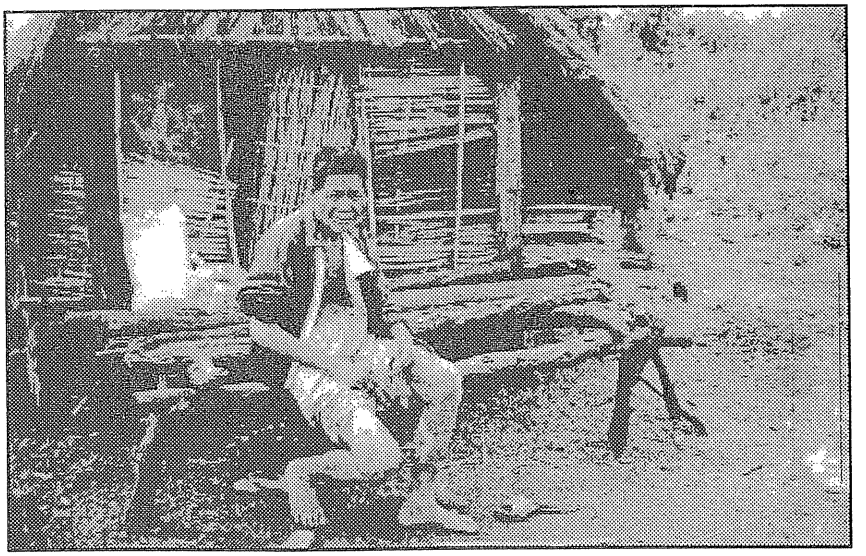

Một bệnh nhân bị phong cùi tại Việt Nam

Phương pháp cận đại trị liệu bệnh phong ít dùng dầu chaulmoogra như ngày trước, và dựa vào dược phẩm hóa chế loại sulfone chận ngay được sức tiến triển của bệnh và làm lui bệnh trong rất nhiều trường hợp, thế nhưng y sĩ điều trị đã phải nhìn nhận là các phản ứng bên lề rất nguy hại và đôi khi đã gây ra phản ứng đối kháng tăng thêm triệu chứng bệnh. Liều thuốc dùng nhiều nhất vào cuối thế kỷ trước là "Dapsone", đã gây phản ứng đối kháng mạnh và vì vậy y sĩ trị liệu tiên đoán bệnh phong sẽ tăng thêm trong những năm tới. Dapsone được đem ra dùng từ năm 1940. Thuốc bắt đầu mất công hiệu hai ba mươi năm sau. Thập niên 80, tổ chức WHO khuyến cáo một phương pháp trị liệu mới, đem dùng Dapsone chung với hai loại thuốc hỗ trợ là: "Rifamici" và "Clofamizine". Công hiệu được chứng minh rõ ràng.

Bệnh phong đã được chứng minh là ít truyền nhiễm hơn bệnh lao (tuberculosis, tuberculose). Cũng đã được chứng minh là mỗi cá nhân có một khả năng kháng nhiễm riêng chống bệnh phong, nhiều người tiếp cận bệnh khá lâu mà không nhiễm bệnh. Trung bình, thời kỳ lây bệnh tính ra là ba năm, nếu thường xuyên sống với con bệnh, dĩ nhiên có thể ngắn hoặc dài hơn, Trong số các tu sĩ thuộc đạo Cơ-đốc đã phục vụ bệnh nhân cùi, rất ít người bị nhiễm bệnh.

Bệnh phong trong môi trường sinh thái xã hội

Bệnh phong không thể ví với bệnh dịch hạch (plague, peste) đã thảm sát hàng chục triệu người một lúc vào giữa thế kỷ XIV; tuy nhiên phong cùi cũng đã từng gây ra hiểm họa dịch lớn trong lịch sử. Tại Tây phương, người đầu tiên mô tả và tìm cách điều trị bệnh phong là Galen (Pháp viết là Galien, s.131 – m.201) được xem là thủy tổ của ngành Dược khoa. Tại Ấn Độ, sách Sushuta Samhita của nền y khoa Ayurveda đã nói tới bệnh phong 600 năm trước Tây lịch, (xin đọc NguyễnPhúc Bửu-Tập: *Nền y khoa Ấn-Độ Ayurveda*, Tập san Y Tế, 1990 và Tập san chuyên nghiệp Dược khoa, 2001). Y khoa Trung Hoa viết về bệnh phong 500 năm trước Tây lịch, và Hoa Đà khoảng 200-300 sau TL cũng đã chữa bệnh phong. Sử sách Đông phương hiện ta tham khảo được ở ngoài nước không cho phép ta tìm hiểu

được các tài liệu về việc điều trị, phòng ngừa, và cách tiếp cận của cộng đồng đối với người bất hạnh mang bệnh cùi. Chỉ nói thoáng qua trong sử sách của nhà thờ Cơ-đốc, một vài điểm nêu lên để so sánh, là tại Ấn Độ và Trung Hoa, vào thời tiền cổ và trung cổ, cộng đồng ruồng bỏ những kẻ mắc bệnh phong, có khi đốt cháy từng xóm, từng làng, giết cả người và tiêu hủy nhà cửa để tiêu diệt bệnh. Thế nhưng không phải chỉ riêng người Á Đông đã mang tội ruồng bỏ hoặc tàn sát người mắc bệnh phong. Sử sách châu Âu, qua kinh Thánh Bible để lại nhiều tài liệu về bệnh phong, nhất là các tài liệu liên hệ đến Chúa Jesus mà ta sẽ nói ở phần ba.

Trước tiên, cần minh định danh từ bệnh hủi leprosy và lèpre mà sử sách phương Đông và phương Tây đã gán cho người mang bệnh với tất cả điều ghê gớm thấy qua người bệnh và môi trường. Giáo sư G. Sticker chuyên khảo về lịch sử y khoa, nêu lên các điều nhầm lẫn trong cách chẩn tả bệnh của người xưa khiến ta không hiểu bệnh phong. Sách thuốc dưới thời kỳ Vệ-đà Ấn Độ dùng chữ *kushta* để chỉ tất cả chứng bệnh ngoài da gây lở loét nhưng không phải bệnh phong, làm tăng số người phong, gây oan trái cho những người không mắc bệnh phong. Tại Trung Hoa, trước Hoa Đà hai, ba trăm năm, dưới thời Chiến quốc, cộng đồng cũng đã ruồng rẫy người cùi mà không phân biệt rõ ràng bệnh phong với các bệnh ngoài da khác. Tại Ai Cập, 1550 trước Tây lịch, sử sách ghi trên giấy papyrus cũng đã phân biệt sai bệnh phong, nhầm lẫn với các bệnh *aat, uchedu* (chỉ là bệnh ngoài da gây lở loét, không giết người), và bệnh nhân xem như bị phong, bị ruồng rẫy đọa đày.

Sử sách Tây phương gán tội cho các đạo quân của Alexander the Great, khoảng ba, bốn trăm năm trước Tây lịch, đi thôn chiếm Trung Đông và Ấn Độ, đem bệnh phong về Âu châu. Cũng như khoảng một nghìn năm sau, sử gia y tế nhầm lẫn bệnh tiêm la (syphilis) với bệnh phong, gán tội cho dân lái buôn Y Pha Nho đem phong từ đất tân tạo Mỹ châu vào đất Âu châu, mà thật ra là bệnh tiêm la hơn là phong.

Ta hãy trở lại với bệnh phong nói trong Thánh kinh Bible, trong Cựu ước và trong Tân ước. Vào thời kỳ khởi thủy của đạo Cơ-đốc bệnh cùi được gọi là *saraat*, với các triệu chứng được mô tả rõ ràng để phân biệt với các chứng bệnh ngoài da khác. Người mắc bệnh cùi bị xem là "bẩn" (unclean) phân biệt với người bình thường gọi là "sạch" (clean), bởi lẽ người mắc bệnh phong được xem là mang dấu vết của Thượng đế trừng phạt kẻ đã phạm tội. Từ ý niệm sạch, tinh khiết (pure) và vẩn đục (impure) mà sinh ra những giáo điều trong Cựu ước là phải cư xử thế nào với người mang bệnh, và các cách thức lễ nghi đẩy người bệnh ra khỏi cộng đồng khi đủ bằng chứng mắc bệnh, và tiếp nhận lại người bệnh vào cộng đồng, khi đủ bằng chứng là lành bệnh.

Ngày nay, lý luận dưới ánh sáng khoa học, những người làm việc cho bệnh cùi khẳng định là rất nhiều triệu chứng ghi nhận trong Cựu ước, và cả trong Tân ước, không đúng là triệu chứng bệnh phong cùi. Sự kiện này dẫn đến một điểm quan trọng trong lịch sử bệnh phong là Chúa Jesus có mắc bệnh phong hay không? Đại từ điển đạo Gia-tô (Catholic Encyclopedia, quyển III, mục Leprosy) ghi nhận có 83 đoạn trong Cựu ước và Tân ước nói đến bệnh phong và không có chi tiết nào mâu thuẫn giữa hai sách ước. Trong bổn kinh được Nhà thờ Gia-tô quý trọng nhất, đi sát với lời Chúa dạy, là bổn Vulgate có đoạn tả Chúa Jesus "gần như mang bệnh phong" (quasileprosus). Đại từ điển dẫn một tấm hình điêu khắc của Chúa Jesus trong một bản "gospel", Chúa đang chữa bệnh, "làm sạch" một nạn nhân bệnh cùi. Sách còn dẫn trong đám môn đệ của Chúa có "ông cùi Simon" và "lão hành khất Lazarus", rất gần gũi Chúa. Điều quan trọng nơi đây cần nhắc lại là đạo Cơ-đốc, nhờ văn minh cơ khí và kỹ nghệ đã lấn lướt các tín ngưỡng khác, và các chi tiết hình ảnh và hành động của Chúa Jesus phổ biến qua kinh sách nói lên là Chúa Jesus "cảm thông nỗi thống khổ và chính tay chùi rửa (các vết thương) của người cùi" (sđd, tr. 669) trở thành một điểm lợi mà các tôn giáo khác không hiện hữu, hay ít nhất là không làm xuất hiện được bề mặt. Nói theo ngôn ngữ ngày hôm nay, đạo Cơ-đốc sinh hoạt trong môi trường mạng lưới giao thông và tuyên truyền mà các tín ngưỡng khác hoàn toàn thua kém.

Nhưng ta hẳn trở lại với lịch sử bệnh phong tại Âu châu. Giữa thiên niên Một, nhà thờ ban giáo lệnh qua Council of Orleans buộc tất cả các địa phận giám mục phải cưu mang người cùi, cho ăn cho mặc, không thể ruồng bỏ. Thế nhưng phản ứng của dân chúng đối với người cùi vẫn tiếp tục như trước. Cũng vào lúc này dịch phong lại chớm phát ở Trung và Bắc Âu. Vua Rothavicus ở Lombardo, miền Bắc nước Ý, ra lệnh nhất quyết trục xuất người cùi ra khỏi cộng đồng. Tệ hơn

nữa là nhà thờ tại Ý và Pháp cho cử hành buổi lễ gọi là Lễ Thánh Lazarus (tên người hành khất mang bệnh cùi sống cạnh Chúa Jesus, ta đã nói ở trên), để tống biệt người cùi khi bị trục xuất, xem như là người đã chết! Lễ này, nhà thờ địa phương đặt tên là *De separatione leprosorum*, tống biệt người cùi. Thế nhưng một số nhà thờ tại các quốc gia khác như nước Anh, nước Đức, nước Bồ Đào Nha cho là tàn nhẫn, bất nhân, không theo. Một trận dịch cùi lớn xẩy ra năm 1321 tại Paris. Dân chúng Pháp, được nhà thờ đồng lõa, tổ chức một cuộc hành quyết tàn sát lớn - *pogrom*, giết cả chục ngàn người phong. Giáo hội bây giờ phản ứng, rút phép thông công của tất cả những người tham dự vào cuộc hành quyết. Từ đó, nhà thờ mới thật sự thay đổi thái độ, trở nên bao dung đối với người cùi.

Bệnh cùi dần dần biến mất tại Âu châu do nhiều duyên cớ. Thế kỷ XIV, bệnh dịch hạch, gọi là the Black Death, giết hết một phần ba dân số châu Âu ngày đó, 25 triệu người. Người cùi sống không gia cư, đau không thang thuốc, là nạn nhân đầu tiên; vô hình chung, châu Âu được quét sạch bệnh cùi. Ngoài ra, bước qua thời kỳ Phục hưng, đời sống khang trang lành mạnh, bắt đầu có phương pháp vệ sinh. Và duyên cớ rõ ràng và hữu hiệu nhất là cuộc tiến hoá của khoa học y khoa.

Đạo Cơ-đốc và bệnh phong

Đối với một người "ngoại đạo" (từ ngữ này của các ông giáo sĩ da trắng đặt ra để tuyên dương người trong đạo, khác với người ở ngoài không biết tín ngưỡng là gì – nghe thật trái tai!), cái hình ảnh đẹp và quyến rũ của đạo Cơ-đốc là hình ảnh của người nữ tu da trắng sống trong trại cùi, săn sóc người cùi. Lúc tôi còn bé, theo cha tôi đi qua trại cùi Quy Hoà ở miền Nam Trung Việt, cái cảnh tượng một bà xơ chùi rửa máu mủ trên vết thương một người cùi đã gây trong tôi một ấn tượng sâu sắc mà gần bảy mươi năm sau không hề phai nhạt.

Trong các tôn giáo lớn – đạo của Chúa Jesus, đạo Hồi, đạo Ấn Độ, đạo Phật... có lẽ đạo Cơ-đốc độc nhất, từ ngày khai đạo, đã có liên hệ mật thiết với bệnh phong. Các mối liên hệ này trải trên mọi lãnh vực công tác xã hội, luật pháp, chi phối đời sống cộng đồng, các mối quan tâm thuộc tín ngưỡng khuyến khích người thờ đạo Cơ-đốc

HỒNG KHẮC KIM MAI

Phục Sinh

Tòa soạn: *Tác giả Hồng Khắc Kim Mai vừa trải qua một cơn bạo bệnh thập tử nhất sinh, và bài thơ này được viết trên giường bệnh ngay sau khi qua cơn nguy hiểm. Thân chúc nhà thơ chóng bình phục với tâm tình bừng sáng như đã viết trong bài thơ này.*

Thắp lên vòm cây một ánh khôi nguyên
Thắp lên vành môi một tiếng chim khuyên
Và cung đàn dâng cao sóng trùng dương

Thắp lên đồi mơ một nhánh trăng sao
Thắp lên tình yêu một núi thanh cao
Và muôn lời ca thánh thót ý mừng vui

Em, tóc mây thạch thảo
Chúm chím hai bờ môi
Em, gió hương linh bảo
Ùa ngập tuổi đôi mươi

Thắp lên tình thương một đóa tinh anh
Thắp lên trời xanh một dáng mong manh
Và trái tim em rộn rã tình ca nồng nàn

Thắp lên niềm tin một tiếng chuông ngân
Thắp lên vầng dương nhịp sống tơ vương
Và giấc mơ hồng nhuộm thắm áo tân nhân

Em, đôi mắt sương trinh
Lung linh một bóng hình
Em, như thơ u mơ
Miên man một phiến tình

Chiều nay
Áo em thơm lừng hương, hương quế
Sợi nắng bên hiên cũng giật mình

đóng góp phần tinh thần và phần vật chất vào việc giúp đỡ người phong, và đặc biệt là các sách vở, tài liệu ca tụng công tác phục vụ người phong rất phong phú. Lý do đã được dẫn ở phía trên là vì chính Chúa Jesus đặc biệt quan tâm đến người cùi. Lý do tiếp theo là vào đầu thiên niên Một, bệnh cùi tràn lan trên đất Âu châu. Đến thời Trung cổ, bệnh cùi dần dần thu hẹp và biến thể vào thời kỳ Phong trào Cải cách (Reformation), thế kỷ XVI, bệnh gần như mất hẳn ở châu Âu.

Thế nhưng tại châu Phi và châu Á, bệnh cùi tiếp tục hoành hành, ta thiếu các tài liệu thống kê. Vào đầu thế kỷ XX, con số người mắc bệnh phong ở châu Á, tuy không kiểm tra được tường tận, cũng phải tính đến hàng triệu người. Hơn một trăm năm trước, khi các Hội Truyền giáo bắt đầu hoạt động mạnh tại các nước Ấn Độ, Trung Hoa, và các nước ở Đông Nam Á, người giáo sĩ sống với dân địa phương gởi về nhà thờ châu Âu các báo cáo mô tả các cuộc tàn sát tập thể các làng xóm cùi tại Ấn Độ, cảnh tang thương của những kẻ mang bệnh phong nằm chết ngoài chợ hay bên đường cái bên Trung Hoa, không một người đoái thương. Các báo cáo này đã gây một *phong trào thiên triệu* trong giới tín đồ thông cảm sâu xa với người mắc bệnh phong. Sách nhà thờ thế kỷ XVI ghi nhận việc cứu trợ nạn nhân cùi như là công tác "ad hoc", gặp thì phải làm, không quy luật, không thể thức. Nhưng từ thế kỷ XIX trở đi, nhất là từ lúc cha Damien, giáo sĩ dòng Sacred Hearts of Jesus and Mary, nước Bỉ, tình nguyện sống săn sóc người cùi tại Hạ Uy Di, bị nhốt riêng trong hòn đảo Molokai, với điều kiện sinh sống tàn khốc, và Cha bị lây bệnh cùi nhưng quyết tâm ở lại chết với người đồng bệnh. Tin này phổ biến qua châu Âu và châu Mỹ lại càng nung nấu sức mạnh cứu rỗi của người tu hành. Khoảng thập niên 70 thế kỷ XVI, giáo sĩ Franciscan thuộc nhà thờ Gia-tô mở kế hoạch cứu trợ bệnh phong tại Macau và Manila; từ cuối thế kỷ XVII công đoàn Jesuit cứu trợ cùi tại Nhật Bản. Bệnh viện điều trị và nuôi cùi được thành lập năm 1784 tại Manila, gồm 7.000 bệnh nhân, và sau đó mở thêm chi nhánh tại Pondichery Ấn Độ.

Noi gương cha Damien, giáo phái Tin lành năm 1874 tại Luân Đôn, tổ chức "Công đoàn Cứu trợ Người phong", gây việc cứu trợ thành hệ thống dưới sự điều khiển của Mục sư Welleslay Bailey. Lúc ban đầu, Công đoàn chỉ nhằm vào việc tiếp liệu vật chất, cung cấp thuốc men và sách đạo. Thế nhưng từ đầu thế kỷ, y khoa chứng minh có thể chữa lành bệnh phong, Công đoàn liền thiết lập các cơ sở phục hồi người phong và công tác này được khởi sự tại Trung Hoa, Nhật Bản và nhất là tại Hoa Kỳ. Vào thập niên 30 thế kỷ trước "Công đoàn Cứu trợ Bệnh phong" của Hoa Kỳ thành lập được 105 cơ sở cứu trợ trên toàn thế giới và 56 cơ sở điều trị và dưỡng dục tại châu Á.

Việc tranh chấp giữa nhà thờ thuộc các quốc gia khác nhau, và ngay trong một quốc gia các giáo phái (Tin lành, Gia-tô...) cũng tranh chấp dữ tợn, gây khó khăn cho việc cứu trợ của các cộng đoàn giáo sĩ. May mắn là một số hội đoàn quốc tế và tổ chức thiện nguyện, từ đầu thế kỷ XX cũng đã đóng góp vào việc cứu trợ bệnh phong, như tổ chức Hồng thập tự, như YMCA, YWCA, tổ chức Salvation Army, tổ chức Hướng đạo, mở những cuộc lạc quyên, thâu góp tặng phẩm để tiếp tế cho các tổ chức cứu trợ. Ngoài ra việc cứu trợ nạn nhân bệnh phong gặp những vấn đề nan giải như đời sống tình ái, nuôi dưỡng con cái. Cho đến nay, nhiều cơ sở điều trị đã bắt buộc phải làm triệt sản người đàn ông hoặc là làm vô sinh người đàn bà ở tuổi còn sinh sản. Y học khẳng định là bệnh phong không di truyền, cho nên trẻ sơ sinh – rất dễ bị lây – phải đặt vào các cơ sở nuôi dưỡng cô nhi sau khi ra đời từ cha mẹ cùi.

Công tác chữa trị, dưỡng dục, phục hồi và tái tạo đời sống lành mạnh cho bệnh nhân phong đòi hỏi ngân sách lớn. Nghiệt ngã là các xứ nghèo lại là nơi có nhiều bệnh truyền nhiễm như bệnh phong. Hiện nay các cộng đồng giáo sĩ cứu trợ vẫn kêu cứu là vì thiếu tiền thuốc. Cơ sở cứu trợ chỉ nhận được một số bệnh nhân có hy vọng chữa trị, còn những trường hợp nặng quá phải từ chối, làm cho vết thương xã hội vẫn lở loét triền miên. Một vết thương xã hội nữa ảnh hưởng trực tiếp trên bệnh cùi là chiến tranh. Trại cùi thường nằm xa khu gia cư, trên vùng hẻo lánh. Khi xảy ra chiến trận, việc tiếp tế lương thực và thuốc men bị chận lại để thỏa mãn nhu cầu quân đội. Người ta thường kể cuộc thảm sát trại cùi Culion, nước Phi Luật Tân. Quân đội Nhật Bản, vào Thế chiến thứ Hai, tịch thu lương thực và thuốc men của làng cùi gồm năm, bảy nghìn người, trở nên chết bệnh và chết đói. Trong cuộc chiến tranh gọi là "giải phóng miền Nam", giáo sĩ trong trại cùi tại Ban Mê Thuột cũng bị tấn công. "Quân Cộng sản tàn sát bác sĩ và giáo sĩ tại trại cùi Việt Nam" (David Keck: *Leprosy Work*, CE., p.483), lời buộc

tội của một học giả in vào sử sách, vết nhơ nghìn đời không rửa sạch của quân hung bạo.

*

Bài viết nói về bệnh phong này ước mong gây được chút cảm hoài của người đọc hướng về những người bất hạnh mang bệnh phong ở bên nhà. Chúng ta ở ngoài nước không theo dõi được tin tức về bệnh cùi, ngoài một số tài liệu của chính phủ Cộng sản phải báo cáo với Tổ chức Y tế Quốc tế Liên Hiệp Quốc. Tập san đáng tin cậy nhất cung cấp tài liệu trong nước là *Revue des Etudes Vietnamiennes* của Bs Nguyễn Khắc Viện (đã mất), và Hữu Ngọc (tiếp nối), xuất bản từ 1964, gồm 150 đề mục trong Dossier du Viêtnam, không thấy đề tài nào về bệnh phong. Có dăm điều suy nghĩ xin trình ra để kết thúc.

Một là danh từ cùi, hủi, phung, phong. Trải qua thế kỷ XX tại châu Âu có cuộc tranh luận về danh từ *lepra* (La-tinh), *leprosy* (Anh ngữ), *lèpre* (Pháp). Đồng thời nhìn nhận công lao hãn mã của giáo sĩ Cơ-đốc hy sinh cho bệnh cùi, người ta lại buộc tội nhà thờ Cơ-đốc, vì những điều nhầm lẫn khi giải thích Thánh kinh nói về bệnh phong, và vì đã mô tả quá đáng những điều ghê sợ về bệnh phong để tuyên dương sự hy sinh của các vị Thánh giúp bệnh cùi, vô tình đã gây ra điều ngộ nhận và kinh sợ bệnh cùi trong quần chúng. Khoa học ngày nay đã chứng minh là bệnh cùi không đáng sợ gì hơn là bệnh lao, bệnh sốt rét, có thể trị dứt và người phong có thể phục hồi. Vì lẽ đó mà trước tiên phải phục hồi tinh thần bằng cách loại đi không dùng các từ lepra, leprosy, lèpre, mà gọi bệnh cùi là bệnh Hansen, người mắc bệnh phong là Hansenite. Chính nhà thờ Cơ-đốc cũng nhìn nhận điều sai trái, ra lệnh cho chủ chiên và con chiên tránh dùng các từ ngữ nặng nề ngày trước và tránh không nói bệnh phong là do tội lỗi gây ra.

Từ ngữ tiếng Việt ta dùng cũng vậy. Những tiếng trong quá khứ khêu gợi hình ảnh đau khổ, ghê rợn như phung, cùi, hủi, tưởng nên dứt khoát loại bỏ mà chỉ gọi là bệnh phong, từ ngữ nhẹ nhàng, bước đầu của công việc tái tạo địa vị người phong trong cộng đồng xã hội.

Điểm thứ hai liên hệ đến việc phục vụ người mắc bệnh phong hiện tại trong xứ. Ngay tại các nước văn minh bây giờ và các nước mới dành được độc lập ở Đông Nam Á, công tác phục vụ người phong còn phải nhờ cậy phần lớn vào các giáo vụ Cơ-đốc, phái Tin lành hay phái Gia-tô. Từ sau Thế chiến Hai các tổ chức quốc tế như WHO và UNICEF dần dần đảm nhiệm ngân sách, nhân viên, và kỹ thuật vào việc cứu trợ nạn phong, nhưng mà trực tiếp chữa trị, nuôi dưỡng, săn sóc người phong vẫn là các giáo sĩ, nữ tu thuộc các dòng Tin lành và Gia-tô bởi lẽ họ đã được huấn luyện, và quan trọng hơn nữa họ đã có lời nguyện hy sinh cho nhiệm vụ cao cả mà chắc chắn người bình thường không làm được. Trong những ngày đầu say sưa với chiến thắng (?), quân Cộng sản đã bắn chết bác sĩ và giáo sĩ, xua đuổi nữ tu... nhưng bây giờ tình trạng ra sao, ai chữa bệnh, ai săn sóc người phong? Đó là điều những người bình thường như chúng ta mong chờ hiểu biết.

Điểm thứ ba để suy tư là tôn giáo của đại đa số nhân dân ta là đạo Phật, sao không trù hoạch – ít nhất là bắt đầu trù hoạch – việc dấn thân vào công tác y tế yểm trợ, phục vụ bệnh phong? Ngày xưa xã hội ta nghèo nàn, tôn giáo của ta bị rẻ rúng, chỉ có bề sâu tinh thần, phần nhập thế để hoạt động xã hội rất tượng trưng, hầu như không có.

Nhưng hiện trạng đã đổi khác. Không ai còn cản được thanh thiếu niên chúng ta, đứng ngoài hay đứng trong Gia đình Phật tử, dấn thân làm những công tác khó khăn y tế như giúp người mang bệnh phong, theo hình ảnh của các đoàn thể Red Cross, YMCA, YWCA, Hướng đạo sinh tại các nước văn minh.

Gần đây, tín đồ đạo Phật tại ngoài nước rất xúc động vì một ni sư – Sư bà Trí Hải, đi công tác cứu trợ đã bỏ mình vì tai nạn xe. Sư bà Trí Hải kiến thức uyên thâm, phong thái xuất phàm, lại suy luận tân kỳ về sinh hoạt đạo Phật. Cá nhân tôi được may mắn tiếp xúc với Sư bà đôi lần trong những năm qua. Nói về việc cứu trợ nạn cùi, Sư bà đồng ý là nếu có tổ chức, chắc chắn không thiếu ni sư người Việt thiện nguyện làm công tác phục vụ người phong. Vấn đề căn bản, theo ý Sư bà là một quan niệm tổ chức thức thời, ngắn hạn và dài hạn, đứng ra ngoài các hệ thống chính trị, dựa vào các tổ chức xã hội và tín ngưỡng để có khả năng tài chánh. Phương thức tiếp cận là ngay bây giờ phải huấn luyện để quần chúng hiểu rõ là bệnh phong có thể chữa lành, và sinh hoạt với người phong – nếu đủ cẩn trọng – không thể lây bệnh. Sư bà Trí Hải chấm dứt câu chuyện với tôi bằng cách láy một câu kinh Torah Do Thái:

"If not now, when?

If not you, who else?"

Tôi từ giã Cô em thánh thiện, không giấu được hổ thẹn trong lòng, tiếc cho mình không được "ơn Phật triệu!"

CHANH CỐM

TRẦN YÊN HÒA

Hoạt lái xe theo đường Garden Grove rồi quẹo vào khu giặt đồ công cộng. Hai tuần một lần anh đến đây giặt quần áo. Nhà anh ở là khu apartment nhỏ phía bên kia đường, ở đó cũng có phòng giặt sấy áo quần nhưng anh không thích, vì máy giặt nhỏ và sấy lâu khô. Với lại, ra chỗ giặt áo quần công cộng cũng có những niềm vui nho nhỏ. Ở đây anh thường gặp một số người Việt Nam, dù không quen biết nhưng là đồng hương, nên trong lúc rảnh rỗi chờ đợi sấy áo quần, anh thường góp chuyện cho vui, khi thì chuyện cộng đồng gió tanh mưa máu, khi thì chuyện Việt Nam ngày chưa rời đất nước. Nhiều lúc không nói chuyện với ai nhưng đứng nhìn mọi người sinh hoạt anh cũng thấy vui vui.

Xe chạy qua trạm xăng Mobil là tới chỗ giặt đồ. Đèn bắt đầu thắp sáng cả khu vực. Hôm nay anh đến hơi trễ vì có vài chuyện, cũng là chuyện tầm phào, làm mất của anh suốt một ngày chủ nhật. Buổi sáng đi uống cà phê với vài người bạn ở Factory, ngồi nói chuyện văn nghệ văn gừng trên trời dưới đất, trưa về có điện thoại của người bạn cùng khóa sĩ quan, kêu "mày đến nhà tau uống bia chơi." Anh định từ chối vì anh cần phải ngồi vào computer viết tiếp cái truyện dang dở, nhưng khi anh ngồi vào bàn thì thấy toàn màu trắng của màn hình. Không có một ý nghĩ gì, không có một chữ gì trong đầu. Anh đành khép máy lại và lái xe đi. Những lúc thế nầy anh thường đi loanh quanh, hoặc vào tiệm sách hoặc vào các Mall. Nhưng đang lái xe anh nghĩ mình vô lý quá, xăng càng ngày càng lên giá mà lái xe đi loanh quanh hoài. Thôi mua thùng bia lại thằng bạn ngồi lai rai mà có lý. Anh lái xe đến nhà Đức thì đã có hai ba người bạn đã ngồi ở đó và mặt người nào người nấy đã đỏ gay. Thấy Hoạt xách thùng bia vào, Đức nói:

" Tưởng mày không tới chớ."

Hoạt đáp:

" Định không tới nhưng sợ mầy giận tau, lại có uống bia bỏ qua rất uổng."

Nhật nói:

" Mày tới sau bị phạt, mày vô hết chai nầy đi."

" Vô thì vô, sợ gì."

Hoạt uống liên tiếp ba chai Heinecken, nhưng anh kịp dừng ở đó vì biết mình còn phải lái xe về.

Những lần trước có Ngọc, Ngọc thường lái xe chở anh đi, bây giờ mất Ngọc, anh phải lái xe về một mình .

Ngồi cà kê dê ngỗng đủ mọi chuyện. Có một lúc Nhật hỏi:

"Ê, chuyện mày với 'bả' ra sao rồi?"

Anh cười trả lời:

" Không có chi quan trọng lắm, người đến rồi đi, tôi cũng xin tạ ơn người."

Hào lên tiếng:

"Mày văn nghệ văn gừng lang bang cho lắm vào, bả ghen chứ gì?"

Hoạt không muốn trả lời những người bạn không hiểu mình gì hết, anh đọc nhỏ một câu thơ:

"Chí ta ta biết lòng ta ta hay."

Đức ngắt lời:

"Thôi uống đi, nói chuyện nhiều bia bay hơi hết."

Ba đứa lại cầm ly dơ lên cao cụng nhau rồi nốc. Hoạt uống từ từ. Anh cảm thấy hơi buồn vì chuyện của anh không đâu vào đâu mà mấy đứa bạn cũng làm ầm ĩ4. Yêu thương. Giận hờn. Chia cách. Đó cũng là chuyện thường tình. Anh lặng lẽ uống trong lúc mấy người bạn tiếp tục "dô, dô."

Anh lái xe về mà cái đầu còn sật sừ. Anh biết mình không say nhưng cũng sợ cảnh sát chận bắt giữa đường. Anh lái xe đi trên những con đường nhỏ cho an toàn. Về đến nhà anh ngủ vùi, đến lúc thức dậy thấy trời gần tối nên anh phải lái xe đi giặt đồ. Không giặt đồ không có áo quần mặc đi làm ngày mai.

Anh nghĩ đến công việc trong hãng, ngồi bên Thảo, Thảo sẽ nói:

"Anh Hoạt hôm nay mặc đồ mới giặt ha?"

Vì Thảo biết anh sống một mình, biết anh đã xa Ngọc, mà đàn ông sống một mình thường hay bừa bãi, làm biếng, luộm thuộm, nên Thảo thường hay nhắc khéo để anh siêng năng lên. Thảo là single mom, anh nói với Thảo. "Em làm em gái anh nhe," Thảo gục gục cái đầu làm bộ hờn dỗi. "Gì? Anh nói gì, trên đời nầy không có anh em giữa trai và gái." Anh cười cầu hòa, "Vậy em muốn anh là gì của em?" Thảo đỏ mặt lên không nói, nhưng anh biết Thảo có cảm tình với anh. Anh cũng nghĩ, em gái gì khi Thảo chỉ nghỉ vacation một tuần, anh làm việc một mình, không có Thảo, anh thấy buồn tênh. Lúc đó, anh chưa bước qua ngưỡng cửa tình yêu với Thảo vì còn "bả," chứ bây giờ còn đợi gì nữa đây.

"Bả" là danh từ tụi bạn hay dùng để chỉ Ngọc.

Ngọc với anh như sương khói, tràn đầy trong một sớm mai nào đó, nhưng khi mặt trời lên là biến mất.

Hoạt dừng xe trước Laundry, buổi tối mà cũng còn đông người giặt sấy, đông nhất là Mễ rồi tới Việt Nam. Anh hay nhìn những cô gái Mễ bận quần ngắn cũn cỡn để lòi ra cái lỗ rún. Có cô đeo tòn teng cái khoen. Anh nhìn cho vui, vô thưởng vô phạt, như là nhìn một vật lạ, nó không gây trong anh nỗi hưng phấn nào. Gái Mễ trong TV, Video, DVD, nhiều cô đẹp lắm, nhưng ngoài đời anh toàn thấy những cô gái Mễ màu da nâu bóng, thân thể mập thù lù, anh không có một cảm giác nào, nhưng dù sao cũng có cái để nhìn hơn là nhìn vào khoảng trống không.

Hoạt ra ngồi trên chiếc ghế trống đợi, sau khi đã bỏ áo quần vào trong máy. Anh lấy cuốn truyện của người bạn vừa tặng ra đọc. Những lúc như thế nầy anh thấy cô đơn dễ sợ, anh muốn khỏa lấp những trống vắng bằng cách đọc một cái gì đó. Những lúc đó anh thấy nhớ Ngọc và cần Ngọc ghê gớm, nhưng Ngọc đã quay đi xa rồi.

Khi anh đem đồ đã giặt xong bỏ vào máy sấy là lúc anh thấy người đàn ông Việt Nam đi vào. Anh đoán ông ta khoảng sáu tám, bảy mươi gì đó. Chắc ông ta đi vào giúp đỡ con hay cháu đang giặt đồ ở đây. Nhưng không phải vậy, ông đi thẳng vào chỗ dành cho nhân viên của tiệm. Ông nhìn quanh quất, rồi vào mở khóa phòng restroom, ông vào trong đem ra cây chổi lau nhà, rồi ông ra lau sàn nhà, những chỗ trống không có người đứng.

Hoạt nhìn ông, cười chào xã giao rồi hỏi:

"Anh làm ở đây hả, mấy lần giặt đồ không thấy anh?"

"Tôi chỉ làm thứ bảy chủ nhật. Ra phụ với ông bạn kiếm chút tiền uống cà phê. Với lại mấy tháng trước tôi ở Việt Nam."

Hoạt nhìn ông. Ông bận cái áo sơ mi màu xám đen đã sờn, áo tay dài mà không cài khuy nút nên trông luộm thuộm, cái quần tây màu xanh đậm, đôi dép nhựa đã mòn trông cũ kỹ. Hoạt nghĩ ông là người chăm việc siêng làm. Chắc bây giờ con cháu đề huề, nên chủ nhật buồn ra làm thêm cho vui.

"Làm ở đây cũng vui chứ anh, chứ ở nhà đi ra đi vào, chán chết."

Ông cười rồi nói:

"Vui, nhất là ngắm mấy em Mễ để bụng trắng hếu lòi cái lổ rún ra."

Hoạt hơi ngạc nhiên vì mới quen mà ông ăn nói bạo mồm bạo miệng. Vốn "kính lão" nên anh cũng cười phụ họa theo:

"Con gái bây giờ ăn mặc trông ghê quá."

"Ghê gì, ăn mặc thế nhìn mới đã con mắt."

Ông vừa nói vừa dựa cái chổi lên trên cái máy giặt, rồi ngồi xuống cái ghế cạnh Hoạt. Ông thì thầm:

"Con gái ở đây chỉ nhìn thôi, chứ ở Việt Nam muốn gì được nấy."

Hoạt ngỡ mình nghe lầm lời nói của ông già nầy quá. Định chào hỏi ông cho qua thời gian chờ đợi, không ngờ lại gặp ông già dân chơi, "ông già gân" hết chỗ chê.

Hoạt hỏi lại:

"Anh về Việt Nam có vui không?"

Ông nhíu mày:

"Hết sẩy, tôi về ở bên đó mười năm, mới qua lại đây năm ngoái. Mấy đứa con tôi sợ tôi bịnh hoạn nên kêu qua, chứ tôi thích ở luôn bên đó."

Rồi ông nhìn Hoạt, đôi mắt ông nháy nháy, đôi mắt như muốn nói với Hoạt rằng, đây là điều bí mật của đàn ông, chỉ có đàn ông mới nói với nhau mà thôi. Hoạt nghĩ, chắc đây là chuyện ăn chơi như rượu chè, cờ bạc hay đàn bà, mà hai chuyện kia, cờ bạc và rượu chè, nói ra cũng không đáng ngại, chắc chỉ có chuyện đàn bà thôi.

Hoạt cười đáp lại người đàn ông như biểu đồng tình. Hoạt lại nhìn ông, cái áo sơ mi dài tay, cái quần xanh đậm, cái mũ lưỡi trai che sập hết cái đầu, mái tóc. Dáng người nầy là thuộc dạng lao động. Gương mặt ông trông chất phác, ngờ nghệch, không lanh lợi, không đểu cáng, không lưu manh, Hoạt nghĩ, chắc thế.

Hoạt bước lại chỗ để máy sấy, định coi thử áo quần đã khô chưa. Trước mặt anh là một đứa con gái Mễ, khoảng mười ba, mười bốn tuổi, bận chiếc quần jean ngắn cũn, đề lòi ra cả khoảng bụng và hông. Cái eo bắt đầu mập, đã có ngấn, cô bé bận cái áo hở cổ rộng, để lộ một mảng vú săn cứng, chắc nịch. Đứa con gái Mễ bước qua chỗ Hoạt lúc anh cúi xuống mở cửa máy sấy, cặp vú tròn lướt qua mắt anh , Hoạt tự dưng thấy ngợp.

Có tiếng cười dòn phía sau. Thì ra ông bạn đồng hương coi máy giặt. Ông đứng gần Hoạt lúc nào không hay. Thấy Hoạt né tránh cái mông của cô gái Mễ, ông nói:

"Gái ở đây sao bằng gái ở Việt Nam, em Mễ thì mập và hôi mồ hôi dầu, em Mỹ thì đắt giá nhưng nhão nhoẹt, và rộng thinh thang... Chỉ có em Việt Nam ở tuổi 'chanh cốm' là hết sẩy."

Hoạt nghĩ lời nói đó phát ra từ miệng một chàng thanh niên hay trung niên nào đó thì đúng hơn là của một ông già. Tự nhiên Hoạt muốn tìm hiểu thêm ở ông một chút, coi thử ra sao. Hoạt chỉ ra ngoài hàng ghế đợi, rồi nói nhỏ với ông:

"Đồ sao sấy lâu khô quá, mình ra ngoài kia nói chuyện chơi đi anh."

Ông cười nói theo:

"Anh ra trước đi, để tôi cất cái chổi."

Hoạt ra ngồi ở hàng ghế dành cho khách, nhìn ông đang loay hoay cất dọn đồ đạc vào trong phòng vệ sinh. Từ xa nhìn ông, trông ông thật lam lũ, ông có dáng dấp của một ông nội, ông ngoại, ở nhà quê miền nam Nam bộ. Ông nội, ông ngoại, dắt cháu đi chơi trên đồng cỏ xanh tươi mát hay trên đường làng đầy cây giăng bóng, rợp cả một khoảng trời. Các cháu sẽ đu trên vai ông để ông cõng trên lưng mà tha hồ dung dăng dung dẻ.

Hoạt nhìn khu giặt đồ về đêm đã vơi bớt người. Những người Mễ, Việt Nam, Đại Hàn cũng lục tục dọn dẹp áo quần trong những cái làn nhựa hay những cái bao bằng vải lớn. Hoạt giặt hai tuần một lần, nhiều đồ quá nên máy sấy lâu khô, thôi thì đợi ông bạn ra nói chuyện tầm phào cho vui.

Ông bạn trở ra ngồi xuống ghế gần Hoạt:

"Trời mấy ngày nầy nóng nực quá, tối ngủ phải mở máy lạnh mới chịu nổi."

Hoạt hỏi:

"Anh qua đây hồi bảy lăm hay vượt biên?"

"Bảy lăm chứ, hồi đó ít người Việt, cũng trầy vi tróc vãy lắm mới sống được, hồi mới qua, nhớ nhà lắm."

Hoạt cười:

"Gia đình anh qua hết bên nầy mà nhớ cái chi."

" Thì nhớ cây cau, gốc mít, chiếc xe đạp, hoa bằng lăng, nhớ hết anh à."

" Anh về Việt Nam ở mười năm lận hả?"

" Ừ, mười năm."

Hoạt nghĩ đến mười năm, đó cũng là thời gian Hoạt sống trên đất Mỹ. Hoạt qua Mỹ mười năm, anh đã vô quốc tịch. Nhiều khi anh cũng muốn về thăm quê nhà một chuyến nhưng Hoạt cứ ngần ngại. Mười năm Hoạt đã làm gì được trên đất Mỹ nầy, đi cày ở hãng, làm suốt từ sáng đến tối mịt, lãnh lương cũng chỉ ba cọc ba đồng. Định để dành tiền về xây lại cái nhà từ đường cho có chỗ hương khói ông bà, xây cái mộ cha, mộ mẹ. Nhưng tính toán hoài, cũng chưa đâu đến đâu.

Hoạt nghĩ, ông bạn về ở lại bên đó mười năm chắc là có vấn đề.

Ông đến ngồi bên Hoạt, trông gương mặt ông rất hỉ hả. Cái gương mặt của sự thỏa mãn, bằng lòng với cuộc sống.

Ông nói:

"Tôi qua đây đã ba mươi năm, hai mươi năm đi cày thì tôi phải có mười năm hưởng thụ chứ. Con cái đề huề, có nhà có cửa, đứa nào cũng công ăn việc làm vững chắc, tôi còn lo lắng gì nữa đâu."

Rồi ông trở giọng nhỏ xuống, thầm thì:

"Về Việt Nam mình phải biết chỗ chơi, chứ lang bang ở những quán bia ôm, karaokê hay mấy động đĩ là mình dính ngay, không bị mấy em lừa thì cũng bị sida. Ghê lắm."

"Vậy anh ăn chơi bằng cách nào?"

Ông nhíp nhíp đôi mắt:

"Thì bỏ tiền mua mấy em 'chanh cốm,' mấy em nhỏ ở vùng quê, cha mẹ nghèo, mình hứa giúp đỡ, cho tiền ông bà già, là mình được."

Hoạt cũng biết chuyện nầy qua sách báo, những bài phóng sự đăng về chuyện mấy ông già Việt Kiều, có tiền, có bạc thừa mứa, đi mua trinh mấy em bé nhà quê nghèo khổ, hay chuyện những người đàn bà chuyên môn đẻ thuê. Xã hội đã chuyển qua màu đen xám. Nhưng trong trí óc Hoạt cứ nghĩ đến những ông già lái xe láng cóng, quần áo bảnh bao, bụng phệ, tóc chải mượt, da trắng bóng, mới làm những chuyện đó. Không ngờ người đàn ông nầy trông có vẻ lam lũ, dáng dấp của một người lao động chân tay,

mà cũng có món ăn chơi dữ dội vậy.

Hoạt tò mò:

" Anh kể nghe đi, ở đâu mà anh tìm ra món 'chanh cốm' ngon vậy?"

"Tôi về Việt Nam làm cái nhà để an dưỡng, tôi sống bằng tiền *retire non* gần một ngàn một tháng, ở Việt Nam, có tiền thì muốn cái gì không được."

"Nhưng anh cũng biết mối manh chứ."

"Thì nhờ bạn bè, mình có tiền đãi bạn bè thì bọn nó kéo tới ùn ùn, ăn nhậu thả dàn thì mình nhờ họ giúp đỡ mình là được. Có một chuyện với một con bé bây giờ tôi còn nhớ mãi."

"Chuyện thế nào?"

"Anh biết không, từ hồi có phong trào gái Việt Nam gã cho người ngoại quốc, nhất là gã cho dân Đài Loan, Trung Quốc hay Hàn Quốc thì chuyện mai mối dễ ẹt. Ít ra mình là Việt Kiều Mỹ, mình có giá hơn chớ, vì ai cũng nghĩ mình chi tiền sộp hơn. Anh biết không, một ông già Đài Loan già hơn tôi nữa kia, mà cưới cô gái Việt Nam mười bảy tuổi, tổn phí tất cả chưa quá ba ngàn Mỹ kim, mà lại bị ổng bắt về Đài loan làm tôi mọi, huống hồ gì mình, 'em' chỉ sống với mình một tuần, hai tuần thôi mà mình chi cho em một, hai ngàn, em mừng thấy mẹ."

Hoạt ngẩn người. Thì ra những ông "Việt kiều hồi hộp" về Việt Nam mua vui là chính những ông như thế nầy đây. Không phải những người có bộ mã bên ngoài mới ăn chơi, những người trông dáng vẻ khù khờ như thế nầy mà có tiền còn ăn chơi gấp bội. Ông lên tiếng tiếp:

"Có một lần tôi được giới thiệu một cô ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, cha mẹ cô ấy đã già mà nghèo lắm, cô còn một đàn em sáu đứa. Tôi bảo trợ cho tụi nó đi học, cũng ít thôi, rồi tôi lo thuốc thang cho ông già bịnh nặng. Sau đó tôi nói với ông già để đưa cô lên thành phố học nghề. Thế là mấy tháng sau tôi 'bùm' con nhỏ. Tuổi 'chanh cốm' ngon tuyệt."

" 'Chanh cốm' là mấy tuổi?"

"Mười sáu."

Hoạt giật mình thực sự, mười sáu tuổi. Lớn hơn đứa cháu ngoại Hoạt sáu tuổi. Hồi anh mười sáu tuổi, đi học trường quận xa nhà, nhớ cha nhớ mẹ cứ khóc rấm rứt. Em nầy mười sáu tuổi đã bị ông già lấy tiền ra nhử, lấy đi đời con gái.

Nhưng Hoạt đâu có quyền gì để lên mặt đạo đức lên lớp ông. Chuyện đàn ông ăn chơi, ai lại không muốn ăn miếng ăn ngon. Cái gì cũng là món hàng. Anh có tiền ít mà anh mua được hàng tốt, hàng rin, là anh trúng mánh, còn anh lơ tơ mơ, bị gài bẫy, dính hàng dỏm, hàng mả, thì anh phải chịu thôi. Cuộc sống biến đổi khôn lường. Ai cũng thủ về mình. Khi con gái, đàn bà, trở thành món hàng, thì người mua có quyền chọn lựa, kỳ kèo bớt một thêm hai.

Thấy Hoạt im lặng, tưởng anh tâm đắc, ông liền triết lý:

"Mình già rồi, ai nói mình chơi trống bỏi, mình chịu. Nhưng mình đâu ra đó, không lừa gạt ai, thuận mua, vừa bán. So với mấy thằng Đài Loan mình còn tốt hơn nhiều, mình còn chơi ngon gấp bội. Chỉ trong hai tuần, em lấy hai ngàn đô về làm nhà cho ông bà già, còn lại, em mua xe gắn máy và mở cửa hàng tạp hóa. Cái giá 'chanh cốm' của em được quá chớ."

Hoạt nghĩ người đàn ông nầy cũng có lý của ông. Ông lại tiếp:

"Chứ anh cũng biết đó, ở Mỹ, mình để dành hai ngàn đâu phải dễ, với hạng tôi, hai mươi năm làm assembler, để dành hai ngàn cũng trầy vi tróc vảy, mình làm ra tiền khó thì mình cũng kiếm miếng ngon mình ăn, chứ dại gì ăn đồ dở, ăn thừa của thừa người khác."

Ông cười hắt hắt lên, trông gương mặt ông rạng rỡ như là cái lý thuyết của ông là đúng tuyệt đối. Ông đổi giọng:

"Nhưng mà trong cái không hay lại có cái hay. Tôi sống với em hai tuần, tôi bắt đầu thấy quyến luyến em, tôi ngỏ ý với em là lấy tôi luôn để tôi bảo lãnh em đi Mỹ, thế mà em không chịu. Tôi đành buông em ra thôi. Trước khi qua Mỹ lại, tôi có ghé thăm huyện Tam Nông, quê em đấy, em đã có chồng, có con, sống rất hạnh phúc. Tôi nghĩ với hai ngàn của tôi mà gia đình em sung sướng là tôi cũng mãn nguyện."

Trời bên ngoài đã tối lắm rồi, đèn sáng choang ở phía ngoài cây xăng kế cận. Hoạt lo thu dọn áo quần để về.

Anh đứng lên nói với người đàn ông:

"Đồ tôi khô rồi, tôi vào trong lấy nhe."

Ông cười, đứng lên bắt tay anh:

" Hôm nay tự nhiên gặp anh, thấy vui, tôi kể chuyện tôi, anh đừng để bụng. Hãy xem như chuyện 'xe cán chó' vậy mà."

Hoạt bước vào trong, vừa mở cửa máy sấy, vừa nói với ông, giọng đùa vui:

"Nghe anh nói tôi cũng ham, chắc mai mốt về Việt Nam, tôi ghé tìm anh quá."

Ông vừa cười vừa bước vô restroom. Bóng ông khuất sau cánh cửa, ông đưa tay lấy cái mũ lưỡi trai xuống, để lộ ra cái đầu bạc trắng phau.

TỪ VIỆT GỐC PHÁP

NGUYỄN HỮU PHƯỚC

Dẫn nhập

Bài nầy nhắm vào việc giới thiệu với giới trẻ một khía cạnh của tiếng Việt, đó là những từ Việt gốc Pháp. Do đó nhiều chỗ có những giải nghĩa dài dòng, có thể hơi thừa đối với những người lớn tuổi (45-50 trở lên), xin quí vị lớn tuổi chấp nhận cho. Một số những từ trong bài nầy có trong quyển Việt Nam Tự Điển (VNTD) của các ông Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, hoặc trong quyển Gốc Và Nghĩa Từ Việt Thông Dụng (GvN) của ông Vũ Xuân Thái, một số những từ Việt hóa mà tôi kể ra ở phần sau không có trong hai quyển nầy.

Một số từ Việt hóa ghi trong VNTD chỉ ghi phần giải thích mà không có ghi nguyên ngữ Pháp. Dưới đây, một số nguyên ngữ Pháp do chúng tôi ghi trong các dấu ngoặc đơn là theo trí nhớ của chúng tôi với sự giúp đỡ của bạn tôi là anh Nguyễn Ánh Dương. Mong rằng chúng tôi nhớ đúng, mặc dầu đã trên 30 năm không viết hay đọc tiếng Pháp. Nếu thấy chỗ nào sai xin quý vị chỉ dạy hoặc bổ túc dùm, chúng tôi cảm ơn nhiều.

*

Trong tiếng Việt có thể nói trên năm mươi phần trăm các từ có nguồn gốc Hán Việt (HV). Nhiều từ loại nầy chúng ta đã dùng lâu đời và đã trở thành thông dụng đến nỗi chúng ta không để ý chúng là những từ Hán Việt nữa. Ảnh hưởng của Trung Hoa (TH) trong tiếng Việt là kết quả tự nhiên của hàng ngàn năm Bắc Thuộc và ngay trong thời kỳ tự chủ gần mười thế kỷ cũng dùng Hán tự như ngôn ngữ viết chính thức của quốc gia.

Nhưng còn khoảng 100 năm dưới ảnh hưởng của Pháp thì sao? Chúng tôi thử ghi nhận ra đây những từ (chữ) mà thế hệ chúng tôi, những người mà hiện giờ đang trong lứa tuổi 45-70 trở lên, đã có dịp đọc qua, hoặc nghe nói nhiều lần, hay chính mình trực tiếp dùng những từ đó, dùng một cách tự nhiên, hay dùng để nhớ lại một dĩ vãng nào đó. Trong những từ nầy, một số đã có một thời thông dụng mà bây giờ thì ít ai nhắc đến nữa. Một số từ khác vẫn còn thông dụng ở một vài địa phương trong nước, hoặc hải ngoại.

Giọng Hán Việt và các địa danh

Vấn đề người VN đọc các địa danh hay nhân danh ngoại quốc bằng cách nào là một vấn đề cho đến nay vẫn còn trong vòng tranh luận. Tuy nhiên trong một thời gian dài chúng ta đã chấp nhận việc đọc các địa danh ngoại quốc bằng cách mượn những từ Trung Hoa đã dùng sẵn và đọc theo giọng Hán Việt.

Ảnh hưởng của TH nhiều đến đỗi ngay cả từ "Pháp" để chỉ địa danh Pháp hay dân Pháp, cũng có nguồn gốc Hán Việt. Pháp đã đô hộ VN gần 100 năm. Pháp chính thức chiếm một phần lãnh thổ của VN vào năm 1862 và năm 1867. Năm 1884, mặc dầu Pháp chia VN ra là ba phần với ba thể chế chính trị khác nhau, Pháp đã đặt nền đô hộ trên toàn cõi VN.

Mãi đến năm 1954, sau hiệp định Genève Pháp rút quân khỏi phần đất phía bắc của vĩ tuyến 17 và năm 1955 Pháp rút quân khỏi miền nam vĩ tuyến nầy và hoàn toàn rời khỏi VN. Nhưng tại sao từ "Pháp" có nguồn gốc Hán Việt (HV)?

Pháp Lang Sa, Lang Sa, Pháp

Người Trung Hoa âm từ **France** tức nước Pháp ra ba phần: **F, ran, ce.** Nhưng trong ngôn ngữ TH không có âm "R", và họ dùng âm "L"thay thế. Do đó TH viết ba phần trên thành ba từ và đọc là **Phà lãn xi** (giọng quan thoại), hoặc "**Phap làn xấy**" (giọng Quảng Đông). Khi người TH phát âm giọng quan thoại, chúng ta nghe gần giống âm của nguyên ngữ "F ran ce" hơn, nhưng bị đổi thành "F lan ce". Họ đã đọc từ "ran" thành "lãn". TH mượn âm "xi" để đọc từ "ce". Xi hay xấy là "tây" tức hướng tây. Các nhà nho của ta đọc lại địa danh ấy là" **Pháp lang tây** " hay **Pháp lang sa**. Từ đó chúng ta có từ "**Pháp**" hay từ " **Lang sa**" để chỉ nước "Tây" hay nước Pháp.

Cũng một cách đọc đó, mẫu tự R đã thành L trong hai từ Franc và Paris và tất cả những từ nào có "R". **Franc,** đơn vị tiền tệ của Pháp, được TH đọc là "**Phà lạng**" (giọng quan thoại) hay "**phap lòn**" (giọng Quảng Đông); và chúng ta gọi là đồng

Phật lăng (giọng HV). Paris, thủ đô của Pháp, có giọng TH "**Pa lí**" hay giọng HV là "**Ba lê**".

Mỹ, Hoa Kỳ, Hợp Chúng Quốc, Cờ Hoa

Một ví dụ khác nữa trong việc mượn tiếng TH đọc âm HV là từ "Mỹ" để chỉ Hoa Kỳ (HK). Từ nầy do nguyên ngữ America. TH viết và đọc đại khái là "A mi li ca" (chữ r thành l trong từ li) và các cụ chúng ta đọc Á mỹ lệ ca. Tàu họ gọi tắt bốn từ đó là Mỹ và chúng ta dùng y chang như vậy. Địa danh America được chúng ta chiếu cố qua bốn tên. Ba tên đầu là tiếng HV: Mỹ, Hoa Kỳ, và Hợp Chúng Quốc (vì là một liên bang gồm nhiều bang từ chữ United States). Tên thứ tư "xứ Cờ Hoa" là một trường hợp có chút đặc biệt, vì từ nầy phát sinh do từ "Hoa Kỳ". Theo lẽ khi "dịch" ra tiếng Việt thuần túy phải là "Cờ Bông". Còn trong từ "Cờ Hoa", cờ là tiếng Việt, còn Hoa lại là HV.

Những chuyện "Tàu làm sao Việt làm vậy" còn dài lắm. Không chỉ ở trong phạm vi chữ nghĩa mà thôi. Riêng trong chữ nghĩa, Việt ta còn hay hơn một chút là đôi khi vì lý do nầy hay khác, đổi luôn âm khác vào để dùng theo ý riêng. Thí dụ địa danh Hungary, TH viết ba từ và đọc theo âm của họ đại khái là "Hung chia lị" (chữ r đọc thành l như đã nói). Theo quyển "Tên Họ Người VN" của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, dân ta theo TH trong việc cử tên. "Lị" là tên của vua Lê Thái Tổ. Do đó vì sợ phạm húy nên các cụ đọc "lị" thành "lợi". Vì vậy mà ta có Bảo Gia Lợi, Hung Gia Lợi và Ý Đại Lợi v.v. thay vì Bảo Gia Lị, Hung Gia Lị và Ý Đại Lị .

Nhập (và lạc) đề đã khá xa, giờ xin trở lại các từ Việt gốc Pháp. Nói chung đa số những địa danh của một số quốc gia lâu đời trên thế giới đã được đọc bằng tiếng VN qua giọng HV, và đã được dùng một cách sâu rộng trong sách vở và trong tiếng nói. Thí dụ như: Á căn đình, Anh, Bảo gia lợi, Gia nã đại, Lỗ ma ni, Mỹ, Nga, Pháp, Phần lan, Úc (hay Úc đại lợi), Ý v.v... Do đó chúng tôi xin miễn ghi lại những từ liên quan đến địa danh hay nhân danh trong phần tiếp theo, trừ vài từ nào khá đặc biệt.

Từ Pháp lang sa (hay Phú lang sa), và Lang sa đã có một thời rất thông dụng. Nó đã đi vào ca dao VN. Từ "Tây" thì tới ngày nay chúng ta vẫn dùng để chỉ người Pháp hay nước Pháp. Ông Nguyễn Trúc Phương, trong quyển "Việt Nam Văn Học Bình Dân" (5), chương về ca dao có ghi:

Văn minh gặp buổi Lang sa
Tri âm thì ít, trăng hoa thì nhiều.
Hoặc:
Giặc Tây đánh tới Cần giờ
Bậu đừng thương nhớ đợi chờ uổng công...
Đắng khổ qua chua là chanh giấy
Dầu ngọt cho thế mấy cũng tiếng cam sành
Giặc Lang sa đánh đến bên thành
Dầu ai có ngăn qua đón lại
Dạ cũng không đành bỏ em.
Hoặc:
Lấy Tây, lấy Chiệc làm gì
So bề nhân ngãi sao bì An Nam

Từ Việt gốc Pháp trong vấn đề ăn uống

Ăn phở uống cà phê

Ăn uống là nhu cầu căn bản đầu tiên của tất cả các dân tộc. Do đó khi giao tiếp với người Pháp, những từ liên quan đến thực phẩm được dùng đến nhiều. Trước hết có từ **cà phê**. Già trẻ, từ nam tới bắc, từ đông sang tây (quốc nội hay hải ngoại) đều biết từ nầy. Nó do từ café của Pháp. Cây cà phê đã góp một phần quan trọng vào đời sống của dân Việt từ thời Pháp thuộc cho đến ngày nay. Cách đây ba, bốn năm, VN đã đứng đầu thế giới trong việc sản xuất và xuất cảng cà phê loại "robusta".

Liên quan tới cà phê, có **cà phê phin** (filtre: lọc). Cà phê phin có một độ còn có biệt danh "cái nồi ngồi trên cái cốc." Đó là sự "tả chân" về cái phin cà phê của các bộ đội ngoài Bắc vào Nam. Phải công nhận một điều là khi trời lạnh, vào quán gọi một ly cà phê sữa nóng, ngồi nhìn cái nồi thảnh thơi ngồi trên cái cốc, nhỏ từng giọt cà phê xuống cái ly (cái cốc), là một sự chờ đợi lý thú. Khi nhấp chút cà phê sữa từng hớp nhỏ, hưởng cái vị đắng-ngọt "đã" cái lưỡi không thể tả được. Nhưng chưa hết. Hãy gọi một bát phở tái, chín, nạm, gân, sách nữa.

Có người nói với tôi từ **phở** có nguồn gốc Lang sa đấy. Một cựu thuyền trưởng thương thuyền, đã có thời làm việc cho Pháp và sau nầy cho VNCH, đã kể cho tôi nghe rằng thời trước 1954, ông ta chở tiếp liệu cho quân đội Pháp. Thuyền Phó và nhiều thủy thủ ở tàu của ông là dân Pháp chính cống. Khi tàu cập bến ở Hải Phòng, vào mùa lạnh, họ thường nấu một món **súp** (soupe) thịt bò và sau đó họ để thêm một loại mì sợi (loại giống như spaghetti) đã luộc chín vào súp trước khi ăn. Muốn giữ cho món súp được nóng suốt bữa ăn, họ để súp luôn trên lò lửa. Họ gọi món đó là "boeuf au **feu**": (từ feu đọc là "phơ") tức là

"bò nấu trên lửa."

Các thủy thủ người Việt không để spaghetti vào mà lại để hủ tiếu vào và gọi món đó là boeuf au feu VN. Từ nầy dài quá nên được gọi tắc là món "au feu" và sau đó chỉ còn có từ "feu". Rồi từ "phơ" là lửa ấy trở thành từ phở (có dấu hỏi) lúc nào, ông ta không biết. Món "soupe au feu" nầy trở thành thông dụng cho dân chúng miền Hải Phòng trước, và sau đó cho cả miền Bắc. Sau 1954, khi có nhiều đồng bào di cư vào Nam sau cuộc chia đôi đất nước năm 1954, món "phở" mới thành món ăn phổ biến trong Nam. Trước đó dân miền Nam dùng hủ tiếu thịt heo nấu theo kiểu... Tàu.

Một ông bạn già khác, chẳng quen biết gì ông thuyền trưởng trên, lại nói với tôi rằng người Pháp có nhiều loại súp khác nhau, họ thường ăn súp nóng khi trời lạnh. Họ giữ cho súp luôn nóng bằng cách đựng súp trong cái "pot" tức cái nồi và để ninh trên lửa. Họ gọi nó là "pot au feu" và từ phở do từ feu mà ra. Tóm lại, "boeuf au feu" hay "pot au feu", cả hai ông đều cho một kết luận giống nhau về nguồn gốc của từ **phở**. Quí vị có biết thêm giả thuyết nào nữa không?

Điểm tâm: Dăm bông, ba tê, ốp la

Điểm tâm, có bánh mì, trứng gà, **dăm bông** (jambon): thịt heo hun khói và **ba tê** (pâtée) tức thịt hay gan xay, đã làm chín và ướp mùi vị đặc biệt. Có nhiều cách ăn hột gà. Bình thường là luộc chín. Có thể ăn hột gà **la cót** (oeufs à la coque): chỉ thả vào trong nước sôi độ vài phút, bên trong chưa chín hẳn. Ngoài ra còn có thể chiên hột gà bằng cách khuấy trộn chung lòng trắng và đỏ, ta có hột gà **ô mơ lết** (omelette); hoặc chiên

NGUYỄN HỮU CHI

Tuyết Rơi

Tuyết rơi lại nhớ mưa nguồn.
Tuyết rơi lại bới nỗi buồn thi nhân.
Sinh ra chịu kiếp phong trần,
Nàng Thơ chỉ viết những vần đắng cay.

Tuyết rơi lại nhớ mây bay,
Nhớ bờ ao muống, gió lay bóng dừa,
Nhớ gà, tiếng gáy buổi trưa,
Nhớ người con gái ngày xưa tóc thề.

Tuyết rơi lại nhớ đêm hè,
"Kìa con đom đóm lập lòe, Bé ơi!"
Lửng lơ tiếng sáo trên trời,
Trăng vàng rung nhịp theo lời Bé ca.

Tuyết rơi lại nhớ hương trà,
Pháo hồng trang điểm trước nhà, xóm mơ.
Ô kìa! Xe đến bao giờ?
Cô dâu đẹp quá! Ai ngờ ... Bé anh!

Bao giờ hoa nở trên cành,
Để tôi ngồi vẽ bức tranh tuyệt vời?
Bao giờ chim hót đầy vơi,
Để tôi ca hát mẩu đời đã qua?

Giờ đây bão tuyết chan hòa,
Trời ơi, tôi nhớ cây đa đầu đình!
Đêm khuya thui thủi một mình,
Lòng tôi day dứt mối tình cố hương,

Một hình một bóng trên tường,
Nhìn nhau ngơ ngẩn, tình thương dạt dào.

nguyên tròng trắng và tròng đỏ để có hột gà **ốp la** (oeufs sur plat).

Cơm trưa và tối với súp, xà lách, phi lê, cỏ nhác

Bữa cơm trưa hay tối có nhiều thứ canh hay súp. Súp bò, gà, hay súp rau cải. Súp rau cải còn có tên gốc Pháp là súp **lê gim** (légume). Tiếng bình dân của ta gọi nước súp là "nước lèo." Súp hành để lạnh nổi tiếng của người Pháp mà các nhà hàng tây nào cũng có bán là "consomm[illegible] froid": thức uống lạnh. Sau bữa ăn chánh, thực khách thường dùng cà phê đen trong một cái **tách** (tasse) thật nhỏ. Từ "tách" thông dụng cho đến ngày nay. Đã dọn ăn thì phải có muỗng và đũa. Muỗng nhỏ gọi là *muỗng cà phê* và muỗng lớn gọi là *muỗng súp*. Có nơi ngày xưa còn gọi muỗng là cái "**cùi dìa**" (cuillère).

Trong bữa ăn, ngoài súp ra, còn có "**xà lách**" (salade) tức rau cải. Xà lách còn là tên của một loại cải. Món salade "hằm bà lằng" nhiều loại rau cải đôi khi có cả đậu hủ, thịt gà, hay thịt heo hun khói hay dăm bông. Cây cải **xà lách Đàlạt** nổi tiếng ngon và được ưa dùng ở Sài Gòn (dân Mỹ gọi nó là butter lettuce). Một loại xà lách khác rất được ưa thích để trộn với dầu dấm là cải "**xà lách xon**" (cresson). Để thịt bò xào tái lên đĩa xà lách son dầu dấm là có một món nhậu vừa ngon vừa bổ. Thịt bò phải lựa loại "**phi lê mi nhông**" (filet mignon) mới đúng điệu vì nó rất mềm.

Cho đúng tiêu chuẩn ngọn, phải uống "**cỏ nhác be ri ê**", hay "**mạc ten be ri ê**" (rượu hiệu cognac hay martel và nước suối perrier) trong một cái ly lớn. Dân nhậu gọi ly rượu ấy là "**công xôm ma xông**" (consommation). Nếu không có be ri ê, thì dùng một loại nước suối có bọt hay nước soda cũng được. Một số người chỉ dùng nước lạnh pha với cỏ nhác hay mạt ten và nước đá. Họ cho rằng pha với các loại nước có bọt làm mất nguyên vị của rượu đi. Có người uống rượu mạnh không pha gì cả, thường gọi là "**uống xếch**" (Boire sec).

Phó mách, bơ, và rượu vang

Sau bữa cơm tối và các câu chuyện hàn huyên, người ta còn ăn "**phó mách**" (fromage) và uống rượu "**vang**" (vin), còn gọi nôm na là rượu chát. Trong thức ăn kiểu tây có nhiều món nấu rượu vang như gà, vịt, lưỡi heo, thỏ.

Phó mách và "**bơ**" (beurre) là sản phẩm từ sữa. Dân Pháp, Hoa Kỳ đều khoái hai thứ nầy. Có vô số loại phó mách khác nhau. Trong số đó có vài loại có mùi nồng và nếu không biết ăn thì đành xin lỗi vì nó hôi không thể tả. Nhưng dân sành ăn thì lại cho là nó ngon khỏi chê nhứt là dùng làm mồi để uống rượu vang. Đa số người Việt chỉ thích loại phó mách hiệu "con bò cười" ("La vache qui rit") hay có tên HK là "the laughing cow." Vào các siêu thị VN ở HK tìm mua phó mách, chỉ có thể tìm thấy loại nầy mà thôi.

Sâm banh, la ve

Dân Việt ta khi xưa, lúc Pháp mới cầm quyền ở VN ba bốn chục năm, có một số làm công chức cho Pháp hay những người giàu có mới ăn phó mách, uống sữa bò tươi và ăn bánh mì trét "bơ" Bretel, tên một loại bơ mặn nổi tiếng của Pháp. Ngoài ra còn có một chỉ số khác để chỉ nhà giàu xưa ở VN là việc dùng rượu "**sâm banh**" trong những tiệc vui. Sâm banh (champagne) là một loại rượu vang có bọt làm ra từ những trái nho ngon của vùng đất tên là Champagne, ở miền đông bắc nước Pháp. Ngày nay thì sâm banh sản xuất ở California, HK, tràn ngập thị trường quốc tế và là một loại rượu coi là "bình dân" vì quá phổ biến trong mọi giới, mặc dù có vài loại rượu sâm banh giá khá cao. Tú Xương có viết: "tối rượu sâm banh, sáng sữa bò" để chỉ những nhà giàu thời xưa như đã nói.

Ngoài rượu vang và sâm banh ra, người bình dân thích dùng "**la ve**" (la bière), một loại rượu có bọt với nồng độ rượu rất nhẹ (chỉ khoản 5%; trong lúc ấy rượu vang kể cả sâm banh có nồng độ trung bình từ 11% đến 13.5%, và rượu mạnh có 40% trở lên). La ve còn được gọi là "**bia**" và do đó, có từ "bia ôm" mà hầu hết chúng ta đều biết.

Bom, bôm, và bơm

Trong các loại tráng miệng sau bữa cơm, chúng ta có thể dùng trái "**bôm**" (pomme) hay còn gọi là trái táo tây. Gần đây có một loại bôm nổi tiếng của Nhật tên Fuji. California đã sản xuất tràn ngập loại bôm nầy.

Tiện đây xin cho nói luôn kẻo quên, trong tiếng Việt có đến ba từ Việt gốc Pháp có âm đọc gần như nhau: "bôm," "bơm," và "bom."

Bơm (pomper) là động từ chỉ động tác đem không khí, hay một chất lỏng vào một chỗ nào đó như bơm bánh xe, bơm nước từ giếng lên thùng chứa nước, bơm mỡ bò vào bạt đạn xe. Vật dùng để bơm, gọi là cái bơm, ống bơm hoặc máy bơm (pompe).

Từ thứ ba là "**bom**" (bombe) chỉ một loại vũ khí gây nổ có tác dụng phá hoại và giết chóc. Ném bom, dội bom (bombarder) là động từ chỉ

việc dùng phi cơ thả bom xuống từ trên không.

Từ Việt gốc Pháp trong giao thiệp và ăn mặc

Chào hỏi

Các ông tây **bà đầm** (madame) khi gặp nhau, chào nhau bằng cách **bông rua** hoặc **bủa sua** (bonjour: bắt tay chào nhau). Khi từ giã nhau thì nói **ô rờ voa** (au revoir: sẽ gặp lại) hay **a-dơ** (adieu: vĩnh biệt). Khi cần thoái thác hay xin lỗi điều chi thì bắt đầu bằng từ **bạt đông** (pardon: xin lỗi). Lại nhớ có câu thơ rằng :

Bạt đông anh chớ pha sê (1)
Ắt tăn moa rắc công tê tú xà

(1) (fâcher: giận; attendre:đợi; moi:tôi; raconter: kể; tout ca: tức thời; phụ âm c trong từ ca của tiếng Pháp, còn thiếu cái râu bên dưới).

Lẽ dĩ nhiên không đúng văn phạm Pháp, nhưng nghĩa thì rất rõ ràng và lại đúng vần thơ lục bát, mặc dầu là thơ ba rọi. Từ **mông sừa** (monsieur: ông) và **ma đàm** (madame: bà) dùng trước tên họ của ông hoặc bà nào đó để tỏ sự kính trọng. Khi những ông bạn quen thân gặp nhau, người nầy gọi người kia là **toa** (toi: anh hay mầy) và xưng là **moa, mỏa** (moi: tôi hay tao). Cho đến ngày nay, những người VN lớn tuổi vẫn còn dùng lối xưng hô nầy. Dân ta dùng từ "bà đầm tôi" để chỉ người vợ của mình. Ngày nay từ "bà xã" thông dụng hơn.

Ăn mặc

Khi dân Việt dùng kiểu áo tây phương trong việc ăn mặc, một số các cô, bà mặc **áo đầm** tức loại áo và váy chung nhau. Đàn ông thì mặc **sơ mi** (chemise) và quần dài (quần Tây) như chúng ta mặc bây giờ. Nói đến sơ mi, ông Lãng Nhân (2) có nhắc đến những từ Việt hóa trong những bài thơ mà ông xếp chúng vào loại văn thơ Việt Nam hóa trong bài lục bát sau đây:

Lạnh lùng một mảnh sơ mi
Li-ve trằn trọc, lơ li một mình,
Loăng-tanh ai có thấu tình
Em-mê đến nỗi thân mình biểng-pan

(chemise: áo; l'hiver: mùa đông; le lit: cái giường; lointain: xa; aimer: yêu, thương; bien pâle: xanh mét.)

Nếu các ông mặc áo **vết** (veste) hay áo **vết tông** (veston) bên ngoài áo sơ mi, cùng loại vải, và cùng màu với quần thì chúng ta gọi y phục đó là bộ **côm bờ lê** hay **côm lê** (complet: đủ bộ, hay nguyên bộ). Ngày xưa, khoảng trước 1954, người ta còn gọi cái áo veston là áo **bành tô** (paletot).

Các ông bà trong ngành y khoa như bác sĩ, y tá thường mặc áo **bờ lu** (blouse) khi làm việc. Đó là chiếc áo mang tính chất nghề nghiệp rất oai. Nhưng khi dạo chơi, người đàn ông có thể mặc áo **u ve** (veston ouvert); trong lúc đó, đàn bà tân thời, cải cách (của thời xa xưa đó) thích mặc áo **lơ muya** (Lemur: loại áo dài do họa sĩ Cát Tường vẽ kiểu), áo thun Montaigut của đàn ông cũng thuộc loại áo được các ông ưa thích.

Cả ông, bà khi đi đâu khỏi nhà, đều có mang **bóp** (porte, porter: mang, đựng). Bóp cho các bà thì gọi là **bóp đầm**. Bóp cho các ông có tên **bóp phơi** (porte feuille). Trong thập niên 1950 tôi nhớ đám trẻ nhỏ chúng tôi thường hát nhái theo giọng bài ca "Dứt đường tơ" như sau:

Tóc em dài sao em không uốn?
Tốn bạo nhiêu anh trả dùm cho,
*Đây **bóp phơi** anh đầy "bộ lư"*
(giấy bạc 100 đồng có hình bộ lư) ....
Nàng ơi uốn đi ... đừng lo.

Đàn ông mặc côm lê phải mang **cà ra oách,** hay **cà vạt** (cravate: trang sức bằng vải đeo trước ngực) mới đúng cách. Muốn cho thiên hạ biết có tiền, nhứt là khi dẫn bạn gái đi **ban** (bal: dạ tiệc có khiêu vũ) trong bóp phải đem theo nhiều giấy **ảnh** (vingt: hai mươi) tức giấy hai mươi đồng; và thêm vào còn có nhiều tờ giấy **xăng** (cent piastres: giấy $100.00).

Trong lúc đó các bà các cô phải đeo **cà rá (carat)** nạm hột xoàn. Thực ra carat là đơn vị đo lường kim cương. Nó là sức nặng bằng 1/24 của một **gam** (gramme) vàng nguyên chất. Gam là một phần 1000 của một **ki lô** (kilogramme). Vàng 18 là một hợp kim gồm có 18 phần vàng và sáu phần kim loại khác.

Cái cà vạt và cái cà rá sống vượt thời gian. Ngày nay nó vẫn còn thông dụng cho cả hai phái, chỉ thay đổi màu và phẩm chất tùy theo số lượng "anh hai" (tiếng lóng để chỉ tiền).

Từ Việt gốc Pháp trong giao thông

Ô tô, sớp phơ, gạt đờ co

Trước hết có xe **ô tô** (automobile) hay "xe hơi". Ở nhà lầu, đi xe ô tô là biểu tượng của nhà giàu. Muốn tỏ ra sang trọng hay có uy quyền, người ta mướn tài xế hay **sớp phơ** (chauffeur). Từ nầy thông dụng ở miền Nam hơn miền Bắc. Sau nầy, kể cả những thập niên cuối của thế kỷ 20 từ tài xế trở nên thông dụng cho cả VN. Nhiều ông làm chức vụ cao, hay quan trọng, hoặc các người giàu còn có thêm một tài xế phụ. Thực sự người nầy là **gạt đờ co** (garde du corps: cận vệ) ngồi

phía trước, cạnh tài xế, thường đeo kính đen trông rất oai vệ.

HK gọi người nầy là "bô đi gạt" (bodyguard). Ông "bô đi gạt" nổi tiếng là ông cận vệ của tổng thống Ford. Ông ta gạt (garde) hay đến nỗi ông ta cưới luôn con gái của tổng thống. Ông cận vệ nầy trở thành "gạt đờ co" trăm năm của ái nữ tổng thống. Vậy ông nào có người làm công với chức vụ "gạt đờ co" thì nên... coi chừng con gái mình và coi chừng luôn cả... phu nhân (nói đùa cho vui, bỏ qua đi tám).

Trở về với xe, ngoài xe nhỏ thường gọi là xe du lịch, còn có xe **căm nhông** (camion) dùng để chuyên chở hàng hóa. Cam nhông thứ thật to và chở thật nặng có tên là **boa lua** (poids lourd). **Cam nhông nết** (camionette) là xe chở hàng hóa loại nhỏ, giống xe "pick up" của ngày nay.

VN khi xưa và ngay cả ngày nay, ít khi nhập cảng căm nhông nguyên chiếc. Họ chỉ mua cái sườn xe thôi. Đến VN rồi họ đóng mới đóng thùng xe tùy theo nhu cầu: đóng thùng vuông chung quanh để chở hàng, hoặc đóng thùng có cửa, có **băng** (banc: ghế ngồi) để làm xe đò hay làm xe **ô tô buýt** (autobus) hay **xe buýt**. Xe buýt rất thông dụng trong việc chuyên chở công cộng trong đô thành hay các thị xã lớn. Xe chuyên chở hành khách đi các tỉnh lại gọi là xe đò, trong khi Pháp hay HK lại gọi cả hai loại trên là xe buýt. Cũng trong lãnh vực chuyên chở, chúng ta còn có xe **lô** hay xe **lô ca xông** (location). Đó là những chiếc xe du lịch được dùng làm xe cho mướn hay xe chuyên chở hành khách.

Xe đò: Ăn banh, lơ

Trên mỗi chuyến xe đò, ngoài người sớp phơ ra còn có một hay hai người phụ tá gọi là anh **lơ** . Những người nầy lo việc sắp xếp chỗ ngồi, kiểm soát giấy đi xe (chữ *lơ* do nguyên ngữ contrôleur tức kiểm soát viên). Ở VN, những anh nầy còn phụ trách nhiều việc khác như đưa hành lý lên và xuống xe cho khách, giao thiệp với cảnh sát công lộ khi xe bị chận vì một lý do gì đó, hoặc phụ với tài xế sửa xe khi xe bị **ăn banh** (en panne) tức là khi xe bị hư. Nhiều anh lơ rất có tài trong việc sửa xe: từ việc nhỏ như vặn chặt một vài con **bù lon** (boulon) đến việc lớn như thay cả cái **ăm vô da** (embrayage: bộ phận trong hộp số để chuyển những chuyển động của máy xe sang cái trục làm xe chạy trong hệ thống sang số bằng tay).

Có người hỏi tại sao họ chịu khó làm việc như vậy (mà không đòi chủ xe trả tiền công)? Số là đa số chủ xe chỉ thâu tiền bán vé ở các trạm xe chánh mà thôi. Còn việc đón khách lên xuống dọc đường và tiền kiếm thêm nầy thì tài xế và lơ chia nhau. Các chủ xe đều biết chuyện nầy, nhưng vì không thể nào kiểm soát được, nên thà cho trước cái quyền lợi đó cho tài xế và lơ. Chủ xe được cái lợi là khỏi lo việc kéo xe về nằm **ga ra** (garage: chỗ sửa xe) vừa tốn nhiều tiền vừa mất thì giờ (tức mất tiền). Để cho tài xế và lơ tự sửa xe, chủ chỉ phải bồi hoàn chi phí về **bạt** (parts: các bộ phận rời). Xe được sửa mau, cả chủ và người làm công đều có lợi. Một hợp tác hỗ tương không văn kiện nhưng lại rất hiệu quả trong giới xe đò.

Xăng và lốp xe

Muốn chạy xe phải có **xăng** (essence). Ngày nay, từ nầy còn thông dụng ở mọi nơi. Xe mà hết xăng thì trở thành... sắt cục. Xưa kia nếu quên đổ xăng, để xe hết xăng dọc đường, không chạy được nữa, thì gọi là **ăn banh xéc** (panne sèche: hư xe khô, có nghĩa hết xăng). Chỉ còn có những lão già "vang bóng một thời trong việc sử dụng Pháp ngữ" dùng từ nầy. Từ "ga xăng" sẽ nói đến ở một đoạn sau.

Từ *xăng* còn được dùng trong một nghĩa khác. Khi trẻ con đói bụng, mặt nhăn nhó, người ta nói em bé "thiếu xăng" hay em bé cần đổ xăng thêm.

Dân Việt có tài chế biến trong việc dùng từ ngữ. Thí dụ việc dùng từ "quá giang" khi chúng ta đi nhờ xe của một người khác. Nguyên ngữ "quá giang" có nghĩa "qua sông" bằng cách đi nhờ đò, hay ghe của người khác. Quá giang cũng dùng đến khi đi nhờ từ nơi nầy đến nơi khác bằng thuyền. Không hiểu tự bao giờ, từ "quá giang" được dùng cho việc đi nhờ xe. Ngày nay thì quá giang chỉ có nghĩa là đi nhờ thôi, thuyền hay xe gì cũng được. Nhưng nếu quá giang thường quá thì nên đóng góp tiền xăng cho vui cả hai bên.

Quan trọng không kém xăng là **lốp xe** (enveloppe): vỏ xe, phần bọc bên ngoài cái "ruột xe"; sau nầy vỏ xe chỉ có vỏ mà không có ruột . HK gọi là tubeless. Khi bánh xe xẹp, phải bôm thêm hơi vào ngang qua cái **súp báp** (soupape: vật dụng dùng để cho không khí đi vào hoặc đi ra một chiều thôi). Tùy theo công dụng cái súp báp còn có tên là cái **van** (vanne).

Ở VN lốp xe cũ được dùng một cách hữu hiệu. Họ bọc thêm bên ngoài một lớp **cao su** (ca-

outchouc) gọi là vỏ xe tân trang để dùng thêm một thời gian nữa. Đôi khi xe đang chạy, phần đắp thêm bị văn ra. Đó là xe bị **lột lốp** hay bị bung **ta lông** (talon: đế giày, hoặc phần ngoài vỏ xe). Ngoài ra lốp xe cũ còn dùng để chế tạo dép. Loại dép nầy rất thông dụng ở miền Bắc. Nhưng ở miền Nam chúng mang một hình ảnh hơi đen tối sau năm 75:

Đôi dép râu dẫm nát đời son trẻ,
Mũ tai bèo che lấp ánh tương lai."
(không rõ tác giả)

Cây cao su và anh sớp phơ nói tiếng Tây

Từ **cao su** đã được Việt hóa trọn vẹn. Cây cao su là một loại cây cho nhựa. Nhựa nầy được biến chế thành nhiều vật dụng mà quan trọng nhất là vỏ xe. Cây cao su là một loại cây kỹ nghệ. Các chủ đồn điên thời tây là những nhà giàu có nhiều quyền thế và ảnh hưởng trong việc cai trị. Những ngôi nhà do họ xây cất để ở là những dinh thự to lớn, còn tồn tại ở rải rác nhiều nơi. Số lớn các ngôi nhà nầy nằm trong vùng đồn điền hẻo lánh. Chủ nhân người Pháp của thời đó đều mang súng và có nhiều cận vệ.

Câu chuyện rằng có một sớp phơ VN làm việc cho chủ đồn điền Pháp. Anh sớp phơ chỉ nói được lõm bõm một số từ Pháp thôi. Vậy mà trong lúc nguy cơ và sợ hãi, đã dùng Pháp Việt ba rọi (lẫn lộn) diễn tả cho chủ hiểu được ý mình, để chủ đối phó với tình trạng nguy cấp, là câu chuyện mà tôi được nghe kể lại như một giai thoại vui, có thực hay là chuyện đùa để cười chơi, nào ai biết được. Câu chuyện như sau:

Có một hôm, anh sớp phơ đang lau xe ngoài sân, trước dinh thự giữa một đồn điền cao su rộng lớn. Anh thấy một con cọp xuất hiện ở bìa rừng, ngoài rào của tòa nhà. Anh ta sợ điếng người, chạy một mạch vào trong nhà, đóng cửa cái lại và chạy nhanh về phía ông chủ người Pháp. Anh vừa báo cáo bằng miệng vừa ra dấu bằng tay:

"Mông sừa, mông sừa: lủy côm bốp, mè ba bốp; lủy tí tí noa, lủy tí tí dôn, lủy măn rê vu, lủy măn rê mỏa; lủy bạt lê cà ùm, cà ùm. **Mông sừa** lấy **mút cà tông, mông sừa tia rê** cắc bùm cắc bùm thì **lủy mủ ria**."

Ông chủ nghe vậy hiểu ngay câu chuyện, xách súng trường ra cửa và bắn chết con cọp. Câu trên là câu ba rọi Pháp Việt (lẽ dĩ nhiên là sai văn phạm Pháp) như sau:

"Monsieur, monsieur: lui comme boeuf, mais pas boeuf; lui petit noir, lui petit jaune; lui manger vous, lui manger moi; lui parler cà ùm cà um. Monsieur lấy mousqueton, monsieur tirer cắc bùm cắc bùm thì lui mourir." Xin tạm dịch: Ông ơi, ông ơi: nó giống con bò, nhưng không phải bò; nó có chút đen, nó có chút vàng; nó ăn thịt ông, nó ăn thịt tôi; nó kêu cà ùm cà ùm. Ông lấy (súng) mút ca tông, ông bắn cắc bùm cắc bùm thì nó chết.

Trở về với cao su. Sản phẩm khác của cao su là dây thun được dùng nhiều trong kỹ nghệ y khoa và quần áo. Vì tính chất thun giãn của nó, dân ta dùng từ **giờ cao su** để chỉ sự kiện hay trễ nãi hay không đúng giờ của dân ta. Giờ cao su trong các bữa tiệc cưới đã trở thành một nét đặc thù của dân Việt. (Tôi có nghe câu nói đùa: "không ăn đậu không phải là Mễ, không đi trễ không phải là Việt Nam.")

Xe máy (xe đạp) với dây sên và ru líp

Trong chiếc xe đạp hay xe máy, rất nhiều tên các bộ phận được Việt hóa như **dây sên** (chaine), dây nầy chạy vòng quanh một bánh xe có răng như răng cưa, gọi là cái **ru líp** (roue libre: bánh xe tự do).

Trong cái ru líp lại có một bộ phận nhỏ có công dụng độc đáo là khi chúng ta đạp xe tới thì bộ phận đó kéo bánh xe đi tới. Nhưng khi chúng ta quay lui cái bàn đạp thì chỉ nghe re re mà không có ảnh hưởng gì đến việc kéo xe. Bộ phận đó có ba tên khác nhau, tùy theo vùng . Trong Nam, nó tên là "con chó"; ở miền Trung nó được gọi là "con heo"; và ở miền Bắc nó mang danh là "con cóc". Ai biết sửa chữa cái ru líp, đều biết cái bộ phận nhỏ quan trọng đó. Còn tại sao nó có ba tên thì đành chịu thua.

Xe đạp dùng trong việc chạy đua thường có cái **ghi đông** (guidon: tay cầm) cong sụp xuống. Xe đạp loại đua nầy còn có tên là **xe cuộc** (course: chạy đua) . Ngày xưa, những **tua** (tour: vòng) đua xe đạp vòng quanh Đông Dương, hay tua Bến Hải - Cà Mau là những cuộc đua nổi tiếng. Ngày nay tua vòng quanh nước Pháp (Tour de France) vẫn rất là hấp dẫn cho giới hâm mộ đua xe đạp. Ngoài ra dân ta thường hay nói "đi dạo một tua cho khỏe."

Các hãng du lịch thường hay tổ chức những "tua du lịch" mà chi phí gồm cả tiền vé phi cơ, tiền khách sạn, tiền ăn v.v. và có cả hướng dẫn viên đi chung rất tiện cho khách du lịch. Cả Anh, Pháp đều dùng chữ *tour* nên từ "tua" của VN rất là thông dụng.

(Còn tiếp)

Trả lại sự thật cho lịch sử

SỰ NGỤY TẠO LỊCH SỬ CỦA THỰC DÂN PHÁP

NGUYỄN QUỐC TRỊ

(Tiếp theo và hết)

Lời Tòa soạn:

Trải qua nhiều số báo, bạn đọc đã theo dõi loạt bài của Giáo sư Nguyễn Quốc Trị về những sự ngụy tạo tài liệu của thực dân Pháp hầu có lợi cho họ trong giai đoạn Pháp thôn tính nước ta. Cùng với 80 năm cai trị Việt Nam tiếp theo đó, những sự bóp méo lịch sử ấy đã gây tác hại cho nhiều thế hệ người Việt Nam, mà nói theo tác giả Nguyễn Quốc Trị, làm "mất niềm kiêu hãnh đối với quá khứ của dân tộc, và khinh miệt tiền nhân của mình." Chúng tôi nghĩ đã đến lúc tất cả chúng ta nên hết lòng nghiên cứu tìm hiểu lại những méo mó của lịch sử nước nhà, tạo nên do nhu cầu chính trị hay quyền lợi một thời của bất cứ phe phái nào, và đặt để lại sự việc đúng như đã xảy ra. Chắc chắn nhiều chỗ trong lịch sử Việt Nam đã và có thể là đang bị xuyên tạc nặng nề, vì thế công việc của những kẻ có lòng với đất nước càng thêm khẩn thiết.

Thế Kỷ 21 chân thành cám ơn công trình của Giáo sư Nguyễn Quốc Trị mà số này chúng tôi đăng đến bài chót, đã đóng góp nhiều sự minh xác cho một mảng sự việc mang nhiều lệch lạc do bàn tay của người Pháp. Chúng tôi cũng xin chờ đón những công trình khác của nhiều tác giả khác, góp phần trả lại sự thật cho lịch sử của chúng ta.

*

6. Nguyễn Văn Tường ăn của lót để cho phép và cấm nhập cảng "đồng tiền dị dạng"?

Như trên đã nói, sau khi mở các hải cảng cho phép thông thương buôn bán, thương gia Tàu mang nhiều tiền đồng khác kiểu vào,Triều đình đã cấm rồi lại cho lưu hành, và cho phép dùng tiền lạ đó để trả thuế. Thượng thư bộ Hộ NVT liên hệ gì đến vụ cho phép đó để bị giềm là ăn của đút của người lái buôn Khách? Chính sử đã thuật lại câu chuyện, xảy ra gần cuối 1878, khá rõ ràng như sau:

*"Bỏ lệ cấm tiền đồng khác kiểu, để đánh thuế, gần đây, các người buôn nước Thanh, thu nhiều tiền đồng khác kiểu, tải đến các cửa biển từ tỉnh Quảng Nam trở vào Nam, để trao đổi với nước ta, tháng trước đã chuẩn cho nhân dân, nếu có lấy nhầm, thì cho thu nhập ở tỉnh đổi cho tiền kẽm [mỗi quan tiền đồng đổi lãnh hai quan tiền kẽm, tiền đồng ấy đúc thành đồng để vào kho]. **Đến đây bọn Khâm sai ở Quảng Nam là Hoàng Diệu, hộ phủ là Lâm Hoành, Khâm phái Quảng ngãi là Đàm Khắc Nhượng, bố chính là Đoàn Dao tâu lên nói: người buôn nhân đó chọn lấy, dân nghèo mua gạo không được, tình lại càng khổ, đều xin bỏ cấm.** Bộ Hộ nghị lại, cho là tiền như nước suối, phép phải lưu thông luôn, tìm hiện nước ta, lưu hành ở các xứ Bằng Tường, Ninh Minh tỉnh Quảng Tây và Mã Cao tỉnh Quảng Đông rất nhiều, họ dùng mà ta cấm, không những hại cho dân ngay ở trước mắt, sợ đến khi ta thiếu mà họ thừa, nếu, hoặc lo họ trà trộn, thì chỉ trong khoản 5,6 phần, trà trộn được bao nhiêu, thà rằng cấm mà không tiện không chu đáo, sao bằng cho lưu thông để tìm tòi rồi rào thì hơn, nay xin không cứ thuyền buôn nước nào, nếu có hiệu kiểm tiền đồng, tiền kẽm nước ta, đều cho đem đến buôn bán, nhưng khi vào cửa biển phải báo ngay cho quan coi cửa biển xét thực, chiếu lệ đánh thuế [trăm phần trăm thu 10 phần], nếu có ẩn lậu, chiểu thương ước tịch thu cả tiền trong thuyền vào nhà nước, viên quan tỉnh và coi cửa biển không kiểm soát được, chiểu luật trị tội, người tố cáo ra mà được sự thực trích một nửa tiền ở thuyền để thưởng cho như thế thì người buôn tham lợi tranh nhau mà đến, tốn đồng kẽm, công thợ, vật liệu của người, mà sung vào tiền hiệu thuế quan của ta, tưởng cũng hơi tiện. [ ] Vua bảo rằng: hai hạt Lạng Sơn Cao Bằng, quen dùng tiền nước Thanh, từ trước đến nay, cũng cho, chuẩn cho lục sức thi hành ngay để giúp sự cấp bách cho dân." (ĐNTL, XXXIV, 176-7, NQT nhấn mạnh)*

Như vậy, nguyên ủy của sự cho phép nhập cảng tiền đồng là do ở lời yêu cầu của các quan

ở địa phương, như Khâm Sai Hoàng Diệu, Hộ phủ Lâm Hoành tâu lên vua để giúp dân nghèo. Vua giao cho bộ Hộ dưới quyền của Thượng thư NVT để xét trình. Bộ tán thành việc bỏ cấm, không những để giải quyết vấn đề cho dân nghèo, mà còn để nhân đó thâu thêm được thuế, và có thêm tiền tệ lưu hành mà khỏi phải tốn chi phí đúc tiền. Hơn nữa, sự thi hành lệnh cấm lại tốn kém mà khó lòng đạt hiệu quả 100%. Mọi sự đều được quyết định và thi hành một cách quang minh chánh đại, vì quyền lợi chung, và do nhiều người và cơ quan của Triều đình điều nghiên, và vua Tự Đức quyết định tối hậu, đúng theo thủ tục, luật lệ thời đó. Tuy nhiên, nhân dịp được phép đó, một số gian thương mang vào tiền giả làm ở Hồng Kông, gây xáo trộn trên thị trường tiền tệ, nên vào năm 1879 và 1880, Triều đình lại phải lặp đi lặp lại lệnh cấm nhập khẩu tiền giả xấu này, kêu là "tiền dị dạng": (ĐNTL, XXXIV, 279, 304). Một dụ cấm ban hành vào giữa 1880 có nói là tất cả những kẻ vi phạm đều phải bị tội trượng, không trừ người Âu, tức trái với điều 17 của Hiệp ước 1874. Rheinart đưa tối hậu thư của Pháp hăm phong tỏa các hải cảng, nếu trừng phạt trượng đó được áp dụng cho người Âu. (Livre Jaune A, 156, dẫn do Delvaux, "Quelques précisions . . .", *BAVH, Ibid.*, 221; "M. *Rheinart . . .*" *BAVH, Ibid.*, 79-80). Lệnh cấm được tu chỉnh vào cuối 1880 như sau cho thích hợp với Hiệp ước 1874, và làm vừa lòng phía Pháp:

"Định rõ lại lệ cấm chở trộm tiền dị dạng. [Từ nay trở đi, tiền dị dạng, thuyền buôn nếu có chở trộm đến cửa biển, là thuyền của nước ta, thì chiểu luật lệ nước ta, thuyền và hàng hóa tịch thu hết, xử phạt hết mức trưởng đem đi lưu; nếu là người nước ngoài thì đều chiếu theo khoản thứ 24 trong thương ước tra bắt tịch thu hết, không được đến buôn nữa]." (ĐNTL, XXXIV, 355-6, NQT nhấn mạnh)

Đồng thời, Triều đình có gởi thơ nhờ các nhà chức trách Pháp, Tàu, và Anh trợ lực trong việc bài trừ vụ tiền giả mạo này, và kết quả có đôi phần khích lệ khi vào hè 1882, vua Tự Đức:

"Cho đem đồ vật tặng tổng đốc án sát nước Anh ở Hương Cảng. [Trước đây viện Cơ mật và Thương bạc bàn rằng tiền giả đem vào nước ta, là do người buôn nước Thanh đúc ra ở Hương Cảng, muốn ngăn tệ ấy, trước lấp tự nguồn, tâu xin đưa thư cho quan nước Anh xem xét bắt được thực tang xét xử trị tội, do phái viên sang Hương Cảng báo cho biết. Vua cho đem phẩm vật để tặng . . .]" (ĐNTL, XXXV, 157).

Ngoài ra, không có một chỗ nào trong toàn thể bộ chính sử nói rằng NVT có liên can gì, ngoài sự bị gièm pha đã kể, đến một vụ hà lạm, hay hối lộ nào về tiền tệ, thuế má, hay thương mãi nào cả, mà chỉ có sử sách của người Pháp thực dân bịa đặt, xuyên tạc, hay bóp méo câu chuyện để bôi lọ NVT mà thôi. Một người viết sách dựng ra câu chuyện dựa vào tin đồn thất thiệt nằm trong khuôn khổ chiến dịch chính trị xuyên tạc của thực dân, rồi các người khác ùa theo người đó viết như vậy, có khi viện dẫn xuất xứ, có khi không. Rồi họ thêu dệt thêm, bóp méo, tiểu thuyết hóa, thi vị hóa, kéo dài mãi mãi chừng nào mà nền sử học thực dân còn tài nguyên, phương tiện để bênh vực, phát triển đường lối thực dân trên thế giới. (Xin xem một trường hợp xuyên tạc điển hình người viết đã trình bày: "Nguyễn Văn Tường có tư thông với bà Học Phi và giết vua Kiến Phúc không?" ở cùng chỗ trên mạng lưới này). Mãi về sau, vào 1941, cũng trong khuôn khổ hệ thống tuyên truyền đó, LM Delvaux, tiếp tục vu cáo NVT ăn hối lộ như sau:

*"Vào cuối 1884, Nguyễn Văn Tường cho cưỡng bách tịch thu những đồng tiền lớn bằng đồng và thay thế bằng những đồng tiền mới quá nhẹ đến nỗi chúng có thể lội trên mặt nước [nagent sur l'eau]. Những nhà buôn và người khá giả nào không muốn nhận đồng tiền mới, bị hà hiếp rất dữ và tất cả các chợ bị bỏ hoang. Rút cục, một trong những người Hoa đã đúc tiền đó, theo lệnh của chính Tường, bị xử tử ở chợ An Hòa để thoa dịu lòng phẫn nộ của quần chúng đã đi đến chỗ nổi loạn, **trong lúc mà Tường đã thâu vào túi một số tiền ngoạn mục** [alors que le Régent Tường avait réussi un superbe coup de bourse]."* (Delvaux, "Quelques précisions . . .". *BAVH, Ibid.*, 254-5, NQT dịch và nhấn mạnh)

Tác giả không cho biết tin này xuất xứ từ đâu, mặc dầu trong toàn bài khảo luận, vị linh mục có đưa ra nguồn tin tham khảo ở nhiều chỗ khác. Trong đoạn dẫn trên, tác giả có đánh chú thích số 2 [sau chỗ "nagent sur l'eau"], và giải thích rằng LM Max de Pirey đã có biểu diễn việc đồng tiền bơi trên nước trước nhiều khán giả. Tại sao lại có một ông Cha Tây sách động quần chúng Đại Nam chống chính phủ của họ, mà không phải là một linh mục bản xứ? Phải chăng vì Triều đình, theo hiệp ước, không có quyền xử tội một người Pháp mà phải giao trả họ cho nhà chức trách Pháp? Việc này có thể có liên quan mật thiết đến những

âm mưu ngấm ngầm của nhà cầm quyền Pháp, nhằm lũng đoạn nền tài chánh của Việt Nam qua vấn đề tiền đồng này, như vụ xung đột Pháp-Việt, xảy ra vào đầu thập niên 1880 sau đây, đã gợi ý:

*"Dân trong hạt [Phú Yên, NQT ct.] là Lê Văn Lợi năm trước tải lậu tiền đồng dị dạng, quan tỉnh ấy chiểu lệ tịch thu số tiền ấy và giam xét, tên ấy vượt nhà giam trốn đến cửa biển Thị Nại ở Bình Định nương nhờ viên lãnh sự Pháp, viên ấy cho khai liều là quê ở Gia Định; rồi nhận là người dân tây, phải do viên lãnh sự ấy xét định. Đã chuẩn tư cho chủ súy Pháp, đợi chủ súy ấy xét định. [Bố chính sứ là Đinh] Nho Quang không theo đợi, lại ủy phái người đến cửa Thị Nại để bắt. **Lãnh sự Pháp giải thoát cho Văn Lợi, đem đánh trói người được phái đi bắt ấy; rồi tư cho quan tỉnh Bình Định phải trả lại số tiền đã tịch thu và phạt Nho Quang 20 đồng bạc.]"** (ĐNTL, XXXV, 45, NQT nhấn mạnh).*

Không những phía Pháp che chở cho người buôn lậu, như đã nói, mà đất Gia Định thuộc Pháp còn làm căn cứ cho lái buôn Khách trữ tiền giả. Thật vậy, vào cuối 1881,

*". . . **điền nông phó sứ là Nguyễn Thông dâng sớ nói: khách buôn nước Thanh đem tiền đồng kiểu lạ đến chứa ở phố Gia Định**, mà dân tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa thông thương với nhau, những người buôn gian giảo mua tiền ấy chở về đổi lấy tiền kẽm, bạc đồng, sự tệ hại rất nhiều. Xin cho tiền ấy cứ 2 đồng ăn 1 đồng tiền của ta, khiến cho người buôn bán không còn lợi được. [ ] Vua không cho. . . ." (ĐNTL, XXXV, 47, NQT nhấn mạnh)*

Để làm lũng đoạn nền tiền tệ của Việt Nam, nhà chức trách Pháp cũng không ngần ngại dùng nhiều thủ đoạn khác. Họ đã vi phạm chủ quyền của Triều đình bằng cách cấp giấy phép cho người Việt mang tiền do quân Pháp chiếm đoạt trong ngân khố nhà nước khi Henri Rivière chiếm thành Hà Nội, đem đi đổi ra bạc đồng của Pháp (piastres). Vào tháng 5, 1882 Nguyễn Thị Tiết đáp tàu "Le Saigon" từ Hải Phòng ghé vào cảng Thị Nại (Qui Nhơn) để đổi 43 bao tiền đồng mà cả hai sở thương chánh Việt và Pháp cùng đếm cả thảy là 129 quan. Thị Tiết khai rằng tiền này do viên chức Pháp giao để vào Thị Nại đổi lấy bạc đồng Pháp (piastres) cho họ. Lãnh sự và Chánh sở thương chánh Pháp ở Thị Nại nói rằng đó không phải là tiền giả mà đúng là tiền của chính phủ Việt Nam, và Thị Viết có giấy phép (của Chánh sở Thương Chánh Pháp ở Ninh Hải cấp theo đề nghị của vị chỉ huy hải quân Pháp), nên đòi và được bên Việt Nam thuận giao hoàn lại số tiền để đổi. Kết quả cuộc điều tra của nhà chức trách Việt ở Hà Nội xác nhận ý kiến của thương chánh Việt ở Thị Nại là số tiền này lấy từ kho tỉnh Hà Nội, và cho biết thêm là một viên thông ngôn Việt ở Hải Phòng đã xin với các quan Pháp cho Thị Viết giấy phép chuyên chở tiền đó. Nhà chức trách Pháp ở Hà Nội công nhận đã có lấy tiền ở kho tỉnh để trả công thợ, nhưng nói không có đưa cho Thị Viết để chở đi đổi. Nhân vụ này, quan Thương Bạc cho phía Pháp hay rằng nhân khi thành Hà Nội bị chiếm, kho bạc mất trên 10.000 quan tiền đồng mà Pháp chỉ trả có 2.700 quan, và số tiền Thị Viết mang đi được xác nhận là lấy từ kho mà ra, nên yêu cầu phía Pháp giải quyết trả lại cho Việt Nam cho phải lẽ. Mặc dầu Rheinart tin rằng viên thông ngôn có tội, và yêu cầu điều tra, chính ông ta đề nghị phía Pháp lơ không trả lời. (CAOM, GGI, Etat Major, Cabinet Militaire, 1882, Archives historiques, số 21, 17-11-1882, số 22, 16-12-1882, và 1883, số 9, 2-2-1883)

Ngoài ra, như đã nói, khi dụ cấm nhập khẩu tiền đồng đòi xử nặng tất cả các kẻ vi phạm, thì Pháp gởi tối hậu thư cho Triều đình hăm dọa phong tỏa các hải cảng, nếu trừng phạt đó được áp dụng đối với người Âu. Năm 1885, trong khuôn khổ chiến dịch đánh phá Triều đình Huế của "nhóm Hà Nội," Tướng Brière de l'Isle phúc trình với Bộ Trưởng Chiến Tranh rằng Triều đình đã tự ý cho lệnh nhập cảng tiền đồng và ấn định hối xuất với tiền kẽm, không xin phép trước của Pháp, và lặp lại việc vu cáo NVT trước kia đã ăn hối lộ người Tàu để cho nhập cảng tiền giả. (Thơ ngày 21-5-1885, AMAE [Văn khố bộ Ngoại giao Pháp], Carton 47) Như đã kể trên, vua Tự Đức đã thân hành điều tra vụ này, và không những đã minh oan cho NVT là đã bị gièm pha, mà còn nhân đó khen ngợi công lao của ông trong việc tăng gia tài nguyên thuế khóa của nhà nước để tài trợ cho nhu cầu quân sự.

Như vậy, từ những hành vi đã kể trên của nhà chức trách Pháp mà suy diễn ra rằng họ đã âm mưu phá hoại nền tiền tệ của Việt Nam có gì quá đáng hay không? Rồi đồng thời hô hoán lên là NVT ăn hối lộ để cho nhập khẩu tiền đồng!

Một điều đáng lưu ý nữa là vào thời điểm cuối năm 1884, lúc mà LM Delvaux nói việc hối lộ xảy ra, thì ông Phạm Thận Duật đã làm Thượng thư bộ Hộ phụ trách vấn đề tiền tệ này, và NVT đã đổi qua bộ Lại từ đầu năm 1884 rồi. Mặt khác,

vào thời đó, có hai sự kiện ghi trong chính sử liên quan đến vấn đề do LM Delvaux đề cập ở đây. Nếu tác giả dựa vào đó mà suy diễn ra việc NVT ăn hối lộ của thương gia Tàu, thì quả dụng tâm xuyên tạc của tác giả quá trắng trợn. Việc thứ nhứt chính sử ghi lại là:

*"Người lái buôn nhà Thanh là Lý Thành Long chở ngầm tiền đồng kiểu khác [thuê tàu thủy Địa-lý-a chở 20 bao, bao chứa vào trong thùng] đưa vào vùng biển An Vĩnh Quảng Ngãi, việc ấy phát ra kết án phạt trượng và phát lưu. **Bộ Hộ đổi xin trảm quyết. Phụ chính phúc duyệt lại** xin y. [Vua, NQT ct.] Chuẩn cho chính pháp ngay; thông lục cho các địa phương có nơi nào như thế, cung tuân làm một lượt. Rồi thì phố Gia Hội, phố Đô Hạ có hiệu buôn của bọn La Đậu, Phan Vu Hán và Phù Định Tam là người buôn nhà Thanh dùng tiền đồng kiểu khác, ngầm đem mua bán với nhau, cũng kết án chém ngay [La Đậu, Phan Vu Hán], trảm giam hậu [Phù Định Tam] có sai bậc." (ĐNTL, XXXVI, 179-180, NQT nhấn mạnh)*

Chuyện thứ hai do chính sử ghi nhận cũng xảy ra tiếp theo vụ trước và vào thời điểm đó là:

"Định lệ tiền đồng kiểu lạ một đồng ăn bốn đồng tiền kẽm và vàng bạc tăng lên giá. Khi ấy các tỉnh Thừa Thiên, Phú An, Bình Định, Quảng Trị, có số tiền đồng kiểu khác, hai ba năm nay lưu bá số nhiều, đã sai phủ Thừa Thiên quyền trích tiền đồng ở kho hơn 2.000 quan, yết cho quân dân đem đồng tiền lạ kiểu đổi cấp tiêu dùng. Duy của chung khó chu, cho nên chuẩn cho đình nghị, giảm bớt, nên trọng cấm để cứu lấy tệ; bèn định từ nay đi, phàm đồng tiền của nước ta trừ ra hai hạng nặng 9 phân, vẫn ăn 6 đồng như cũ, còn các hạng tiền đồng 6, 7 phân trở xuống, cùng thứ tiền kiểu lạ mới cũ các hạng, mỗi đồng đều giảm ăn 4 đồng tiền kẽm. Phàm chợ búa mua bán đều xét kỹ những tự dạng ở vành quách đồng tiền cho minh bạch; cho được tiêu dùng. Nếu có sứt mẻ, oeo vậy, phải báo quan xét trị. Còn bọn buôn gian chở ngầm và đem đồng tiền của nước ta rút ra ngoài, không kể người ta hay người Thanh, tang số nhiều hay ít, tức thì chém ngay, như án của Lý Thành Long gần đây mới

THIÊN HƯƠNG

Đoản Khúc Mùa Thu...
Bài Thơ Cho Mùa Lá Đổ...

Buổi chiều cuối thu,
Tôi đi một mình giữa thành phố lạ,
Phố sá đông người sao chẳng thấy ai quen
Bạn bè, người thân giờ đâu hết cả
Một mình tôi đi âm thầm giữa lá đổ mùa thu

Giờ này giữa thành phố quê hương
Em đang làm gì hỡi cô em gái nhỏ
Phấn trắng cầm tay, bảng đen trước mặt
Ngơ ngác, mệt nhoài giữa đám học trò vùng kinh tế mới
Hay đang vất vả ngược xuôi giữa chợ trời nắng đổ

Tôi vẫn muốn nhớ tới em như những vần thơ dịu ngọt
Với tóc xõa bờ vai và áo trắng bay bay
Tôi vẫn muốn em đi vào đời với hành trang là sách vở
Ngày tháng tầm tơ không rướm máu gót chân hồng

Vậy mà giờ đây, mình còn gì để nhớ
Dĩ vãng xa dần, kỷ niệm bơ vơ
Hồn xót xa và trống vắng ngút ngàn
Thân phiêu bạt miên man đời lữ thứ

Ơi em, tôi muốn gửi đến em bài thơ này để nhớ
Nhưng chi bằng hãy để chúng ta quên
Xây dựng tương lai trên những chập chùng dĩ vãng
Bắt đầu cuộc đời trên những hạnh phúc phù du
Nhìn chung quanh lá vẫn đổ ngập trời
Kỷ niệm lại tràn về,
ngây ngất đến đê mê ...

biết. Vả lại giá chung vàng bạc của nước ta chưa có chuẩn định, đến nỗi tiền đắt mà vàng bạc rẻ. Đến đây nghị chuẩn cho giá vàng, cứ một lạng vàng đủ 10 tuổi giá vàng 300 quan, tám, chín tuổi trở xuống thì giá giảm dần xuống mỗi lạng sụt xuống 15 quan, nhà chung hay nhà riêng cũng đều chiếu theo giá ấy cấp mua khấu nộp, hoặc lâm thời giá chợ có cao hơn lên, thì mua bán cũng tùy theo giá chợ mà tiêu dùng, nhưng không được giảm rẻ hơn giá nhà nước đã định. Nếu ai trái ấy, thì dùng luật vi chế mà xử tội, lại phạt thêm 100 lạng bạc, đều thông lục yết sức thi hành. [Khi ấy lệnh định giá vàng bạc sức xuống, bọn vô lại và hiểu sự ở chợ phố phần nhiều cứ đi nhòm những người đòi ăn của đút hay cáo phát quan lại, lại nhân đó sinh ra rối việc, chợ búa vì đó mà không được yên, rồi dân gian mua bán, sau cũng tùy thời, thuận tình như cũ, lệnh ấy trọn không thi hành được." (Ibid., 183-4)

Tóm lại, vấn đề tiền tệ là một ung nhọt trầm kha cho Việt Nam suốt trong giai đoạn đó, bắt đầu từ lúc mở các hải cảng cho ngoại quốc buôn bán theo Hiệp ước Thương mãi 1874, và Triều đình Việt Nam chưa tìm được cách giải quyết thích đáng, như TS Nguyễn Thế Anh đã nói ở trên. Về sau, nhà chức trách Pháp cũng phải tiếp tục thí nghiệm một số giải pháp linh động và uyển chuyển, không khác gì Triều đình Việt Nam. Do Nghị định ngày 6-9-1886, Toàn quyền Paul Bert đã cho phép nhập cảng tiền đồng và tiền kẽm với điều kiện phải đóng thuế 20% trên số tiền nhập khẩu. Rồi chỉ ít lâu sau, lại ra Nghị định ngày 16-10-1886 cấm nhập cảng các loại tiền này. Vài năm sau, Thống sứ Bắc Kỳ Brière ra Nghị định ngày 26-1-1890 cho phép lưu hành tiền đồng của Tàu trong tỉnh Lạng Sơn, với 1 đồng tiền Tàu ăn 3 đồng tiền Việt Nam. Một Nghị định tiếp theo của Thống Sứ Bắc Kỳ Bonnal, ký ngày 3-7-1890 cho phép tiền đồng của Trung quốc được lưu hành như vậy ở tỉnh Hải Ninh. Bài này không có tham vọng đi sâu vào vấn đề tiền tệ phức tạp này. Dù sao, từ đó mà các tác giả Pháp vu khống cho NVT ăn hối lộ của người gian thương Khách để cho phép họ nhập cảng lậu, mà không đưa ra một bằng chứng gì cụ thể cả, thì quả là họ làm nhiệm vụ một nhà tuyên truyền chớ không phải là một nhà khảo cứu viết sử. Việc LM Delvaux tố cáo NVT một cách vô bằng và dễ dàng như vậy không đáng lấy làm lạ, vì chính ngài đã không do dự viết trong ba bài khác nhau, rằng NVT giết vua Kiến Phúc bằng ba cách. Một bài thì nói NVT bóp cổ vua chết; một bài thì nói NVT đầu độc vua chết sau khi tư thông với mẹ nuôi của vua và bị vua hăm giết ba họ; và một bài thì nói NVT giết vua vì lý do chính trị để thủ tiêu Hiệp ước Bảo hộ được ký dưới triều của vua. Hơn nữa, bài khảo luận trong đó chứa đựng tin NVT ăn hối lộ trong vụ tiền đồng này, có thể được xem như là một sưu tập, dài non 100 trang, của một số lớn các sự bịa đặt, xuyên tạc, bóp méo của cả giới thực dân về giai đoạn sử Việt Nam thời thất thủ kinh thành Huế. Đó quả thật là khuôn mẫu điển hình của một bài báo xuyên tạc, mà nhan đề nên đổi lại là "Quelques imprécisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam" thay vì "Quelques précisions..." *BAVH, số 3, 1941, 216-314,* (sẽ bàn thêm nhiều trong dịp khác).

7. Nguyễn Văn Tường ăn hối lộ để cho Tàu độc quyền chuyên chở gạo?

Cái nguy hại hơn nữa là sử gia ta về sau này vẫn tiếp tục coi các tài liệu tuyên truyền đó là sử liệu xác thực, không cần phải phối kiểm, gạn lọc gì hết. Mới đây, một sử gia tiến sĩ, nhân viết về NVT, đã kể thêm một chuyện mới nữa, là NVT ăn tiền đút lót để cho người Tàu độc quyền chuyên chở gạo. Sau khi mạt sát Tôn Thất Thuyết và NVT đã chuyên quyền và tranh chấp với nhau, gồm cả việc giết vua Hiệp Hòa, vì vua đã không chịu trả 300 lượng vàng như đã hứa để được lên ngôi, tác giả viết tiếp:

"Nguyễn Văn Tường thì sau khi liên kết với người Tàu, trong lúc ông làm Thượng thư bộ Tài chánh, để ***chiếm độc quyền chuyên chở gạo cho nhà nước****, trong những điều kiện rất tốn kém cho quốc gia và rất có lợi cho bản thân ông ta,* ***giờ đây lại nhận hối lộ cũng của những người Tàu đó để cho họ nhập khẩu tiền giả."*** *(Nguyễn Xuân Thọ, Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam [1858-1897].* Tác giả xuất bản, 1995, 344, NQT nhấn mạnh; xem thêm t. 282-3 về NVT và Chiêu Thương Cuộc)

Vì tác giả không cho biết xuất xứ nguồn tin này, và cũng không cho thêm một chi tiết gì cụ thể hơn ngoài một sự khẳng định khống, tổng quát và độc đoán, như vậy, ta có thể suy đoán là tác giả đã đọc các tin tức này đây đó trong văn khố hay sách vở của người Pháp viết mà không cần phối kiểm với các nguồn tin khác, nhứt là về phía Việt Nam mà tác giả rất ít dùng, vì cho là đã bị De Courcy đốt gần hết cả rồi trong biến cố chiếm kinh đô Huế. (Op. *cit.*, xem trang thứ nhì [không

đề số] của phần dẫn nhập) Vậy sau đây là nguyên ủy việc độc quyền chuyên chở gạo của người Trung Hoa, bắt đầu từ mùa xuân năm 1881, theo chính sử nhà Nguyễn:

"Quan cục Chiêu thương nước Thanh là Đường Đình Canh đến kinh, tâu làm giúp việc vận tải. Vua chuẩn cho ban yến ở công đường bộ Lễ và khoản tặng đồ vật. (Nước Thanh năm trước vì phương tiện vận tải hiếm, lại cho là người đi buôn vận tải hàng hóa, lợi về thuyền của người tây. Bèn đặt ra cục Chiêu thương, bỏ bạc công ra 100 vạn đồng và cho quan dân xuất tiền góp vốn đóng tàu thủy để chở lương công, và đáp hàng hóa tư nhân đó để diễn tập đường biển. Hàng năm tính lãi, chiếu số tiền gốc chia tiền lãi đều nhau. ***Tuy nói rõ là làm việc tải gạo công, thực ra là ngầm chia lợi quyền của người tây.*** *Đến nay, thuyền ở cục ấy ngày càng nhiều, tải việc công đã thừa, cho nên chia đi các nước tải tư lấy lợi. Đình Canh người tỉnh Quảng Đông, là quan tam phẩm, dự làm việc ở cục ấy, lần này được khâm sai thự lý thông thương đại thần là Lý Hồng Chương [hiện là tổng đốc Trực Lệ, đóng ở Thiên Tân] phái ủy đi, và mang thư đưa đến cửa tổng đốc Lưỡng Quảng là Trương Thụ Thanh từ Hương Cảng đến Hải Dương, đáp thuyền buôn đi suốt đến cửa Thuận An. Vua sai bọn Nguyễn Văn Thúy, Trần Thúc Nhận đón tiếp. Đình Canh nói rõ cục Chiêu Thương để tải giúp và tỏ bày cái ý muốn cùng nước ta cùng mưu giàu mạnh.* ***Vua sai quan viện Cơ mật và Thương bạc cùng bàn định chương trình, [đại khái mỗi năm vận tải 42 vạn, tháng giêng bắt đầu tải, đến tháng 7 thì xong. Từ Hải phòng đến Thuận An, mỗi 100 phương giá cước là 140 quan. Thiếu hay mất đều phải đền. Nhưng ở Hải phòng và cửa Thuận, cục ấy đều đặt kho phái người ở đấy làm việc]. . .*** *.") (ĐNTL, XXXV, 20-1, NQT nhấn mạnh).*

Vài tháng sau có nghị định ấn định thủ tục chi tiết chặt chẽ để áp dụng trong công tác tiếp tế gạo này, đề cử viên chức tiếp nhận gạo, xây thêm kho chứa, qui định các chế tài khi có chậm trễ, hay mất mát, để Chiêu Thương cục bắt đầu công tác vào đầu năm tới, 1882. (Ibid., 54-5) Vì nạn giặc biển hoành hành, cơ quan hàng hải này, với thủy thủ trang bị khí giới đầy đủ, đã có thể bảo đảm việc tiếp tế gạo cho miền thủ đô một cách an toàn hơn. Trong thực tế, cục này còn là một đường giây liên lạc ngầm giữa hai chính phủ Trung Hoa và Việt Nam trong công cuộc chống Pháp. Nó cũng là một cơ quan tình báo của Triều đình Trung quốc để theo dõi hành động của Pháp ở vùng thủ đô Việt. (Fourniau, Vietnam, op. *cit.*, 299-230) Đại diện Pháp tại Huế Rheinart biết khá rõ về Công ty thương mãi này của Tàu, và kể chuyện rằng người đại diện của Công Ty, có văn phòng ở Thuận An đã tìm cách gặp y hai, ba lần để trao đổi quan điểm về vấn đề tranh chấp Pháp - Hoa ở Bắc Kỳ. Nhân dịp này, Rheinart ghi trong sổ tay ngày 9-10-1882 rằng, qua Chiêu Thương Cuộc, chắc chắn nhà chức trách Trung quốc:

"đeo đuổi một mục đích song hành: dành một khu vực trung lập đại loại, dùng để che phủ khu biên giới, nhưng nhứt là để loại nền thương mãi Âu châu ra khỏi khu phụ cận Vân Nam, hầu giữ sự độc quyền thương mãi cho Công ty này, và về một mặt khác, nắm lấy các hầm mỏ mà chúng ta có vẻ đang sẵn sàng muốn khai thác..." M. Rheinart.. . BAVH, Ibid., 122)

Ngoài ra, Chiêu Thương Cục cũng có thể là một văn phòng liên lạc thường trực trá hình, và thường xuyên cung cấp tin tức chính trị, báo chí, tài liệu từ Hồng Kông về cho Triều đình. Vào khoản đầu năm 1882,

"...Đình Canh đến phủ Hải Ninh, bèn đáp thuyền về kinh.... [ ] Đình Canh đưa một bức thư của tổng đốc Quảng Đông giao cho quan Thương bạc tiến trình, [thư ấy đại khái nói: việc vận tải lương bắt đầu làm trước, nên cho đạo viên ấy đi đến kinh lý, và có việc quan yếu phải bàn thì cho đạo viên ấy trình bày tại trước mặt], nhân thể xin vào yết kiến vua. [ ] Vua cho là quan nước Thanh vào yết kiến, sợ sinh ngờ. ***Bèn cho Nguyễn Văn Tường bàn kín với Đình Canh.*** *[ ] Đình Canh nói: tháng 10 năm nay, khâm sai nước Thanh đóng ở nước Anh là Tăng Kỷ Trạch báo tin rằng: nghị viện nước Pháp bàn kín, Bắc Kỳ nước ta đất cát màu mỡ, núi sông lại có nhiều mỏ vàng, bạc, đồng, sắt, than đá, xét ra tình thế, chỉ giở bàn tay là xong.* ***Lãnh sự nước Pháp là Thoát Lãng lại đã xin đem 1, 2 nghìn quân đánh lấy Bắc Kỳ. Nghị viện nước Pháp đã chuẩn y.*** *Chẳng bao lâu tất đem quân nước ấy cùng các đạo quân ở Tây Cống khẩn cấp cùng phái đi.* ***Còn nói là đuổi Lưu Vĩnh Phúc chỉ là nói thác ra mà thôi.*** *Vua nước Thanh giao cho các nha môn quân cơ bàn cho thỏa đáng, cho nên tổng đốc tỉnh ấy phái đạo viên ấy báo tin cho nước ta, phải mưu tính ngay để mong giữ được. [ ] Vua cho là thư của tổng đốc ấy hồn nhiên, ta cũng không nên lộ.* ***Sai Văn Tường mật dặn Đình Canh ba việc:*** *1. . . . cho nước ta đặt quan . . . ở kinh đô nước Thanh, nếu có việc gì [Pháp áp bức,*

NQT ct.] được tố cáo với tổng lý nha môn. [ ] 2. . . . cho nước ta đặt 1 lãnh sự ở đây [Quảng Đông] để . . . thông báo tin tức, nhân cùng giao du với các nước để thông hiểu tình ý. [ ] 3. [Giúp, NQT ct.] *nước ta . . . phái người đi khắp các nước . . . xem xét và học . . . Đến khi Đình Canh về, vua sai viết thư trả lời tổng đốc Quảng Đông . . . và cho thự lý thông thương khâm sai đại thần Lý Hồng Chương..." (ĐNTL, Ibid.,* 89-91, NQT nhấn mạnh).

Về cuộc tiếp xúc này, Rheinart đã kể trong một bức thơ gởi Henri Rivière rằng:

"Chính ông Thượng thư bộ Hộ [NVT], kẻ thù quyết liệt nhất của chúng ta, đã thương thuyết với họ; để tránh dùng kẻ trung gian, các người đối thoại dùng lối bút đàm bằng chữ nho. *Có tin là người ta đã yêu cầu những sự viện trợ tích cực chống lại chúng ta, để tống khứ chúng ta ra khỏi Hà Nội và Ninh Hải, nhưng hình như người ta chỉ nhận được những câu trả lời mơ hồ mà thôi. . .*" (CAOM, GGI, Etat Major, Cabinet Militaire, Archives historiques, 1883, số 9, 2-2-1885)

Quả nhiên, một, hai tháng sau, vào tháng 4, Đại Tá Henri Rivière đem tàu và quân đội ra Bắc xâm chiếm Hà Nội, Hòn Gay, và Nam Định, lấy cớ là để đề phòng giặc Cờ Đen của họ Lưu. Mật vụ Pháp đã nghi ngờ và theo dõi các cuộc tiếp xúc bán chính thức này, cũng như vai trò trung gian của cục Chiêu Thương với tên Anh ngữ là "China Merchant Steamship Navigation Cy", mà họ cho là một phần lớn thuộc quyền sở hữu của Lý Hồng Chương, Tổng lý Nha môn của Hoàng Đế Trung Quốc. (Fourniau, Vietnam, op. *cit.*, 299-300). Silvestre, phụ tá chính trị và dân sự vụ của tướng tổng chỉ huy ở Hà Nội, đã đánh giá vai trò của Chiêu Thương Cuộc như sau:

". . . ***chính là qua sự trung gian của công ty này mà Tường đã thỉnh cầu sự viện trợ của Trung quốc sau khi thành Hà Nội bị chiếm*** *. . . nhân viên công ty này, khi đến Huế, làm ra vẻ như là đại sứ, và đóng góp không ít vào việc phao đồn tin nước Tàu sẽ can thiệp chống lại chúng ta. Dù sao, Phạm-Thận-Duật, thượng thư bộ Hình, đã từng đi Quảng Đông trên một chiếc tàu của công ty này, . . . và hơn nữa, có lúc sáu chiếc tàu của công ty đã cả gan xuất hiện trong lãnh hải Bắc Kỳ, với ý đồ làm cho dân chúng tin tưởng rằng nước Tàu đã quyết tâm đóng một vai trò tích cực trong cuộc chiến, và, vì vậy, dân chúng không nên trễ nãi trong việc nổi dậy đồng loạt." (Silvestre, Politique francaise dans l'Indochine Annam.* Extraits des Annales de l'Ecole des sciences politiques [du 15 juillet 1895 au 15 janvier 1898] Phần VIII, t. 164, NQT nhấn mạnh)

Biết mà không ngăn cản được, phe thực dân tìm cách bóp méo các liên lạc ngoại giao phi chính thức giữa NVT với cục này thành một sự ăn hối lộ để cho độc quyền chuyên chở gạo, mà không đưa ra được một bằng chứng gì cụ thể được cả, ngoài sự phao dựng vu khống ra mà thôi. Mặc dù vậy, chiến dịch tuyên truyền của nền sử học thực dân về dài vẫn còn hiệu nghiệm một cách ghê gớm. Mới đây, năm 2002, một sử gia Pháp khảo cứu đúng qui tắc, vô tư, và khách quan cũng không gạn lọc hết được những tin tức xuyên tạc đó. Ông viết [và chỗ này, trái với thông lệ trong sách, ông không nói dựa vào nguồn tin nào] rằng NVT khi làm Thượng thư bộ Hộ "đã bị chỉ trích dữ dội, nhứt là về việc ông cho đúc tiền đồng quá nhẹ đến nỗi, theo lời thiên hạ đồn, nó có thể nổi trên mặt nước." (Fourniau, Vietnam, op. *cit.*., 279) và "hình như là ông ta không được dân chúng thương mến chút nào, vì người ta tố giác những sự hà lạm của ông lúc làm thượng thơ bộ Hộ." (op. *cit.*, 369)

Thay lời kết luận: Nguyễn Văn Tường và nền hành chánh Khổng Mạnh

Nhân vị phủ doãn Thừa Thiên, mà NVT thay thế, bị cách chức vì bị dân kiện về tội hà lạm, sử sách thực dân lại cố tình gán tội ấy cho NVT để hạ uy tín của một vị quan ái quốc chống Pháp. Bàn về việc NVT xây cất thành Tân Sở làm kinh đô kháng chiến cho nhà Nguyễn, sử thực dân cho rằng NVT làm việc đó chỉ để loại vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết rồi đưa con mình lên ngôi. Muốn loại NVT ra khỏi chính quyền, phe thực dân đã vu cáo ông đã không thi hành hiệp ước đã ký, lấn quyền vua, bưng bít không cho vua gặp sứ Pháp. Muốn dành độc quyền khai thác hầm mỏ, người thực dân vu cáo NVT ăn hối lộ của nhà buôn Tàu để cho họ lãnh trưng mỏ than. Người thực dân vừa một mặt, lũng đoạn nền tiền tệ Việt Nam bằng cách che chở, khuyến khích việc buôn lậu tiền giả, xấu, một mặt vu cáo NVT ăn hối lộ để cho nhập khẩu, và đúc loại tiền đó. Hai chính quyền Trung Quốc và Đại Nam dùng Chiêu Thương Cuộc để bảo đảm việc tiếp tế gạo cho miền thủ đô, và tiện liên lạc với nhau, thì phe thực dân rao ra rằng NVT ăn của lót để cho hãng buôn này độc quyền chuyên chở gạo. Những tin tức xuyên tạc, do sử sách thực dân tung ra để tuyên truyền, được sử gia về sau chấp nhận như

là chính xác không cần gạn lọc, phối kiểm, làm sai lạc, đảo ngược cả lịch sử Việt Nam thời này. Cái nguy hại to lớn nhất là sử thực dân đã làm cho ba, bốn thế hệ người Việt Nam mất niềm kiêu hãnh đối với quá khứ của dân tộc, và khinh miệt tiền nhân của mình.

Trong lúc sử sách thực dân nắm độc quyền dư luận trong gần một thế kỷ, thì bộ sử quan trọng bậc nhất của Việt Nam, là bộ Đại Nam Thực Lục, chính sử của Triều Nguyễn, mãi cho đến gần đây, sau 1978, mới được bắt đầu được phổ biến bằng chữ quốc ngữ la tinh hóa. Mặc dầu được soạn dưới thời Pháp thuộc và không khỏi bị méo mó bởi áp lực chính trị, và lẽ dĩ nhiên không thể có thiện cảm với hai ông Tường và Thuyết, bộ sử vẫn phần nào giữ được tính cách trung thực, nhờ ở truyền thống viết sử của Đông phương, và cách viết theo lối biên niên, nhật ký và nhấn mạnh vào sự kiện. Bộ sử không hề tố cáo NVT ở một chỗ nào về những việc mà sử thực dân đã nói ở trên. Nhờ bộ sử, mọi vu cáo của phe thực dân đối với NVT đã được đính chính. Nhân đọc bộ sử, người viết không khỏi ngạc nhiên và khâm phục trước sự liêm chính và thành hiệu của nền hành chánh Khổng Mạnh của Việt Nam trước thời Pháp thuộc; và xin khẳng định rằng về nhiều phương diện, nó hơn hẳn và hơn nhiều, nền hành chánh Bảo hộ và Nam Triều dưới thời Pháp thuộc, và ngay cả các nền hành chánh về sau. Nó cũng không thua kém các nền hành chánh Âu Mỹ một chút nào về phương diện liêm khiết và thành hiệu. Thật vậy, nền hành chánh Khổng Mạnh, được hình thành do sự tích lũy của những kinh nghiệm thành công hay thất bại của quá khứ, bao gồm một hệ thống chế tài tuyệt hảo để thúc đẩy thành phần nhân sự thi hành nhiệm vụ được giao phó. Về phương diện chế tài tích cực, một định chế tưởng thưởng dựa thuần vào thành quả đạt được do tài năng và đức độ, khuyến khích mọi người cố gắng vượt bực để giải quyết các vấn đề khó khăn và phức tạp của quốc gia. Mọi sự thăng quan tiến chức đều dựa vào thành tích, công trạng đã được chứng minh rõ rệt. Về phương diện chế tài tiêu cực, việc ngăn ngừa và trừng trị tội phạm được giao cho một hệ thống tư pháp hoàn bị, trên đầu có ba cơ quan là Đô Sát Viện, Đại Lý Tự, và bộ Hình, họp lại thành Tam Pháp. Nếu có tội phạm xảy ra, mà viên chức các cơ quan này không truy tố thì họ cũng bị tội, hoặc biết mà che giấu, hoặc không biết vì khiếm khuyết trong sự thi hành nhiệm vụ, đều bị tội. Ngoài ra, viên chức các cấp đều có bổn phận tố cáo mọi tội phạm xảy ra do cấp dưới, ngang, hoặc trên mình phạm phải. Nếu biết mà không ngăn ngừa hay tố cáo là bị tội. Cáo gian để ám hại người khác cũng bị tội. Nếu vua phạm tội, các quan bất kỳ lớn nhỏ, đều có quyền và bổn phận tố cáo. Nếu biết mà không làm, các quan cũng bị tội. Dân cũng có quyền khiếu nại tố cáo quan lại thẳng lên vua, bằng cách đánh trống đặt trước hoàng thành. Như vậy mọi người được khuyến khích và kiểm soát lẫn nhau, để cư xử theo khuôn khổ đạo đức chính trị đã định. Đó không phải là câu chuyện chỉ có trong lý thuyết, mà đã xảy ra thông thường trong nền hành chánh thời đó. Sự hay dở của một chế độ như vậy tùy thuộc phần lớn vào vai trò gương mẫu của chủ thể nắm quyền hạn và bổn phận tối thượng, tức là vị vua. Một khi vua hành xử đúng đắn vai trò của mình, tự nguyện ghép mình vào kỷ luật đạo đức, và chấp nhận sự phê bình, chỉ trích của quan lại để sửa sai, thì sự tham nhũng, hối lộ, hà lạm của các quan lại khó lòng mà không bị đưa ra ánh sáng và trừng phạt được.

Vua Tự Đức đã từng bị các quan công khai chỉ trích rất nhiều lần, như chính sử đã ghi. Như việc vua đi săn bắn nhiều, chẳng hạn, các quan như Trần Tiễn Thành, NVT, Hoàng Kế Viêm thường can ngăn, và vua đã luôn luôn công nhận lỗi của mình và giải thích lý do là "bị bệnh uất không vui đã lâu, chỉ có cách tiêu khiển như thế mới làm được việc." (ĐNTL, XXXII, 25-6, e. g., và ĐNTL, passim) Trong một bản sớ năm 1868, ông Thân Văn Nhiếp, Tuần vũ hộ lý Tổng Đốc Bình Phú đã thẳng thắn trách vua Tự Đức rằng:

". . . sự yên, nguy, còn, mất khác nhau chỉ ở chỗ vua một lòng kính cẩn hay là phóng túng mà thôi, kính thấy sự thế ngày nay là lúc thế nào? Đất cũ bị mất, giặc phương bắc tràn lan; lụt, hạn, nạn bão, cáo cấp khắp nơi; của hết, sức kiệt, dân không được nhờ để sống, lòng người ở nơi gần kinh kỳ náo động, các nơi làm loạn, cái thế yên nguy thực không chỉ trăm mối lo mà thôi, thế mà gần đây việc xây dựng, sửa sang liên tiếp, xa xỉ bừa bãi không ngớt, làm Vạn niên cơ, so với lăng Thiên thu chẳng những gấp 10 lần, này như ngói nung già mua ở Hạ Châu, giày trò chơi mua ở nước Thanh. Sa tanh, tủ rượu, hàng năm phái đi mua nhiều, đàn tây, tranh tây, hàng năm có đơn mua hàng; lại còn đi chơi thường đem cung nữ đi chèo thuyền, đó là những việc từ trước chưa từng có, mà khoảng bốn, năm năm nay thấy luôn. Lại nay lầu ở trong cung vừa mới xong, lầu ở bãi sông

tiếp tục xây dựng; đương lúc hạn hán gạo đắt này tốn phí chẳng ít, xưa vua Văn đế nhà Hán tiếc 100 lạng vàng không làm đài [Thừa] lộ, nói rằng: 'Ta được hưởng cung thất của tiên đế, thường sợ xấu hổ, làm đài làm gì?' Hoàng thượng ngày thường muốn mong được như vua Văn đế, thế mà việc làm ngày nay lại rất trái ngược: lấy nhọc khổ người làm thích, lấy làm việc tốn tiền làm vui, cốt hơn phép trước mà khoe đẹp về sau, muốn chơi xem nhiều như thế để hưởng hết tuổi trời, chớ bảo là có tổn thương, tai hại gì đâu mà không biết lòng ấy đã hóa ra là phiền họa dao động, lòng người ta oán, đường sá xôn xao, hầu không thể cứu được, tôi sợ lòng người tan rã, đến lúc đó dù có gác cao, lầu đẹp, còn thì giờ đâu mà du ngoạn được. Hoàng thượng có nước mà chẳng biết tiếc, tôi đâu dám tiếc chết, tôi đã nhiều lần tâu nói, chưa được sửa đổi, nay lại xúc phạm những điều kiêng kỵ, xin chịu tội chết với ở quan bộ Hình, để xứng đáng với cái tội không biết đem lòng thành làm cảm động [vua]." (ĐNTL, XXXI, 244-5)

Vua Tự Đức đã trả lời ông Thân Văn Nhiếp như sau:

"Những điều ngươi thiết trách, đều là lỗi của ta, nhưng có cái ngươi chưa hiểu, còn câu nệ ở dấu trước, thì người làm vua nhất thiết đều phải câu thúc, không được chơi, thưởng chút nào, cử động làm gì là chuốc lấy tội lỗi. Ta nay bận, bệnh nhiều, đã không lòng sức, không dám viện dẫn xa để phân trần, cũng không dám nói gì, chỉ một lòng uất khổ quá lắm mà thôi, chỉ mong ở trên là thần minh, dưới là người xét mà tha thứ cho, nếu bó buộc phiền toái quá thì thân này không chịu nổi, còn sức đâu mà có thể cùng nhau làm việc, đây nắp quan tài thì tâm tích người hay người dở tự khắc định được, đâu đợi phải nói, nhưng kẻ làm tôi thường cần phải nói, để vua nghe biết điều lỗi mới phải, riêng lòng ta tự có nắm vững, không dám sai trái, chỉ có quỉ thần biết thôi, sự học ngày thường để làm gì, hầu dối ai?" (Ibid., 245-6)

Không những không giận hờn, vua Tự Đức lại càng kính trọng và vị nể ông Thân Văn Nhiếp hơn. Ba năm sau, 1871 ông Nhiếp, lúc đó đã được thăng thụ chức Tổng đốc Bình Phú, bị một viên chức dưới quyền ở địa phương là ông Trần Văn Điển, Thương biện hải phòng ở Bình Định, tâu lên đàn hặc về 11 "khoản làm không hợp," bao gồm việc làm "không công bằng," "không đúng phép," "hà khắc quấy nhiễu," và "che chở tư vị." Bộ Lại ngâm việc cả hơn một tháng không trình lên. Đến khi Tổng đốc Nhiếp về tâu xin vào hầu vua để biện bạch, thì bộ Lại mới tâu lên, và quan khoa đạo mới hặc tội. Bộ Hình thì xin cách chức ông Nhiếp để đợi xét, nhưng Vua không cho và sai Thượng thư bộ Công là Nguyễn Bỉnh cùng với quan khoa đạo vào Bình Định hội đồng để xét; và cho Tổng đốc Nhiếp cùng với bố chính và án sát Bình Định là Lê Kiên và Phan Tuấn đều được về kinh tâu rõ. Vua giáng phạt các quan lớn ở bộ Lại về tội "bênh nhau che giấu," vì đã để lâu không tâu trình nội vụ: Thượng thư Nguyễn Tri Phương bị cách hàm Thái bảo và giáng làm hiệp biện đại học sĩ, vẫn làm thượng thư; Tham Tri Lê Lượng Bạt giáng xuống hàm thị độc học sĩ, đổi qua Quốc sử quán; và Tả Thị lang Nguyễn Lâm giáng làm viên ngoại lang. Đến khi bản án dâng lên năm sau, ông Nhiếp bị giáng ba cấp và đổi đi nơi khác chỉ vì một tội mà thôi, là che chở cho các thuộc viên, là Doanh điền sứ Đặng Duy Hanh, quyền Tri huyện Trần Tri, quyền Tri phủ Nguyễn Bá Khanh, và Hiệp quản Nguyễn Như về tội, hoặc hà lạm, sách nhiễu, hoặc khiếm khuyết trong nhiệm vụ giữ an ninh. (ĐNTL, XXXII, 129, 239) Khi bản án được tuyên, ông Nhiếp đang bị bệnh nặng, lưu lại tỉnh để chữa, rồi mất. Vua Tự Đức

"nghĩ Nhiếp là người cương trực, giỏi giang, quen việc, vốn được tiếng là có công khó nhọc, bị can cũng không phải là tham tang hối lộ. Gia ơn tha cho không phải đổi đi, được truy khai phục hàm cũ." (ĐNTL, XXXII, 248)

Những trường hợp tương tự như những ví dụ vừa kể, trong đó vua quan hổ tương kiểm soát lẫn nhau để gìn giữ chính nghĩa của triều đại, không phải là biệt lệ mà là thông lệ dưới Triều Tự Đức, Kiến Phúc, và Hàm Nghi. Trong một chế độ mà vua quan đồng lòng nỗ lực thực hiện cái lý tưởng cao quí vì dân, vì nước như vậy, thì làm sao mà có thể có những câu chuyện NVT tham lam như người thực dân đã cố tình ngụy tạo ra? Nếu NVT có tham lam, thì là tham lam để thực hiện cái nhiệm vụ của một kẻ sĩ Đông phương. Đó là cái nhiệm vụ phò vua, giữ nước, giúp dân, quên cả thân mình, cho đến khi trút hơi thở cuối cùng nơi lưu đày, trên một hòn đảo xa xôi ở Thái bình dương!

Bài này là một thành phần của cuốn sách tác giả đang soạn về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường. Mọi sử dụng, bất kỳ dưới hình thức nào, cần sự đồng ý của ông Nguyễn Quốc Trị.

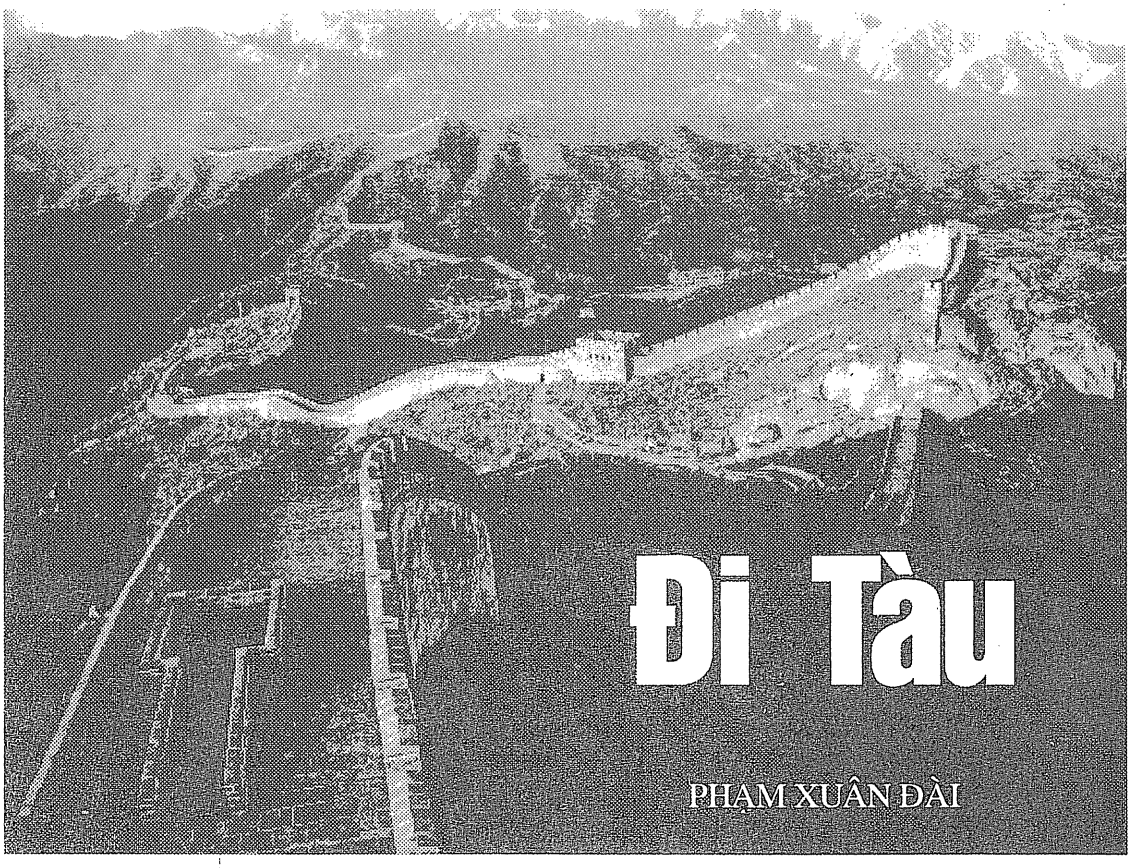

Đi Tàu

PHẠM XUÂN ĐÀI

(Tiếp theo)

Nước lớn

Từ lâu trước khi tôi đi Tàu, anh Nguyễn Mộng Giác có lần nói với tôi: "Mình ở nước Mỹ đã là một nước lớn, thế nhưng có đi Tàu mới gặp những cái thực sự lớn lao. Cái đất nước ấy nó 'lớn' thật!"

Chỉ mới đi thăm Cấm Thành và Cung Điện Mùa Hè, tôi đã cảm nghiệm điều anh Giác nói là đúng. Và không khỏi tự hỏi: Tại sao trên thế giới có nước lớn và có nước nhỏ? Cái gì làm cho một nước trở thành "lớn"? Ý chí của dân tộc? Trí thông minh của một nòi giống? Sống trên một miếng đất lớn? Cái "duyên" nào, do đâu mà ra, để kết hợp nhiều yếu tố lại hầu tạo ra một nước lớn?

Thế nhưng trước hết phải tạm tìm một định nghĩa cho hai chữ "nước lớn." Lớn, trước hết phải là đất rộng, người đông. Nhưng phải mạnh nữa: về vật chất, có nền kinh tế phồn thịnh và tiến bộ, quân sự vững vàng; về tinh thần, cuộc sống của nước ấy phải dung chứa một nền văn minh, phải đem lại được cho nhân loại những giá trị nhân bản, nỗ lực đưa cuộc sống con người đến chỗ xứng đáng hơn.

Sau khi suy nghĩ vài nét như thế về định nghĩa của một "nước lớn," tôi thấy nước lớn là tại... trời sinh, "định phận tại thiên thư." Chẳng có ai "muốn" mà được. Kìa như dân tộc Đức, thông minh tuyệt chúng, tham vọng cũng dữ dằn, muốn bá chủ thiên hạ để một mình mình làm một nước thật lớn mà dân chúng chỉ thuần là một nòi giống Aryan ưu việt, nhưng cũng đâu có được. Cái số của nó là vĩnh viễn chỉ nằm kẹp giữa các nước lon con của Âu châu, và hành xử như một cường quốc... bé. Kìa như nước Mỹ, thoạt đầu Tân thế giới chỉ là đất của những cơ hội nho nhỏ, người ta chạy khỏi Âu châu cũ để thoát khỏi sự chèn ép hẹp hòi về tôn giáo, về chính trị, hoặc để thoát khỏi sự nghèo nàn cơ cực cho gia đình, hoặc cùng lắm để thỏa mộng phiêu lưu, nhưng cuối cùng cái duyên đã tới đầy đủ để xây dựng nên một quốc gia hàng đầu của thế giới, lớn về địa lý, về ý tưởng, về mọi phương diện sản xuất và tổ chức đời sống. Giống như một sự tình cờ nhưng chắc không phải tình cờ. Cùng thời với nước Mỹ cũng có nhiều nước ở Tân thế giới được thành lập, thậm chí được thành lập trước cả nước Mỹ, với một diện tích cũng mênh mông, thế mà ì ạch mãi dăm thế kỷ nay cũng vẫn không thành... nước lớn được.

Xem ra chỉ lớn cái xác. Tại sao thế?

Và nước Tàu, từ thượng cổ cũng chẳng có dấu hiệu gì là một nước lớn. Trong vùng đất phía Bắc Trung Hoa thuở ấy chia manh mún ra nhiều nước nhỏ, và tiếng nói cũng không hoàn toàn thống nhất với nhau. Cái khác người là từ đó đã có những đầu óc siêu việt, đã nghĩ trước ra bao điều khôn ngoan về thiên nhiên và con người, đã nghĩ ra cách ghi chép bằng hình tượng mà sau này thành chữ viết, và chính điều sau này đã là một phương tiện đắc lực để làm một "sợi chỉ xuyên suốt" tóm thâu thiên hạ về một mối. Nhưng chữ viết nghĩ cho cùng cũng chỉ là một phương tiện, dù là một phương tiện cực kỳ thông minh, điều quan trọng là những gì nó chuyên chở. Chính những nội dung suy nghĩ của người Trung Hoa xưa mới là cái quyết định để Trung Hoa trở thành "nước lớn." Họ suy nghĩ lớn. Người Tàu, về phương diện khoa học, đã phát minh rất sớm ra vô số thứ giữa lúc phần lớn nhân loại còn chìm ngập trong u mê. Họ cũng nhìn ra những vấn đề có tầm vóc nhân loại, cho muôn thuở. Con người ngày nay vẫn phải còn học những tư tưởng Trung Hoa xưa, những lẽ "thoát tục" của Lão tử, Trang tử, những lẽ "dấn thân" của Khổng tử, Mạnh tử vẫn nằm trong khả năng và nhu cầu của con người từ thượng cổ đến giờ, người ta vẫn thấy đó là những "túi khôn" nếu nói một cách sống sượng như ngày nay, hoặc là "lời lẽ thánh hiền" như các cụ ta xưa đã từng cung kính. Giống như tư tưởng của Phật Thích Ca, của triết gia Hy Lạp cổ, và cùng lúc với các trào lưu bộc phát tư tưởng của hai nước này, triết học Trung Hoa xưa đạt mức phổ biến, thích hợp cho cả nhân loại trong mọi thời đại, vì nó đặt nặng chữ Nhân. Những loại "tư tưởng" không coi trọng con người như của phát xít, mác-xít trong thế kỷ thứ 19, 20 thì không tồn tại được quá thời đại của chính nó.

Trường hợp Hán tộc gầy dựng nên một nước lớn và tiếp tục giữ gìn đất nước và dân tộc từ thượng cổ đến bây giờ là một trường hợp hiếm hoi của nhân loại. Tự nó, Hán tộc có một sức mạnh nội tại kỳ lạ, bất kể trong tư thế thắng hay thua. Thắng thì dĩ nhiên họ là Thiên triều vỗ về trăm họ, phát triển học thuật, công nghệ, thương mại ra khắp các lân bang, ánh sáng của nền văn minh Trung Hoa chiếu rạng khắp nơi. Nhưng cũng có khi họ thua xiểng liểng, và người thắng họ luôn luôn đến từ phương Bắc, mà họ gọi một cách miệt thị là Rợ Hồ. Không phải là họ thua trong một hai trận chiến – thua kiểu này thì họ cũng đã thua nước Việt Nam của chúng ta nhiều keo khi có giã tâm muốn thôn tính nước ta – mà là mất luôn nước, người nước ngoài vào làm vua, cai trị nước Tàu. Lần đầu người Mông Cổ vào, lập nên nhà Nguyên, cai trị được một thế kỷ. Lần sau là người Mãn Châu, lập nên nhà Thanh, cầm đầu nước Trung Hoa hai thế kỷ rưỡi cho đến khi chấm dứt nền phong kiến với cách mạng Tân Hợi năm 1911. Dĩ nhiên mất nước họ cũng tủi hổ lắm, cũng vận động lắm "cách mạng" để lật đổ kẻ cướp nước hầu dành lại nền độc lập cho người Hán, và cũng không thiếu gì người vì "Rợ Hồ" cướp mất nước mà đành di tản ra sinh sống ở nước ngoài, mà dấu vết ngày nay hãy còn là các làng Minh Hương rải rác trên nước ta, hay là họ Mạc ở đất Hà Tiên. Những điều như thế thật ra không lạ, dân nước nào lâm vào cảnh của họ cũng làm những việc tương tự, có thể chống đối, hoặc bỏ đi, xưa đã vậy mà nay cũng vậy. Điều lạ là những gì xảy ra trong nước Trung Hoa, dưới các triều đại ngoại xâm. Khi người Hồ cai trị nước Tàu, hầu như họ không áp đặt được nền văn hóa sẵn có của họ lên người Hán, bắt người Hán phải theo (trừ vài trường hợp lẻ tẻ như người Tàu thắt bím tóc theo kiểu người Mãn dưới đời nhà Thanh), mà chính họ phải dùng văn tự, ngôn ngữ Hán, học hành theo sách vở, triết học Trung Hoa, an hưởng những thành tựu rực rỡ của nền văn minh Trung Hoa: từ thức ăn, thức uống, thuốc men, phương tiện sản xuất và đi lại, nhà cửa cung điện, phong tục tập quán v.v... mà cuộc sống khắc khổ nặng tính cách du mục của họ chưa bao giờ đạt được tới. Chỉ trong vài thế hệ, người Hồ đã bị Hán hóa, thành người Hán, và lãnh thổ gốc của chính người Hồ xâm lăng ấy cũng từ từ biến thành lãnh thổ của Tàu lúc nào không hay. Rõ ràng trong lịch sử người Hán sợ người Hồ nhất, đời nọ sang đời kia chỉ lo chống đỡ sự xâm lăng vũ bão của những kẻ chuyên ngồi trên lưng ngựa, mạnh khỏe dẻo dai và dữ tợn một cách ít văn hóa. Họ sợ đến nỗi ở từng địa phương một, từ thời thượng cổ, đã lo xây tường để ngăn chặn Bắc quân, và khi nước Tàu thống nhất dưới đời Tần Thủy Hoàng thì một trong những điều "cần làm ngay" của tân hoàng đế chính là lo thống nhất bức tường thành bằng cách làm thêm và nối lại tất cả các bức thành đã được xây sẵn để có bức Vạn Lý Trường Thành trứ danh thế giới, mà ngày nay ngành du lịch Trung Hoa tha hồ khai thác để thu tiền. Nhưng rõ ràng trường thành cũng không ăn thua gì, khi hội đủ điều kiện để xâm lăng – Hán suy, Hồ mạnh – thì

quân Bắc phương vượt qua trường thành dễ dàng, để thành lập hẳn các triều đại Nguyên, Thanh. Điều kỳ cục là Hán thua, nhưng nước Tàu không những không suy suyển gì mà lại còn thêm đất, thêm dân qua những cuộc xâm lăng ấy: cả Mông Cổ, cả Mãn Châu rồi cũng thành Tàu hết! Đây không phải là trường hợp "bất chiến tự nhiên thành" mà là "chiến bại tự nhiên thành." Mưu chước của người Tàu thì rất là thần sầu, nhưng chắc chắn không quân sư nào, nhà chiến lược nào của nước Trung Hoa xưa nghĩ ra nổi cái mưu chước này! Khổ nhục kế đến mức đem cả giang sơn đồ sộ cho người ngoài thống trị, để một hai thế kỷ sau đất của người, dân của người biến thành đất của ta, dân của ta... chắc mấy ông thánh, ông hiền có sống dậy cũng không ai dám chơi cái trò nguy hiểm như thế. Nhưng nó đã xảy ra là do sức mạnh lớn lao của nền văn minh Hán tộc. Hình như nó chẳng chủ trương gì cả, nhưng (rủi cho) ai đến với nó, chiếm lấy nó, thì biến thành nó, thế thôi.

Xứ sở của tường thành

Dĩ nhiên là chúng tôi phải đi thăm Vạn Lý Trường Thành, ngay sau ngày đi thăm Cấm Thành và Cung Điện Mùa Hè. Đọc sách vở thì cứ tưởng Vạn Lý Trường Thành rất xa, nằm mịt mù tận biên giới phía Bắc, nhưng không ngờ có đoạn gần lắm, chỉ nằm trong khu vực có thể đi bằng xe buýt từ Bắc Kinh, đến thăm và về trong ngày thong thả.

Đường lên hướng Bắc vào một buổi sáng xuân đem lại cho du khách một cảm giác nhẹ nhàng phơi phới. Trời đất phong quang, cỏ cây hai bên đường hớn hở sau mùa đông dài, đang ra sức trổ lá đơm hoa. Sinh hoạt nông thôn không hiện ra rõ nét hai bên con đường đi này, tôi nhớ không thấy cảnh cày bừa gieo cấy trên các cánh đồng. Cũng không thấy hình ảnh làng mạc, chỉ có các thị trấn nho nhỏ trên đường xe chạy, mà nhà cửa chủ yếu là các hãng xưởng, với các bức tường viết đầy khẩu hiệu.

Du lịch theo *tour* có cái tiện là mình được đưa đến tận nơi những chỗ đáng xem, tất cả được "lên chương trình" sẵn, khách chẳng phải lo gì cả, cứ được giắt đi đâu thì đi đó. Nhưng cũng có cái bất tiện là rất ít có dịp biết thêm về xứ sở mà mình tới, cụ thể là thăm dân cho biết sự tình. Ngay cả việc mua sắm, khách cũng được "chỉ định" những nơi sẽ ghé lại, không thể la cà nơi này nơi kia. Dĩ nhiên như thế an ninh cho khách hơn: chỉ mua đồ xịn, với giá cả ổn định, không lo bị lừa gạt, nhưng cũng mất cái thú len lỏi vào các ngóc ngách của đời sống để hiểu biết thêm, dù đôi khi phải trả giá khá đắt – nhưng cũng lắm khi lại rất rẻ.

Sáng hôm đó trên đường đi chúng tôi được ghé lại một nơi sản xuất và bán đồ mỹ nghệ, đặc biệt là các loại bình, tượng. Đó là một cơ sở rất lớn, vừa sản xuất vừa bán hàng. Loại bình hoa với các họa tiết tinh xảo mà ta thường gặp ở những nơi như thương xá Phước Lộc Thọ ở Little Saigon hoặc các Chinatown, không bao giờ ta bỏ ra một vài giây để tưởng tượng xem chúng được làm ra như thế nào, thì ở đây, khách có thể chứng kiến hầu hết chu trình sản xuất ra chúng. Từ lâu tôi vẫn thán phục những cái bình có hình vẽ trên men mà có lẫn những sợi kim loại màu vàng chạy ngoằn nghèo, đến hôm đó tôi mới được thấy tận mắt cách thực hiện. Công phu không thể tả. Người ta uốn sẵn những sợi dây đồng rất mảnh theo hình nhà cửa, hoa lá... người thợ thủ công dùng cái kẹp gắp từng "sợi," bôi keo rồi dán vào thân những chiếc bình trơn tiện bằng kim loại. Sau đó bình sẽ được đắp gốm và men chồng lên trên và vẽ hình theo các đường nét những sợi kim loại đã tạo ra sẵn, và mài bóng mặt ngoài để các đường chỉ kim loại bóng ánh lên. Đại khái là như thế, những công đoạn trong thực tế dĩ nhiên là rắc rối hơn nhiều. Nói thì dễ, bắt tay vô làm mới thấy không biết bao nhiêu là công phu và tài khéo đổ vào để có một cái bình mà ta có thể thấy nhan nhản ngoài phố, và thường khi chẳng bao giờ thắc mắc làm sao để có được những đường chỉ kim loại rất sắc sảo chạy lẫn trong lớp sứ.

Khi xe đến gần khu vực lăng tẩm của các vua triều Minh thì hai bên đường hiện ra toàn một sắc hồng của những vườn đào. Khoảng 10 cây số, toàn một màu như thế, vùng này người ta trồng đào lấy trái trên một diện tích rộng lớn, loại cây không cao, chỉ quá đầu người một tí và may mắn là chúng tôi đến đúng thời điểm cây nở hoa. Khi xe dừng để khách chuẩn bị vào thăm lăng vua Minh, tôi thử len lỏi vào hẳn trong một vườn đào để chụp ảnh. Đi giữa vườn đào đang nở hoa thế này thì mặt người dù nước da xấu cũng trở nên hồng hào, bất giác nhớ câu thơ *Nhân diện đào hoa tương ánh hồng* * của Thôi Hộ, lòng thấy cảm động vì từ hôm đến nước Tàu đến bây giờ, đây là lần đầu tiên tôi đứng giữa một thiên nhiên hoang dã, vắng vẻ chỉ có một mình, và đã liên hệ được cảnh trí trước mắt với một chút văn thơ Trung Hoa. Trước đây tôi đã nhiều lần đứng ngắm cây

hoa đào và nhớ tới câu thơ này, nhưng đào Đà Lạt thì hoa thưa thớt quá, đào Mỹ thì đúng là có nhiều cây hồng rực lên từ gốc tới ngọn, nhưng khung cảnh và cung cách trổ bông lại Tây phương quá, chẳng hợp với khí vị của một câu thơ Đường. Chỉ có vườn đào ở đây, mọc trên mảnh đất nghìn năm của Hán tộc, mảnh đất mà từ đó đơm hoa kết trái biết bao văn thơ bất hủ của dân tộc Trung Hoa, mới tạo được sự hòa hợp lạ kỳ trong tâm tưởng của tôi. Tôi tự hỏi cây đào năm xưa đã làm Thôi Hộ nhớ đến khuôn mặt của mỹ nhân có giống với cây đào tôi gặp ở đây chăng. Cái ánh hồng trên mặt người đẹp năm xưa cũng như trên cành hoa đào hồi đó có còn tồn tại đến bây giờ không, có giống với ánh hồng đang tỏa dịu khắp vườn này không? Hoa đào bây giờ với hoa đào trước đây mươi thế kỷ thì chắc cũng thế, nước da trắng hồng của người con gái từ nghìn xưa đến nay chắc cũng thế, nhưng vấn đề là làm sao tái tạo được sự rung động của cổ nhân trong lòng con người bây giờ. Văn học làm được việc ấy. Nhờ câu thơ của Thôi Hộ mà tôi có được cái tâm trạng bồi hồi khi đứng trước ánh hồng của vườn hoa đào, mặc dù hai vế của tác giả đưa ra là *nhân diện* và *đào hoa* thì ở đây chỉ có một – nhưng chính sự thiếu vắng ấy mới gây một niềm tưởng nhớ mông lung vô định. Chính tác giả khi nói đến mặt người thì cũng chỉ là nói về chuyện "năm ngoái," một kỷ niệm đã qua, và nỗi niềm bâng khuâng của bài thơ chính là do sự vắng bóng người đã gặp mùa xuân năm trước. Và chính tôi cũng thấy rằng không nên mơ ước một "nhân diện" ở đây, nếu muốn thưởng thức cho trọn nỗi niềm bâng khuâng ấy. Lắm khi sự vắng mặt lại có sức mạnh lớn hơn là sự có mặt rất nhiều.

Không biết tại sao tôi không muốn ghi chép nhiều về việc đi thăm hầm mộ của vị hoàng đế nhà Minh hôm ấy, mặc dù đây là một kinh nghiệm rất hiếm, và một lần nữa, lại gặp sự lớn lao, lớn lao của cái chết. Làm hoàng đế nước Tàu thì thế, sống hay chết đều phải "lớn" cả. Mười ba vị Hoàng đế của triều Minh cùng với Hoàng hậu của họ được chôn cất rải rác trong một vùng đất ba bề là núi, cách Bắc Kinh độ 50 cây số, và dĩ nhiên thân xác thật của họ được giấu rất kỹ, nhiều khi thấy lăng đấy nhưng không biết mộ thực sự nằm ở đâu.

Xế trưa chúng tôi tới Vạn Lý Trường Thành. Nếu nói về sự lớn lao thì đây là một công trình vào hạng lớn nhất Trung Hoa, cũng như của thế giới. Lớn về tầm vóc vật chất, về tuổi tác, và về công dụng của nó. Chắc chắn chẳng một bức tường thành nào trên thế giới dài bằng nó, chạy liên tục từ biển Thanh Hải lên mãi đến núi Thiên San giáp giới vùng Tân Cương mới hết. Nó dài bao nhiêu? Các số liệu thay đổi. Theo Encyclopedia Britanica thì chiều dài của nó là 1,500 miles, tức 2400 cây số. Theo Nguyễn Hiến Lê trong cuốn Sử Trung Quốc thì Vạn Lý Trường Thành dài 4,500 dặm; nếu dặm đây là mile thì tính ra kilomét là 7200, một số Website về Vạn Lý Trường Thành hiện nay cũng đưa ra con số trên dưới bảy ngàn. Nhưng theo tài liệu mới nhất của Trung Quốc thì chiều dài của nó là 5,660 kilomét. Tôi thấy ta nên tin vào con số sau cùng này trong tài liệu của ngành du lịch Trung Quốc mà tôi có được trong chuyến đi vừa rồi. Dĩ nhiên thành chạy qua mọi địa thế của đất đai, núi non, đồng bằng, sa mạc,

TRẦN MỘNG TÚ

Thu ở Sammamish

Sáng nay mở cánh tủ
áo len về với thu
những sợi len ấm quá
gọi ngón tay sang mùa

sáng nay mở cánh cửa
mây trắng bồng bềnh trôi
nước hồ xanh thăm thẳm
ngực núi đập bồi hồi

cả ngôi làng thay áo
gấm khoác lên mình cây
cây như thiếu nữ gầy
dưới chân mang hài tía

núi như một người tình
đăm đăm cúi nhìn nước
nước trong veo đôi mắt
của một người đang yêu

hàng phong vừa ửng chín
nhuộm đỏ góc bình minh
mùa thu cởi chiếc áo
khoác lên vai người tình.

dù hiểm trở mấy nó cũng tìm cách vượt tới được, chỉ có gặp sông thì nó không bắc cầu để qua thôi. Lâu nay vì tên nó là Vạn Lý thì người ta thường chỉ để ý đến bề dài của nó, nay đến nơi mới thấy cái bề ngang và chiều cao cùng cách kiến trúc của nó rất là bề thế, vững chãi, hùng vĩ. Nó xây bằng đá và gạch, dưới chân rộng 25 thước, cao từ 15 đến 30 thước, mặt thành lát bằng đá to bảng, rộng tôi nghĩ hai chiếc xe jeep có thể tránh nhau được, hai bên có gờ xây cao lên, cách khoảng độ ba bốn mét thì chừa một đoạn trống rộng chừng bốn tấc, sâu hơn nửa thước, như một loại lỗ châu mai để quan sát và chiến đấu, vì thế từ xa trông mặt trên trường thành có hình răng cưa. Trên thành cách khoảng lại gặp một trạm gác xây theo kiểu pháo đài thường đặt ở những nơi dễ quan sát ra bên ngoài, và cũng có những hầm trong lòng thành có cầu thang bằng đá dẫn xuống, chắc là nơi chứa khí giới và làm chỗ nghỉ ngơi cho quân sĩ. Ngày xưa người ta dùng ngựa chạy trên mặt thành để liên lạc giữa trạm này và trạm khác ngoài cách gửi tín hiệu bằng khói (ban ngày) và lửa (ban đêm). Thành đã đứng trơ gan như thế trên hai ngàn năm rồi mà vẫn vững vàng, bề thế, dĩ nhiên được tu bổ nhiều lần trong những đời sau. Đoạn thành chỗ chúng tôi thăm xây trên núi, và tôi để ý bất kể hình thể của núi như thế nào, thành luôn luôn được xây chạy dọc trên đỉnh, vì thế có những khúc đầy quanh co vặn vẹo trông rất lạ.

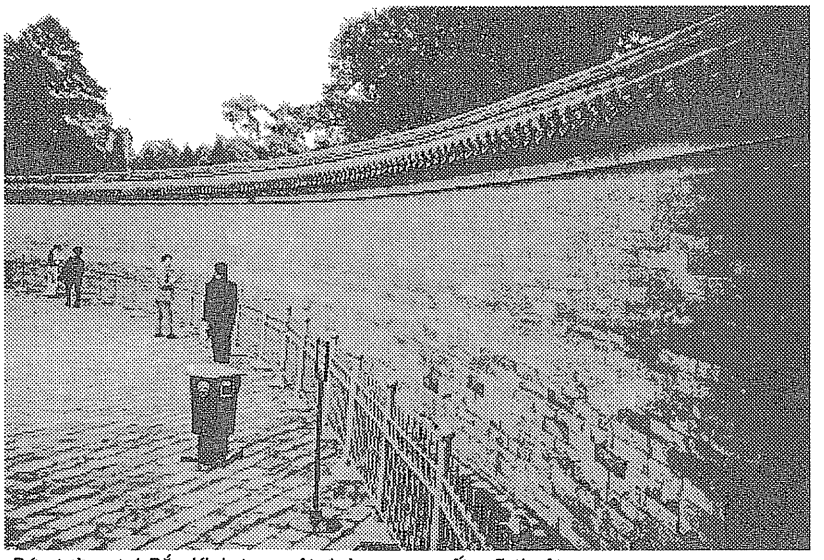

Bức tường tại Bắc Kinh tạo một đường cong rất mỹ thuật

Đọc sử Tàu thấy tả nhiều tình cảnh thống khổ của dân phu đi xây Vạn Lý Trường Thành, nhưng có đến đây xem cách xây thành mới phần nào cảm thấy được những cực nhọc nguy hiểm lớn lao đến mức nào. Xem hình thấy có những ngọn núi nhọn hoắt, cao vút, thế mà thành cũng bò lên ngự hẳn được trên đỉnh, tưởng tượng không biết bao nhiêu người đã rơi xuống vực mà chết trong khi phải vận chuyển gạch đá vôi vữa lên tận đỉnh núi ấy. Thời Tần Thủy Hoàng đã dùng ba trăm ngàn binh sĩ với không biết bao nhiêu tội nhân, quan lại phạm lỗi, nho sĩ không tuân lệnh đốt sách v.v... làm khổ sai xây thành trong những vùng rừng núi trùng trùng điệp điệp – ngày xưa cảnh vật chắc hẳn hoang sơ hơn bây giờ nhiều – và khí hậu của các vùngbiên giới phía bắc này cũng vô cùng khắc nghiệt, mùa đông nước đóng thành băng, mùa hè nóng nung bụi cát mịt mù.

Các sự tích Trung Hoa liên quan đến việc xây thành thì nhiều, phần nhiều nói về những sự thương tâm của những người bị đày đi khổ sai, như câu chuyện nàng Mạnh Khương thương nhớ chồng, đi mười ngàn dặm để thăm chồng bị bắt đi xây thành, nhưng đến nơi thì chồng đã chết. Nhưng có một sự tích mới, là chuyện một phi hành gia khi bay vào vũ trụ, nhìn lại về trái đất tuyên bố rằng Vạn Lý Trường Thành là công trình xây cất duy nhất của con người trên mặt đất có thể nhìn thấy rõ ràng từ không gian. Câu chuyện đó, chúng ta nghe đã lâu. Đó là niềm tự hào lớn lao của dân tộc Trung Hoa trong thời đại ngày nay, đã được ghi vào sách giáo khoa để dạy cho con em Đại Hán, và có lẽ, cũng trở thành một huyền thoại như bao huyền thoại khác của nước Tàu. Nhưng cách đây một năm, vào tháng Mười năm 2003, Trung Hoa lần đầu tiên phóng phi thuyền có người lái vào không gian, phi hành gia Yang Liwei sau 21 giờ đồng hồ bay trên quỹ đạo trái đất khi về lại tuyên bố một câu làm thất vọng cả nước Tàu một cách sâu xa: *"Địa cầu nhìn từ không gian thật đẹp, nhưng tôi đã không nhìn thấy Vạn Lý Trường Thành của chúng ta."* Câu tuyên bố này làm mọi người giật mình: vậy thì trước kia ai đã phao truyền cái huyền thoại kia? Chuyện ấy

có hay không? Dư luận trong nước Tàu xôn xao, người thì đề nghị thắp đèn dọc theo trường thành để có thể nhìn thấy dễ dàng từ không gian, người thì đòi sửa chữa lại điểm đã nói sai trong sách giáo khoa. Nhưng một người Mỹ lại... "cứu bồ" cho dân Tàu, đó là phi hành gia Eugene Cernan, đã tuyên bố trong một chuyến viếng thăm Singapore: "Trên quỹ đạo Trái đất ở độ cao 160 đến 230 kilomét, người ta có thể nhìn thấy Vạn Lý Trường Thành bằng mắt trần." Có thể phi hành gia Liwei bay nhằm vào một ngày điều kiện thời tiết và ánh sáng không tốt ở vùng Bắc nước Tàu – một điều xui xẻo cho anh ta. Nhưng cũng không có gì là chắc, con người chủ quan lắm, chỉ có máy móc là chắc chắn: từ độ cao 600 kilomét máy chụp hình từ phi thuyền có thể thu hình Vạn Lý Trường Thành khá rõ.

Vạn Lý Trường Thành là dấu tích xưa từ thượng cổ còn lại khá nguyên vẹn cho đến bây giờ, chứng tỏ kỹ thuật xây dựng thời ấy đã cao trong những điều kiện địa lý vô cùng khó khăn hiểm trở, và còn chứng tỏ khả năng tổ chức, lãnh đạo và nhất là tài nguyên nhân lực vật lực hầu như vô tận của nước Trung Hoa. Được xếp vào một trong bảy kỳ quan của thế giới, Vạn Lý Trường Thành đã phải đòi dân chúng Trung Hoa trả một cái giá rất đắt là biết bao khổ nhục, mồ hôi nước mắt và cả máu xương nữa để công trình vĩ đại đó thành hình. Nhưng có một điều chắc chắn, là nếu không có suy nghĩ lớn thì không một công trình lớn nào có mặt được trên đời này cả. Cái "lớn" của Trung Hoa là nằm ở chỗ ấy vậy.

Đối với một người Việt Nam thì có lẽ từ nhỏ đã biết đến Vạn Lý Trường Thành như là một huyền thoại, lạ lùng, mù mịt, cùng một loại với những công trình như Kim Tự Tháp là những kỳ quan của một thế giới rộng lớn xa xôi, thường là không bao giờ dám mơ tưởng có ngày mình sẽ đến với nó. Những gì vẫn chỉ có trong mơ tưởng mà đột nhiên trở thành hiện thực, ví dụ như một ngày kia đến được với Vạn Lý Trường Thành, thì thường khiến người ta bàng hoàng lẫn hãnh diện, và cảm thấy hạnh phúc gấp đôi.

Sau khi xem Vạn Lý Trường Thành và đi vòng vòng một số nơi trên đất Tàu, tôi khám phá ra điều này: người Tàu rất thích xây thành. Từ cái thành lớn nhất thế giới cho đến các loại thành lũy bao bọc các địa điểm trọng yếu tầm cỡ quốc gia, rồi đến những dinh thự, chùa chiền miếu mạo, nhà cửa của những phú gia, thậm chí đến những ngôi nhà đơn sơ ở thôn quê, đều có làm tường thành chung quanh. Đó là nhà xưa. Trong những công trình xây cất mới, như hãng xưởng, hoặc các khu nhà tập thể tại các làng mạc, thị trấn, luôn luôn có bức tường bao bọc, như là một bộ phận không có không được trong kiến trúc nhà cửa. Nguyên thủy tường thành hẳn nhiên có công dụng ngăn ngừa kẻ lạ mặt xâm nhập vào một vùng sở hữu, dù đó là một nước, một kinh đô, một thị trấn hay tư gia. Có lẽ nước Tàu ngày xưa

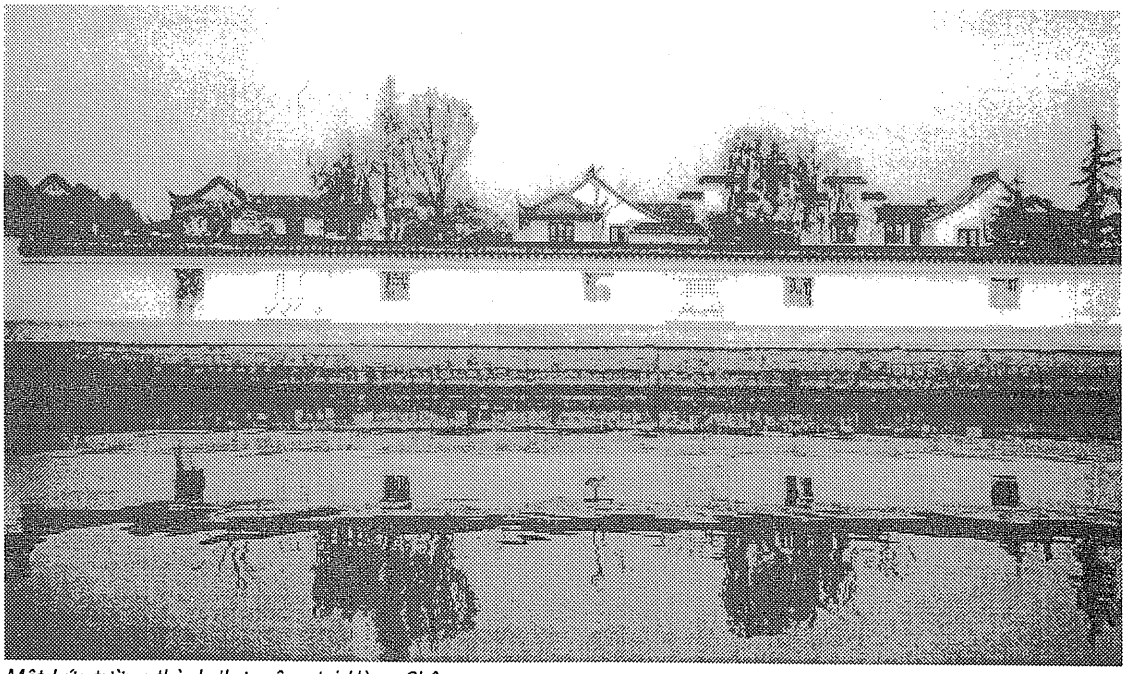

Một bức tường thành thơ mộng tại Hàng Châu.

đã trải qua quá nhiều hỗn loạn, nhiều phe phái tranh dành nhau, đánh phá nhau, và cũng không thiếu những bè đảng ngoài lề xã hội chuyên cướp bóc của cải người khác, trong khi Rợ Hung Nô phía Bắc lúc nào cũng chực tràn xuống cướp phá Trung nguyên, trong tình trạng như vậy người ta phải nghĩ ra cách tự bảo vệ, và một trong các cách đó là xây thành để ngăn chặn. Xây thành vững chung quanh và mình thủ kỹ bên trong, cách phòng thủ đó hơi thụ động, nhưng chắc ăn. Cái gì của ta thì ta hãy xác định rõ bằng một chu vi hữu hình, hơn nữa, khó vượt qua, để làm nản chí những kẻ có ý tưởng xâm chiếm, và gây khó khăn cho kẻ quyết tâm chiếm đoạt. Lịch sử chiến tranh Trung Hoa là lịch sử những trận công thành và thủ thành. Bên này khêu chiến bên kia có nghĩa là đến bên thành mà nói vọng vào những lời khích bác, cho đến khi người thủ thành tức khí chịu không nổi nữa phải ra mặt. Chấp nhận đánh nhau thì mở cửa thành ra để hai kẻ chỉ huy giao chiến ngay trên miếng đất trước cổng thành, đánh không nổi thì lại rút vào thành đóng cửa lại. Tường thành là một tượng trưng hữu hình cho quyền sở hữu, và cho cả quyền lực nữa, như Tử Cấm Thành chẳng hạn.

Việc xây thành để xác định và bảo vệ quyền lực thì từ thượng cổ qua trung cổ, nhiều nơi trên trái đất đã làm, nhưng không có nơi nào mà việc xây tường thành đã trở thành một nét văn hóa đặc thù như nước Trung Hoa. Tường thành dính chặt với cuộc sống con người để nói lên chủ quyền và phạm vi lãnh thổ của họ, một sự khẳng định hình như rất cần thiết trong đời sống người Trung Hoa. Tường thành trở thành một tập quán trong xây cất, trong rất nhiều trường hợp đã biến thành những tác phẩm nghệ thuật. Đã xây tường bao quanh tất nhiên phải làm cổng để ra vào, và cổng là một nơi thể hiện rõ nét cá tính lẫn địa vị của chủ nhân: nghiêm trang, uy nghi hay đơn sơ khiêm tốn, quyền lực phô trương hay thi vị lãng mạn... Tôi đã thấy những cái cổng đẹp một cách say đắm. Rất nhiều khi chưa cần vào bên trong, chỉ cần nhìn cái cổng cùng tường thành bao quanh người ta đã có ý niệm về chủ nhân. Hình như người Tàu chỉ cảm thấy an tâm và ấm áp khi được sống trong một nơi có tường thành vây bọc. Tôi đã nhìn thấy những ngôi nhà nhỏ xíu ở thôn quê, với một bức tường đắp bằng đất chung quanh, không thể tự hỏi làm bức tường ấy làm gì cho mất công, và không thể có câu trả lời hợp lý ngoài yếu tố tâm lý và phong tục. Người Tàu làm tường thành giống như người Việt Nam làm hàng rào, nhưng làm tường thì tốn công tốn của hơn nhiều, và sự quan hệ của những người sống hai bên bức tường chắc cũng khác với hai bên cái hàng rào. Ở nước ta thì:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rì **

nhờ thế tình yêu đôi lứa trở nên dung dị, chứ không khó nhọc như nàng Kiều của đời Gia Tĩnh triều Minh phải trèo tường mới qua được nhà Kim Trọng.

Tường thành rõ ràng là một cái gì rất đặc biệt của người Trung Hoa, tôi đã nhận ra và rất mê nhiều kiểu tường thành khác nhau, trang trí khác nhau, màu sắc khác nhau, xây với vật liệu khác nhau, thậm chí nhiều nơi tôi thấy cái vật bao vây bên ngoài ấy còn giá trị hơn nội dung phía bên trong nhiều. Tôi rất tiếc không đủ thì giờ thăm thú kỹ lưỡng hơn các bức tường thành, mà tôi thấy là cả một thế giới vô cùng phong phú. Ngồi trên xe có khi tôi chợt thấy một bức tường đẹp quá, lòng vừa chớm một cảm giác rất thú vị thì xe đã vụt đi qua rồi. Nhiều khi tôi nghĩ lẩn thẩn, nếu bây giờ có một bạo chúa Trung Hoa ra lệnh phải phá bỏ hết tất cả tường thành của xứ này, thì cái xứ này nó sẽ ra thế nào? Nó sẽ tênh hênh, sẽ vô duyên, sẽ trơ trẽn, nói chung, nó sẽ không còn là Trung Hoa nữa. Lúc ấy, không khéo, cả nền văn minh Trung Hoa rồi cũng tan biến theo.

(Còn tiếp)

Chú thích:

* Nguyên văn bài thơ của Thôi Hộ:

Đề tích sở kiến sứ
Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Trần Trọng San dịch:
Đề chỗ đã trông thấy năm trước
Hôm nay, năm ngoái, cổng này
Hoa đào soi ánh đỏ hây mặt người
Mặt người đã ở đâu rồi?
Hoa đào nay vẫn còn cười gió đông.

Cụ Nguyễn Du cũng lấy ý hai câu cuối của bài thơ này khi viết trong Truyện Kiều:
Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

** Thơ Nguyễn Bính.

Ai là nhà văn
lớn nhất thế kỷ 20
của Việt Nam?

Người Việt Nam
đã sống qua
hai thế kỷ 20 và 21
phải biết về nhà văn ấy
trong một cuốn sách
đầy đủ nhất,
do THẾ KỶ xuất bản:

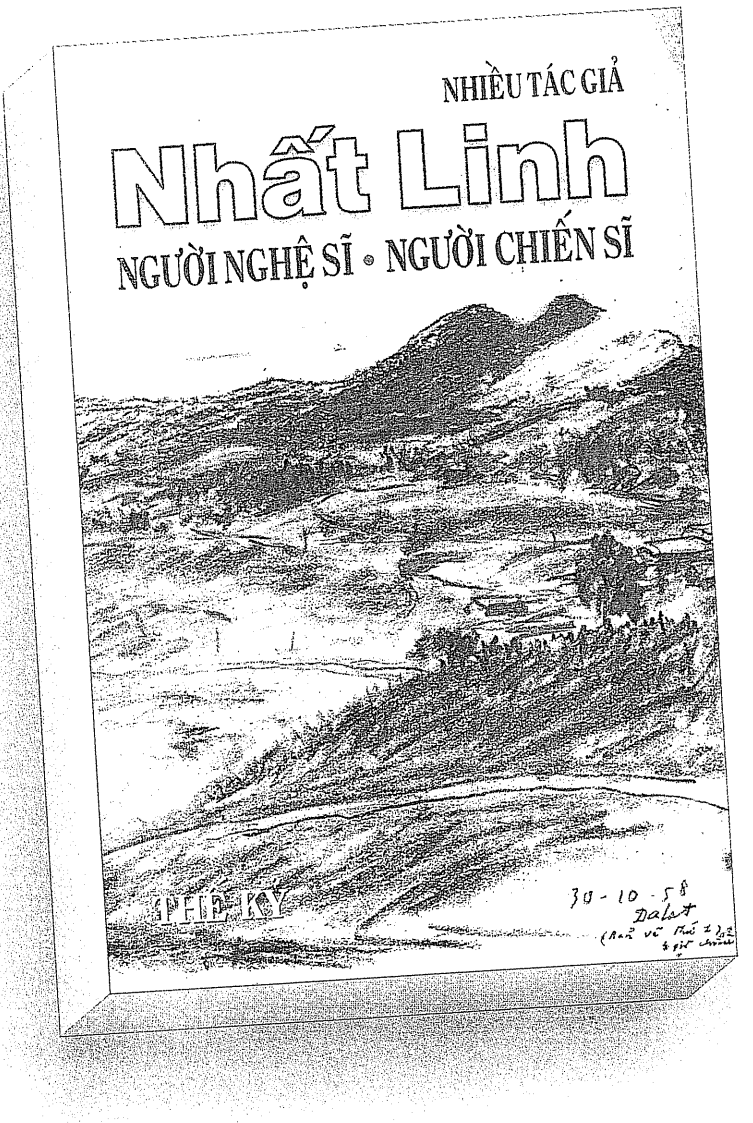

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. Trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.

Gồm bài viết của: **Nguyễn Tường Bách, Trương Bảo Sơn, Võ Phiến, Đông Hồ, Nguyễn Thị Vinh, Thụy Khuê, Linh Bảo, Trần Thanh Hiệp, Trần Khánh Triệu, Tú Mỡ, Anh Thơ, Khoa Hữu, Bùi Bích Hà, Lê Đình Thông, Trương Kim Anh, Nguyễn Tường Thiết, Lưu Văn Vịnh, Phạm Phú Minh.**

Văn phẩm của **Nhất Linh** và **Hoàng Đạo.**

Rất nhiều tài liệu thuộc về cuộc đời của nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam: hình ảnh, bản thảo, thủ bút, họa phẩm... **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.

Sách phát hành vào đầu tháng Bảy, 2004. Giá 30 Mỹ kim.

Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 **không tính cước phí.** Chi phiếu, bưu phiếu xin đề:

Thế Kỷ 21
14781 Moran Street
Westminster CA 92683 USA

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim